

ĐẶNG NGỌC KHƯƠNG (CHỦ BIÊN)
BÙI THANH HOA, TRẦN THỊ LAN ANH, VŨ VĂN LONG

HƯỚNG DẪN LUYỆN ĐỀ

**ÔN THI
ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC - HSA**

**TƯ DUY
ĐỊNH
TÍNH**



NHÀ XUẤT BẢN DÂN TRÍ



HƯỚNG DẪN LUYỆN ĐỀ - ÔN THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC (HSA)
PHẦN TƯ DUY ĐỊNH TÍNH
(Ngôn ngữ và Văn học)

Bản quyền nội dung và phát hành thuộc về Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển giáo dục HSA. Mọi hình thức sao chép toàn bộ hay một phần hoặc các hình thức phát hành mà không có sự cho phép trước bằng văn bản của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển giáo dục HSA là vi phạm.

Chúng tôi mong muốn nhận được những ý kiến đóng góp của quý độc giả để cuốn sách ngày càng được hoàn thiện hơn.

Mọi góp ý xin được gửi về:

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển giáo dục HSA

Địa chỉ : Số 11b-29/3-Ngõ 3 – Phạm Tuấn Tài – Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội.

Liên hệ : 0973.695.583 - 096.896.4334. Hỗ trợ: trungtamluythihsa@gmail.com

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU.....	5
PHẦN 1: PHÂN TÍCH ĐỀ VÀ LUYỆN KỸ NĂNG.....	7
I. PHÂN TÍCH CẤU TRÚC ĐỀ MINH HỌA.....	7
1. Đề minh họa Đánh giá năng lực – phần Tư duy Định tính (Năm 2015)....	7
2. Đề minh họa Đánh giá năng lực (HSA) – phần Tư duy Định tính (Năm 2021).....	18
3. Nhận xét về cấu trúc đề minh họa.....	33
3.1. So sánh cấu trúc đề minh họa năm 2015 và 2021.....	33
3.2. Cấu trúc đề thi Đánh giá năng lực – phần Tư duy Định tính (Ngữ văn – Ngôn ngữ).....	34
II. PHẠM VI KIẾN THỨC VÀ KỸ NĂNG LÀM BÀI.....	35
1. Trắc nghiệm đọc hiểu ngữ liệu dài 5 câu hỏi nhỏ.....	35
1.1. Phạm vi kiến thức.....	35
1.2. Kỹ năng làm bài.....	35
2. Xác định một từ/cụm từ SAI về ngữ pháp, ngữ nghĩa, lô-gích, phong cách... ..	36
2.1. Phạm vi kiến thức.....	36
2.2. Kỹ năng làm bài.....	37
3. Chọn một đối tượng (từ; tác giả; tác phẩm...) KHÔNG cùng nhóm với các đối tượng còn lại.....	37
3.1. Phạm vi kiến thức.....	37
3.2. Kỹ năng làm bài.....	38
4. Chọn từ/cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu.....	40
4.1. Phạm vi kiến thức.....	40
4.2. Kỹ năng làm bài.....	40
5. Đọc hiểu ngữ liệu dài trả lời câu hỏi nhỏ.....	41
5.1. Phạm vi kiến thức.....	41
5.2. Kỹ năng làm bài.....	43
PHẦN 2: HỆ THỐNG ĐỀ LUYỆN.....	44
ĐỀ 01.....	44
ĐỀ 02.....	57

ĐỀ 03.....	70
ĐỀ 04.....	84
ĐỀ 05.....	97
ĐỀ 06.....	111
ĐỀ 07.....	127
ĐỀ 08.....	142
ĐỀ 09.....	157
ĐỀ 10.....	172
ĐỀ 11.....	187
ĐỀ 12.....	201
ĐỀ 13.....	216
ĐỀ 14.....	231
ĐỀ 15.....	246
PHẦN 3: ĐÁP ÁN VÀ GIẢI THÍCH ĐÁP ÁN.....	260
ĐỀ 01.....	260
ĐỀ 02.....	262
ĐỀ 03.....	264
ĐỀ 04.....	266
ĐỀ 05.....	268
ĐỀ 06.....	271
ĐỀ 07.....	273
ĐỀ 08.....	275
ĐỀ 09.....	277
ĐỀ 10.....	280
ĐỀ 11.....	281
ĐỀ 12.....	284
ĐỀ 13.....	287
ĐỀ 14.....	290
ĐỀ 15.....	292

LỜI NÓI ĐẦU

Cùng với những đổi mới về chương trình và sách giáo khoa, việc đổi mới phương pháp dạy học và cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh đang là một vấn đề được xã hội quan tâm. Những năm gần đây, các cơ sở giáo dục Đại học cũng bắt đầu sử dụng đa dạng các phương thức xét tuyển trong đó có việc xét tuyển bằng kết quả bài thi Đánh giá năng lực (HSA) do Trung tâm Khảo thí Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức. Tính đến thời điểm này, đã có hơn 60 đơn vị đào tạo sử dụng kết quả bài thi Đánh giá năng lực để phục vụ cho công tác tuyển sinh. Nhằm giúp cho giáo viên và học sinh có thêm tài liệu tham khảo trong quá trình dạy – học và ôn thi theo định hướng Đánh giá năng lực, chúng tôi tổ chức biên soạn cuốn sách *Hướng dẫn luyện đề - Ôn thi Đánh giá năng lực (Phần tư duy định tính - Ngôn ngữ và Văn học)*

Xuất phát từ mục đích nói trên, cuốn sách được cấu trúc thành ba phần như sau:

- **Phần một: Phân tích đề minh họa và kĩ năng giải đề.** Phần này tập trung phân tích làm rõ cấu trúc 02 đề minh họa bài thi Đánh giá năng lực – phần Tư duy định tính đã được Trung tâm khảo thí Đại học Quốc gia Hà Nội công bố vào năm 2015 (năm đầu tiên tổ chức kì thi) và năm 2021 (khi kì thi được tổ chức trở lại sau một thời gian gián đoạn). Từ việc phân chia cấu trúc đề minh họa, chúng tôi đã khái quát thành các dạng câu hỏi cơ bản và đề xuất những phương pháp, kĩ năng trả lời hiệu quả.

- **Phần hai: Hệ thống đề luyện.** Phần này tập hợp 15 đề luyện với gần 1000 câu hỏi thuộc các dạng bài khác nhau, bao quát tương đối đầy đủ phạm vi kiến thức và bám sát cấu trúc đề minh họa nhằm giúp giáo viên có thêm tài liệu tham khảo trong quá trình giảng dạy cũng như học sinh có tài liệu để thực hành ôn tập đúng theo cấu trúc của đề thi.

- **Phần ba: Đáp án và phân tích đáp án.** Phần ba không chỉ dừng lại ở việc cung cấp cụ thể đáp án cho từng câu hỏi mà còn có phần giải thích chi tiết đáp án cho 30% số lượng câu hỏi trong đề (bao gồm những câu hỏi thuộc mức độ khó), nhằm giúp học sinh có cách tư duy phù hợp và chính xác hơn khi lựa chọn đáp án.

Dựa trên cấu trúc và nội dung chi tiết, có thể nhận ra một số ưu điểm nổi bật của cuốn sách như sau:

Thứ nhất: Đây là một trong số ít những cuốn sách luyện đề được xây dựng trên cơ sở phân tích một cách khoa học, tỉ mỉ đề minh họa Đánh giá năng lực – phần Tư duy định tính của Trung tâm Khảo thí Đại học Quốc gia Hà Nội.

Thứ hai: Hệ thống đề luyện trong sách đáp ứng tốt yêu cầu về số lượng

và chất lượng đề giáo viên và học sinh có thể hình dung một cách sơ bộ những dạng bài, kiểu bài khác nhau trong ngân hàng đề thi Đánh giá năng lực.

Thứ ba: Nguồn ngữ liệu ngoài sách giáo khoa được sử dụng trong cuốn sách đều là những ngữ liệu mới, chọn lọc, có xuất xứ rõ ràng. Nội dung ngữ liệu của những bài đọc hiểu có mức độ khó tương đương với đề minh họa và phù hợp về mặt phong cách chức năng ngôn ngữ cũng như phương thức biểu đạt của các dạng văn bản thường được sử dụng trong đề thi.

Chúng tôi hi vọng cuốn sách này sẽ là tài liệu tham khảo cần thiết cho giáo viên dạy Ngữ văn ở phổ thông và nhất là các em học sinh đang gấp rút ôn tập môn Ngữ văn để tham gia kì thi Đánh giá năng lực để lấy đó làm căn cứ xét tuyển vào các trường Đại học, Cao đẳng trong thời gian sắp tới. Chúng tôi rất mong nhận được những góp ý quý báu của các thầy cô giáo, các em học sinh cùng các bậc phụ huynh để nâng cao chất lượng cuốn sách trong những lần tái bản sau.

Chúc các em học sinh thành công!

NHÓM BIÊN SOẠN

PHẦN 1: PHÂN TÍCH ĐỀ VÀ LUYỆN KỸ NĂNG

I. PHÂN TÍCH CẤU TRÚC ĐỀ MINH HỌA

Kì thi Đánh giá năng lực được tổ chức thí điểm lần đầu tiên vào năm 2015 nhằm phục vụ cho công tác tuyển sinh của một số trường Đại học trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội. Năm 2016, hình thức này tiếp tục được triển khai và đã thu hút được sự quan tâm rất lớn của dư luận xã hội. Tuy nhiên, vì những yếu tố khách quan, từ năm 2017, kì thi này được tạm dừng. Đến năm 2021, Trung tâm Khảo thí Đại học Quốc gia Hà Nội chính thức thông báo tổ chức trở lại kì thi Đánh giá năng lực. Tính từ năm 2015 đến nay, có thể nói hình thức thi Đánh giá năng lực đã ngày càng trở nên hoàn thiện cả về quy trình tổ chức cho đến dạng thức đề thi và đang trở thành một trong những phương án ưu tiên trong công tác tuyển sinh của các trường Đại học trên cả nước, đặc biệt là các trường Đại học ở phía Bắc. Để giúp thầy cô và các em học sinh có thể hình dung rõ hơn về sự phát triển, hoàn thiện trong cấu trúc đề thi Đánh giá năng lực – phần Tư duy Định tính, cũng như có thêm dữ liệu tham khảo, sau đây chúng tôi sẽ từng bước phân tích cấu trúc 02 đề minh họa đã được Trung tâm Khảo thí Đại học Quốc gia Hà Nội công bố vào năm 2015 và 2021.

1. Đề minh họa Đánh giá năng lực – phần Tư duy Định tính (Năm 2015)

Thời gian làm bài: (50 câu hỏi - 60 phút)

Hình thức: Làm bài thi Trắc nghiệm trên máy tính

Câu 1. Xác định một từ/cụm từ SAI về ngữ pháp, ngữ nghĩa, lô-gích, phong cách...

Với lời văn trau chuốt, giàu hình ảnh, truyện ngắn Rừng xà nu (Nguyễn Trung Thành) đã tái hiện vẻ đẹp tráng lệ, hào hùng của con người và truyền thống văn hiến Tây Nguyên.

Chọn 1 câu trả lời đúng

A: văn hiến

B: tráng lệ

C: truyện ngắn

D: hào hùng

Câu 2. Xác định một từ/cụm từ SAI về ngữ pháp, ngữ nghĩa, lô-gích, phong cách...

Văn học hiện đại là văn học thoát ra khỏi biện pháp văn học trung đại và đổi mới theo hình thức văn học phương Tây.

Chọn 1 câu trả lời đúng

A: trung đại

B: đổi mới

C: biện pháp

D: phương Tây

Câu 3. Chọn từ/cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

Nhìn chung, _____ đề cao cá tính sáng tạo, đề cao “cái tôi” cá nhân.

Chọn 1 câu trả lời đúng

A: văn học trung đại

C: văn học dân gian

B: văn học hiện đại

D: văn học viết nói chung

Câu 4. Xác định một từ/cụm từ SAI về ngữ pháp, ngữ nghĩa, lô-gích, phong cách...

Những tay cướp biển người Vai-king từng giương buồm đi khắp châu Âu và Bắc Đại Tây Dương trên những chiếc thuyền dài, đánh phá cướp bóc, xâm lược phần lớn các vùng đất trù phú tại châu Âu.

Chọn 1 câu trả lời đúng

A: những tay cướp biển

C: trù phú

B: xâm lược

D: giương buồm

Câu 5. Chọn một từ mà nghĩa của nó KHÔNG cùng nhóm với các từ còn lại.

Chọn 1 câu trả lời đúng

A: Điểm yếu

C: Yếu điểm

B: Khuyết điểm

D: Nhược điểm

Câu 6. Tác phẩm nào KHÔNG cùng thể loại với các tác phẩm còn lại?

Chọn 1 câu trả lời đúng

A: Rừng xà nu

C: Vợ chồng A Phủ

B: Người lái đò Sông Đà

D: Vợ nhặt

Câu 7. Xác định một từ/cụm từ SAI về ngữ pháp, ngữ nghĩa, lô-gích, phong cách...

Kể từ đó, cả con hẻm 84 này lúc nào cũng chìm trong nỗi kinh hoàng của ma túy gây ra, không người nào dám bén mảng ra ngoài đường sau 10 giờ đêm.

Chọn 1 câu trả lời đúng

A: bén mảng

C: của

B: kể từ đó

D: lúc nào

Câu 8. Đọc đoạn trích sau và trả lời 6 câu hỏi liên tiếp dưới đây:

Chỉ số thông minh, hay IQ (viết tắt của Intelligence Quotient trong tiếng Anh), thường được cho là có liên quan đến sự thành công trong học tập, trong công việc. Những nghiên cứu gần đây cho thấy có sự liên quan giữa IQ và sức khỏe, tuổi thọ (những người thông minh thường có nhiều kiến thức hơn trong việc chăm sóc bản thân) và cả số lượng từ mà người đó sử dụng. Vậy, những điều gì khiến cho con người có chỉ số IQ cao hay thấp?

Vai trò của di truyền và môi trường tác động lên trí thông minh là những điều được nói đến nhiều nhất. Khả năng kế thừa của một gen từ thế hệ trước sang thế hệ sau được biểu diễn bằng một số trong khoảng từ 0 đến 1, gọi

là hệ số di truyền. Nói một cách khác, hệ số di truyền là phần trăm khả năng di truyền cho đời sau của một gen. Cho đến gần đây hệ số di truyền hầu hết chỉ được nghiên cứu ở trẻ em và người ta cho rằng hệ số di truyền trung bình là 0,5. Điều này cho thấy một nửa số gen của số trẻ được nghiên cứu là gen đã biến dị, hoặc bị tác động của yếu tố môi trường. Con số 0,5 cho thấy trí thông minh một phần là do kế thừa từ cha mẹ. Nghiên cứu ở người lớn tuy vẫn chỉ ở những mức rất sơ khai nhưng cũng có những kết quả rất thú vị: hệ số di truyền có thể lên đến 0,8. Yếu tố môi trường đóng vai trò rất lớn trong việc xác định trí thông minh ở một số trường hợp. Một chế độ dinh dưỡng hợp lý cho lúc nhỏ được coi là rất quan trọng. Chế độ dinh dưỡng kém có thể làm suy giảm trí thông minh. Một số nghiên cứu khác về yếu tố môi trường còn cho rằng thai phụ trước khi sinh hay cho con bú nếu tiếp xúc với những loại độc tố hay thiếu các vitamin và muối khoáng quan trọng có thể ảnh hưởng đến IQ của đứa bé. Trong xã hội đã phát triển, môi trường trong gia đình có thể tạo ra 25% sự khác biệt. Tuy nhiên, khi lớn lên, điều này hầu như biến mất.

(*) Mỗi câu hỏi nhỏ dưới đây được tính điểm tương ứng với một câu hỏi trong phần thi.

8.1. Theo đoạn trích, chỉ số thông minh được cho là có liên quan đến:

Chọn 1 câu trả lời đúng

A: kết quả học tập, công việc, sức khỏe, tuổi thọ và cách diễn đạt

B: kết quả học tập, công việc, sức khỏe, tuổi thọ và hành vi

C: kết quả học tập, công việc, sức khỏe, tuổi thọ và số lượng từ

D: kết quả công việc, học tập, sức khỏe, tuổi thọ và tính cách

8.2. Theo đoạn trích, con số 0,5 của hệ số di truyền ở trẻ KHÔNG nói lên điều gì sau đây?

Chọn 1 câu trả lời đúng

A: Có sự tác động của môi trường đến trí thông minh của trẻ

B: Một nửa số gen của trẻ trong nghiên cứu là gen đã biến dị

C: Khả năng kế thừa của gen ở thế hệ sau là rất lớn

D: Trí thông minh một phần là do kế thừa từ cha mẹ

8.3. Theo đoạn trích, chỉ số IQ của con người chịu tác động của những yếu tố nào?

Chọn 1 câu trả lời đúng

A: Hệ số di truyền và vitamin

B: Điều kiện môi trường và chế độ dinh dưỡng của đứa trẻ

C: Chế độ dinh dưỡng của người mẹ và đứa trẻ

D: Yếu tố di truyền và môi trường

8.4. Theo đoạn trích, tác động của yếu tố môi trường gia đình đối với chỉ số IQ của con người như thế nào?

Chọn 1 câu trả lời đúng

- A: Quan trọng hơn yếu tố di truyền và chế độ dinh dưỡng của trẻ nhỏ
- B: Rất quan trọng đối với chỉ số IQ khi con người trưởng thành
- C: Quan trọng hơn yếu tố di truyền và chế độ dinh dưỡng của người mẹ
- D: Quan trọng khi con người còn nhỏ và dần biến mất khi con người trưởng thành

8.5. Theo đoạn trích, hệ số di truyền được hiểu là gì?

Chọn 1 câu trả lời đúng

- A: Là con số trong khoảng từ 0 đến 1, thể hiện sự kế thừa gen thông minh của bố mẹ
- B: Là con số trong khoảng từ 0 đến 1, thể hiện tỉ lệ di truyền trí thông minh từ thế hệ trước sang thế hệ sau
- C: Là con số trong khoảng từ 0 đến 1, thể hiện số gen biến dị hoặc bị tác động bởi yếu tố môi trường
- D: Là con số trong khoảng từ 0 đến 1, thể hiện khả năng kế thừa của một gen từ thế hệ trước sang thế hệ sau

8.6. Chủ đề của đoạn trích là gì?

Chọn 1 câu trả lời đúng

- A: Vai trò của di truyền và môi trường tác động lên trí thông minh của con người
- B: Vai trò của hệ số di truyền đối với trí thông minh của con người
- C: Vai trò của di truyền và môi trường đối với chỉ số thông minh (IQ)
- D: Chỉ số thông minh (IQ) và các thành tố liên quan

Câu 9. Chọn từ/cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

Một _____ của những người nuôi ong, nhà bảo tồn và những người ủng hộ an toàn thực phẩm đã kiện chính phủ Mỹ về việc giới chức nước này _____ người dân sử dụng những loại thuốc trừ sâu có thể gây hại cho ong.

Chọn 1 câu trả lời đúng

- A: đoàn thể – thuận tình cho
- B: liên minh – cho phép
- C: tập hợp – cấm
- D: liên quân – cáo buộc

Câu 10. Đọc đoạn trích sau và trả lời 4 câu hỏi liên tiếp dưới đây:

Người ta có một niềm tin đầy tính áp đặt và bất di bất dịch vào quyền lực vô biên của cơ học cổ điển. Hệ thống cơ học của Niu-ton đã vận hành tốt

trong hơn hai trăm năm; đến mức, ở cuối thế kỉ XIX, nhiều nhà vật lí đã tin rằng chỉ còn là vấn đề thời gian trước khi sách giáo khoa Vật lí có thể khép lại mà không phải viết thêm gì nữa. Có thể còn những vấn đề mới sẽ nảy sinh, nhưng những vấn đề ấy chắc chắn sẽ giải quyết được trong khuôn khổ của vật lí Niu-ton.

Tuy nhiên, bất chấp niềm tin đó, bước vào ngưỡng cửa thế kỉ XX đã bắt đầu xuất hiện một số vết rạn nhỏ trong cơ học cổ điển mà người ta không thể phớt lờ đi được: có hai đặc tính nhỏ của ánh sáng chẳng phù hợp vào đâu trong hệ thống này. Năm 1900, trong bài diễn văn đọc trước viện Hoàng gia, huân tước Ken-vin, một nhà vật lí xuất sắc sau khi hết lời ca ngợi những chiến công của cơ học Niu-ton đã đề cập đến hai vấn đề còn chưa giải quyết được liên quan đến ánh sáng và gọi đó là “hai đám mây còn sót lại ở bức tranh phong cảnh của Niu-ton”. Nhưng việc xua tan được hai đám mây liên quan đến ánh sáng này hóa ra lại là rất khó, bất chấp sự chú tâm của những trí tuệ mẫn tiệp nhất.

(*) Mỗi câu hỏi nhỏ dưới đây được tính điểm tương ứng với một câu hỏi trong phần thi.

10.1. Chủ đề của đoạn trích trên là gì?

Chọn 1 câu trả lời đúng

- A: Tính ưu việt của thuyết cơ học cổ điển của Niu-ton
- B: Quá trình phát triển thuyết cơ học cổ điển của Niu-ton
- C: Thuyết cơ học cổ điển của Niu-ton và hạn chế của nó
- D: Quyền năng vô hạn của thuyết cơ học cổ điển của Niu-ton

10.2. Theo đoạn trích, “quyền lực vô biên của cơ học cổ điển” có thể được hiểu là gì?

Chọn 1 câu trả lời đúng

- A: Thuyết cơ học cổ điển là cơ sở của mọi học thuyết vật lí khác
- B: Thuyết cơ học cổ điển có thể giải quyết mọi vấn đề trong thế giới
- C: Thuyết cơ học cổ điển có thể giải quyết mọi vấn đề xảy ra trong vật lí
- D: Thuyết cơ học cổ điển là học thuyết xuất sắc nhất của mọi thời đại

10.3. Theo đoạn trích, “hai đám mây” là hình ảnh thể hiện hai vấn đề như thế nào?

Chọn 1 câu trả lời đúng

- A: Chưa rõ ràng
- B: Vô nghĩa
- C: Viễn vông
- D: Phi thực tế

10.4. Từ “vết rạn” (được gạch chân trong đoạn trích) có thể được thay thế bằng từ nào sau đây?

Chọn 1 câu trả lời đúng

- A: Nhầm lẫn
C: Sai lầm

- B: Vần đề
D: Nghi vấn

Câu 11. Chọn từ/cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

Về nghệ thuật, văn học từ thời kì đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 đã đạt được những _____ hết sức to lớn, gắn liền với kết quả về thể loại và ngôn ngữ.

Chọn 1 câu trả lời đúng

- A: giá trị – khác biệt
C: thành công – to lớn

- B: thành tựu – cách tân
D: thành tích – cách mạng

Câu 12. Chọn một từ mà nghĩa của nó KHÔNG cùng nhóm với các từ còn lại.

Chọn 1 câu trả lời đúng

- A: Dự tính
C: Dự kiến

- B: Dự thỉnh
D: Dự liệu

Câu 13. Chọn từ/cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

Cũng như bất cứ một loại hình _____ nào khác, trong đời sống _____ luôn có mối quan hệ qua lại giữa sáng tạo, truyền bá và tiếp nhận.

Chọn 1 câu trả lời đúng

- A: văn hóa – khoa học
C: khoa học – nghệ thuật

- B: khoa học – văn học
D: nghệ thuật – văn học

Câu 14. Tác phẩm nào KHÔNG thuộc giai đoạn văn học từ 1945 đến 1975?

Chọn 1 câu trả lời đúng

- A: Tây Tiến
C: Việt Bắc

- B: Sóng
D: Đàn ghi ta của Lor-ca

Câu 15. Xác định một từ/cụm từ SAI về ngữ pháp, ngữ nghĩa, lô-gích, phong cách...

Bố tôi nhớ như in thời gian năm 1974 khi ông gặp mẹ tôi ở Tiền Giang và kết hôn với nhau cũng trong năm đó, bởi theo ông đây là quãng thời gian hạnh phúc nhưng cũng khó khăn nhất của hai người.

Chọn 1 câu trả lời đúng

- A: kết hôn với nhau
C: nhớ như in

- B: của hai người
D: bởi theo ông

Câu 16. Xác định một từ/cụm từ SAI về ngữ pháp, ngữ nghĩa, lô-gích, phong cách...

Thơ Xuân Quỳnh là tiếng lòng của một tâm hồn phụ nữ nhiều trắc ẩn,

vừa hồn nhiên, tươi tắn, vừa chân thành, đằm thắm và luôn da diết trong khát vọng về hạnh phúc bình dị, tâm thường.

Chọn 1 câu trả lời đúng

- A: tâm thường
C: khát vọng

- B: hồn nhiên
D: chân thành

Câu 17. Chọn từ/cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

Khẳng định “văn hóa soi đường cho _____ đi”, Hồ Chí Minh đã thấy rõ ý nghĩa, vị trí, vai trò của văn hóa đối với sự phát triển của xã hội, con người, và xác định để hướng dân nhân dân thì “minh phải làm _____ cho người ta bắt chước”.

Chọn 1 câu trả lời đúng

- A: dân sinh – mẫu
C: quốc gia – nguyên tắc

- B: quốc dân – mực thước
D: quốc giáo – tấm gương

Câu 18. Đọc đoạn trích sau và trả lời 5 câu hỏi liên tiếp dưới đây:

Bữa cơm ngày đói trông thật thảm hại. Giữa cái mệt rách có độc một lùm rau chuối thái rối, và một đĩa muối ăn với cháo, nhưng cả nhà đều ăn rất ngon lành. Bà cụ vừa ăn vừa kể chuyện làm ăn, gia cảnh với con cháu. Bà lão nói toàn chuyện vui, toàn chuyện sung sướng về sau này:

- Tràng ạ. Khi nào có tiền ta mua lấy đôi gà. Tao tính rằng cái chỗ đầu bếp kia làm cái chuồng gà thì tiện quá. Này ngoảnh đi ngoảnh lại chả mấy mà có ngay đàn gà cho mà xem...

Tràng chỉ vâng. Tràng vâng rất ngoan ngoãn. Chưa bao giờ trong nhà này mẹ con lại đằm ấm, hòa hợp như thế. Câu chuyện trong bữa ăn đang đã vui bỗng ngưng lại. Niều cháo loãng bông, mỗi người được có lưng lưng hai bát đã hết nhẵn.

(Kim Lân, Vợ nhặt)

(*) Mỗi câu hỏi nhỏ dưới đây được tính điểm tương ứng với một câu hỏi trong phần thi.

18.1. Từ “thảm hại” (được gạch chân trong đoạn trích) có nghĩa là gì?

Chọn 1 câu trả lời đúng

- A: Đơn sơ, giản dị
C: Thiếu thốn, tội nghiệp

- B: Xoàng xĩnh, tồi tàn
D: Nghèo khó, không đủ ăn

18.2. Từ “tính” trong câu nói “Tao tính rằng cái chỗ đầu bếp kia làm cái chuồng gà thì tiện quá” có nghĩa giống với từ nào sau đây?

Chọn 1 câu trả lời đúng

- A: Thấy
C: Nghĩ

- B: Định
D: Hiểu

18.3. Câu nói: “Này ngoảnh đi ngoảnh lại chẳng mấy mà có ngay đàn gà cho mà xem...” có ý nghĩa gì?

Chọn 1 câu trả lời đúng

- A: Việc làm ăn thuận lợi sẽ đem lại hạnh phúc cho gia đình
- B: Niềm tin và hi vọng vào việc làm ăn trong cuộc sống sẽ tốt đẹp hơn
- C: Biết chờ đợi sẽ mang đến cho con người niềm vui
- D: Sự chăm chỉ sẽ đem lại một cuộc sống tốt đẹp hơn

18.4. Chủ đề của đoạn trích trên là gì?

Chọn 1 câu trả lời đúng

- A: Sự thay đổi tốt đẹp của Trảng từ khi có vợ
- B: Bữa cơm “thảm hại” trong ngày cưới của gia đình Trảng
- C: Niềm vui của bà mẹ khi con trai mình có vợ
- D: Tình cảm và hi vọng của con người trong khó khăn

18.5. Đoạn trích thể hiện tài năng viết truyện ngắn của Kim Lân ở phương diện nổi bật nào?

Chọn 1 câu trả lời đúng

- A: Sử dụng ngôi kể thứ nhất hợp lý và điểm nhìn linh hoạt
- B: Miêu tả chân thực ngoại hình và tính cách nhân vật
- C: Chọn tình huống đặc sắc và chi tiết tiêu biểu
- D: Ngôn ngữ đối thoại sinh động và độc thoại nội tâm sâu sắc

Câu 19. Xác định một từ/cụm từ SAI về ngữ pháp, ngữ nghĩa, lô-gích, phong cách...

Ngoài việc giới thiệu tiêu chuẩn tuyển dụng, điều kiện làm việc tối ưu nhất, công ty còn tư vấn, định hướng rõ ràng cho ứng viên để họ bước vào nghề và nhanh chóng thành công.

Chọn 1 câu trả lời đúng

- A: việc giới thiệu
- B: tối ưu nhất
- C: bước vào nghề
- D: còn tư vấn

Câu 20. Chọn một từ mà nghĩa của nó KHÔNG cùng nhóm với các từ còn lại.

Chọn 1 câu trả lời đúng

- A: Tập tễnh
- B: Khập khiễng
- C: Cà nhắc
- D: Tấp tễnh

Câu 21. Chọn từ/cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

Nam Cao là nhà văn hiện thực lớn, nhà _____ chủ nghĩa lớn, có

đóng góp quan trọng đối với quá trình _____ truyện ngắn và tiểu thuyết Việt Nam nửa đầu thế kỉ XX.

Chọn 1 câu trả lời đúng

- A: nhân đạo – hiện đại hóa
- B: nhân ái – cá biệt hóa
- C: nhân văn – thi vị hóa
- D: nhân đạo – cá tính hóa

Câu 22. Chọn từ/cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

Tuyên ngôn độc lập là _____ lịch sử tuyên bố trước quốc dân, đồng bào và thế giới về việc chấm dứt chế độ thực dân, phong kiến ở nước ta, đánh dấu kỉ nguyên độc lập, tự do của nước Việt Nam mới.

Chọn 1 câu trả lời đúng

- A: văn phong
- B: văn tự
- C: văn bản
- D: văn kiện

Câu 23. Xác định một từ/cụm từ SAI về ngữ pháp, ngữ nghĩa, lô-gích, phong cách...

Việc một số công ty du lịch tổ chức các tour đón khách đến nghỉ ngơi, tắm biển được mở ra tại đây đã làm cho bãi biển khu vực này dần dần trở thành một khu du lịch nổi tiếng.

Chọn 1 câu trả lời đúng

- A: đã làm cho
- B: dần dần trở thành
- C: được mở ra
- D: việc

Câu 24. Nhà văn nào KHÔNG PHẢI là tác giả của thời kì văn học trung đại Việt Nam?

Chọn 1 câu trả lời đúng

- A: Nguyễn Du
- B: Nguyễn Bình Khiêm
- C: Nguyễn Bính
- D: Hồ Xuân Hương

Câu 25. Chọn từ/cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

Các nhân vật trong tác phẩm văn chương nhiều khi đối thoại với nhau bằng ngôn ngữ nhưng thật ra họ chỉ là những _____ cho tư tưởng nghệ thuật của tác giả, còn người tiếp nhận _____ các tư tưởng ấy chính là độc giả.

Chọn 1 câu trả lời đúng

- A: người đại diện – chân chính
- B: tuyên truyền viên – chính xác
- C: người phát ngôn – đích thực
- D: người vận chuyển – đích đáng

Câu 26. Xác định một từ/cụm từ SAI về ngữ pháp, ngữ nghĩa, lô-gích, phong cách...

Đoạn trích Trao duyên thể hiện bi kịch tình yêu, thân thể bất hạnh và nhân cách cao đẹp của Thúy Kiều, đồng thời cho thấy tài năng miêu tả nội tâm nhân vật của Nguyễn Du.

Chọn 1 câu trả lời đúng

- A: thân thể
- B: bi kịch
- C: cao đẹp
- D: nội tâm

Câu 27. Chọn từ/cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

Cảm hứng _____ rất phong phú, đa dạng: là âm điệu hào hùng khi đất nước chống giặc ngoại xâm, là âm hưởng bi tráng lúc nước mất nhà tan, là giọng điệu thiết tha khi đất nước trong cảnh thái bình, thịnh trị.

Chọn 1 câu trả lời đúng

- A: nhân văn
- B: yêu nước
- C: nhân đạo
- D: thể sự

Câu 28. Chọn một từ mà nghĩa của nó KHÔNG cùng nhóm với các từ còn lại.

Chọn 1 câu trả lời đúng

- A: Nhỏ nhen
- B: Nhỏ mọn
- C: Nhỏ nhặt
- D: Nhỏ nhẹ

Câu 29. Tác phẩm nào KHÔNG cùng thể loại với các tác phẩm còn lại?

Chọn 1 câu trả lời đúng

- A: Chữ người tử tù
- B: Chí Phèo
- C: Hai đứa trẻ
- D: Số đỏ

Câu 30. Chọn một từ mà nghĩa của nó KHÔNG cùng nhóm với các từ còn lại.

Chọn 1 câu trả lời đúng

- A: Cúi
- B: Bò
- C: Chạy
- D: Đi

Câu 31. Đọc đoạn thơ sau và trả lời 5 câu hỏi liên tiếp dưới đây:

*Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc
Quân xanh màu lá dữ oai hùm
Mắt trừng gửi mộng qua biên giới
Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm*

*Rải rác biên cương mồ viễn xứ
Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh
Áo bào thay chiếu anh về đất
Sông Mã gầm lên khúc độc hành*

(Quang Dũng, *Tây Tiến*)

(*) Mỗi câu hỏi nhỏ dưới đây được tính điểm tương ứng với một câu hỏi trong phần thi.

31.1. Âm hưởng của đoạn thơ trên là gì?

Chọn 1 câu trả lời đúng

- A: Bi ai
- B: Bi tráng
- C: Bi thương
- D: Bi lụy

31.2. Hình tượng người lính Tây Tiến được thể hiện nhiều nhất với vẻ đẹp nào?

Chọn 1 câu trả lời đúng

- A: Trẻ trung, táo tợn
- B: Ngang tàng, ngạo nghễ
- C: Hào hùng, hào hoa
- D: Chân thực, giản dị

31.3. Đoạn thơ thể hiện phong cách thơ Quang Dũng như thế nào?

Chọn 1 câu trả lời đúng

- A: Lãng mạn, tài hoa
- B: Trữ tình, chính luận
- C: Trữ tình, chính trị
- D: Uyên bác, hướng nội

31.4. Câu thơ: “Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh” thể hiện ý nghĩa gì?

Chọn 1 câu trả lời đúng

- A: Những gian khổ mà người lính Tây Tiến gặp phải
- B: Khí phách của người lính Tây Tiến
- C: Những chiến công của người lính Tây Tiến
- D: Sự mất mát hi sinh của những người lính Tây Tiến

31.5. Câu thơ “Rải rác biên cương mồ viễn xứ” sử dụng những biện pháp nghệ thuật nào?

Chọn 1 câu trả lời đúng

- A: Đảo ngữ, ẩn dụ
- B: Nhân hóa, ẩn dụ
- C: Liệt kê, đối lập
- D: Đảo ngữ, nhân hóa

Câu 32. Xác định một từ/cụm từ SAI về ngữ pháp, ngữ nghĩa, lô-gích, phong cách...

Vợ chồng A Phủ (Tô Hoài) là câu chuyện về những người dân lao động vùng châu thổ Tây Bắc không cam chịu áp bức, bóc lột của bọn thực dân, chúa đất, đã vùng lên phản kháng, đi tìm cuộc sống tự do.

Chọn 1 câu trả lời đúng

A: cam chịu áp bức

B: cuộc sống tự do

C: vùng lên phản kháng

D: châu thổ Tây Bắc

Câu 33. Chọn từ/cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

Bài thơ Việt Bắc của Tố Hữu là khúc hùng ca, cũng là khúc _____ về cách mạng, về cuộc kháng chiến và con người kháng chiến.

Chọn 1 câu trả lời đúng

A: tình ca

B: trường ca

C: hòa ca

D: hợp ca

Câu 34. Bài thơ nào KHÔNG thuộc phong trào Thơ mới?

Chọn 1 câu trả lời đúng

A: Vội vàng

B: Đây thôn Vĩ Dạ

C: Từ ấy

D: Tràng giang

(Nguồn: Trung tâm Khảo thí Đại học Quốc gia Hà Nội)

Đáp án tham khảo

1 - A	2 - C	3 - B	4 - B	5 - C
6 - B	7 - C	8.1 - A	8.2 - C	8.3 - D
8.4 - D	8.5 - D	8.6 - C	9 - B	10.1 - C
10.2 - C	10.3 - A	10.4 - B	11 - B	12 - D
13 - D	14 - D	15 - A	16 - A	17 - B
18.1 - C	18.2 - B	18.3 - B	18.4 - D	18.5 - C
19 - B	20 - D	21 - A	22 - D	23 - C
24 - C	25 - C	26 - A	27 - B	28 - D
29 - D	30 - A	31.1 - B	31.2 - C	31.3 - A
31.4 - B	31.5 - D	32 - D	33 - A	34 - C

2. Đề minh họa Đánh giá năng lực (HSA) – phần Tư duy Định tính (Năm 2021)

Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi từ 1 đến 5:

(1) “Con sóng dưới lòng sâu

(2) Con sóng trên mặt nước

(3) Ôi con sóng nhớ bờ

(4) Ngày đêm không ngủ được

(5) Lòng em nhớ đến anh

(6) Cả trong mơ còn thức”

(Xuân Quỳnh, Sóng, Ngữ văn 12, tập một,

NXB Giáo dục Việt Nam, 2014)

Câu 1. Trong câu (3), cụm từ “con sóng” thể hiện biện pháp tu từ nghệ thuật nào?

A. Ẩn dụ

B. Nhân hóa

C. Hoán dụ

D. So sánh

Câu 2. Những câu thơ nào cho biết tác giả nhấn mạnh nỗi nhớ trong tình yêu từ phương diện thời gian?

A. Câu 4, 6

B. Câu 2, 3

C. Câu 1, 5

D. Câu 2, 5

Câu 3. Những câu thơ nào trong đoạn thơ cho biết tác giả nhấn mạnh nỗi nhớ trong tình yêu từ phương diện không gian?

A. Câu 5, 6

B. Câu 4, 5

C. Câu 4, 6

D. Câu 1, 2

Câu 4. Chủ đề nổi bật trong đoạn trích là gì?

A. Nỗi nhớ trong tình yêu

B. Niềm tin trong tình yêu

C. Nỗi buồn trong tình yêu

D. Niềm vui trong tình yêu

Câu 5. Cụm từ “con sóng” được lặp lại 3 lần trong đoạn thơ nhấn mạnh nội dung gì?

A. Nỗi nhớ đắm say, buồn bã

B. Nỗi nhớ đắm thắm, thiết tha

C. Nỗi nhớ cuồng nhiệt, sôi nổi

D. Nỗi nhớ mong lung, vô định

Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi từ 6 đến 10:

“Giữa các dân tộc, chúng ta không thể tự hào là nền văn hóa của ta đồ sộ, có những cống hiến lớn lao cho nhân loại, hay có những đặc sắc nổi bật. Ở một số dân tộc, hoặc là một tôn giáo, hoặc là một trường phái triết học, một ngành khoa học, một nền âm nhạc, hội họa, phát triển rất cao, ảnh hưởng phổ biến và lâu dài đến toàn bộ văn hóa, thành đặc sắc văn hóa của dân tộc đó, thành thiên hướng văn hóa của dân tộc đó. Ở ta, thần thoại không phong

phủ - hay là có nhưng một thời gian nào đó đã mất hứng thú lưu truyền? Tôn giáo hay triết học cũng đều không phát triển. Người Việt Nam không có tâm lí kiên thành (cung kính, thành khẩn), cuồng tín tôn giáo, mà cũng không say mê tranh biện triết học. Các tôn giáo đều có mặt, nhưng thường là biến thành một lối thờ cúng, ít ai quan tâm đến giáo lí. Không có một ngành khoa học, kĩ thuật, giả khoa học (các bộ môn bề ngoài giống như khoa học, nhưng không phải là khoa học) nào phát triển đến thành có truyền thống. Âm nhạc, hội họa, kiến trúc đều không phát triển đến tuyệt kĩ (khéo léo đến cực đỉnh). Trong các ngành nghệ thuật, cái phát triển nhất là thơ ca. Hầu như người nào cũng có thể, cũng có dịp làm đắm ba câu thơ. Nhưng số nhà thơ để lại nhiều tác phẩm thì không có.”

(Trần Đình Hượu, *Nhìn về vốn văn hóa dân tộc*, NXB Giáo dục Việt Nam, Ngữ văn 12, tập một, 2014)

Câu 6. Theo tác giả đoạn trích, người Việt Nam có “sở trường” nhất ở ngành nghệ thuật nào?

- A. Âm nhạc
- B. Kiến trúc
- C. Thơ ca
- D. Hội họa

Câu 7. Phong cách ngôn ngữ của đoạn trích là gì?

- A. Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật
- B. Phong cách ngôn ngữ chính luận
- C. Phong cách ngôn ngữ hành chính
- D. Phong cách ngôn ngữ khoa học

Câu 8. Theo lập luận của tác giả, văn hóa Việt Nam thể hiện rõ nhất đặc điểm nào dưới đây

- A. Không có lĩnh vực nào bị cấm đoán
- B. Không có lĩnh vực nào phát triển đến đỉnh cao
- C. Không có lĩnh vực nào bị kỳ thị
- D. Không có tôn giáo nào phát triển đến đỉnh cao

Câu 9. Đoạn trích bàn về vấn đề gì?

- A. Văn hóa Việt Nam
- B. Kiến trúc Việt Nam
- C. Khoa học Việt Nam
- D. Tôn giáo Việt Nam

Câu 10. Thao tác lập luận chính của đoạn trích là gì?

- A. Giải thích
- B. Phân tích
- C. Chứng minh
- D. Bình luận

Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi từ 11 đến 15:

Các loài động vật sống dưới nước có những chiến thuật tự vệ khác nhau. Trong các rặng san hô của vùng biển nhiệt đới, có loài cá có vẻ ngoài

như một trái bóng. Bình thường, chúng chỉ to bằng bàn tay con người. Nhưng trong cơ thể chúng có một túi khí nhỏ, khi gặp kẻ thù, trong nháy mắt, túi khí phình to như một trái bóng. **Lúc này**, thể tích toàn thân của chúng tăng lên gấp 20 lần, đủ để các con cá lớn không nuốt nổi. Còn cá nóc gai có bề ngoài giống với cá nóc thường, chỉ có điều, ngoài da của chúng có rất nhiều gai nhọn. Khi bị tấn công, cá nóc gai nhanh chóng hóp vài ngum không khí hoặc nước vào bụng, mình chúng phồng to và những chiếc gai nhọn lúc này sẽ dựng đứng lên tua tủa như lông nhím đủ để kẻ thù phải e ngại, lùi bước. Một số loài động vật khác còn học được “phép phân thân”. Điển hình trong số này là loài hải sâm và loài cua. Khi bị tấn công, hải sâm nhanh chóng đẩy toàn bộ phần nội tạng vừa dài vừa dính ra khỏi cơ thể, bản thân chúng thì nhờ vào lực phản hồi để bắn mình ra xa, trốn thoát. Sau khi bị mất cơ quan nội tạng, tính mạng của chúng không hề bị nguy hiểm. Chỉ sau 50 ngày, **chúng** lại tái sinh cơ quan nội tạng mới. Loài cua cũng vậy, khi gặp nguy hiểm, chúng cũng nhanh chóng tự ngắt càng hoặc chân để đánh lừa con mồi và bảo toàn mạng sống. Những cơ quan này sau đó sẽ lại tái sinh.

(Trần Thuật Bành - Trần Thiện Dư, *Bí ẩn sinh tồn ở sinh vật*, NXB Thanh niên, 2003, trang 185 – 187)

Câu 11. Theo đoạn trích, ý nào sau đây KHÔNG nói đến cách thức để tự vệ của một số loài động vật sống dưới nước?

- A. Bắn mình ra xa để trốn thoát
- B. Những chiếc gai nhọn dựng đứng lên tua tủa
- C. Đánh lừa con mồi
- D. Làm cho thể tích cơ thể to lên

Câu 12. Ý nào sau đây KHÔNG được nói đến trong đoạn trích?

- A. Cá nóc gai có nhiều gai nhọn ngoài da còn cá nóc thường thì không có.
- B. Hải sâm vẫn sống được sau khi bị mất nội tạng.
- C. Nhờ lực phản hồi của nước, những chiếc gai nhọn của cá nóc dựng đứng lên tua tủa.
- D. Sau khi cua bị mất càng và chân, càng và chân của nó sẽ mọc lại.

Câu 13. Đoạn trích trên được trình bày theo quy tắc nào?

- A. Quy nạp
- B. Diễn dịch
- C. Tổng - phân - hợp
- D. Tổng hợp

Câu 14. Từ “lúc này” (gạch chân, in đậm) trong đoạn trích được dùng chỉ khoảng thời gian nào?

- A. Lúc túi khí nhỏ của con cá sắp phình to
- B. Lúc cơ thể con cá tăng lên gấp 20 lần

- C. Lúc con cá bắt đầu gặp kẻ thù
D. Lúc túi khí của con cá đã phình to

Câu 15. Từ “chúng” (gạch chân, in đậm) trong đoạn trích được dùng để nói về loài nào?

- A. Hải sâm
B. Cá nóc thường
C. Cua
D. Hải sâm và cua

Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi từ 16 đến 20:

Cũng giống như nhiều đô thị trên thế giới, Thăng Long - Hà Nội luôn là một điểm đến của nhiều luồng di cư. Luồng thứ nhất bao gồm những thành phần tinh hoa của đất nước. Họ là những người có năng lực, học vấn và vốn liếng, được tuyển dụng hoặc tự tìm đến chốn kinh kỳ để phát triển và thi thố với đời. Luồng thứ hai là những người dân cùng khổ từ các vùng nông thôn, do lao dịch, thuế má, thất bát, dịch bệnh và bóc lột, bị đẩy đến tình trạng bán cùng. Họ đổ về Thăng Long tìm cơ hội thay đổi cuộc đời và tạo nên những khu cư trú tồi tàn của người lao động vùng ngoại ô. Luồng di cư thứ ba là của những người nước ngoài đủ mọi thành phần sắc tộc và chủng tộc, từ những thương nhân, nhà truyền giáo, nhà ngoại giao cho đến những người lao động nghèo hèn. Họ di chuyển vào thành phố lớn để tìm kiếm cơ hội phát triển sự nghiệp hoặc chỉ đơn giản là để tìm kế sinh nhai. Bên cạnh luồng di cư đến thành phố, cũng có luồng di cư ra khỏi thành phố dù là tự nguyện hay cưỡng bức. Đặc biệt, các cuộc chiến tranh binh lửa, xung đột và cướp bóc đẫm máu thường là nguyên nhân làm cho số lượng cư dân khu vực đô thị giảm đi nhanh chóng. Chính sách của nhà nước ở mỗi thời kỳ cũng khuyến khích hoặc ngăn chặn các luồng di dân vào thành phố làm cho dân số khu vực đô thị thay đổi thất thường. Tuy nhiên, hiện tượng nổi bật hấp dẫn của các biến động dân số khu vực đô thị chính là các dòng di cư.

(Nguyễn Văn Chính, *Cấu trúc và giải cấu trúc bản sắc văn hóa Hà Nội*,

Khoa Lịch sử: Một chặng đường nghiên cứu (2006 - 2011),

NXB Thế giới, 2011, trang 163 – 192)

Câu 16. Ý chính của đoạn trích là gì?

- A. Di cư là một hiện tượng nổi bật của các biến động dân số ở Thăng Long - Hà Nội.
B. Thăng Long - Hà Nội luôn luôn là một điểm đến hấp dẫn.
C. Có ba luồng di cư cơ bản vào đô thị Thăng Long - Hà Nội.
D. Thăng Long - Hà Nội cũng giống như nhiều đô thị trên thế giới.

Câu 17. Theo đoạn trích, nguyên nhân nào làm cho dân số Hà Nội có chiều hướng biến động không bình thường?

- A. Quá trình di cư đến Hà Nội của những người lao động bán cùng
B. Việc di cư và lưu trú ở Hà Nội cho thành phần tinh hoa của đất nước

- C. Chính sách di cư của nhà nước ở mỗi thời kỳ
D. Sự di cư đến Hà Nội của những người đa sắc tộc, đa chủng tộc

Câu 18. Theo đoạn trích, luồng di cư của những đối tượng nào tạo nên những đặc trưng riêng về mặt cư trú?

- A. Người di cư ra khỏi thành phố
B. Tầng lớp tinh hoa
C. Người nông thôn
D. Tầng lớp lao động

Câu 19. Theo đoạn trích, luồng di cư của đối tượng nào đa dạng hơn cả về thành phần?

- A. Những người dân cùng khổ từ các vùng nông thôn
B. Những người nước ngoài
C. Những người nông dân
D. Những thành phần tinh hoa của đất nước

Câu 20. Từ “tinh hoa” (in đậm, gạch chân) trong đoạn trích gần nghĩa hơn cả với từ ngữ nào?

- A. Học giỏi
B. Giàu có
C. Thông minh
D. Tài giỏi

Câu 21. Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

“Những thói quen tốt, cho dù rất nhỏ song cũng có thể thiết lập cho trẻ một nhân cách đẹp và tâm hồn nhạy cảm.”

- A. nhạy cảm
B. thói quen
C. cho dù
D. thiết lập

Câu 22. Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

“Trong quá trình hình thành và phát triển của mỹ thuật Việt Nam, các họa sĩ, nhà điêu khắc đã trân trọng, nâng niu cái đẹp thiên phú của những người phụ nữ và đưa chúng lên một tầm cao hơn, đó là vẻ đẹp của cái nét - cốt lõi của tâm hồn, đức hạnh người phụ nữ Việt Nam.”

- A. cốt lõi
B. cái đẹp
C. chúng
D. đức hạnh

Câu 23. Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

“Ai đã từng đặt chân đến Việt Nam dù chỉ một lần thôi chắc hẳn cũng đều bị thu hút bởi những vẻ đẹp choáng ngợp của cảnh sắc non nước và nền văn hóa lâu đời giàu bản sắc dân tộc.”

- A. choáng ngợp
C. bị thu hút

- B. chỉ một lần thôi
D. và

Câu 24. Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

“Dù viết về phong tục hay con người, trong tác phẩm của Kim Lân, ta vẫn thấy thấp thoáng cuộc sống con người của làng quê Việt Nam nghèo khổ, thiếu thốn mà vẫn yêu đời, thật thà chất phác mà thông thái, hóm hỉnh.”

- A. chất phác
C. thông thái
B. yêu đời
D. thiếu thốn

Câu 25. Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

“Đọc bài thơ Chiều tối, chúng ta không chỉ cảm nhận được dòng suy tư riêng tư của Người, mà còn hiểu được sâu sắc dòng tâm trạng của Nguyễn Ái Quốc trong bước lưu chuyển của vũ trụ, cuộc sống.”

- A. Người
C. chúng ta
B. Nguyễn Ái Quốc
D. dòng suy tư

Câu 26. Chọn một từ mà nghĩa của nó KHÔNG cùng nhóm với các từ còn lại.

- A. nhút nhát
C. dè dặt
B. e dè
D. rụt rè

Câu 27. Chọn một từ mà nghĩa của nó KHÔNG cùng nhóm với các từ còn lại.

- A. xanh rì
C. vàng nhạt
B. đỏ ối
D. tím ngắt

Câu 28. Chọn một từ mà nghĩa của nó KHÔNG cùng nhóm với các từ còn lại.

- A. Bóp nát
C. Cắt cụt
B. Vo tròn
D. Đập tan

Câu 29. Tác phẩm nào KHÔNG cùng thể loại với tác phẩm còn lại.

- A. Chí Phèo
C. Chữ người tử tù
B. Hai đứa trẻ
D. Số đỏ

Câu 30. Nhà thơ nào KHÔNG thuộc phong trào thơ mới giai đoạn 1932 - 1945?

- A. Tản Đà
C. Huy Cận
B. Xuân Diệu
D. Hàn Mặc Tử

Câu 31. Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

Vòng tuần hoàn của nước là sự tồn tại và vận động của nước _____ các trạng thái khác nhau trên mặt đất, _____ lòng đất và bầu khí quyển của Trái Đất.

- A. nhờ/ dưới
C. dưới/ trong
B. theo/ dưới
D. qua/ trong

Câu 32. Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây.

_____ hai loại khay chính là khay lá lan và chân cao, khay trà thời Nguyễn còn một số loại tạo dáng rất đặc biệt theo kiểu các khối hình học được uốn nắn lại cho mềm mại, _____ mô phỏng hình hoa quả thực vật, tạo nên sự giao hòa giữa con người với thiên nhiên.

- A. Cùng với/ và
C. Bên cạnh/ để
B. Ngoài/ hoặc
D. Trừ/ cũng như

Câu 33. Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây.

Trong điều kiện của một thành phố, chúng ta có thể quan sát các nhóm cư dân và lối sống của họ như là những _____ diện mạo văn hóa của thành phố mà ta hình dung như một _____ tổng thể.

- A. nhân tố cấu thành/ hệ thống
C. thành tố/ cấu trúc
B. yếu tố cấu thành/ cấu trúc
D. bộ phận cấu thành/ hệ thống

Câu 34. Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây?

_____ sông Hương đã sống một nửa cuộc đời như một cô gái Di-gan phóng khoáng và man dại.

- A. Giữa lòng Trường Sơn
C. Giữa rừng Trường Sơn
B. Giữa dòng Trường Sơn
D. Trong rừng Trường Sơn

Câu 35. Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây?

Xét về mặt thể loại văn học, ở nước ta _____ có truyền thống lâu đời.

- A. phóng sự
C. thơ ca
B. tùy bút
D. kịch nói

Câu 36. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

“Trong hoàn cảnh dè dặt, người ta sống bằng tàn nhẫn, bằng lừa lọc, tính cách dè dặt và lòng biết giá người, biết trọng người ngay của viên quan coi ngục này là một thanh âm trong trẻo chen vào giữa một bản đàn mà nhạc luật đều hỗn loạn xô bồ.

Ông trời nhiều khi chơi ác, đem đầy ải những cái thuần khiết vào giữa một đống cặn bã. Và những người có tâm điền (lòng dạ con người) tốt và thẳng thắn, lại phải ăn đời ở kiếp với lũ quay quắt.

Ngục quan lấy làm nghĩ ngợi về câu nói ban chiều của thầy thơ lại: “Có lẽ lão bát này, cũng là một người khá đây. Có lẽ, hẳn cũng như mình, chọn nhầm nghề mất rồi. Một kẻ biết kính mến khi phách, một kẻ biết tiếc, biết trọng người có tài, hẳn không phải là kẻ xấu hay là vô tình. Ta muốn biết đái ông Huân Cao, ta muốn cho ông ta đỡ cực trong những ngày cuối cùng còn lại, nhưng chỉ sợ tên bát phẩm thơ lại này đem cáo giác với quan trên thì khó mà ở yên. Để mai ta dò ý tứ hẳn lần nữa xem sao rồi sẽ liệu...”

(Nguyễn Tuân, *Chữ người tử tù*, Ngữ văn 11 tập một,

NXB Giáo dục Việt Nam, 2014)

Nét nổi bật nhất về nghệ thuật của đoạn trích là gì?

- A. Từ ngữ được lựa chọn giàu tính tạo hình
- B. Lựa chọn tình huống tiêu biểu
- C. Lựa chọn sự kiện, tình tiết tiêu biểu
- D. Phân tích tâm lý sắc sảo

Câu 37. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

“Bạn bước vào rạp chiếu bóng cùng với vài người bạn [...]. Có điều gì đó rất thần bí đang diễn ra. Bạn có ấn tượng tuồng như mình đang thấy một hình ảnh chuyển động, song nó chỉ là một ảo ảnh. Hình ảnh chuyển động liên tục mà bạn trông thấy đó bao gồm hàng ngàn những ảnh tĩnh có tên gọi là khuôn hình, giữa chúng khác nhau rất ít, được chiếu lên màn ảnh trong một chuỗi tiếp nối rất nhanh. Mắt chúng ta bỏ qua những quãng cách mà chỉ nhìn thấy những ánh sáng liên tục từ một chuỗi những hình ảnh tĩnh

[...]. Vậy cái gì đã khiến một bộ phim chuyển động? Chẳng ai đưa ra được câu trả lời đầy đủ. Nhiều người suy đoán rằng sở dĩ có hiệu quả đó là do “sự đeo bám dai dẳng của thị giác” theo chiều hướng một hình ảnh lưu lại ngắn ngủi trên con người mắt. Tuy nhiên, nếu đó đúng là nguyên nhân chính, thì chúng ta sẽ thấy nhòe nhoẹt rồi mất những tấm ảnh bất động, lộ sáng nhiều lần chứ không phải là hành động trôi chảy. Hiện thời các nhà nghiên cứu tin rằng đã có hai quá trình tâm lý tham dự vào chuyển động của phim ảnh: Sự hội tụ ánh sáng cực hạn và sự chuyển động rõ rệt”

(David Borwell & Kristin Thompson, *Nghệ thuật điện ảnh*,

NXB Giáo dục, 2008)

Phong cách ngôn ngữ của đoạn trích là gì?

- A. Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật
- B. Phong cách ngôn ngữ khoa học
- C. Phong cách ngôn ngữ báo chí
- D. Phong cách ngôn ngữ chính luận

Câu 38. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

Trong anh và em hôm nay

Đều có một phần Đất Nước

Khi hai đứa cầm tay

Đất Nước trong chúng ta hài hòa nồng thắm

Khi chúng ta cầm tay mọi người

Đất Nước vẹn tròn, to lớn

Mai này con ta lớn lên

Con sẽ mang Đất Nước đi xa

Đến những tháng ngày mơ mộng...

(Nguyễn Khoa Điềm, *Đất Nước (Trích trường ca Mặt đường khát vọng)*,

Ngữ văn 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2014)

Tác giả viết hoa từ “Đất Nước” với dụng ý gì?

- A. Thể hiện thái độ trang trọng
- B. Thể hiện thái độ thân mật
- C. Thể hiện thái độ chân thành
- D. Thể hiện thái độ với tên riêng

Câu 39. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

Mưa đổ bụi êm êm trên bến vắng,

Đò biếng lười nằm mặc nước sông trôi;

Quán tranh đứng im lìm trong vắng lặng

Bên chòm xoan hoa tím rụng tơi bời.

Ngoài bờ đề cò non tràn biếc cỏ

Đàn sáo đen sà xuống mổ vu vơ;

Mấy cánh bướm rập rờn trôi trước gió,

Những trâu bò thong thả cúi ăn mưa,

(Anh Thơ, *Chiều xuân*, Ngữ văn 11, tập hai,

NXB Giáo dục Việt Nam, 2016)

Biện pháp tu từ nghệ thuật nào được sử dụng trong câu thơ sau:

“*Những trâu bò thong thả cúi ăn mưa*”?

- A. Ẩn dụ
- B. So sánh
- C. Hoán dụ
- D. Nhân hóa

Câu 40. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

“Cúng mẹ và com nước xong, mấy chị em, chú cháu thu xếp đồ đạc dời nhà. Chị Chiến ra đứng giữa sân, kéo cái khăn trên cổ xuống, cũng xắn tay áo để lộ hai bắp tay tròn vo sạm đỏ màu cháy nắng, rồi dang cả thân người to và chắc nịch của mình nhắc bổng một đầu bàn thờ má lên. Việt ghé vào một đầu. Nào, đưa má sang ở tạm bên nhà chú, chúng con đi đánh giặc trả thù cho ba má, đến chừng nước nhà độc lập con lại đưa má về. Việt khiêng trước. Chị Chiến khiêng bịch bịch phía sau. Nghe tiếng chân chị, Việt thấy thương chị lạ. Lần đầu tiên Việt mới thấy lòng mình rõ như thế. Còn mỗi thù thằng Mĩ thì có thể sờ thấy được, vì nó đang đè nặng ở trên vai.”

(Nguyễn Thi, *Những đứa con trong gia đình*, Ngữ văn 12, tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2014)

Đoạn trích thể hiện tính cách nổi bật nào của nhân vật chị Chiến?

- A. Dũng cảm, bất khuất, không sợ hi sinh
- B. Yêu thương, nhường nhịn, tình cảm
- C. Đam đang, tháo vát, chu đáo
- D. Dịu dàng, duyên dáng, ý tứ

Câu 41. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

“Bà lão cúi đầu nín lặng. Bà lão hiểu rồi. Lòng người mẹ nghèo khổ ấy còn hiểu ra biết bao nhiêu cơ sự, vừa ai oán vừa xót thương cho số kiếp đứa con mình. Chao ôi, người ta dựng vợ gả chồng cho con là lúc trong nhà ăn nên làm nổi, những mong sinh con để cái mồ mặt sau này. Còn mình thì... Trong kẽ mắt kèm nhem của bà rỉ xuống hai dòng nước mắt... Biết rằng chúng nó có nuôi nổi nhau sống qua được cơn đói khát này không.”

Bà lão khẽ thở dài ngẩng lên, dăm dăm nhìn người đàn bà. Thị cúi mặt xuống, tay vân vê tà áo đã rách bợt. Bà lão nhìn thị và bà nghĩ: Người ta có gặp bước khó khăn, đói khổ này, người ta mới lấy đến con mình. Mà con mình mới có vợ được... Thôi thì bốn phận bà là mẹ, bà đã chẳng lo lắng được cho con... May ra mà qua khỏi được cái tao đoạn này thì thằng con bà cũng có vợ, nó yên bề nhà, chẳng may ra ông giờ bắt chết cũng phải chịu chứ biết thế nào mà lo cho hết được.”

(Kim Lân, *Vợ nhặt*, Ngữ văn 12, tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2014)

Đoạn trích thể hiện thái độ gì của nhân vật bà cụ Tứ với “người vợ nhặt”?

- A. Phê phán, trách móc
- B. Chia sẻ, thông cảm
- C. Lạc quan, tin tưởng
- D. Bất lực, buông xuôi

Câu 42. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

“Trong rừng ít có loại cây sinh sôi nảy nở khỏe như vậy. Cạnh một cây xà nu mới ngã gục, đã có bốn năm cây con mọc lên, ngọn xanh rờn, hình nhọn mũi tên lao thẳng lên bầu trời. Cũng ít có loại cây ham ánh sáng mặt trời đến thế. Nó phóng lên rất nhanh để tiếp lấy ánh nắng, thứ ánh nắng trong rừng rọi từ trên cao xuống từng luồng lớn thẳng tắp, lỏng lách vô số hạt bụi vàng từ nhựa cây bay ra, thơm mỡ màng. Có những cây con vừa lớn ngang tầm ngực người lại bị đại bác chặt đứt làm đôi. Ở những cây đó, nhựa còn trong, chất dầu còn loang, vết thương không lành được, cứ loét mãi ra, năm mười hôm thì cây chết. Nhưng cũng có những cây vượt lên được cao hơn đầu người, cành lá xum sê như những con chim đã đủ lông mao, lông vũ. Đạn đại bác không giết nổi chúng, những vết thương của chúng chóng lành như trên một thân thể cường tráng. Chúng vượt lên rất nhanh, thay thế những cây đã ngã... Cứ thế hai ba năm nay rừng xà nu ưỡn tấm ngực lớn của mình ra, che chở cho làng...”

(Nguyễn Trung Thành, *Rừng xà nu*, Ngữ văn 12, tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2014)

Hình tượng cây xà nu trong đoạn trích biểu tượng cho điều gì dưới đây?

- A. Nỗi đau thương của người Tây Nguyên
- B. Tình yêu thương của người Tây Nguyên
- C. Sức sống bất diệt của người Tây Nguyên
- D. Sức sống bất diệt của cây xà nu

Câu 43. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

“Hùng vĩ của Sông Đà không phải chỉ có thác đá. Mà nó còn là những cảnh đá bờ sông, dựng vách thành, mặt sông chỗ ấy chỉ lúc đúng ngọ mới có mặt trời. Có chỗ vách đá thành chẹt lòng Sông Đà như một cái yết hầu. Đứng bên này bờ nhẹ tay ném hòn đá qua bên kia vách. Có quãng con nai con hổ đã có lần vọt từ bờ này sang bờ kia.”

(Nguyễn Tuân, *Người lái đò Sông Đà*, Ngữ văn 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2014)

Bút pháp nghệ thuật nổi bật nhất của tác giả trong đoạn trích là

- A. Chọn chi tiết, hình ảnh ấn tượng
- B. Tạo tình huống độc đáo
- C. Tạo hình, dựng cảnh ấn tượng
- D. Sử dụng từ ngữ độc đáo

Câu 44. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

“Nhà em có một giàn giầu,
Nhà anh có một hàng cau liên phòng.”

*Thôn Đoài thì nhớ thôn Đông,
Cau thôn Đoài nhớ giầu không thôn nào?"*

(Nguyễn Bính, *Tương tư*, Ngữ văn 11, tập 2,
NXB Giáo dục Việt Nam, 2014)

Hình ảnh “giàn giầu”, “hàng cau” được sử dụng trong đoạn trích có liên hệ với nội dung gì dưới đây?

- A. Sự tích trâu cau về tình yêu của người Việt
- B. Tục ăn trâu xura của người Việt
- C. Hình ảnh làng quê của người Việt
- D. Sự say đắm trong tình yêu của người Việt

Câu 45. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

“Mong các chú cách mạng thông cảm cho, đám đàn bà hàng chài ở thuyền chúng tôi cần phải có người đàn ông để chèo chống khi phong ba, để cùng làm ăn nuôi nấng dặng một sắp con nhà nào cũng trên dưới chục đứa. Ông trời sinh ra người đàn bà là để đẻ con, rồi nuôi con cho đến khi khôn lớn cho nên phải gánh lấy cái khổ. Đàn bà ở thuyền chúng tôi phải sống cho con chứ không thể sống cho mình như ở trên đất được! Mong các chú lượng tình cho cái sự lạc hậu. Các chú đừng bắt tôi bỏ nó! - Lần đầu tiên trên khuôn mặt xấu xí của mẹ chợt ửng sáng lên như một nụ cười - và lại, ở trên thuyền cũng có lúc vợ chồng con cái chúng tôi sống hòa thuận, vui vẻ.”

(Nguyễn Minh Châu, *Chiếc thuyền ngoài xa*, Ngữ văn 12, tập hai,
NXB Giáo dục Việt Nam, 2014)

Đoạn trích do nhân vật nào trong tác phẩm kể lại?

- A. Nhân vật chánh án Đẩu
- B. Nhân vật người đàn bà thuyền chài
- C. Nhân vật người đàn ông thuyền chài
- D. Nhân vật nghệ sĩ Phùng

Câu 46. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

*Ta đi ta nhớ những ngày
Mình đây ta đó, đắng cay ngọt bùi ...
Thương nhau, chia củ sắn lùi
Bát cơm sẻ nửa, chăn sui đắp cùng.
Nhớ người mẹ nắng cháy lưng
Địu con lên rẫy, bẻ từng bắp ngô.
Nhớ sao lớp học i tờ
Đồng khuya đuốc sáng những giờ liên hoan*

*Nhớ sao ngày tháng cơ quan
Gian nan đời vẫn ca vang núi đèo.
Nhớ sao tiếng mõ rừng chiều
Chày đêm nện cối đều đều suối xa ...*

(Tố Hữu, *Việt Bắc*, Ngữ văn 12, tập một,
NXB Giáo dục Việt Nam, 2014)

Những kỉ niệm về kháng chiến trong đoạn thơ là kỉ niệm của ai?

- A. Của người dân Việt Bắc
- B. Của người cán bộ cách mạng về xuôi
- C. Của bà mẹ Việt Bắc
- D. Của cô gái Việt Bắc

Câu 47. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

“**Hồn Trương Ba:** (sau một lát) Ông Đế Thích ạ, tôi không thể tiếp tục mang thân anh hàng thịt được nữa, không thể được!

Đế Thích: Sao thế? Có gì không ổn đâu!

Hồn Trương Ba: Không thể bên trong một đằng, bên ngoài một nẻo được. Tôi muốn được là tôi toàn vẹn.

Đế Thích: Thế ông ngỡ tất cả mọi người đều được là mình toàn vẹn cả ư? Ngay cả tôi đây. Ở bên ngoài, tôi đâu có được sống theo những điều tôi nghĩ bên trong. Mà cả Ngọc Hoàng nữa, chính người làm khi cũng phải khuôn ép mình cho xứng với danh vị Ngọc Hoàng. Dưới đất, trên trời đều thế cả, nữa là ông. Ông đã bị gạch tên khỏi sổ Nam Tào. Thân thể thật của ông đã tan rữa trong bùn đất, còn chút hình thù gì của ông đâu!”

(Lưu Quang Vũ, *Hồn Trương Ba, da hàng thịt*, Ngữ văn 12, tập một,
NXB Giáo dục Việt Nam, 2014)

Giọng điệu chủ đạo của toàn bộ đoạn trích là gì?

- A. Phân tích, chứng minh
- B. Phân tích, miêu tả
- C. Suy tư, triết lí
- D. Suy tư, cảm phục

Câu 48. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

“Hắn vừa đi vừa chửi. Bao giờ cũng thế, cứ rượu xong là hắn chửi. Bắt đầu hắn chửi trời. Có hề gì? Trời có của riêng nhà nào? Rồi hắn chửi đời. Thế cũng chẳng sao: đời là tất cả nhưng chẳng là ai. Tức mình, hắn chửi ngay tất cả làng Vũ Đại. Nhưng cả làng Vũ Đại ai cũng nhủ: “Chắc nó trừ mình ra!”. Không ai lên tiếng cả. Tức thật! Ồ! Thế này thì tức thật! Tức chết đi được

mất! Đã thế, hần phải chửi cha đứa nào không chửi nhau với hần. Nhưng cũng không ai ra điều. Mẹ kiếp! Thế có phí rượu không? Thế thì có khổ hần không? Không biết đứa chết mẹ nào lại đẻ ra thân hần cho hần khổ đến nông nỗi này?..”

(Nam Cao, *Chí Phèo*, Ngữ văn 11, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2014)

Cách kể trong đoạn trích có tác dụng gì?

- A. Gây kịch tính, căng thẳng
- B. Gây cảm xúc căm giận
- C. Tạo sự chia sẻ, thông cảm
- D. Tạo thái độ mỉa mai

Câu 49. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

“Thế mà hơn 80 năm nay, bọn thực dân Pháp lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái, đến cướp đất nước ta, áp bức đồng bào ta. Hành động của chúng trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa.

Về chính trị, chúng tuyệt đối không cho nhân dân ta một chút tự do dân chủ nào.

Chúng thi hành những luật pháp dã man. Chúng lập ba chế độ khác nhau ở Trung, Nam, Bắc để ngăn cản việc thống nhất nước nhà của ta, để ngăn cản dân tộc ta đoàn kết.

Chúng lập ra nhà tù nhiều hơn trường học. Chúng thẳng tay chém giết những người yêu nước thương nòi của ta. Chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu.”

(Hồ Chí Minh, *Tuyên ngôn độc lập*, Ngữ văn 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2014)

Tác giả sử dụng biện pháp tu từ nghệ thuật gì trong câu văn: “Chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu”?

- A. Liệt kê
- B. Hoán dụ
- C. So sánh
- D. Ẩn dụ

Câu 50. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

“Đề Đất Nước này là Đất Nước Nhân dân
Đất Nước của Nhân dân, Đất Nước của ca dao thần thoại
Dạy anh biết “yêu em từ thuở trong nôi”
Biết quý công cầm vàng những ngày lặn lội

Biết trồng tre đợi ngày thành gậy

Đi trả thù mà không sợ dài lâu”

(Nguyễn Khoa Điềm, *Đất Nước* (Trích trường ca *Mặt đường khát vọng*), Ngữ văn 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2014)

Chủ đề nổi bật bao trùm đoạn thơ là gì?

- A. Tư tưởng Đất Nước - Nhân dân
- B. Tư tưởng Đất Nước - Chống giặc ngoại xâm
- C. Tư tưởng Đất Nước - Nghĩa tình
- D. Tư tưởng Đất Nước - Tình yêu

Đáp án tham khảo

1 - A	2 - A	3 - D	4 - A	5 - C
6 - C	7 - B	8 - B	9 - A	10 - B
11 - C	12 - C	13 - B	14 - D	15 - A
16 - A	17 - C	18 - C	19 - B	20 - D
21 - D	22 - C	23 - B	24 - C	25 - B
26 - C	27 - C	28 - B	29 - C	30 - A
31 - D	32 - C	33 - B	34 - A	35 - C
36 - D	37 - B	38 - A	39 - A	40 - C
41 - B	42 - C	43 - C	44 - D	45 - D
46 - B	47 - C	48 - A	49 - D	50 - A

3. Nhận xét về cấu trúc đề minh họa

3.1. So sánh cấu trúc đề minh họa năm 2015 và 2021

So với cấu trúc đề minh họa năm 2015, đề minh họa năm 2021 - phần Tư duy Định tính đã có những điều chỉnh, bổ sung theo cả hai chiều hướng: một là tăng cường việc đọc hiểu các kiến thức liên quan đến các tác phẩm Ngữ văn đang học trong chương trình sách giáo khoa Ngữ văn 11,12; hai là tăng những câu hỏi yêu cầu học sinh phải có khả năng tư duy phân tích vấn đề.

Cụ thể, đề minh họa năm 2015 chỉ tập trung ở 2 dạng bài chính với 4 nhóm câu hỏi:

- Trắc nghiệm đọc hiểu ngữ liệu dài trả lời 5 câu hỏi nhỏ: bao gồm 4 ngữ liệu đọc hiểu, 2 ngữ liệu trong sách giáo khoa và 2 ngữ liệu ngoài sách giáo khoa. Mỗi ngữ liệu có 5 câu hỏi nhỏ.

- Trắc nghiệm ngắn:

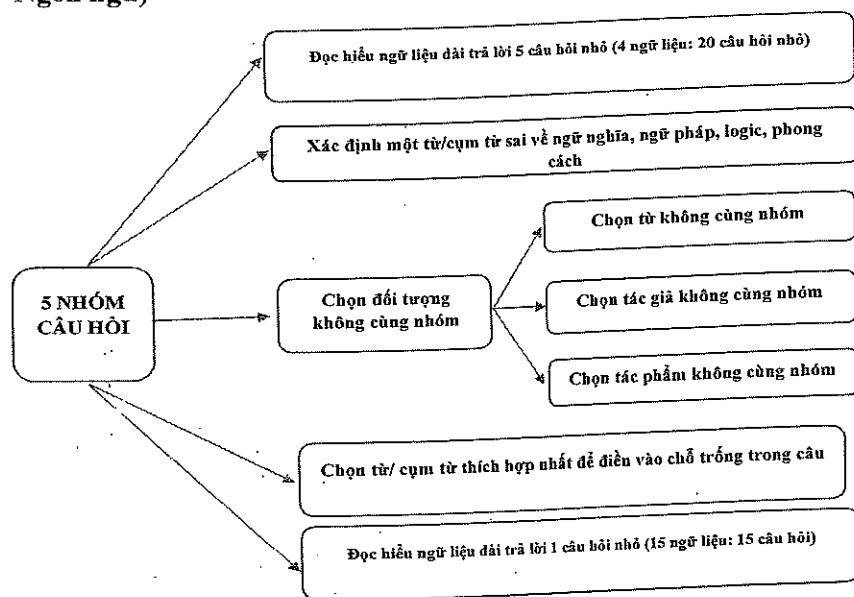
- + Xác định từ/cụm từ sai về ngữ pháp, ngữ nghĩa, logic, phong cách.
- + Xác định đối tượng không cùng nhóm: từ, tác giả, tác phẩm.

+ Điền từ/cụm từ thích hợp vào chỗ trống.

Đề minh họa năm 2021 vẫn giữ những nhóm câu hỏi nói trên, tuy nhiên đã có sự điều chỉnh, bổ sung ở cả phương diện cấu trúc tổng thể và từng bộ phận cấu thành. Về cấu trúc tổng thể, có thêm 1 nhóm câu hỏi trắc nghiệm đọc hiểu ngữ liệu dài. Ở nhóm câu hỏi này, ngữ liệu thường là 1 trích đoạn văn xuôi hoặc thơ trong chương trình sách giáo khoa Ngữ văn 11,12 (phạm vi này chủ yếu) và ngoài sách giáo khoa (chiếm khoảng 2-3 câu/15 câu). Dạng câu hỏi này, tuy ngữ liệu dài nhưng người ra đề chỉ yêu cầu học sinh trả lời một ý liên quan đến các phương diện nội dung và nghệ thuật của đoạn trích hoặc các kiến thức có liên quan đến phân môn Làm văn hoặc Tiếng Việt như phong cách ngôn ngữ, thao tác lập luận, phương thức biểu đạt... Về phương diện bộ phận, đề có những điều chỉnh cụ thể như sau: tỉ lệ câu hỏi chọn đối tượng không cùng nhóm, xác định từ/cụm từ sai và điền từ/cụm từ thích hợp vào chỗ trống đều giảm xuống để nhường vị trí cho nhóm câu hỏi trắc nghiệm đọc hiểu ngữ liệu dài trả lời một câu hỏi nhỏ.

Nhìn chung, những điều chỉnh, bổ sung trong đề minh họa, phần Tư duy định tính (Ngữ văn – Ngôn ngữ) bài thi Đánh giá năng lực năm 2021 của Trung tâm khảo thí Đại học Quốc gia Hà Nội vừa cho thấy tính kế thừa vừa thể hiện sự đổi mới trong việc xây dựng ngân hàng câu hỏi phục vụ cho kì thi Đánh giá năng lực nhằm hướng đến một kì thi chất lượng, hiệu quả, phục vụ tốt cho công tác tuyển sinh của các trường Đại học.

3.2. Cấu trúc đề thi Đánh giá năng lực – phần Tư duy Định tính (Ngữ văn – Ngôn ngữ)



II. PHẠM VI KIẾN THỨC VÀ KĨ NĂNG LÀM BÀI

1. Trắc nghiệm đọc hiểu ngữ liệu dài 5 câu hỏi nhỏ

1.1. Phạm vi kiến thức

- *Ngữ liệu trong sách giáo khoa*: Tính đến thời điểm này phạm vi kiến thức dùng cho phần đọc hiểu tác phẩm trong sách giáo khoa chủ yếu tập trung vào các tác phẩm văn học hiện đại được giảng dạy chính khóa trong chương trình bắt đầu từ cuối tập 1 – lớp 11 đến hết lớp 12, gồm: thơ, truyện, tiểu thuyết (trích), kí, kịch...). Đề bài không yêu cầu đọc hiểu về cả tác phẩm mà chỉ chọn ra những đoạn trích tiêu biểu nhất về nội dung và nghệ thuật để học sinh có thể phân tích.

- *Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa*: Mặc dù phạm vi kiến thức dùng làm ngữ liệu cho kiểu bài này là khá rộng, tuy nhiên học sinh nên chú ý đến những kiến thức liên quan đến những vấn đề khoa học như: sức khỏe, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, hóa chất độc hại... hay các vấn đề văn hóa, lịch sử...

1.2. Kỹ năng làm bài

* Đọc hiểu ngữ liệu trong chương trình sách giáo khoa

Như đã giới thuyết trong phần phạm vi kiến thức, ngữ liệu trong sách giáo khoa chủ yếu là các tác phẩm văn học hiện đại được giảng dạy chính khóa trong chương trình Ngữ văn Trung học phổ thông, vì vậy thí sinh hoàn toàn có điều kiện khoanh vùng kiến thức để tiếp cận và đọc hiểu. Dạng đề này có điểm thuận lợi là thí sinh không hề cảm thấy xa lạ. Nói cách khác là hầu hết thí sinh đều có một tâm thế chủ động và một vốn kiến thức nền trước khi tiếp cận. Chính vì lẽ đó, kiểu đề này không đòi hỏi quá cao ở mức độ tập trung khi đọc mà điều cần hơn là khả năng liên tưởng, kết nối với những kiến thức về tác giả và tác phẩm để có thể vận dụng giải quyết những vấn đề cụ thể.

Để làm tốt kiểu bài này thí sinh nên lưu ý một số bước sau:

Bước 1: (chuẩn bị ôn luyện): Khoanh vùng tác phẩm và lựa chọn những đoạn văn hay, có chủ đề, nội dung tương đối độc lập trong tác phẩm để đọc hiểu. Khi đọc hiểu chú ý từ bình diện bao quát như đề tài, chủ đề, cảm hứng... đến những khía cạnh cụ thể: *từ ngữ, biện pháp nghệ thuật, giọng điệu*...

Bước 2: (thực hành làm bài): Đọc thật kĩ ngữ liệu, sau đó đọc các câu hỏi. Vì ngữ liệu đã được tiếp cận quá trình học ở phổ thông nên không cần đọc quá nhiều lần. Đọc câu hỏi đến đâu, giải quyết đến đó.

- Với câu hỏi về chủ đề đoạn trích thì nên chú ý vào hình tượng nhân vật chính trong đoạn trích và vấn đề được đề cập tới.

- Với câu hỏi về cảm hứng chủ đạo hoặc đặc sắc nghệ thuật thì nên liên hệ với đặc điểm chung của tác phẩm rồi sau đó mới xem xét cụ thể đoạn trích.

- Với câu hỏi cắt nghĩa từ/câu thì nên mở rộng trường nghĩa để so sánh hoặc đặt vào những ngữ cảnh khác nhau để làm phép thử sai...

* **Đọc hiểu ngữ liệu ngoài chương trình sách giáo khoa**

Như đã nói ở phần đặc điểm, cái khó của dạng bài này là ngữ liệu hoàn toàn mới mẻ, học sinh chưa có tri thức, ấn tượng gì về ngữ liệu đó, vì vậy muốn hiểu được ngữ liệu đòi hỏi phải đọc tập trung và *biết cách đọc*.

- Có thể tiến hành theo các bước sau:

Bước 1: Đọc tập trung đoạn văn để nắm vững nội dung và bố cục. Thông thường ngữ liệu sẽ là một đoạn trích bao gồm 2 đến 3 đoạn văn, mỗi đoạn văn có thể có một chủ đề riêng biệt hoặc bàn về 1 khía cạnh của chủ đề, vì vậy khi đọc, học sinh không chỉ cần nắm vững nội dung của đoạn trích mà còn nắm vững cả nội dung từng đoạn văn nhỏ.

Bước 2: Đọc các câu hỏi phía dưới và đọc các đáp án. Bước này đòi hỏi học sinh phải nắm được những “từ khóa” của câu hỏi để có định hướng tìm ý trong đoạn văn có nội dung tương ứng và ghi vắn tắt nội dung câu hỏi ra 1 tờ giấy nháp.

Bước 3: Đọc lại ngữ liệu lần 2, đọc đến đâu nhìn vào câu hỏi để trả lời đến đó.

- Cách làm với từng loại câu hỏi nhỏ:

+ Với câu hỏi về chủ đề đoạn trích: Nếu đoạn trích là 1 đoạn văn thì câu chủ đề có thể nằm ở đầu hoặc cuối đoạn văn. Nếu đoạn trích là 2-3 đoạn văn thì câu chủ đề có thể nằm ở đầu đoạn văn thứ nhất và cuối đoạn văn cuối cùng.

+ Với câu hỏi tìm từ gần nghĩa: Nếu không thể giải thích ý nghĩa của từng từ để chọn từ tương tự về nghĩa thì ta đem ghép từ đó vào một văn cảnh giao tiếp nào đó mà ta hay sử dụng trong đời sống để suy ra nghĩa...

Trên đây là một số phân tích về đặc điểm cấu trúc phần *Tư duy định tính* – *Ngữ văn* của bài thi Đánh giá năng lực tổng hợp vào Đại học Quốc gia Hà Nội và đề xuất thử nghiệm một số phương pháp kỹ năng để các thí sinh có thể vận dụng vào quá trình học tập, ôn luyện và thi cử một cách hiệu quả. Để những kiến thức lý thuyết trên được vận dụng một cách sáng tạo và thuần thục thì thí sinh cần kết hợp nhuần nhuyễn với việc luyện đề một cách thường xuyên. Nội dung đề luyện sẽ được trình bày ở phần tiếp theo của cuốn sách này.

2. Xác định một từ/cụm từ SAI về ngữ pháp, ngữ nghĩa, lô-gích, phong cách...

2.1. Phạm vi kiến thức

Kiểu bài này bao quát một phạm vi kiến thức rất rộng. Ngữ liệu dùng để hỏi thường là một câu văn khoảng 2-3 dòng bàn về bất kỳ một vấn đề nào đó của đời sống xã hội hoặc nhận định về đặc điểm của một giai đoạn, một tác giả, tác phẩm văn học. Ngữ liệu có thể được lấy từ một bài báo bất kỳ hoặc từ một cuốn sách nào đó mà trên thực tế thí sinh hoàn toàn không có khả năng bao quát. Cũng chính vì đặc điểm này nên đối với dạng bài xác định lỗi SAI thí sinh không nên bận tâm nhiều về phạm vi kiến thức hoặc mất thời gian phân đoán ngữ liệu mà nên tập trung vào việc rèn kỹ năng xử lý câu hỏi.

2.2. Kỹ năng làm bài

Khi đối mặt với nhóm bài này học sinh thường rơi vào 2 trường hợp:

Một là, nhận ra ngay đáp án sai bằng trực cảm ngôn ngữ (nhờ vào vốn từ ngữ phong phú của mình và những ấn tượng về từ ngữ mà trí nhớ còn lưu lại trong quá trình giao tiếp thực tế hằng ngày).

Hai là, không có khả năng nhận ra ngay đáp án mà cần phải có sự phân tích, đánh giá.

Với dạng thứ nhất lỗi sai thường rơi vào ngữ nghĩa, phong cách. Mặc dù dễ nhận ra bằng trực cảm nhưng học sinh vẫn cần phải thận trọng phân tích lại để đảm bảo trực cảm của mình không sai.

Với dạng thứ hai, vì không thể nhận ra bằng trực cảm mà phải phân tích nên học sinh cần có phương pháp phân tích hợp lý để tránh mất thời gian và đi đến được kết quả đáng tin cậy.

Ở đây, chúng tôi đề xuất phương pháp làm dạng bài này như sau:

- Bước 1: Đọc kỹ nội dung và nắm chủ đề của ngữ liệu. Song song với việc đọc ngữ liệu là việc nhìn 4 đáp án để có sự định hướng khi đọc. Vì độ dài của ngữ liệu chỉ khoảng 2-3 dòng (1-2 câu văn) nên việc nắm bắt nội dung, chủ đề không khó. Đọc xong một lượt nếu không thể nhận ra bằng trực cảm ngôn ngữ thì chúng ta chuyển sang bước 2.

- Bước 2: Phân tích mối quan hệ logic giữa các từ ngữ trong câu và giữa các vế với nhau để nhìn ra điểm bất hợp lý, thiếu logic, từ đó có cơ sở phân đoán và lựa chọn đáp án đúng nhất.

Chúng ta lấy ví dụ về câu số 7 trong đề thi minh họa:

Xác định một từ/cụm từ SAI về ngữ pháp, ngữ nghĩa, lô-gích, phong cách...

Kể từ đó, cả con hẻm 84 này lúc nào cũng chìm trong nỗi kinh hoàng của ma túy gây ra, không người nào dám bén mảng ra ngoài đường sau 10 giờ đêm.

Chọn 1 câu trả lời đúng:

A: bén mảng

B: kể từ đó

C: của

D: lúc nào

Nếu bước 1 – đọc ngữ liệu và nhìn 4 đáp án mà chúng ta vẫn chưa nhận ra từ sai thì chúng ta sang bước 2 – phân tích mối quan hệ logic giữa 2 vế “*cả con hẻm 84 này lúc nào cũng chìm trong nỗi kinh hoàng*” (kết quả) và “*ma túy gây ra*” (nguyên nhân). Vậy quan hệ từ đứng ở giữa phải là chỉ nguyên nhân – kết quả: “*Do*” chứ không phải là “*Của*”. Chúng ta chọn đáp án C.

3. Chọn một đối tượng (tù; tác giả; tác phẩm...) KHÔNG cùng nhóm với các đối tượng còn lại

3.1. Phạm vi kiến thức

Kiến thức phục vụ cho việc giải quyết kiểu bài này tuy rộng nhưng có tính cụ thể hơn hai kiểu bài nói trên vì câu hỏi ở kiểu bài này thường không có

ngữ liệu để phân tích hay hoàn thiện (tức là không có câu văn dài 2-3 dòng) mà chỉ có câu lệnh và các đáp án để chọn. Để làm tốt kiểu bài này học sinh phải nắm chắc kiến thức về từ (cấu tạo; ngữ nghĩa; ngữ dụng...) và các kiến thức văn học (khái niệm, thuật ngữ văn học; tiểu sử và sự nghiệp của tác giả; đặc điểm khái quát của tác phẩm...)

3.2. Kỹ năng làm bài

Như chúng tôi đã nói ở phần trên. Dạng bài chọn đối tượng không cùng nhóm có thể chia ra một số đối tượng như sau:

- Chọn từ KHÔNG cùng nhóm về nghĩa và cấu tạo...
- Chọn tác giả KHÔNG cùng giai đoạn...
- Chọn tác phẩm KHÔNG cùng thể loại/chủ đề...

Ứng với mỗi dạng bài cụ thể như trên chúng tôi sẽ đề xuất một số phương pháp và kĩ năng nhất định.

* Chọn từ KHÔNG cùng nhóm về NGHĨA và CẤU TẠO...

- Chọn từ không cùng nhóm về NGHĨA: Để phân biệt một từ không cùng nhóm với các từ khác về nghĩa thì bắt buộc chúng ta phải hiểu được ý nghĩa từ vựng của các từ, nắm chắc nét nghĩa mà từ biểu đạt, từ đó có sự so sánh đối chiếu để tìm ra từ không cùng nhóm:

Ví dụ: Chọn một từ mà nghĩa của nó KHÔNG cùng nhóm với các từ còn lại.

Chọn 1 câu trả lời đúng

A: Nhỏ nhen

C: Nhỏ nhặt

B: Nhỏ mọn

D: Nhỏ nhẹ

Phân tích: Trong 4 từ trên đều có một nét nghĩa chung là “nhỏ” nhưng 3 từ: *nhỏ nhen*, *nhỏ nhặt*, *nhỏ mọn* dùng để chỉ tính cách, còn *nhỏ nhẹ* dùng chỉ cách nói năng, mức độ của lời nói. Như vậy chúng ta chọn đáp án D là không cùng nhóm về nghĩa với các từ còn lại.

- Chọn từ không cùng nhóm về CẤU TẠO: Để phân biệt một từ không cùng nhóm với các từ khác xét về mặt cấu tạo thì chúng ta phải đưa ra một số tiêu chí phân biệt từ về về cấu tạo như sau:

- + Phân biệt từ đơn (đa âm) với từ ghép
- + Phân biệt từ ghép với từ láy
- + Phân biệt từ láy phụ âm với láy vần và láy toàn phần
- + Phân biệt từ ghép tổng hợp với ghép phân loại...

Ví dụ: Chọn một từ mà cấu tạo của nó KHÔNG cùng nhóm với các từ còn lại.

Chọn 1 câu trả lời đúng

a. Long lanh

c. Đón đưa

b. Bền bỉ

d. Say sưa

Phân tích: Chúng ta chọn đáp án C với lí do đón đưa là từ ghép: cả đón và đưa đều có nghĩa và chúng kết hợp theo phương thức hợp nghĩa.

* Chọn tác giả KHÔNG cùng giai đoạn...

Dạng bài này chủ yếu tập trung phân biệt tác giả ở hai giai đoạn lớn, đó là: *tác giả văn học trung đại* và *tác giả văn học hiện đại*. Bên cạnh đó câu hỏi còn có thể yêu cầu chúng ta phân biệt các tác giả thuộc các giai đoạn nhỏ trong văn học hiện đại: *giai đoạn 1930 – 1945/ giai đoạn 1945 – 1954/ giai đoạn 1956 – 1975...*

Ví dụ: Nhà văn nào KHÔNG PHẢI là tác giả của thời kì văn học trung đại Việt Nam?

Chọn 1 câu trả lời đúng

A: Nguyễn Du

C: Nguyễn Bính

B: Nguyễn Bình Khiêm

D: Hồ Xuân Hương

Kĩ năng: Đây là dạng bài thuộc mức độ dễ. Tuy nhiên vẫn có những học sinh gặp khó khăn vì chưa biết thời điểm nào đánh dấu sự phân chia văn học trung đại và hiện đại. Vì vậy để làm tốt dạng bài này trước hết chúng ta biết văn học trung đại được tính từ thế kỉ X – hết thế XIX, văn học hiện đại được tính từ đầu thế kỉ XX đến nay. Dấu mốc tương đối để phân định là năm 1900. Trong chương trình Ngữ văn THPT, các tác giả văn học trung đại chúng ta được học ở lớp 10 và một phần lớp 11, các tác giả văn học hiện đại được học một phần ở lớp 11 và toàn bộ lớp 12, dấu hiệu để phân biệt chính là các bài khái quát về giai đoạn văn học.

* Chọn tác phẩm không cùng thể LOẠI/ĐỀ TÀI...

Để làm tốt dạng bài chọn tác phẩm không cùng THỂ LOẠI/ĐỀ TÀI... với các tác phẩm còn lại, yêu cầu đầu tiên đối với học sinh là phải nắm vững hệ thống kiến thức khái quát liên quan đến mỗi tác phẩm được giảng dạy chính khóa trong chương trình Ngữ văn THPT, đặc biệt là văn học Việt Nam hiện đại như: *tiểu sử tác giả; thể loại tác phẩm; đề tài, chủ đề; hoàn cảnh sáng tác; giá trị nội dung và nghệ thuật nổi bật...*

Ví dụ: Tác phẩm nào KHÔNG cùng thể loại với các tác phẩm còn lại?

Chọn 1 câu trả lời đúng

A: Rừng xà nu

C: Vợ chồng A Phủ

B: Người lái đò Sông Đà

D: Vợ nhặt

Muốn kiến thức được hệ thống một cách ngắn gọn, khoa học, dễ học, dễ nhớ, học sinh chỉ cần lập một bảng thông kê với các nội dung cụ thể như sau:

Tác phẩm	Tác giả	Hoàn cảnh sáng tác	Thể loại	Đề tài Chủ đề	Giá trị nổi bật	
					Nội dung	Nghệ thuật
Tuyên ngôn Độc lập	Hồ Chí Minh	2/9/1945	Chính luận	Tuyên ngôn	Văn kiện lịch sử tuyên bố trước quốc dân đồng bào và thế giới về việc chấm dứt chế độ thực dân, phong kiến ở nước ta, đánh dấu kỉ nguyên độc lập, tự do của nước Việt Nam mới.	Là tác phẩm chính luận mẫu mực với lập luận chặt chẽ, lí lẽ đanh thép, ngôn ngữ hùng hồn...

Có mấy điểm cần lưu ý đối với kiểu bài này như sau:

- Một là, có những văn bản chỉ là trích đoạn (chẳng hạn “*Hạnh phúc một tang gia*” là trích đoạn của tiểu thuyết “*Số đỏ*” hay “*Đất nước*” là trích đoạn của trường ca “*Mặt đường khát vọng*”... nên đôi khi chúng ta hay nhầm lẫn về thể loại khi chỉ chú ý đến quy mô/dung lượng văn bản.

- Hai là, đề bài không chỉ yêu cầu phân biệt những thể loại quen thuộc: truyện/tiểu thuyết/kí/thơ... mà còn yêu cầu phân biệt văn chính luận với văn nghệ thuật hoặc văn nhật dụng...

4. Chọn từ/cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu...

4.1. Phạm vi kiến thức

Tương tự như kiểu bài Xác định từ/cụm từ SAI, phạm vi kiến thức dùng cho kiểu bài này cũng bao gồm kiến thức bên ngoài đời sống xã hội và kiến thức trong sách giáo khoa Ngữ văn bậc Trung học phổ thông. Ngữ liệu dùng để yêu cầu học sinh hoàn thiện (điền từ vào chỗ trống) thường là một câu văn khoảng 2- 3 dòng đã bị lược bỏ 1 từ hoặc cụm từ ở 2 vị trí khác nhau nhằm yêu cầu học sinh chọn đáp án để hoàn thiện. Mặc dù phạm vi kiến thức rộng, nhưng với kiểu bài này học sinh vẫn có thể có phương án chuẩn bị trước về kiến thức đối với những ngữ liệu có liên quan đến các thuật ngữ, khái niệm trong các bài khái quát văn học, để tránh rơi vào trạng thái bị động hoàn toàn.

4.2. Kỹ năng làm bài

Như đã phân tích ở trên, dạng bài chọn/từ cụm từ điền vào chỗ trống thường để trống những từ/cụm từ có tính chất khái quát như những khái niệm, thuật ngữ. Trên thực tế kiểu bài này thường có 2 mức độ:

- Mức độ 1 (mức độ dễ) là điền 1 từ hoặc 1 cụm từ vào chỗ trống
- Mức độ 2 (mức độ khó, phức tạp) là điền 1 “cặp” từ hoặc 1 “cặp” cụm

từ vào chỗ trống ở 2 vị trí cách xa nhau trong câu.

- Để làm hiệu quả kiểu bài này chúng ta áp dụng các bước sau:

+ Bước 1 (dành cho cả 2 kiểu bài): Chúng ta đọc nội dung ngữ liệu để nắm bắt sơ bộ nội dung, chủ đề của câu văn, đoạn văn.

+ Bước 2 (dành cho kiểu bài số 2): Trước tiên ta lần lượt ghép 1 vế của các cặp từ vào chỗ trống để loại trừ bớt đáp án. Sau khi đã loại trừ được 1 hoặc 2 đáp án thì chúng ta tiếp tục ghép từ ở vế còn lại để xem xét tính logic, đúng đắn của chúng. Nếu sau khi ghép cả 1 từ/cụm từ mà chúng ta thấy nội dung ngữ liệu thống nhất, logic thì ta mới đi đến quyết định cuối cùng.

Lấy ví dụ về bài số 9 trong đề minh họa:

Chọn từ/cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

Một _____ của những người nuôi ong, nhà bảo tồn và những người ủng hộ an toàn thực phẩm đã kiện chính phủ Mỹ về việc giới chức nước này _____ người dân sử dụng những loại thuốc trừ sâu có thể gây hại cho ong.

Chọn 1 câu trả lời đúng

A: đoàn thể – thuận tình cho

B: liên minh – cho phép

C: tập hợp – cấm

D: liên quân – cáo buộc

Bước 1: Ta đọc nội dung ngữ liệu để nắm được các thông tin như: “những người nuôi ong”... “kiện chính phủ”... “thuốc trừ sâu gây hại cho ong”...

Bước 2: Ta ghép những từ ở hàng thứ nhất vào lần lượt theo thứ tự: đoàn thể - liên minh – tập hợp – liên quân. Để chọn đúng từ điền vào chỗ trống ta phải căn cứ vào cụm từ đứng sau là “những người nuôi ong” (thuộc lĩnh vực kinh tế) để lựa chọn từ có mối liên hệ. Với căn cứ như vậy ta sẽ nhận ra 3 từ: “đoàn thể” (liên quan đến chính trị - xã hội); “tập hợp” (chủ yếu liên quan đến số liệu, tính toán) và “liên quân” (liên quan đến quân sự) là không thích hợp. Và như thế là đồng nghĩa với việc ta đã loại được ba cặp từ ở các đáp án: A, C, D. Đáp án còn lại là A. Để chắc chắn hơn về đáp án của mình, chúng ta chuyển sang bước 3.

Bước 3: Lắp ghép nốt từ còn lại trong cặp từ đã chọn. Với ví dụ trên đây ta sẽ lắp từ “cho phép” vào đầu ba chấm tiếp theo để xem đoạn văn đã thực sự logic chưa. Trong trường hợp này ta thấy đoạn văn hoàn toàn logic nghĩa là ta có thể yên tâm về đáp án của mình. Tuy nhiên, có trường hợp sau khi đã loại trừ hết ở bước 2, sang bước 3 việc lắp ghép từ còn lại không cho kết quả như ý muốn. Lúc đó, bắt buộc chúng ta phải khảo sát lại.

5. Đọc hiểu ngữ liệu dài trả lời nhỏ câu hỏi nhỏ

5.1. Phạm vi kiến thức

Như đã nói ở phần nhận xét cấu trúc đề minh họa năm 2021, nhóm 15 câu hỏi đọc hiểu ngữ liệu dài trả lời một câu hỏi nhỏ là nhóm câu hỏi mới xuất

hiện. Các dạng câu hỏi trong nhóm này hết sức đa dạng, phạm vi ngữ liệu có liên quan đến các câu hỏi cũng khá rộng. Từ cấu trúc đề minh họa, có thể khái quát thành một bảng thống kê để cụ thể hóa phạm vi ngữ liệu cũng như các khía cạnh được đề cập đến trong nhóm câu hỏi này như sau:

CÂU	TÊN TÁC PHẨM	PHẠM VI NGỮ LIỆU	KHÍA CẠNH ĐỌC HIỂU
1	Chữ người tử tù (Nguyễn Tuân)	Ngữ văn 11	Nghệ thuật nổi bật
2	Nghệ thuật điện ảnh	Ngoài sách giáo khoa	Phong cách ngôn ngữ
3	Đất nước (Nguyễn Khoa Điềm)	Ngữ văn 12	Hình thức từ ngữ
4	Chiều xuân (Anh Thơ)	Ngữ văn 11	Biện pháp tu từ
5	Những đứa con trong gia đình (Nguyễn Thi)	Ngữ văn 12	Tính cách nhân vật
6	Vợ nhặt (Kim Lân)	Ngữ văn 12	Thái độ của nhân vật
7	Rừng xà nu (Nguyễn Trung Thành)	Ngữ văn 12	Ý nghĩa biểu tượng của hình tượng
8	Người lái đò sông Đà (Nguyễn Tuân)	Ngữ văn 12	Bút pháp nghệ thuật
9	Tương tư (Nguyễn Bính)	Ngữ văn 11	Nội dung thể hiện của hình ảnh thơ
10	Chiếc thuyền ngoài xa (Nguyễn Minh Châu)	Ngữ văn 12	Người kể chuyện
11	Việt Bắc (Tố Hữu)	Ngữ văn 12	Nội dung đoạn thơ
12	Hồn Trương Ba, da hàng thịt (Lưu Quang Vũ)	Ngữ văn 12	Giọng điệu
13	Chí Phèo (Nam Cao)	Ngữ văn 11	Tác dụng của cách kể
14	Tuyên ngôn Độc lập (Hồ Chí Minh)	Ngữ văn 12	Biện pháp tu từ
15	Đất nước (Nguyễn Khoa Điềm)	Ngữ văn 12	Chủ đề đoạn thơ

Từ bảng thống kê nói trên, có thể thấy phạm vi ngữ liệu được dùng trong nhóm câu hỏi này chủ yếu liên quan đến các tác phẩm trong chương trình Ngữ văn lớp 11 và lớp 12, bao gồm cả những tác phẩm chính khóa và tác phẩm đọc thêm. Các khía cạnh đọc hiểu liên quan đến cả phương diện nội dung và nghệ thuật của tác phẩm. Về nội dung, các câu hỏi thường liên quan đến nội dung/chủ đề các đoạn thơ; nội dung, ý nghĩa của một hình ảnh, từ ngữ, câu thơ; đặc điểm tính cách hoặc thái độ của nhân vật trong tác phẩm truyện... Về nghệ thuật, các câu hỏi rất đa dạng về liên quan đến nhiều khía cạnh như

biện pháp tu từ; bút pháp nghệ thuật; nghệ thuật trần thuật (người kể, cách kể); giọng điệu... Bên cạnh đó, còn có các câu hỏi liên quan đến việc xác định phong cách ngôn ngữ, phương thức biểu đạt hoặc thao tác lập luận của một trích đoạn văn bản.

5.2. Phương pháp ôn tập

Với nhóm bài này học sinh cần có phương pháp ôn tập tốt để tránh sự lãng phí về thời gian cũng như sức lực. Nhìn vào bảng thống kê phân tích cấu trúc của nhóm bài này có thể thấy tuy phạm vi kiến thức rộng, bao gồm cả kiến thức trong sách giáo khoa và ngoài sách giáo khoa, cả lớp 11 và lớp 12, nhưng mỗi câu hỏi ứng với mỗi ngữ liệu chỉ khai thác một khía cạnh nhỏ liên quan đến nội dung hay nghệ thuật của tác phẩm, không yêu cầu học sinh phải đọc hiểu tất cả các khía cạnh của văn bản. Vì vậy, học sinh có thể tận dụng tối đa kiến thức ôn thi Tốt nghiệp Trung học phổ thông để vận dụng vào bài thi Đánh giá năng lực. Bên cạnh đó, cần bám sát cấu trúc đề minh họa, lưu ý các khía cạnh thường được khai thác trong nhóm bài này để lấy đó làm chìa khóa mở cánh cửa vào tác phẩm và đọc hiểu văn bản một cách hiệu quả.

PHẦN 2: HỆ THỐNG ĐỀ LUYỆN

ĐỀ 01

Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi từ 1 đến 5:

- (1) “Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi!
- (2) Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi
- (3) Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi
- (4) Mường Lát hoa về trong đêm hơi
- (5) Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm
- (6) Hèo hút cồn mây súng ngửi trời
- (7) Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống
- (8) Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi
- (9) Anh bạn dãi dầu không bước nữa
- (10) Gục lên súng mũ bỏ quên đời!
- (11) Chiều chiều oai linh thác gầm thét
- (12) Đêm đêm Mường Hịch cọp trêu người
- (13) Nhớ ôi Tây Tiến cơm lên khói
- (14) Mai Châu mùa em thơm nếp xôi”

(Quang Dũng, *Tây Tiến*, Ngữ văn 12, tập một,
NXB Giáo dục Việt Nam, 2010)

Câu 1. Trong hai câu thơ (11) và (12), tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật nào?

- | | |
|------------|-------------|
| A. Hoán dụ | B. So sánh |
| C. Ẩn dụ | D. Nhân hóa |

Câu 2. Những câu thơ nào trong đoạn thơ cho biết tác giả nhấn mạnh chặng đường hành quân nhọc nhằn, gian khổ của các chiến sĩ Tây Tiến?

- | | |
|--------------------|----------------------|
| A. Câu 3, 5, 6, 7 | B. Câu 9, 10, 11, 12 |
| C. Câu 6, 7, 9, 10 | D. Câu 3, 5, 11, 12 |

Câu 3. Những câu thơ nào trong đoạn thơ nhắc đến những kỉ niệm ngọt ngào của các chiến sĩ Tây Tiến với con người miền Tây?

- | | |
|---------------|--------------|
| A. Câu 1, 2 | B. Câu 4, 8 |
| C. Câu 13, 14 | D. Câu 9, 10 |

Câu 4. Chủ đề nổi bật trong đoạn trích là gì?

- A. Những kỉ niệm với thiên nhiên và con người vùng núi rừng miền Tây của các chiến sĩ Tây Tiến
- B. Bức tranh thiên nhiên miền Tây hiểm trở với vực, dốc heo hút

C. Nỗi nhớ của các chiến sĩ Tây Tiến hướng về con người và thiên nhiên miền Tây

D. Chặng đường hành quân gian nan, vất vả của đoàn quân Tây Tiến

Câu 5. Từ “dãi dầu” trong câu thơ thứ (9) của đoạn thơ trên được hiểu là:

- A. Trải qua nhiều mưa nắng, vất vả, gian truân
- B. Kiệt sức, gục ngã không thể bước tiếp
- C. Kiên cường, sẵn sàng đương đầu với tất cả những gian khổ
- D. Hiện thực khắc nghiệt, nhọc nhằn của chiến tranh

Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi từ 6 đến 10:

“Người Việt Nam có thể coi là ít tinh thần tôn giáo. Họ coi trọng hiện thể trần tục hơn thể giới bên kia. Không phải người Việt Nam không mê tín, họ tin có linh hồn, ma quỷ, thần Phật. Nhiều người thực hành cầu cúng. Nhưng về tương lai, họ lo cho con cháu hơn là linh hồn của mình. Tuy là coi trọng hiện thể nhưng cũng không bám lấy hiện thể, không quá sợ hãi cái chết (sống gửi thác về). Trong cuộc sống, ý thức về cá nhân và sở hữu không phát triển cao. Của cải vẫn được quan niệm là của chung, giàu sang chỉ là tạm thời, tham lam giành giật cho nhiều cũng không giữ mãi mà hưởng được. Người ta mong ước thái bình, an cư lạc nghiệp để làm ăn cho no đủ, sống thanh nhàn, thông thả, có đông con nhiều cháu, ước mong về hạnh phúc nói chung là thiết thực, yên phận thủ thường, không mong gì cao xa, khác thường, hơn người. Con người được ưa chuộng là con người hiền lành, tình nghĩa. Không chuộng trí mà cũng không chuộng dũng. Dân tộc chống ngoại xâm liên tục nhưng không thượng võ.”

(Trần Đình Hượu, *Nhìn về vốn văn hóa dân tộc*, Ngữ văn 12, tập một,
NXB Giáo dục Việt Nam, 2010)

Câu 6. Theo tác giả đoạn trích, biểu hiện của “ý thức về cá nhân và sở hữu không phát triển cao” thể hiện ở:

- A. Không chuộng trí mà cũng không chuộng dũng
- B. Của cải vẫn được quan niệm là của chung, giàu sang chỉ là tạm thời, tham lam giành giật cho nhiều cũng không giữ mãi mà hưởng được
- C. Người ta mong ước thái bình, an cư lạc nghiệp để làm ăn cho no đủ, sống thanh nhàn, thông thả, có đông con nhiều cháu, ước mong về hạnh phúc nói chung là thiết thực, yên phận thủ thường, không mong gì cao xa, khác thường, hơn người
- D. Đất nước ta là đất nước bước ra từ những cuộc chiến tranh, dân tộc ta phải chống ngoại xâm liên tục nhưng nhìn chung người Việt Nam lại không có tinh thần thượng võ

Câu 7. Phong cách ngôn ngữ của đoạn trích là gì?

- A. Phong cách ngôn ngữ báo chí

- B. Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật
- C. Phong cách ngôn ngữ khoa học
- D. Phong cách ngôn ngữ chính luận

Câu 8. Theo lập luận của tác giả, việc “Người Việt Nam có thể coi là ít tinh thần tôn giáo” được lí giải bằng đặc điểm nào dưới đây?

- A. Về tương lai, họ lo cho con cháu hơn là linh hồn của mình
- B. Họ coi trọng hiện thế trần tục hơn thế giới bên kia
- C. Không bám lấy hiện thế, không quá sợ hãi cái chết (sống gửi thác về)
- D. Không phải người Việt Nam không mê tín, họ tin có linh hồn, ma quỷ, thần Phật

Câu 9. Đoạn trích bàn về vấn đề gì?

- A. Tôn giáo Việt Nam
- B. Phong tục Việt Nam
- C. Lịch sử Việt Nam
- D. Văn hóa Việt Nam

Câu 10. Thao tác lập luận chính của đoạn trích là gì?

- A. Bác bỏ
- B. So sánh
- C. Chứng minh
- D. Giải thích

Đọc đoạn trích và trả lời các câu hỏi từ 11 đến 15:

Ung thư là một loại bệnh được đặc trưng bởi sự **tăng sinh** không kiểm soát được của một số loại tế bào cơ thể dẫn đến hình thành các khối u chèn ép các cơ quan trọng thể. Khối u được gọi là ác tính khi các tế bào của nó có khả năng tách khỏi mô ban đầu, di chuyển vào máu và đến các nơi khác trong cơ thể tạo nên nhiều khối u khác nhau. Nguyên nhân và cơ chế gây ung thư còn chưa hoàn toàn được làm sáng tỏ. Tuy nhiên, người ta cũng biết được một số nguyên nhân khác nhau dẫn đến ung thư như do các đột biến gen, đột biến NST. Khi con người tiếp xúc với các tia phóng xạ, hoá chất gây đột biến, các virus gây ung thư,... thì các tế bào có thể bị các đột biến khác nhau. Có nhiều số liệu cho thấy khối u thường được phát triển từ một tế bào bị đột biến nhiều lần làm cho tế bào không còn khả năng đáp ứng lại cơ chế điều khiển phân bào của cơ thể dẫn đến phân chia liên tục. Tế bào khối u có thể là lành tính nếu nó không có khả năng di chuyển vào máu và đi đến các nơi khác nhau trong cơ thể. Những tế bào bị đột biến nhiều lần có thể trở thành ác tính nếu đột biến gen làm cho **nó** có khả năng tách khỏi mô ban đầu và di chuyển vào máu, tái lập các khối u ở nhiều nơi khác nhau gây nên cái chết cho bệnh nhân (hình 21.2).

(Sinh học 12, tập 1,

NXB Giáo dục Việt Nam, 2014, tr.89)

Câu 11. Theo đoạn trích, cơ chế gây ung thư là kết quả của điều gì?

- A. Tiếp xúc với phóng xạ và các chất nguy hiểm
- B. Tế bào bị đột biến nhiều lần không còn khả năng đáp ứng cơ chế điều khiển của cơ thể
- C. Đột biến gen, đột biến NST
- D. Tế bào tách khỏi mô ban đầu và di chuyển vào máu

Câu 12. Đoạn trích trên nói về vấn đề gì?

- A. Nguyên nhân và cơ chế ung thư
- B. Tác hại của ung thư
- C. Cách phòng chống ung thư
- D. Cách điều trị ung thư

Câu 13. Từ “tăng sinh” (in đậm, gạch chân) trong đoạn trích được hiểu như thế nào?

- A. Tăng lên về khối lượng
- B. Tăng lên về số lượng
- C. Tăng lên về sinh sản
- D. Tăng lên về kích thước

Câu 14. Đây là sự khác biệt giữa u lành tính và u ác tính (đi căn)?

- A. U ác tính có khả năng gây chết người còn u lành tính rất ít khả năng gây chết người
- B. U ác tính xuất hiện ở những người ốm yếu còn u lành tính chỉ xuất hiện ở người khỏe mạnh
- C. U ác tính có khả năng tách khỏi mô ban đầu và di chuyển vào máu còn u lành tính thì không
- D. U ác tính là tên gọi nhiều khối u trong cơ thể còn u lành tính là tên gọi chỉ một khối u

Câu 15. Từ “nó” (in đậm, gạch chân) thay thế cho nội dung nào trong đoạn trích?

- A. Tế bào đột biến
- B. Đột biến gen
- C. Tế bào khối u
- D. Tế bào bị đột biến nhiều lần

Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi từ 16 đến 20:

Lịch sử hình thành Hà Nội gắn liền với sự hình thành vùng châu thổ Bắc Bộ, miền lưu vực sông Hồng. Theo nghiên cứu của hai tác giả Trần Quốc Vượng và Vũ Tuấn Sán trong cuốn *Hà Nội nghìn xưa* thì cách đây hàng chục triệu năm, “Hà Nội là một đáy biển nông”¹ sau thời gian dài biển lùi, nước biển

1. Trần Quốc Vượng, Vũ Tuấn Sán. *Hà Nội nghìn xưa*. Sò VHTTHN. 1975. Tr.45,46.

cạn dần, nó chuyển thành vùng trũng lầy rồi thành đồng bằng ven sông như hiện nay. Mỗi quá trình đó cũng kéo dài hàng mấy chục vạn đến hàng triệu năm. Cũng theo hai tác giả trên, khoan sâu xuống lòng đất Hà Nội, vùng Gia Lâm, trong tầng dày 50m **trầm tích** có thể thấy hai lớp đất: từ 39,5m đến 50m là sỏi và cát thô, từ 39,5m đến trên cùng là sét và cát mịn. Từ đó, có thể đoán, sông Hồng đã qua hai giai đoạn vận động, từ chỗ chảy mạnh, dữ dội (cát thô và sỏi lắng đọng), đến chỗ chảy êm đềm hơn (sét, cát mịn). Vùng đất Từ Liêm, trong khuôn viên Đại học Sư phạm Hà Nội, khoan sâu 48,87m cho thấy khá rõ đặc điểm trầm tích của cửa sông, cát và bùn dày tới 20m. Biển rút, nước sông Hồng nặng phù sa đã bồi tích, “thương hải biến vi tang điền” (bãi biển đã biến thành nương dâu), đồng bằng Hà Nội được hình thành **như vậy**.

(Nguyễn Thị Bích Hà, *Hà Nội con người lịch sử văn hóa*,
NXB Đại học Sư phạm, 2013, trang 19)

Câu 16. Ý chính của đoạn trích là gì?

- A. Quá trình hình thành vùng đồng bằng Hà Nội
- B. Lịch sử hình thành Hà Nội
- C. Tiến trình phát triển vùng châu thổ Bắc Bộ
- D. Lịch sử hình thành miền lưu vực sông Hồng

Câu 17. Xuất phát từ lí do nào mà tác giả có thể đi đến kết luận “sông Hồng đã qua hai giai đoạn vận động”?

- A. Vì trong tầng dày trầm tích xuất hiện hai lớp đất chồng xếp lên nhau theo độ sâu
- B. Vì dòng chảy của sông Hồng đã hai lần đổi hướng khi qua vùng châu thổ Bắc Bộ
- C. Vì sự vận động trong địa hình của Hà Nội từ đáy biển nông thành vùng trũng lầy
- D. Vì sông Hồng chịu ảnh hưởng của sự dịch chuyển giữa các mảng lục địa

Câu 18. Việc tác giả trích dẫn kết quả nghiên cứu của hai tác giả Trần Quốc Vượng và Vũ Tuấn Sán trong cuốn *Hà Nội nghìn xưa* có tác dụng gì?

- A. Làm sáng tỏ cho ý kiến: đồng bằng Hà Nội được hình thành do quá trình bồi tụ của phù sa sông Hồng
- B. Đảm bảo độ tin cậy cho kết luận: sông Hồng đã trải qua hai giai đoạn vận động
- C. Chứng minh cho quan điểm: lịch sử hình thành Hà Nội gắn liền với sự hình thành vùng châu thổ Bắc Bộ
- D. Tăng tính thuyết phục cho các thông tin được đưa ra trong đoạn trích

Câu 19. Từ “như vậy” (in đậm, gạch chân) trong đoạn trích thay thế cho nội dung nào?

- A. Khi biển rút, nước sông Hồng chở nặng phù sa đã bồi tích thành vùng đồng bằng Hà Nội như hiện nay
- B. “Thương hải biến vi tang điền” - Bãi biển đã biến thành nương dâu
- C. Sau thời gian dài biển lùi, nước biển cạn dần, nó chuyển thành vùng trũng lầy rồi thành đồng bằng
- D. Sông Hồng đã qua hai giai đoạn vận động, từ chỗ chảy mạnh, dữ dội, đến chỗ chảy êm đềm hơn

Câu 20. Từ “trầm tích” (in đậm, gạch chân) trong đoạn trích gần nghĩa hơn cả với từ ngữ nào?

- A. Nhũ đá
- B. Hóa thạch
- C. Di thể
- D. Thạch anh

Câu 21. Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

Đại bàng Mã Lai được coi là loài chim săn bắt, thức ăn chủ yếu của nó là động vật có vú như dơi, khỉ, chuột, sóc...

- A. được coi
- B. săn bắt
- C. chủ yếu
- D. có vú

Câu 22. Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

Khi ý thức cách mạng, ý thức trách nhiệm đã nhằm sâu vào đảng viên thì việc gì cũng đễ dàng, thuận lợi.

- A. ý thức
- B. trách nhiệm
- C. nhằm
- D. dễ dàng

Câu 23. Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

Dù bị biệt đãi trong tù ra sao, Huân Cao vẫn rất hiên ngang trước cái chết.

- A. bị
- B. trong
- C. vẫn
- D. trước

Câu 24. Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

Cô chăm sóc cho anh từng li từng tí nhưng anh cũng vô cùng cảm động trước tình cảm của cô dành cho mình.

- A. cho
- B. nhưng
- C. cũng
- D. của

Câu 25. Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

Qua truyện ngắn “Chiếc thuyền ngoài xa”, Nguyễn Minh Châu đã gửi gắm thông điệp: Nhà văn cần phải thường xuyên xâm nhập đời sống thực tế của xã hội.

- | | |
|-------------|---------------|
| A. gửi gắm | B. thông điệp |
| C. xâm nhập | D. thực tế |

Câu 26. Chọn một từ mà nghĩa của nó KHÔNG cùng nhóm với các từ còn lại:

- | | |
|------------|------------|
| A. học vẹt | B. học gạo |
| C. học tập | D. học vắn |

Câu 27. Chọn một từ mà nghĩa của nó KHÔNG cùng nhóm với các từ còn lại:

- | | |
|------------|--------------|
| A. bạn đời | B. bạn đường |
| C. bạn học | D. bạn bè |

Câu 28. Chọn một từ mà nghĩa của nó KHÔNG cùng nhóm với các từ còn lại:

- | | |
|-------------|--------------|
| A. xanh lét | B. đỏ cờ |
| C. tím ngắt | D. vàng ruộm |

Câu 29. Chọn một từ mà nghĩa của nó KHÔNG cùng nhóm với các từ còn lại:

- | | |
|----------|----------|
| A. quăng | B. quẳng |
| C. lia | D. kéo |

Câu 30. Tác phẩm nào KHÔNG cùng thể loại với tác phẩm còn lại:

- A. Hồn Trương Ba da hàng thịt
B. Bắc Sơn
C. Ai đã đặt tên cho dòng sông
D. Vĩnh biệt Cửu trùng đài

Câu 31. Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

Anh ấy luôn giữ tinh thần trước mọi sóng gió cuộc đời.

- | | |
|--------------|--------------|
| A. vững bền | B. vững chãi |
| C. vững vàng | D. vững chắc |

Câu 32. Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

Chúng ta có trách nhiệm..... và phát huy vẻ đẹp truyền thống của văn hóa dân tộc.

- A. bảo toàn
C. bảo vệ

- B. bảo tồn
D. bảo đảm

Câu 33. Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

Chiếc khăn rơi xuống lộ ra gương mặt đẹp với làn da..... của cô gái.

- | | |
|-------------|--------------|
| A. xanh xao | B. xanh xanh |
| C. xanh lơ | D. xanh biếc |

Câu 34. Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

Một mình anh.... lại ba tên cướp.

- | | |
|---------------|---------------|
| A. chống cự | B. chống đối |
| C. chống lưng | D. chống chọi |

Câu 35. Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

Có hai cách ... trái ngược khi bị ô tô đỗ chắn cửa.

- | | |
|--------------|--------------|
| A. hành động | B. hành tung |
| C. hành vi | D. hành xử |

Câu 36. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

“Sao anh không về chơi thôn Vĩ?

Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên

Vườn ai mướt quá xanh như ngọc

Lá trúc che ngang mặt chữ điền.”

(Hàn Mặc Tử, Đây thôn Vĩ Dạ, Ngữ văn 11, tập

2, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong câu thơ sau:

“Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên”

- | | |
|------------|------------------|
| A. Điệp âm | B. Điệp cấu trúc |
| C. Điệp từ | D. Điệp ngữ |

Câu 37. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

“Làm thơ, ấy là dùng lời và những dấu hiệu thay cho lời nói, tức là chữ – để thể hiện một trạng thái tâm lí đang rung chuyển khác thường. Làm thơ là đang sống, không phải chỉ nhìn lại sự sống, làm một câu thơ yêu, tâm hồn cũng rung động như khi có người yêu trước mặt. Bài thơ là những câu, những lời diễn lên, làm sống ngay lên một tình cảm, một nỗi niềm trong lòng người đọc. Ta nói truyền sang hình như người đọc chỉ đứng yên mà nhận. Nhưng kì thực, cái trạng thái tâm lí truyền sang ấy là người đọc

tự tạo cho mình, khi nhìn những chữ, khi nghe những lời, khi mọi sợi dây của tâm hồn rung lên vì chạm thấy những hình ảnh, những ý nghĩa, những mong muốn, những tình cảm mà lời và chữ của bài thơ kéo theo dâng sau như vầng sáng xung quanh ngọn lửa”.

(Nguyễn Đình Thi, *Mấy ý nghĩ về thơ*, Ngữ văn 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Đoạn trích trên được viết theo phương thức biểu đạt chính nào?

- A. Tự sự
- B. Thuyết minh
- C. Biểu cảm
- D. Nghị luận

Câu 38. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

*“Tương tư thức mấy đêm rồi,
Biết cho ai, hỏi ai người biết cho!
Bao giờ bên mới gặp dò?
Hoa khuê các bướm giang hồ gặp nhau?”*

(Nguyễn Bính, *Tương tư*, Ngữ văn lớp 11, tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Đoạn trích tái hiện cảm xúc nào của nhân vật trữ tình?

- A. Mong mỏi
- B. Hờn trách
- C. Ghen tuông
- D. Say mê

Câu 39. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

“Ông đồ phó bảng năm Tân Sửu (1901), làm quan một thời gian ngắn rồi từ quan, đi làm cách mạng... Năm 1908, ông bị bắt đày đi Côn Đảo... Năm 1925, ông về Sài Gòn, diễn thuyết được vài lần, sau đó ốm nặng rồi mất”.

(*Ngữ văn 11*, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2021, trang 84)

“Ông” trong đoạn trích là tác giả nào dưới đây?

- A. Phan Bội Châu
- B. Phan Chu Trinh
- C. Phan Huy Chú
- D. Phan Kế Bính

Câu 40. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

*Dữ dội và dịu êm.
Ồn ào và lặng lẽ.
Sông không hiểu nổi mình.
Sóng tìm ra tận bể*

(Xuân Quỳnh, *Sóng*, Ngữ văn 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Yếu tố nghệ thuật đặc sắc trong đoạn trích trên là:

- A. Sử dụng những cặp từ đối lập
- B. Sử dụng phép lặp từ
- C. Sử dụng phép tăng tiến
- D. Sử dụng phép nhân hóa và ẩn dụ

Câu 41. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

“Trần Văn Sửu ngồi khoanh tay ngó dòng nước chảy một hồi rồi nói trong trí rằng: “Bây giờ mình còn sống nữa làm gì! Bấy lâu nay mình lẫn lóc chịu cực khổ mà sống, ấy là vì mình thương con, mình sợ nó không hiểu việc xưa rồi nó trở oán mình, mình sợ nó bơ vơ đối rách, mà tội nghiệp thân nó. Bấy giờ mình biết rõ nó thương mình, nó còn kính trọng mình, mà nó lại gần được giàu có sung sướng hết thảy nữa, vậy thì nên chết rồi, chết mới quên hết việc cũ được, chết đặng hết buồn rầu cực khổ nữa.”

(Hồ Biểu Chánh, *Cha con nghĩa nặng*, Ngữ văn lớp 11, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Từ “đặng” trong đoạn trích trên đồng nghĩa với từ nào trong các từ sau:

- A. mới
- B. thì
- C. để
- D. là

Câu 42. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

*“Bác đã đi rồi sao, Bác ơi!
Mùa thu đang đẹp, nắng xanh trời
Miền Nam đang thắng, mơ ngày hội
Rước Bác vào thăm, thấy Bác cười!”*

(Tố Hữu, *Bác ơi*, Ngữ văn lớp 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Dòng nào nói không đúng về nghệ thuật của đoạn trích trên?

- A. Sử dụng nhiều câu cảm thán
- B. Sử dụng phép điệp cấu trúc
- C. Sử dụng bút pháp miêu tả
- D. Sử dụng phép liệt kê

Câu 43. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

“Cuộc đối thoại tiếp diễn như sau:

- Thế em nghĩ thế nào về người khách của chúng ta? – Người con trai hỏi, ngỡ tôi là một đảng hoàng thượng và tưởng rằng tôi không hiểu họ nói gì với nhau.

- Hắn còn làm mình bật cười hơn nữa cơ lúc hắn đeo lên người hắn đủ cả bộ lụa là, đủ cả bộ hạt cườm. – Người bạn gái anh ta trả lời.”

(Nguyễn Ái Quốc, *Vì hành*, Ngữ văn lớp 11, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Đôi nam nữ trong đoạn trích trên đã nhằm nhân vật “tôi” là ai?

- A. Vua Bảo Đại
- B. Vua Đồng Khánh
- C. Vua Khải Định
- D. Vua Duy Tân

Câu 44. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

*“Làm chi để tiếng về sau,
Nghìn năm ai có khen đâu Hoàng Sào!
Sao bằng lộc trọng quyền cao,
Công danh ai dứt lối nào cho qua?
Nghe lời nàng nói mặn mà”*

(Nguyễn Du, *Truyện Kiều*)

Câu thơ “Nghìn năm ai có khen đâu Hoàng Sào!” có sử dụng biện pháp nghệ thuật gì?

- A. Điển tích, điển cố
- B. Ước lệ, tượng trưng
- C. Nhân hóa, so sánh
- D. Ẩn dụ, hoán dụ

Câu 45. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

*Thuở nhỏ tôi ra cống Na câu cá
nữa vầy bà đi chợ Bình Lâm
bắt chim sẻ ở vành tai tượng Phật
và đôi khi ăn trộm nhãn chùa Trần*

*Thuở nhỏ tôi lên chơi đền Cây Thị
chân đất đi đêm xem lễ đền Sòng
mùi huệ trắng quyên khói trầm thơm lắm
điệu hát văn lảo đảo bóng cô đồng*

(Nguyễn Duy, *Đò Lèn*, Ngữ văn lớp 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Các địa danh xuất hiện trong đoạn trích gắn với điều gì?

- A. Những nơi mà nhân vật trữ tình đã sống và chiến đấu
- B. Những trò chơi, niềm vui tuổi thơ của nhân vật trữ tình
- C. Những kỉ niệm gắn liền với người bà của nhân vật trữ tình
- D. Những cơ cực, vất vả của người bà

Câu 46. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

*“Tây Ban Nha
hát nghêu ngao*

*bỗng kinh hoàng
áo choàng bê bết đỏ
Lor-ca bị điệu về bãi bắn
Chàng đi như người mộng du”*

(Thanh Thảo, *Đàn ghi ta của Lor-ca*, Ngữ văn 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2010)

Ý chính của đoạn trích là gì?

- A. Cảnh bọn phát xít đưa Lor-ca ra pháp trường
- B. Sự bi phẫn, đau đớn của người dân Tây Ban Nha trước cái chết của Lor-ca
- C. Hình ảnh người nghệ sĩ Lor-ca trong cái chết đầy bi tráng
- D. Phong thái lãng mạn của người nghệ sĩ Lor-ca khi đối diện với cái chết

Câu 47. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

“Ngày Tết, Mị cũng uống rượu. Mị lén lấy hũ rượu, cứ uống ừng ực từng bát. Rồi say, Mị lịm mặt ngồi đây nhìn mọi người nhảy đồng, người hát, nhưng lòng Mị thì đang sống về ngày trước. Tại Mị văng vẳng tiếng sáo gọi bạn đầu làng. Ngày trước, Mị thổi sáo giỏi. Mùa xuân này, Mị uống rượu bên bếp và thổi sáo. Mị uốn chiếc lá trên môi, thổi lá cũng hay như thổi sáo. Có biết bao nhiêu người mê, ngày đêm đã thổi sáo đi theo Mị.”

(Tô Hoài, *Vợ chồng A Phủ*, Ngữ văn 12, tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2011)

Khát vọng tình yêu, khát vọng tuổi trẻ, kỉ ức về quá khứ tươi đẹp đã được đánh thức trong lòng Mị thông qua chi tiết nào?

- A. Hơi men cay nồng của rượu
- B. Tiếng sáo thiết tha bồi hồi
- C. Cảnh mọi người nhảy đồng và hát
- D. Không khí mùa xuân trên rẻo cao

Câu 48. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

*“Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp,
Con thuyền xuôi mái nước song song,
Thuyền về nước lại, sầu trăm ngả;
Củi một cành khô lạc mấy dòng.”*

(Huy Cận, *Tràng giang*, Ngữ văn 11, tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2010)
Giọng điệu chủ đạo của toàn bộ đoạn trích là gì?

- A. Đều đều, triền miên
C. Trầm lắng, buồn tẻ

- B. Da diết, khắc khoải
D. Sầu muộn, ưu tư

Câu 49. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

“Từ ngã ba Tuần, sông Hương theo hướng nam bắc qua điện Hòn Chén; vấp Ngọc Trản, nó chuyển hướng sang tây bắc, vòng qua thêm đất bãi Nguyệt Biều, Lương Quán rồi đột ngột vẽ một hình cung thật tròn về phía đông bắc, ôm lấy chân đồi Thiên Mụ, xuôi dần về Huế. Từ Tuần về đây, sông Hương vẫn đi trong dư vang của Trường Sơn, vượt qua một lòng vực sâu dưới chân núi Ngọc Trản để sắc nước trở nên xanh thẳm, và từ đó nó trôi đi giữa hai dãy đồi sừng sững như thành quách, với những điểm cao đột ngột như Vọng Cảnh, Tam Thai, Lựu Bảo mà từ đó, người ta luôn luôn nhìn thấy dòng sông mềm như tấm lụa, với những chiếc thuyền xuôi ngược chỉ bé vừa bằng con thoi.”

(Hoàng Phủ Ngọc Tường, *Ai đã đặt tên cho dòng sông?*, Ngữ văn 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2010)

Những biện pháp tu từ nghệ thuật nào được sử dụng trong đoạn trích?

- A. Nhân hóa và so sánh
C. So sánh và ẩn dụ
B. Điệp từ và điệp ngữ
D. Hoán dụ và nhân hóa

Câu 50. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

“Cúng mẹ và cơm nước xong, mấy chị em, chú cháu thu xếp đồ đạc dời nhà. Chị Chiến ra đứng giữa sân, kéo cái khăn trên cổ xuống, cũng xắn tay áo để lộ hai bắp tay tròn vo sạm đỏ màu cháy nắng, rồi dang cả thân người to và chắc nịch của mình nhắc bổng một đầu bàn thờ má lên. Việt ghé vào một đầu. Nào, đưa má sang ở tạm bên nhà chú, chúng con đi đánh giặc trả thù cho đầu. Nào, đưa má sang ở tạm bên nhà chú, chúng con đi đánh giặc trả thù cho đầu. Ba má, đến chừng nước nhà độc lập con lại đưa má về. Việt khiêng trước. Chị Chiến khiêng bịch bịch phía sau. Nghe tiếng chân chị, Việt thấy thương chị lạ. Lần đầu tiên Việt mới thấy lòng mình rõ như thế. Còn mỗi thù thằng Mĩ thì có thể sờ thấy được, vì nó đang đè nặng ở trên vai.”

(Nguyễn Thi, *Những đứa con trong gia đình*, Ngữ văn 12, tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2011)

Chủ đề nổi bật bao trùm đoạn trích là gì?

- A. Hai chị em Việt và Chiến thu xếp việc nhà trước ngày lên đường tòng quân
B. Chú Năm và Chiến chuẩn bị trước cho việc cúng giỗ ba má hàng năm
C. Việt thu xếp sao cho bàn thờ ba má được ấm áp khói hương khi vắng hai chị em
D. Hai chị em Chiến và Việt khiêng bàn thờ má sang gửi nhờ nhà chú Năm

ĐỀ 02

Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi từ 1 đến 5:

- (1) “– Ta với mình, mình với ta
(2) Lòng ta sau trước mặn mà đinh ninh
(3) Mình đi, mình lại nhớ mình
(4) Nguồn bao nhiêu nước, nghĩa tình bấy nhiêu...
(5) Nhớ gì như nhớ người yêu
(6) Trăng lên đầu núi, nắng chiều lưng nương
(7) Nhớ từng bản khói cùng sương
(8) Sớm khuya bếp lửa người thương đi về.
(9) Nhớ từng rừng nứa bờ tre
(10) Ngòi Thia, sông Đáy, suối Lê vơi đầy.”

(Tố Hữu, *Việt Bắc*, Ngữ văn 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2010)

Câu 1. Những biện pháp tu từ nghệ thuật nào được sử dụng trong đoạn trích?

- A. Điệp từ và so sánh
B. Ẩn dụ và nhân hóa
C. Điệp ngữ và hoán dụ
D. So sánh và đối lập

Câu 2. Hai câu thơ (3) và (4) chịu ảnh hưởng trực tiếp từ thể loại văn học dân gian nào?

- A. Dân ca
C. Thành ngữ
B. Ca dao
D. Tục ngữ

Câu 3. Có bao nhiêu cặp từ hô ứng được tác giả sử dụng trong đoạn trích?

- A. 1
C. 3
B. 2
D. 4

Câu 4. Hai đại từ “mình – ta” trong đoạn trích chỉ những đối tượng nào?

- A. Mình chỉ cán bộ về xuôi, ta chỉ nhân dân Việt Bắc
B. Mình chỉ người dân Việt Bắc, ta chỉ chiến sĩ cách mạng
C. Mình chỉ người ở lại, ta chỉ người ra đi
D. Mình chỉ cô gái, ta chỉ chàng trai

Câu 5. Chủ đề nổi bật bao trùm đoạn trích là gì?

- A. Nỗi nhớ sâu đậm của người ra đi với những vẻ đẹp hữu tình, thơ mộng của thiên nhiên và sự giản dị, chân thành của con người Việt Bắc
B. Sự gắn bó thân thiết, quấn quýt giao hòa trong tình cảm mà những chiến

sĩ dành cho nhân dân Việt Bắc trong thời khắc tạm biệt căn cứ địa cách mạng

C. Sự chung thủy sắt son của người ra đi khi từ biệt thủ đô gió ngàn về xuôi

D. Nỗi nhớ sâu sắc của cán bộ cách mạng về xuôi với thiên nhiên, cuộc sống sinh hoạt thời kháng chiến và con người Việt Bắc

Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi từ 6 đến 10:

“Làng ở trong tầm đại bác của đồn giặc. Chúng nó bắn, đã thành lệ, mỗi ngày hai lần, hoặc buổi sáng sớm và xế chiều, hoặc đứng bóng và sẩm tối, hoặc nửa đêm và trở gà gáy. Hầu hết đạn đại bác đều rơi vào ngọn đồi xà nu cạnh con nước lớn. Cả rừng xà nu hàng vạn cây không có cây nào không bị thương. Có những cây bị chặt đứt ngang nửa thân mình, đổ ào ào như một trận bão. Ở chỗ vết thương, nhựa ứa ra, tràn trề, thơm ngào ngạt, long lanh nắng hè gay gắt, rồi dần dần bầm lại, đen và đặc quện thành từng cục máu lớn.

Trong rừng ít có loại cây sinh sôi nảy nở khỏe như vậy. Cạnh một cây xà nu mới ngã gục, đã có bốn năm cây con mọc lên, ngọn xanh rờn, hình nhọn mũi tên lao thẳng lên bầu trời. Cũng có ít loại cây ham ánh sáng mặt trời đến thế. Nó phóng lên rất nhanh để tiếp lấy ánh nắng, thứ ánh nắng trong rừng rọi từ trên cao xuống từng luồng lớn thẳng tắp, lỏng lách vô số hạt bụi vàng từ nhựa cây bay ra, thơm mỡ màng. Có những cây con vừa lớn ngang tầm ngực người lại bị đại bác chặt đứt làm đôi. Ở những cây đó, nhựa còn trong, chất dầu còn loãng, vết thương không lành được, cứ loét mãi ra, năm mười hôm thì cây chết. Nhưng cũng có những cây vượt lên được cao hơn đầu người, cành lá sum sê như những con chim đã đủ lông mao, lông vũ. Đạn đại bác không giết nổi chúng, những vết thương của chúng chóng lành như trên một thân thể cường tráng. Chúng vượt lên rất nhanh, thay thế những cây đã ngã... Cứ thế hai ba năm nay rừng xà nu ưỡn tấm ngực lớn của mình ra, che chở cho làng...”

(Nguyễn Trung Thành, *Rừng xà nu*, Ngữ văn 12, tập hai,

NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Câu 6. Chủ đề nổi bật trong đoạn trích là gì?

A. Thiên nhiên thơ mộng và hùng vĩ của mảnh đất Tây Nguyên ngập tràn nắng gió được khắc họa qua hình ảnh những đồi xà nu, rừng xà nu

B. Những cánh rừng xà nu trong chiến tranh, trong tầm đại bác của đồn giặc, những cánh rừng xà nu chịu sự tàn phá khốc liệt của đạn bom kẻ thù

C. Nỗi xót xa trước những đồi xà nu, những cánh rừng xà nu bị giặc tàn phá và niềm căm giận với tội ác của kẻ thù

D. Số phận đau thương và sức sống kiên cường hiên ngang mạnh mẽ quyết liệt vượt lên mọi sự hủy diệt bởi bom đạn kẻ thù của những cây xà nu

Câu 7. Hình tượng rừng xà nu trong đoạn trích trên được Nguyễn Trung Thành miêu tả như thế nào?

A. Bất hạnh đau thương, kiên cường mãnh liệt

B. Đẹp đẽ long lanh, mạnh mẽ quyết liệt

C. Bất khuất vươn lên, hiên ngang tồn tại

D. Phóng khoáng ngang tàng, sức sống bất diệt

Câu 8. Phong cách ngôn ngữ của đoạn trích là gì?

A. Phong cách ngôn ngữ khoa học

B. Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật

C. Phong cách ngôn ngữ chính luận

D. Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt

Câu 9. Đoạn trích cho thấy nghệ thuật viết truyện ngắn của Nguyễn Trung Thành được thể hiện ở phương diện nào?

A. Tạo ra được bầu không khí sử thi mang đậm những nét văn hóa của Tây Nguyên

B. Xây dựng được hình ảnh cây xà nu mang ý nghĩa biểu tượng cho dân làng Xô Man

C. Khắc họa những cánh rừng xà nu đầy ấn tượng với cảm hứng lãng mạn, ngợi ca

D. Lựa chọn và sử dụng lớp từ ngữ mang đậm màu sắc của mảnh đất Tây Nguyên

Câu 10. Biện pháp tu từ nghệ thuật nào được sử dụng trong đoạn trích?

A. Ẩn dụ

B. Hoán dụ

C. Nhân hóa

D. So sánh

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi từ 11 đến 15:

Tuy nhiên, ý nghĩ dai dẳng cho rằng trái đất là nơi độc nhất có phép màu của sự sống trong hệ mặt trời, ý nghĩ đó đã đẩy chúng ta tới kết luận này, không thể khác được: Chạy đua vũ trang là đi ngược lại lý trí. Không những đi ngược lại lý trí con người mà còn đi ngược lại cả lý trí tự nhiên nữa... Từ khi mới nhen nhúm sự sống trên trái đất, đã phải trải qua 380 triệu năm con bướm mới bay được, rồi 180 triệu năm nữa bông hồng mới nở, chỉ để làm đẹp mà thôi. Cũng đã phải trải qua bốn kỉ địa chất, con người mới hát được hay hơn chim và mới chết vì yêu. Trong thời đại hoàng kim này của khoa học, trí tuệ con người chẳng có gì để tự hào vì đã phát minh ra một biện pháp, chỉ cần bấm một cái nút là đưa cả quá trình vĩ đại và tốn kém đó của hàng bao nhiêu triệu năm trở lại điểm xuất phát của nó.

(G.G. Mác-két, *Đấu tranh cho một thế giới hoà bình*, Ngữ văn 9, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2018)

Câu 11. Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích trên là gì?

A. Miêu tả

B. Biểu cảm

C. Nghị luận

D. Tự sự

Câu 12. Nội dung chính của đoạn trích là gì?

- A. Chạy đua vũ trang là đi ngược lại lý trí con người và tự nhiên
- B. Chạy đua vũ trang chia rẽ, tạo ra xung đột trên thế giới
- C. Chạy đua vũ trang mất thời gian và tốn kém
- D. Chạy đua vũ trang làm mất đi khả năng cải tạo đời sống của con người

Câu 13. Tác giả viết “chỉ cần bấm một cái nút là đưa cả quá trình vĩ đại và tốn kém đó của hàng bao nhiêu triệu năm trở lại điểm xuất phát của nó” có ý nghĩa gì?

- A. Ca ngợi trí tuệ của con người
- B. Ca ngợi sự phát triển của khoa học - kỹ thuật
- C. Tố cáo những thế lực hiếu chiến
- D. Thể hiện sự nguy hiểm của việc chạy đua vũ trang

Câu 14. Thông điệp mà tác giả gửi gắm qua đoạn trích là gì?

- A. Chúng ta cần chung tay chống lại sự phá hủy môi trường
- B. Mong muốn thế giới không có chạy đua vũ trang và một cuộc sống hòa bình
- C. Thể hiện niềm tự hào về sự phát triển khoa học - kỹ thuật
- D. Sự cảm nhận về thiên nhiên kỳ diệu

Câu 15. Thủ pháp nghệ thuật nổi bật được sử dụng trong đoạn trích là gì?

- A. Điệp ngữ, nhân hóa
- B. Ẩn dụ, hoán dụ
- C. Phóng đại, cường điệu
- D. Thống kê, đối lập

Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi từ 16 đến 20:

“Thế giới mỗi ngày một tiến hơn thì tư tưởng cũng thế, không đứng nguyên một chỗ. Vì thế có những tác phẩm hợp với thời này mà không hợp với thời kia, hay với người thời này mà không hay với người thời khác; nhưng bên cạnh những cái đó, há ta chẳng thường thấy những áng văn gọi là “cổ điển” mới luôn luôn, mới mãi mãi, đời nọ truyền đời kia mà không lúc nào lạc hậu đó sao?

Đó là những tác phẩm của Voltaire, của Dickens, của Ôn Như Hầu, của Shakespeare, của Đoàn Thị Điểm hơn thế nữa, Truyện Kiều của Nguyễn Du có 4.000 câu thơ, mà có nhà học giả dám đoan quyết không thể thay đổi đi một chữ!

[...] Từ trước đến nay, nhiều người đã phân tích và giải thích Truyện Kiều cũng như các tác phẩm văn chương khác của Việt Nam.

Phần tôi, bắt đầu từ đây, tôi muốn đem phân tích và giải thích “miếng ngon Hà Nội” – những miếng ngon mà người Việt Nam ăn vào thấy ngát mùi đất nước Việt Nam, thấy mình Việt Nam hơn, và thấy thích thú, kiêu hãnh được trời cho làm người Việt Nam.”

(Vũ Bằng, *Miếng ngon Hà Nội*, NXB Hội Nhà Văn, 2021, trang 19 – 20)

Câu 16. Ý chính của đoạn trích là gì?

- A. Sự tiến bộ của xã hội kéo theo sự dịch chuyển trong tư tưởng của con người
- B. Đối tượng tiếp nhận khác nhau sẽ dẫn đến những cách nhận xét, đánh giá khác nhau về cùng một tác phẩm
- C. Khẳng định giá trị vững bền, bất biến của những tác phẩm đã đạt đến độ “cổ điển”
- D. Giá trị của một tác phẩm chỉ mang tính chất lâm thời vì nó phụ thuộc vào những bối cảnh và thời đại khác nhau

Câu 17. Mục đích của câu văn: “Đó là những tác phẩm của Voltaire, của Dickens, của Ôn Như Hầu, của Shakespeare, của Đoàn Thị Điểm hơn thế nữa, Truyện Kiều của Nguyễn Du có 4.000 câu thơ, mà có nhà học giả dám đoan quyết không thể thay đổi đi một chữ!” là gì?

- A. Tạo cơ sở, nền tảng để tiếp tục triển khai những nội dung tiếp theo của đoạn trích
- B. Khẳng định những tác phẩm của Voltaire, Dickens, Ôn Như Hầu, Shakespeare, Đoàn Thị Điểm, Nguyễn Du đã đạt đến độ uyên bác về nội dung và chuẩn mực về nghệ thuật
- C. Gia tăng tính liên kết trên cả hai phương diện hình thức và nội dung của các câu văn
- D. Đưa ra dẫn chứng để tăng thêm tính thuyết phục cho luận điểm: có những tác phẩm mà giá trị của nó vượt qua sự băng hoại của thời gian

Câu 18. Từ “cổ điển” (in đậm, gạch chân) trong đoạn trích gần nghĩa hơn cả với từ ngữ nào?

- A. Chuẩn mực
- B. Mẫu mực
- C. Chuẩn xác
- D. Kinh điển

Câu 19. Từ “Việt Nam” (in đậm, gạch chân) trong đoạn trích là từ loại gì?

- A. Tính từ
- B. Danh từ
- C. Trợ từ
- D. Thán từ

Câu 20. Tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ nghệ thuật nào trong câu văn: “Phần tôi, bắt đầu từ đây, tôi muốn đem phân tích và giải thích “miếng ngon Hà Nội” – những miếng ngon mà người Việt Nam ăn vào thấy ngát mùi đất nước Việt Nam, thấy mình Việt Nam hơn, và thấy thích thú, kiêu hãnh được trời cho làm người Việt Nam.”

A. Ấn dụ

B. Hoán dụ

C. Nói quá

D. Nhân hóa

Câu 21. Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

Ông ấy luôn ý thức mình là người cầm cương này mực nên lúc nào cũng nêu cao tinh thần chí công vô tư.

A. ý thức

B. cầm cương này mực

C. nêu cao

D. chí công vô tư

Câu 22. Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

Giữ thái độ bằng quang trước cuộc đời không giúp anh sống sâu sắc, vị tha được.

A. thái độ

B. bằng quang

C. cuộc đời

D. vị tha

Câu 23. Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

Nhân vật Lorca toát ra vẻ đẹp của một tâm hồn bất khuất và dũng cảm của người chiến sĩ – nghệ sĩ đang phải sống giữa một xã hội loạn luân, đầy bất công áp bức.

A. bất khuất

B. dũng cảm

C. loạn luân

D. bất công

Câu 24. Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

Ngôi nhà anh ta mới xây ở ven đô tuy bé và xinh.

A. xây

B. ở

C. tuy

D. và

Câu 25. Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

Một không khí nhộn nhịp bao phủ thành phố Hà Nội.

A. Một

B. không khí

C. nhộn nhịp

D. bao phủ

Câu 26. Chọn một từ mà nghĩa của nó KHÔNG cùng nhóm với các từ còn lại:

A. tiết kiệm

B. căn cơ

C. dành dụm

D. dè sẻn

Câu 27. Chọn một từ mà nghĩa của nó KHÔNG cùng nhóm với các từ còn lại:

A. hào nhoáng

B. bóng bẩy

C. đẹp đẽ

D. mỹ miều

Câu 28. Chọn một từ mà nghĩa của nó KHÔNG cùng nhóm với các từ còn lại:

A. thiên hà

B. thiên thể

C. thiên tú

D. thiên thạch

Câu 29. Chọn một từ mà nghĩa của nó KHÔNG cùng nhóm với các từ còn lại:

A. mách lẻo

B. hóng hớt

C. ton hót

D. hót lẻo

Câu 30. Tác phẩm nào KHÔNG cùng thể loại với tác phẩm còn lại:

A. Đây thôn Vĩ Dạ

B. Bắc Sơn

C. Vội vàng

D. Tây Tiến

Câu 31. Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

Mối quan hệ Việt – Lào đã được tôi luyện qua năm tháng và rất...

A. vững bền

B. vững chãi

C. vững vàng

D. vững chắc

Câu 32. Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

Việc kí duyệt sai nguyên tắc của giám đốc nhà máy đã gây.... hàng tỉ đồng.

A. thiệt thòi

B. thiệt hại

C. hư hại

D. thất thoát

Câu 33. Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

Thủ tướng cùng... đến dự lễ khánh thành nhà máy

A. vợ

B. hiền thê

C. phu nhân

D. bà xã

Câu 34. Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

Địa đạo Củ Chi là một bức tranh ... về chiến tranh du kích.

A. linh động

B. lung linh

C. sống động

D. linh hoạt

Câu 35. Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

- Sau mấy đêm mất ngủ, trông Lan ... như người vừa ốm dậy.
A. nhếch nhác
B. hốc hác
C. nhón nhác
D. xao xác

Câu 36. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

*Con sóng dưới lòng sâu
Con sóng trên mặt nước
Oi con sóng nhớ bờ
Ngày đêm không ngủ được
Lòng em nhớ đến anh
Cả trong mơ còn thức*

(Xuân Quỳnh, *Sóng*, Ngữ văn lớp 12, tập một, NXB Giáo

dục Việt Nam, 2020)

Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong đoạn trích?

- A. So sánh
B. Đảo ngữ
C. Điệp từ
D. Điệp âm

Câu 37. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

“Cuộc săn dũ ráo riết đến đâu cũng không sao tróc đủ một trăm người phải đi xem đá bóng. Dăm sáu anh khôn ngoan, đã kéo đến ngủ nhờ nhà khác, hoặc làng khác. Họ làm như lánh nạn.”

(Nguyễn Công Hoan, *Tinh thần thể dục*, Ngữ văn lớp 11, tập một, NXB Giáo dục, 2020)

Từ “tróc” trong đoạn trích trên đồng nghĩa với từ nào trong các từ sau:

- A. tìm
B. kiếm
C. bắt
D. rủ

Câu 38. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

*“Nhà em có một giàn giầu,
Nhà anh có một hàng cau liên phòng
Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông
Cau thôn Đoài nhớ giầu không thôn nào?”*

(Nguyễn Bính, *Tương tư*, Ngữ văn lớp 11, tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Đoạn trích thể hiện khát khao thầm kín nào của nhân vật trữ tình?

- A. Khát khao gặp gỡ
B. Khát khao nên duyên

C. Khát khao chất vấn

D. Khát khao bày tỏ

Câu 39. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

“Tôi không được rõ ý đồ nhà “vi hành” của chúng ta ra sao. Phải chăng là ngài muốn biết dân Pháp, dưới quyền ngự trị của bạn ngài là A – lếch – xăng Đệ nhất, có được sung sướng, có được uống nhiều rượu và được hút nhiều thuốc phiện bằng dân Nam, dưới quyền ngự trị của ngài, hay không?”

(Nguyễn Ái Quốc, *Vi hành*, Ngữ văn lớp 11, NXB Giáo dục, 2020)

Giọng điệu chủ đạo trong đoạn trích là gì?

- A. Giọng điệu buồn bã, xót xa
B. Giọng điệu châm biếm, mỉa mai
C. Giọng điệu nhẹ nhàng, duyên dáng
D. Giọng điệu đả kích mạnh mẽ

Câu 40. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

*“Dưới màu hoa như lửa cháy khát khao
Anh nắm tay em bước dọc con đường vắng
Chỉ có tiếng ve sôi chẳng cho trưa hè yên tĩnh
Chẳng chịu cho lòng ta yên”*

(Thanh Tùng, *Thời hoa đỏ, Quà tặng tình yêu – 99 bài thơ tình*,

Di Li tuyển chọn, NXB Văn học, 2012)

Biện pháp tu từ nghệ thuật nổi bật của đoạn trích là:

- A. Ẩn dụ
B. So sánh
C. Điệp từ
D. Nhân hóa

Câu 41. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

“Cha mất sớm, ông sống với mẹ ở Quy Nhơn và có hai năm học trung học tại trường Pe – lơ – ranh (Pellerin) ở Huế. Sau đó ông làm công chức ở Sở Đạc điền Bình Định rồi vào Sài Gòn làm báo. Đến năm 1936, mắc bệnh phong, ông về hẳn Quy Nhơn chữa bệnh và mất tại trại phong Quy Hòa.”

(Ngữ văn 11, tập hai, NXB Giáo dục, năm 2020, tr. 38)

“Ông” trong đoạn trích là tác giả nào dưới đây?

- A. Thạch Lam
B. Hồ Dzếnh
C. Hàn Mặc Tử
D. Nguyễn Bính

Câu 42. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

*“Sao anh không về chơi thôn Vĩ?
Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên*

*Vườn ai mướt quá xanh như ngọc
Lá trúc che ngang mặt chữ điền”*

(Hàn Mặc Tử, *Đây thôn Vĩ Dạ*, Ngữ văn lớp 11, tập hai,
NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Câu hỏi “Sao anh không về chơi thôn Vĩ?” trong đoạn trích trên mang hàm ý gì?

- A. Lời trách móc nhẹ nhàng, đáng yêu của người thôn Vĩ
- B. Lời tự vấn của nhân vật trữ tình
- C. Lời mời gọi về thăm thôn Vĩ
- D. Cả A, B và C

Câu 43. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

“Dân không biết đoàn thể, không trọng công ích là bởi ba bốn trăm năm trở về đây, bọn học trò trong nước mắc ham quyền tước, ham bả vinh hoa của các triều vua mà sinh ra giả dối nịnh hót, chỉ biết có vua mà không biết có dân.”

(Phan Châu Trinh, *Về luân lý xã hội ở nước ta*, Ngữ văn 11, tập hai,
NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Từ “mắc” trong đoạn trích trên đồng nghĩa với từ nào trong các từ sau:

- A. sợ
- B. yêu
- C. mê
- D. bận

Câu 44. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

*“Suốt mấy hôm rày đau tiễn đưa
Đời tuôn nước mắt, trời tuôn mưa...
Chiều nay con chạy về thăm Bác
Ướt lạnh vườn rau, mấy gốc dừa!”*

(Tố Hữu, *Bác ơi*, Ngữ văn lớp 12, tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Từ “rày” trong đoạn trích trên đồng nghĩa với từ nào sau đây?

- A. trời
- B. nay
- C. rồi
- D. xưa

Câu 45. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

“Từ năm 1970 đến năm 1978 ông xuất ngũ và làm đủ mọi nghề để mưu sinh, như làm hợp đồng cho Nhà xuất bản Giải phóng, chăm công trong một đội câu đường, vẽ pa-nô, áp – phích, ... Từ năm 1978 đến năm 1988, ông là biên tập viên tạp chí Sân khấu và bắt đầu sáng tác kịch nói – với vở kịch đầu tay *Sống mãi tuổi 17* (viết lại theo kịch bản của Vũ Duy Kỳ)”

(Ngữ văn 12, tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020, trang 142)

Đoạn trích trên nói về tác giả nào sau đây:

- A. Nguyễn Minh Châu
- B. Lưu Quang Vũ
- C. Nguyễn Huy Tưởng
- D. Chế Lan Viên

Câu 46. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

*những tiếng đàn bọt nước
Tây Ban Nha áo choàng đỏ gắt
li-la-li-la-li-la
đi lang thang về miền đơn độc
với vầng trăng chênh choáng
trên yên ngựa mỗi mòn*

(Thanh Thảo, *Đàn ghi ta của Lor-ca*, Ngữ văn 12, tập một,
NXB Giáo dục Việt Nam, 2010)

Nội dung chính của đoạn trích là gì?

A. Hình ảnh Lor-ca, con người yêu tự do, dân chủ, nghệ sĩ cô đơn khao khát cách tân trong khung cảnh chính trị và nghệ thuật Tây Ban Nha

B. Hình ảnh Lor-ca, người công dân yêu tự do, người nghệ sĩ đơn độc, yêu chuộng hòa bình trong khung cảnh chính trị và nghệ thuật Tây Ban Nha

C. Hình ảnh Lor-ca, một nghệ sĩ, một nhà văn hóa vĩ đại với những đóng góp lớn lao cho công cuộc cách tân nền nghệ thuật già cỗi của đất nước Tây Ban Nha

D. Hình ảnh Lor-ca, một con người vừa cổ vũ nhân dân đấu tranh với mọi thế lực áp chế vừa thúc đẩy mạnh mẽ những cách tân trong các lĩnh vực nghệ thuật

Câu 47. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

“Trong những dòng sông đẹp ở các nước mà tôi thường nghe nói đến, hình như chỉ sông Hương là thuộc về một thành phố duy nhất. Trước khi về đến vùng châu thổ êm đềm, nó đã là một bản trường ca của rừng già, rầm rộ giữa bóng cây đại ngàn, mãnh liệt qua những ghềnh thác, cuộn xoáy như cơn lốc vào những đáy vực bí ẩn, và cũng có lúc nó trở nên dịu dàng và say đắm giữa những dặm dài chói lọi màu đỏ của hoa đỗ quyên rừng.”

(Hoàng Phủ Ngọc Tường, *Ai đã đặt tên cho dòng sông?*,
Ngữ văn 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2010)

Giọng điệu chủ đạo của toàn bộ đoạn trích là gì?

- A. Phân tích, miêu tả
- B. Suy tư, triết luận

C. Tự hào, kiêu hãnh

D. Cảm phục, ngợi ca

Câu 48. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

“Đời chúng ta nằm trong vòng chữ tôi. Mất bề rộng ta đi tìm bề sâu. Nhưng càng đi sâu càng lạnh. Ta thoát lên tiên cùng Thế Lữ, ta phiêu lưu trong trường tình cùng Lưu Trọng Lư, ta điên cuồng với Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên, ta đắm say cùng Xuân Diệu. Nhưng động tiên đã khép, tình yêu không bền, điên cuồng rồi tỉnh, say đắm vẫn bơ vơ. Ta ngơ ngẩn buồn trở về hồn ta cùng Huy Cận.”

(Hoài Thanh, *Một thời đại trong thi ca*,
Ngữ văn 11, tập hai, tr...NXB Giáo dục Việt Nam, 2010)

Biện pháp nghệ thuật nổi bật nhất của tác giả trong đoạn trích là

A. Điệp từ

B. Sử dụng những câu văn đồng dạng về cấu trúc

C. Điệp ngữ

D. Sử dụng các câu văn sóng đôi với nhau

Câu 49. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

“Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân

Quân điếu phạt trước lo trừ bạo

Như nước Đại Việt ta từ trước

Vốn xưng nền văn hiến đã lâu

Núi sông bờ cõi đã chia

Phong tục Bắc Nam cũng khác

Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần bao đời xây nền độc lập

Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên hùng cứ một phương

Tuy mạnh yếu có lúc khác nhau

Song hào kiệt thời nào cũng có.”

(Nguyễn Trãi, *Bình Ngô đại cáo*)

Từ “Triệu” trong câu thơ “*Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần bao đời xây nền độc lập*” chỉ ai?

A. Triệu Đà

B. Triệu Thị Trinh

C. Triệu Quang Phục

D. Triệu Bôn

Câu 50. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

“Trên đầu núi, các nương ngô, nương lúa gặt xong, ngô lúa đã xếp yên đầy các nhà kho. Trẻ con đi hái bí đỏ, tính nghịch, đã đốt những lều canh nương để sưởi lửa. Ở Hồng Ngải người ta thành lệ cứ ăn Tết khi gặt hái vừa xong, không kể ngày, tháng nào. Ăn Tết như thế cho kịp lúc mưa xuân xuống thì đi vỡ nương mới. Hồng Ngải năm ấy ăn Tết giữa lúc gió thổi vào cỏ gianh vàng ửng, gió và rét rất dữ dội.

Nhưng trong các làng Mèo Đỏ, những chiếc váy hoa đã đem ra phơi trên mồm đá xòe như con bướm sặc sỡ [...]”

(Tô Hoài, *Vợ chồng A Phủ*, Ngữ văn 12, tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2011)

Chủ đề nổi bật bao trùm đoạn trích là gì?

A. Bức tranh thiên nhiên và cuộc sống con người miền Tây Bắc khi mùa xuân đến

B. Khung cảnh thiên nhiên thơ mộng, trữ tình nơi núi rừng Tây Bắc vào ngày Tết

C. Cuộc sống sinh hoạt của đồng bào người Mông vào dịp Tết đến xuân về

D. Những nét văn hóa truyền thống đặc sắc của các dân tộc vùng cao Tây Bắc

ĐỀ 03

Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi từ 1 đến 5:

- (1) "Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa
- (2) Kìa em xiêm áo tự bao giờ
- (3) Khèn lên man điệu nàng e ấp
- (4) Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ
- (5) Người đi Châu Mộc chiều sương ấy
- (6) Có thấy hồn lau nẻo bến bờ
- (7) Có nhớ dáng người trên độc mộc
- (8) Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa"

(Quang Dũng, *Tây Tiến*, Ngữ văn 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2010)

Câu 1. Từ "bừng" trong câu thơ thứ (1) diễn tả cảm xúc gì của tác giả?

- A. Vui sướng, rạo rực
- B. Ngưỡng mộ, băng khuâng
- C. Ngỡ ngàng, bất ngờ
- D. Đắm say, tha thiết

Câu 2. Giọng điệu chủ đạo của toàn bộ đoạn trích là gì?

- A. Phơi phới, trẻ trung
- B. Ấm áp, thân tình
- C. Vui vẻ, hào hùng
- D. Lạc quan, yêu đời

Câu 3. Nội dung chính của đoạn trích là gì?

- A. Nỗi nhớ những kỉ niệm đẹp về tình quân dân trong đêm liên hoan văn nghệ và cảnh sông nước miền Tây
- B. Vẻ đẹp lãng mạn, hào hoa của các chiến sĩ trong một đêm lửa trại nơi đoàn binh Tây Tiến dừng chân
- C. Những hoài niệm băng khuâng, da diết về cảnh sắc, con người miền Tây trong tâm trí các chiến sĩ Tây Tiến
- D. Đêm liên hoan văn nghệ lung linh, huyền ảo, sống động, rực rỡ giữa các chiến sĩ Tây Tiến và con người miền Tây

Câu 4. Có bao nhiêu từ láy trong đoạn trích?

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4

Câu 5. Biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong câu thơ thứ (6) là gì?

- A. Nhân hóa
- B. Hoán dụ
- C. So sánh
- D. Ẩn dụ

Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi từ 6 đến 10:

"Bà lão cúi đầu nín lặng. Bà lão hiểu rồi. Lòng người mẹ nghèo khổ ấy còn hiểu ra biết bao nhiêu cơ sự, vừa ai oán vừa xót thương cho số kiếp đứa con mình. Chao ôi, người ta dựng vợ gả chồng cho con là lúc trong nhà ăn nên làm nổi, những mong sinh con đẻ cái mở mặt sau này. Còn mình thì... Trong kẽ mắt kèm nhèm của bà rỉ xuống hai dòng nước mắt... Biết rằng chúng nó có nuôi nổi nhau sống qua được cơn đói khát này không.

Bà lão khẽ thở dài ngẩng lên, đắm đắm nhìn người đàn bà. Thị cúi mặt xuống, tay vân vê tà áo đã rách bợt. Bà lão nhìn thị và bà nghĩ: Người ta có gặp bước khó khăn, đói khổ này, người ta mới lấy đến con mình. Mà con mình mới có vợ được... Thôi thì bổn phận bà là mẹ, bà đã chẳng lo lắng được cho con... May ra mà qua khỏi được cái tao đoạn này thì thằng con bà cũng có vợ, nó yên bề nó, chẳng may ra ông giời bắt chết cũng phải chịu chứ biết thế nào mà lo cho hết được?"

(Kim Lân, *Vợ nhặt*, Ngữ văn 12, tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Câu 6. Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích là gì?

- A. Nghị luận
- B. Tự sự
- C. Miêu tả
- D. Biểu cảm

Câu 7. Đoạn trích thể hiện tâm trạng gì của nhân vật bà cụ Tứ?

- A. Xót thương, ai oán
- B. Tủi hổ, cay đắng
- C. Ngạc nhiên, lo lắng
- D. Buồn bã, phiền muộn

Câu 8. Từ "cơ sự" (in đậm, gạch chân) trong đoạn trích gần nghĩa hơn cả với từ ngữ nào?

- A. Vụ việc
- B. Sự tình
- C. Vấn đề
- D. Sự thể

Câu 9. Nhân vật bà cụ Tứ trong đoạn trích hiện lên là người mẹ như thế nào?

- A. Nhân hậu trong ứng xử và tinh tế trong lời nói
- B. Thương con và giàu lòng nhân ái
- C. Từng trải và có trái tim nhạy cảm
- D. Có sự thấu hiểu sâu sắc và cái nhìn tinh tường

Câu 10. Việc tác giả sử dụng dấu ba chấm (...) trong câu văn "Còn mình thì..." có ý nghĩa gì?

- A. Thể hiện trong suy nghĩ của nhân vật bà cụ Tứ còn nhiều điều băn khoăn, những cơ sự bà đã đoán ra mà không nói
- B. Cho thấy sự áy náy, day dứt của nhân vật bà cụ Tứ khi chưa thể lo việc cưới xin cho anh con trai đang hoạn; từ tế

C. Thể hiện sự ngưng lặng trong lời độc thoại nội tâm của nhân vật bà cụ Tứ khi bà so sánh hoàn cảnh gia đình mình và hoàn cảnh gia đình người ta

D. Tách biệt giữa dòng suy nghĩ của nhân vật bà cụ Tứ với câu văn miêu tả “Trong kẽ mắt kèm nhèm của bà rỉ xuống hai dòng nước mắt” của nhà văn Kim Lân

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi từ 11 đến 15:

Các nhà khoa học đã bắt đầu khám phá xem giấc ngủ cần thiết như thế nào cho sự sáng tạo và cho việc giải quyết khó khăn. Theo một cuộc nghiên cứu của Đức được tài trợ bởi Đại học Luebeck, xuất hiện trên tạp chí *Nature*: “Qua giấc ngủ, người ta có thể hiểu ra những điều rất quan trọng... Giấc ngủ cũng có ký ức và, đồng thời, có thể giúp người ta thấu hiểu sự việc bằng cách thay đổi cấu trúc biểu hiện của ký ức.” Nghiên cứu này cũng cho thấy rằng khi được thể hiện bằng một cuộc kiểm tra toán học cơ bản, chủ thể – người đã ngủ được đủ tám tiếng - có khả năng gấp ba lần một người thiếu ngủ khi giải một câu đố trong cuộc kiểm tra.

Và một nghiên cứu của trường y Harvard đã đi đến kết luận rằng “một giấc ngủ đêm sau khi trải qua một ngày học với nhiều bài toán khó sẽ giúp sinh viên tăng hơn gấp đôi khả năng tìm ra đáp án”.

Và trong khi việc học trong giấc ngủ chỉ hứa hẹn rằng chúng ta có thể tiếp thu lại thông tin từ đêm trước, thì những hiểu biết sau cùng về giấc ngủ cho chúng ta biết rằng nó là **phương tiện** để xử lý ký ức và là phương tiện rất quan trọng để thấu hiểu một sự việc nào đó. Một nghiên cứu của đại học Luebeck mà chúng ta đã nói đến, cho thấy rằng: một thời kỳ rất quan trọng của giấc ngủ sâu, gọi là pha ngủ sóng ngắn (slow-wave sleep – SWS), có liên quan trong việc tái kiến trúc ký ức so với những ngày trước. Sự tái kiến trúc này được liên kết với sự gia tăng trong năng lực não bộ. Vì pha ngủ sóng ngắn là một trong những phần sâu nhất của chu kỳ ngủ bên trong chúng ta, nên bạn có thể hiểu được vì sao việc ngủ đủ giấc đêm lại rất quan trọng.

(Richard Laermer, 2011 *trào lưu trong thập kỉ tới*,

NXB Văn hóa Sài Gòn, 2009, tr. 84, 85).

Câu 11. Phong cách ngôn ngữ của đoạn trích là gì?

- A. Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật
- B. Phong cách ngôn ngữ báo chí
- C. Phong cách ngôn ngữ khoa học
- D. Phong cách ngôn ngữ chính luận

Câu 12. Đoạn trích bàn về vấn đề gì?

- A. Vai trò của giấc ngủ sâu
- B. Vai trò của giấc ngủ đêm
- C. Vai trò của giấc ngủ với việc học tập

D. Vai trò của giấc ngủ với sức khỏe

Câu 13. Ý nào là kết quả nghiên cứu của Đại học Luebeck về giấc ngủ?

- A. Giấc ngủ giúp con người hiểu ra những điều quan trọng
- B. Giấc ngủ giúp củng cố ký ức và thay đổi cấu trúc biểu hiện của ký ức
- C. Giấc ngủ giúp sinh viên tăng gấp đôi khả năng ghi nhớ bài học
- D. Giấc ngủ sâu giấc ban đêm rất quan trọng đối với con người

Câu 14. Ý nào không phải là kết luận từ các nghiên cứu về giấc ngủ được nhắc đến trong đoạn trích?

- A. Qua giấc ngủ, người ta có thể hiểu ra những điều quan trọng
- B. Giấc ngủ giúp con người có khả năng làm việc hiệu quả hơn
- C. Càng ngủ nhiều đầu óc của con người càng trở nên minh mẫn
- D. Giấc ngủ sâu rất tốt cho sức khỏe con người

Câu 15. Từ “phương tiện” (in đậm, gạch chân) trong đoạn trích gần nghĩa hơn cả với từ nào sau đây?

- A. Phương thức
- B. Cách thức
- C. Công cụ
- D. Dụng cụ

Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi từ 16 đến 20:

“Dân số Hà Nội đến năm 2008 là khoảng 4 triệu dân, trong đó chỉ có 7% là dân **Hà Nội gốc**. Số còn lại đến Hà Nội vì nhiều lí do: Các nhà khoa học, nhà chính trị từ các địa phương chuyển về Hà Nội, vì đây là trung tâm chính trị, khoa học của đất nước; Sinh viên học sinh từ khắp nơi về Thủ đô học tập vì đây là nơi tập trung nhiều trường cao đẳng, đại học nhất trong cả nước; những người làm ăn lớn, các nhà doanh nghiệp, nhà công nghiệp chọn đất Thủ đô làm nơi sinh sống làm ăn vì đây chính là trường giao lưu, nơi trao đổi thông tin, nơi gia tăng các mối quan hệ trong và ngoài nước đều thuận tiện; những người về Hà Nội theo con cái, những người du lịch hoặc thăm thân ở Thủ đô; những người làm ăn nhỏ, làm thợ hoặc buôn thúng bán bưng, những người không có nghề nghiệp ổn định, những người làm việc tạm thời khi nông nhàn,... cũng tràn về Hà Nội. Có hàng trăm nghìn lí do khiến dân số Hà Nội không ngừng tăng nhanh. Hiện nay, với **sự mở rộng Hà Nội**, còn có một bộ phận người dân thuộc các dân tộc ít người như Mường, Thái, Sán Dìu thuộc Hà Tây hoặc Hòa Bình cũng gia nhập cư dân Hà Nội.”

(Nguyễn Thị Bích Hà, *Hà Nội con người lịch sử văn hóa*,

NXB Đại học Sư phạm, 2013, trang 147)

Câu 16. Ý chính của đoạn trích là gì?

- A. Sự phong phú trong thành phần dân cư Thủ đô
- B. Nguyên nhân của các luồng nhập cư về Hà Nội

C. Sự đa dạng trong cơ cấu dân số của Hà Nội

D. Sự gia tăng dân số nhanh chóng của Hà Nội trong một vài năm trở

lại đây

Câu 17. Theo đoạn trích, có những đối tượng nào nhập cư vào Hà Nội?

A. Những người buôn thúng bán bưng, những người làm việc tạm thời khi nông nhàn, các dân tộc ít người, nhà chính trị, nhà khoa học, sinh viên, học sinh, nhà doanh nghiệp, nhà công nghiệp, khách du lịch, những người về Hà Nội theo con cái, những người ra Hà Nội thăm thân

B. Sinh viên, học sinh, những người làm ăn lớn, nhỏ, những người du lịch hoặc thăm thân ở Thủ đô, các dân tộc ít người, nhà chính trị, nhà khoa học, nhà doanh nghiệp, nhà công nghiệp, những người làm việc tạm thời khi nông nhàn, những người buôn thúng bán bưng

C. Những người làm thợ, một bộ phận người dân thuộc các dân tộc ít người như Mường, Thái, Sán Dìu thuộc Hà Tây hoặc Hòa Bình, những người làm ăn lớn, nhỏ, nhà khoa học, nhà chính trị, học sinh, sinh viên, những người làm việc tạm thời khi nông nhàn

D. Nhà khoa học, nhà chính trị, học sinh, sinh viên, những người làm ăn lớn, nhỏ, các nhà doanh nghiệp, nhà công nghiệp, những người về Hà Nội theo con cái, khách du lịch hoặc thăm thân, thợ thuyền, những người không có nghề nghiệp ổn định, các dân tộc ít người

Câu 18. Theo đoạn trích, có những nguyên nhân nào làm cho dân số Hà Nội có chiều hướng không ngừng tăng nhanh?

A. Vì đây là trung tâm chính trị, khoa học của đất nước; là nơi tập trung nhiều trường cao đẳng, đại học nhất trong cả nước; là thị trường giao lưu, trao đổi thông tin; là nơi gia tăng các mối quan hệ trong và ngoài nước

B. Vì đây là nơi tập trung nhiều danh lam, thắng cảnh đẹp nổi tiếng nên thu hút nhiều khách tham quan, du lịch hàng năm; là nơi có nhiều trường cao đẳng, đại học do vậy luôn có một lượng lớn học sinh, sinh viên đổ về học tập

C. Vì đây là nơi có thị trường việc làm rộng mở có thể góp phần gia tăng thu nhập cho những người không có nghề nghiệp ổn định, những người làm việc tạm thời khi nông nhàn,...

D. Vì ở đây mỗi người có cơ hội việc làm tốt hơn, cơ hội giáo dục cho con cái tốt hơn, cơ hội quen những người bạn lớn, và trao đổi những điều lớn lao hơn, cuộc sống sẽ có ý nghĩa hơn.

Câu 19. Cụm từ “sự mở rộng Hà Nội” (in đậm, gạch chân) trong đoạn trích nhắc đến sự kiện nào dưới đây

A. Ngày 01/08/2008 sáp nhập tỉnh Hà Tây và một số xã, huyện lân cận vào Hà Nội

B. Thành lập thêm các tuyến phố đi bộ trên địa bàn thành phố Hà Nội

C. Thành lập các tuyến đường vành đai xung quanh Thủ đô

D. Thành lập thêm các quận trong địa giới hành chính của Hà Nội

Câu 20. Cụm từ “Hà Nội gốc” (in đậm, gạch chân) trong đoạn trích được hiểu là

A. Những người sinh ra và lớn lên ở Hà Nội

B. Những gia đình nhiều thế hệ sống ở Hà Nội

C. Những người lập nghiệp ở Hà Nội

D. Những người di chuyển về Hà Nội từ rất sớm

Câu 21. Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

Anh Hoàng là người cán bộ độc nhất mà ông tin cậy.

A. người

B. cán bộ

C. độc nhất

D. tin cậy

Câu 22. Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

Lan chăm chú nghe ngóng ý kiến của thẩm phán và các luật sư bào chữa.

A. chăm chú

B. nghe ngóng

C. ý kiến

D. bào chữa

Câu 23. Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

Tìm thêm các ví dụ trong thơ Nôm của Nguyễn Trãi, Hồ Xuân Hương, Truyện Kiều... để chứng minh rằng: từ thế kỉ XV trở đi, tiếng Việt đã đạt đến mức độ tinh tế, uyên chuyên.

A. ví dụ

B. Nguyễn Trãi

C. Truyện Kiều

D. tinh tế

Câu 24. Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

Trong hoàn cảnh éo le ấy, chị cảm thấy bất lực và kiệt sức, định buông thả cho số phận.

A. hoàn cảnh

B. éo le

C. bất lực

D. buông thả

Câu 25. Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

Những lời nói chân tình từ đáy lòng khiến mọi người rất cảm xúc.

A. lời nói

B. chân tình

C. đáy lòng

D. cảm xúc

Câu 26. Chọn một từ mà nghĩa của nó KHÔNG cùng nhóm với các từ còn lại:

- A. thuyền nan
- C. thuyền rồng

- B. tàu thuyền
- D. thuyền mảnh

Câu 27. Chọn một từ mà nghĩa của nó KHÔNG cùng nhóm với các từ còn lại:

- A. gãy gọn
- C. hàm súc

- B. cô đọng
- D. súc tích

Câu 28. Chọn một từ mà nghĩa của nó KHÔNG cùng nhóm với các từ còn lại:

- A. lèm bèm
- C. lèm nhèm

- B. cầu nhàu
- D. lâu bầu

Câu 29. Chọn một từ mà nghĩa của nó KHÔNG cùng nhóm với các từ còn lại:

- A. háo hức
- C. hớn hờ

- B. rạng rỡ
- D. roi rói

Câu 30. Tác phẩm nào KHÔNG cùng thể loại với tác phẩm còn lại:

- A. Hạnh phúc một tang gia
- B. Ai đã đặt tên cho dòng sông?
- C. Rừng xà nu
- D. Chữ người tử tù

Câu 31. Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

Nghe bệnh, bắt mạch xong, ông _____ kê đơn bốc thuốc.

- A. nhanh nhẹn
- C. thận trọng

- B. long trọng
- D. trân trọng

Câu 32. Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

Văn bản mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo cho thấy _____ tuyến sinh năm nay đã tăng đáng kể.

- A. mục tiêu
- C. chỉ số

- B. chỉ tiêu
- D. tiêu chuẩn

Câu 33. Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

Dù nhảy xuống sông cũng cứ phải bám chặt vào phao thì mới mong _____ mạng sống.

- A. bảo đảm
- C. bảo toàn

- B. bảo tồn
- D. bảo vệ

Câu 34. Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

Đà Lạt là điểm du lịch tuyệt vời và là nơi lí tưởng để _____ tinh thần sau thời gian làm việc căng thẳng.

- A. bồi dưỡng
- C. an dưỡng

- B. di dưỡng
- D. tu dưỡng

Câu 35. Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

Cơ quan anh ấy vừa _____ 2 phòng ấy thành “Phòng tổng hợp”.

- A. chia tách
- C. hội nhập

- B. sáp nhập
- D. đặt tên

Câu 36. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

Tương tư thức mấy đêm rồi

Biết cho ai, hỏi ai người biết cho!

Bao giờ bến mới gặp đò?

Hoa khêu các bướm giang hồ gặp nhau?

(Nguyễn Bính, *Tương tư*, Ngữ văn lớp 11, tập hai, NXB Giáo dục, 2020)

Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong đoạn trích?

- A. So sánh
- C. Điệp từ

- B. Điệp ngữ
- D. Ẩn dụ

Câu 37. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

“Trong lúc chờ đợi kết luận khoa học của các ngành chuyên môn, chúng tôi xin đưa ra một số nhận xét về vài ba mặt của cái vốn văn hóa dân tộc; không phải cái hình thành vào thời gì định hình mà là cái ổn định dần, tồn tại cho đến trước thời cận – hiện đại. Chúng tôi không nghĩ đó là đặc sắc văn hóa dân tộc nhưng chắc chắn có liên quan gần gũi với nó...”

(Trần Đình Huợ, *Nhìn về vốn văn hóa dân tộc*,

Ngữ văn lớp 12, tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Nội dung chính của đoạn trích là gì?

- A. Một số nhận xét về vấn đề văn hóa của dân tộc
- B. Đặc điểm của văn hóa Việt Nam
- C. Con đường hình thành của văn hóa Việt Nam
- D. A, B và C

Câu 38. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

*“Biết quý công cầm vàng những ngày lặn lội
Biết trồng tre đợi ngày thành gậy
Đi trả thù mà không sợ dài lâu
Ôi những dòng sông bắt nước từ lâu
Mà khi về Đất Nước mình thì bắt lên câu hát
Người đến hát khi chèo đò, kéo thuyền vượt thác
Gợi trăm màu trên trăm dáng sông xuôi”*

(Nguyễn Khoa Điềm, *Đất Nước*)

Câu thơ “Biết quý công những ngày lặn lội” ngợi ca đặc điểm nào của người Việt?

- A. Sống tình nghĩa
C. Sống hiếu thảo

- B. Sống dũng cảm
D. Sống tiết kiệm

Câu 39. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

“Hồn Trương Ba: Sống nhờ vào đồ đạc, của cải người khác, đã là chuyện không nên, đằng này đến cái thân tôi cũng phải sống nhờ anh hàng thịt. Ông chỉ nghĩ đơn giản là cho tôi sống, nhưng sống như thế nào thì ông chẳng cần biết.

Đế Thích (không hiểu): Nhưng mà ông muốn gì?”

(Lưu Quang Vũ, *Hồn Trương Ba da hàng thịt*, Ngữ văn lớp 12, tập hai, NXB Giáo dục 2020)

Đoạn trích thể hiện ý thức sâu sắc của Trương Ba về vấn đề gì?

- A. Đế Thích là một người nông cạn
B. Đế Thích là một người vô trách nhiệm
C. Sống nhờ thân xác của anh hàng thịt không thoải mái chút nào
D. Khi phải sống nhờ, sống gửi, sống chấp vá, không được là mình thì cuộc sống thật vô nghĩa

Câu 40. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

*“Xuân đương tới, nghĩa là xuân đương qua,
Xuân còn non, nghĩa là xuân sẽ già,
Mà xuân hết, nghĩa là tôi cũng mất.
Lòng tôi rộng nhưng lượng trời cứ chật,
Không cho dài thời trẻ của nhân gian,”*

(Xuân Diệu, *Vội vàng*, Ngữ văn 11, tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Đoạn trích thể hiện trạng thái nào của nhân vật trữ tình “tôi”

- A. Hân hoan trước mùa xuân
B. Tiếc nuối vì mùa xuân đã qua
C. Bức bối vì không thể níu giữ mùa xuân và tuổi trẻ
D. Sợ hãi vì mùa xuân qua quá nhanh

Câu 41. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

“Chị Hai là con nuôi của mà. Cha mẹ chị cũng vì một tay thằng Tây mà chết. Hồi ba dất về trao cho má, chị mới chín tuổi, ốm nhom, một mảng tóc bị bom xăng làm cháy còn sém như đuôi bò. Chị lớn tuổi hơn chị Chiến nên má đặt chị là chị thứ hai... Rồi chị lớn lên, lấy chồng, công tác luôn dưới đó. Sau này, mỗi năm đôi ba lần, chị lại vượt cánh đồng mây chục cây số, lội qua mấy chục đôn bót giặc về thăm má, thăm em. Trừ mắc công tác thì thôi, còn thì trời sập chị cũng về. Cứ một mình ôm nón mà đi.”

(Nguyễn Thi, *Những đứa con trong gia đình*, Ngữ văn lớp 12, tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Đoạn trích khắc họa đặc điểm tính cách nào của nhân vật “chị Hai”?

- A. Li lợm
C. Kiên cường
- B. Dũng cảm
D. Hiếu thảo

Câu 42. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

*“Gió theo lối gió mây đường mây
Dòng nước buồn thiu hoa bắp lay
Thuyền ai đậu bến sông trăng đó
Có chờ trăng về kịp tối nay”*

(Hàn Mặc Tử, *Đầy thôn Vĩ Dạ*, Ngữ văn lớp 11, tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Đoạn trích gợi lên nỗi niềm gì?

- A. Niềm say đắm trước vẻ đẹp của thiên nhiên
B. Nỗi buồn chia lìa, xa cách
C. Nỗi hờ hững, chán nản
D. Niềm gắn bó, yêu thương

Câu 43. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

“Nhiều đồng bào chúng ta, để biện minh cho việc từ bỏ tiếng mẹ đẻ, đã than phiền rằng tiếng nước mình nghèo nàn. Lời trách cứ này không có cơ sở nào cả. Họ chỉ biết những từ thông dụng của ngôn ngữ và còn nghèo những từ An Nam hơn bất cứ người phụ nữ và nông dân An Nam nào. Ngôn ngữ của Nguyễn Du nghèo hay giàu?

Vì sao người An Nam có thể dịch những tác phẩm của Trung Quốc sang nước mình, mà lại không thể viết những tác phẩm tương tự?

Phải quy lỗi cho sự nghèo nàn của ngôn ngữ hay sự bất tài của con người?"

(Nguyễn An Ninh, *Tiếng mẹ đẻ - nguồn giải phóng các dân tộc bị áp bức*, Ngữ văn lớp 11, tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Nội dung chính của đoạn trích là gì?

- A. Khẳng định tiếng mẹ đẻ nghèo nàn
- B. Khẳng định tiếng mẹ đẻ giàu có
- C. Khẳng định "nhiều đồng bào" biết nhiều từ An Nam
- D. Khẳng định "nhiều đồng bào" yêu quý tiếng mẹ đẻ

Câu 44. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

*"Cuộc đời tuy dài thế
Năm tháng vẫn đi qua
Như biển kia dẫu rộng
Mây vẫn bay về xa"*

(Xuân Quỳnh, *Sóng*, Ngữ văn 12, tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Đoạn trích thể hiện suy tư của nhân vật trữ tình về:

- A. Sự trường tồn của cuộc đời
- B. Sự trôi chảy của năm tháng
- C. Sự hữu hạn của đời người
- D. Sự vô hạn của đại dương

Câu 45. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

"Cô không thể tưởng tượng được cảnh đón tiếp tốt đẹp người ta dành cho chúng tôi ở đây. Quần chúng cứ là tự phát mà biểu lộ nhiệt tình khi vừa thoáng thấy một đồng bào ta. Những tiếng "Hắn đấy!" hay "Xem hắn kia!" là những lời chào mừng kín đáo và kính trọng mà chúng tôi thường gặp dọc đường."

(Nguyễn Ái Quốc, *Vì hành*, Ngữ văn lớp 11, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Giọng điệu chủ đạo của đoạn trích trên là giọng điệu nào trong số những giọng điệu sau:

- A. Ngợi ca, biết ơn
- B. Mía mai, giễu cợt
- C. Lên án, giận dữ
- D. Thương cảm, xót xa

Câu 46. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

"**Vũ Như Tô** – Có việc gì mà bà chạy hốt hơ hốt hải? Mặt bà cắt không còn hột máu.

Đan Thiềm (*thờ hồn hèn*) – Nguy đến nơi rồi... Ông Cả!

Vũ Như Tô – Lạ chưa, nguy làm sao? Đai Cửu Trùng chia năm đã được một phần.

Đan Thiềm – Ông trốn đi, mau lên không thì không kịp.

Vũ Như Tô – Sao bà nói lạ? Đai Cửu Trùng chưa xong, tôi trốn đi đâu. Làm gì phải trốn?

Đan Thiềm – Ông nghe tôi! Ông trốn đi! Ông nghe tôi! Ông phải trốn đi mới được!

Vũ Như Tô – Làm sao tôi cần phải trốn? Bà nói rõ cho là vì sao? Khi trước tôi nhờ bà mách đường chạy trốn, bà khuyên không nên, bây giờ bà bảo tôi đi trốn, thế là nghĩa gì?

Đan Thiềm – Có nghĩa lắm. Tôi không làm một việc gì vô lí cả. Khi trước trốn đi thì ông nguy, bây giờ trốn đi thì ông thoát chết."

(Nguyễn Huy Tưởng, *Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài* (Trích *Vũ Như Tô*), Ngữ văn 11, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2015)

Lời thoại của nhân vật trong đoạn trích có tác dụng gì?

- A. Tạo sự băn khoăn, trăn trở
- B. Gây cảm xúc bối rối
- C. Tạo sự thông cảm, thấu hiểu
- D. Gây kịch tính, căng thẳng

Câu 47. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

"Giữa lòng Trường Sơn, sông Hương đã sống một nửa cuộc đời của mình như một cô gái Di-gan phóng khoáng và man dại. Rừng già đã hun đúc cho nó một bản lĩnh gan dạ, một tâm hồn tự do và trong sáng. Nhưng chính rừng già nơi đây, với cấu trúc đặc biệt có thể lí giải được về mặt khoa học, đã che ngự sức mạnh bản năng ở người con gái của mình để khi ra khỏi rừng, sông Hương nhanh chóng mang một sắc đẹp dịu dàng và trí tuệ, trở thành người mẹ phù sa của một vùng văn hóa xứ sở."

(Hoàng Phủ Ngọc Tường, *Ai đã đặt tên cho dòng sông?*, Ngữ văn 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2010)

Nội dung chính của đoạn trích là gì?

- A. Vẻ đẹp hoang dại và đầy cá tính của dòng sông Hương ở thượng nguồn
- B. Dòng sông Hương trong mối quan hệ với dãy Trường Sơn

C. Vẻ đẹp bí ẩn và những sức mạnh tiềm tàng của sông Hương trước khi về với Huế

D. Ảnh hưởng của dãy Trường Sơn đối với dòng chảy của sông Hương

Câu 48. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

“Ngày thứ nhất – ai biết đích ngày nào – chữ *tôi* xuất hiện trên thi đàn Việt Nam, nó thực bở ngỡ. Nó như lạc loài nơi đất khách. Bởi nó mang theo một quan niệm chưa từng thấy ở xứ này: quan niệm cá nhân. Xã hội Việt Nam từ xưa không có cá nhân. Chỉ có đoàn thể: lớn thì quốc gia, nhỏ thì gia đình. Còn cá nhân, cái bản sắc của cá nhân chìm đắm trong gia đình, trong quốc gia như giọt nước trong biển cả. Cũng có những bậc kỳ tài xuất đầu lộ diện. Thằng hoặc họ cũng ghi hình ảnh họ trong văn thơ. Và thằng hoặc trong văn thơ họ cũng dùng đến chữ *tôi* để nói chuyện với người khác. Song dầu tảo bạo đến đâu họ cũng không một lần nào dám dùng chữ *tôi* để nói chuyện với mình, hay – thì cũng thế – với tất cả mọi người.”

(Hoài Thanh, *Một thời đại trong thi ca*, Ngữ văn 11, tập hai,

NXB Giáo dục Việt Nam, 2010)

Thao tác lập luận chính của đoạn trích là gì?

- A. Phân tích
- B. Chứng minh
- C. Bác bỏ
- D. So sánh

Câu 49. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

“Từ đây, như đã tìm đúng đường về, sông Hương vui tươi hẳn lên giữa những biển bãi xanh biếc của vùng ngoại ô Kim Long, kéo một nét thẳng thực yên tâm theo hướng tây nam – đông bắc, phía đó, nơi cuối đường, nó đã nhìn thấy chiếc cầu trắng của thành phố in ngần trên nền trời, nhỏ nhắn như những vành trăng non. Giáp mặt thành phố ở Cồn Giã Viên, sông Hương uốn một cánh cung rất nhẹ sang đến Cồn Hến; đường cong ấy làm cho dòng sông mềm hẳn đi, như một tiếng “vâng” không nói ra của tình yêu.”

(Hoàng Phủ Ngọc Tường, *Ai đã đặt tên cho dòng sông?*,

Ngữ văn 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2010)

Những biện pháp tu từ nghệ thuật nào được tác giả sử dụng trong đoạn trích?

- A. Ẩn dụ và hoán dụ
- B. Nhân hóa và so sánh
- C. Điệp từ và liệt kê
- D. Hoán dụ và so sánh

Câu 50. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

“đường chỉ tay đã đứt
dòng sông rộng vô cùng

*Lor-ca bơi sang ngang
trên chiếc ghi ta màu bạc
chàng ném lá bùa cô gái Di-gan
vào xoáy nước
chàng ném trái tim mình
vào lặng yên bất chợt
li-la-li-la-li-la...”*

(Thanh Thảo, *Đàn ghi ta của Lor-ca*,

Ngữ văn 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2010)

Tác giả không viết hoa chữ cái đầu các câu thơ với dụng ý gì?

A. Làm cho mạch cảm xúc của đoạn trích được liền mạch, khơi gợi sự liên tưởng, đồng sáng tạo ở người đọc

B. Tạo ra sự liên kết giữa hình thức thể hiện của đoạn trích với chuỗi điệp âm li-la-li-la-li-la của tiếng đàn ghi ta

C. Đem đến cho độc giả những cảm nhận mơ hồ, những liên tưởng đột ngột, những ấn tượng bất chợt của thơ siêu thực, tượng trưng

D. Góp phần làm gia tăng nhạc tính cho đoạn trích khiến đoạn trích giống như một khúc nhạc khi miên man, lúc dồn dập

ĐỀ 04

Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi từ 1 đến 5:

- (1) *"Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc"*
- (2) *Quân xanh màu lá dữ oai hùm*
- (3) *Mắt trừng gửi mộng qua biên giới*
- (4) *Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm*
- (5) *Rải rác biên cương mồ viễn xứ*
- (6) *Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh*
- (7) *Áo bào thay chiếu anh về đất*
- (8) *Sông Mã gầm lên khúc độc hành"*

(Quang Dũng, *Tây Tiến*, Ngữ văn 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2010)

Câu 1. Âm hưởng chủ đạo của toàn bộ đoạn trích là gì?

- | | |
|------------------------|-----------------------|
| A. Bi tráng, kiêu hùng | B. Đau buồn, bi ai |
| C. Bi lụy, phần uất | D. Ai oán, xót thương |

Câu 2. Về đẹp nào của những chiến sĩ Tây Tiến đã được tác giả khắc họa trong đoạn trích?

- | | |
|--------------------------|------------------------|
| A. Hồn nhiên, tươi trẻ | B. Hào hùng, hào hoa |
| C. Ngạo nghễ, ngang tàng | D. Chân thành, hồn hậu |

Câu 3. Trong câu thơ thứ (8), cụm từ "gầm lên" thể hiện biện pháp tu từ nghệ thuật nào?

- | | |
|-------------|------------|
| A. Ẩn dụ | B. Hoán dụ |
| C. Nhân hóa | D. Nói quá |

Câu 4. Câu thơ thứ (2) trong đoạn trích được hiểu như thế nào?

- A. Màu xanh của những vòng lá nguyệt trang trên áo quân người chiến sĩ Tây Tiến
- B. Màu xanh áo lính – trang phục của những anh bộ đội thời đại Hồ Chí Minh

C. Những gương mặt xanh xao, gầy ốm vì sốt rét, vì cuộc sống kham khổ ở rừng

D. Hình ảnh đoàn quân Tây Tiến như hòa vào màu xanh cây lá trên đường ra mặt trận

Câu 5. Câu thơ thứ (5) trong đoạn trích sử dụng biện pháp tu từ nghệ thuật gì?

- | | |
|----------------------|----------------------|
| A. Ẩn dụ, hoán dụ | B. Nhân hóa, so sánh |
| C. Nói quá, chơi chữ | D. Đảo ngữ, ẩn dụ |

Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi từ 6 đến 10:

(1) "Tiếng nói là người bảo vệ quý báu nhất nền độc lập của các dân tộc, là yếu tố quan trọng nhất giúp giải phóng các dân tộc bị thống trị. Nếu người An Nam hãnh diện giữ gìn tiếng nói của mình và ra sức làm cho tiếng nói ấy phong phú hơn để có khả năng phổ biến tại An Nam các học thuyết đạo đức và khoa học của châu Âu, việc giải phóng dân tộc An Nam chỉ còn là vấn đề thời gian. Bất cứ người An Nam nào vứt bỏ tiếng nói của mình, thì cũng đương nhiên khước từ niềm hi vọng giải phóng giống nòi. [...] Vì thế, đối với người An Nam chúng ta, chối từ tiếng mẹ đẻ đồng nghĩa với từ chối sự tự do của mình... [...]"

(2) Nhiều đồng bào chúng ta, để biện minh việc từ bỏ tiếng mẹ đẻ, đã than phiền rằng tiếng nước mình nghèo nàn. Lời trách cứ này không có cơ sở nào cả. Họ chỉ biết những từ thông dụng của ngôn ngữ và còn nghèo từ An Nam hơn bất cứ người phụ nữ và nông dân An Nam nào. Ngôn ngữ của Nguyễn Du nghèo hay giàu?

(3) Vì sao người An Nam có thể dịch những tác phẩm của Trung Quốc sang nước mình, mà lại không thể viết những tác phẩm tương tự?

(4) Phải quy lỗi cho sự nghèo nàn của ngôn ngữ hay sự bắt tài của con người?"

(Nguyễn An Ninh, *Tiếng mẹ đẻ – nguồn giải phóng các dân tộc bị áp bức*, Ngữ văn 11, tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2010)

Câu 6. Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích là gì?

- | | |
|--------------|-------------|
| A. Tự sự | B. Miêu tả |
| C. Nghị luận | D. Biểu cảm |

Câu 7. Thao tác lập luận chính trong đoạn văn thứ (2) của đoạn trích là gì?

- | | |
|--------------|---------------|
| A. Bình luận | B. Bác bỏ |
| C. So sánh | D. Giải thích |

Câu 8. Chủ đề nổi bật bao trùm toàn bộ đoạn trích là gì?

A. Nhấn mạnh vai trò quan trọng của tiếng nói trong việc bảo vệ nền độc lập dân tộc

B. Vốn từ vựng của tiếng An Nam vô cùng phong phú và đa dạng

C. Khẳng định tài năng của người An Nam khi dịch những tác phẩm của Trung Quốc sang tiếng nước mình

D. Mỗi quan hệ bền chặt, khăng khít giữa tiếng mẹ đẻ và sự tự do của con người

Câu 9. Tác giả sử dụng biện pháp nghệ thuật gì trong câu văn: "Tiếng nói là người bảo vệ quý báu nhất nền độc lập của các dân tộc, là yếu tố quan trọng nhất giúp giải phóng các dân tộc bị thống trị."

- A. Ẩn dụ và hoán dụ

- B. So sánh và nhân hóa
- C. Nói quá và chơi chữ
- D. Ẩn dụ và so sánh

Câu 10. Các phép liên kết được sử dụng trong đoạn văn thứ (1) của đoạn trích là gì?

- A. Phép thế và phép liên tưởng
- B. Phép lặp và phép đồng nghĩa
- C. Phép nối và phép lặp
- D. Phép liên tưởng và phép nối

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi từ 11 đến 15:

Pháp luật là cái để ngăn cấm việc riêng tư sai lầm vượt ra ngoài pháp luật. Hình phạt nghiêm là để cho lệnh được thi hành và trừng trị cấp dưới. Cái uy không thể cho mượn. Cái quyền không thể dùng chung với người khác. Nếu uy quyền chung với người khác thì bọn gian tà nham nhân. Pháp luật không chắc chắn thì nhà vua bị nguy, hình phạt không quyết đoán thì không thắng được kẻ gian.

Cho nên có câu: “Người thợ khéo tuy dùng ý và mắt cũng đúng dây mực, nhưng trước đó phải lấy cái quy cái củ để đo [...]”. Nhờ dây dọi thẳng mà cây cong bị dẻo. Nhờ cái mực nước bằng mà chỗ cao, chỗ nghiêng bị gọt. Nhờ treo cái cân lên mà bớt được cái nặng, thêm được vào cái nhẹ. Nhờ xác lập cái đầu, cái thạch mà bớt được cái nhiều, thêm được cái ít. Cho nên lấy pháp luật trị nước chỉ cốt theo pháp luật mà làm hay ngăn cấm mà thôi.

Pháp luật không hùa theo người sang. Sợi dây dọi không uốn mình theo cây gỗ cong. Khi đã thi hành pháp luật thì kẻ khôn cũng không thể từ, kẻ dumber cũng không dám tranh. Trừng trị cái sai không tránh kẻ đại thần, thưởng cái đúng không bỏ sót kẻ thất phu. Cho nên điều sửa chữa được sự sai lầm của người trên, trị được cái gian của kẻ dưới, trừ được loạn, sửa được điều sai, thống nhất đường lối của dân không gì bằng pháp luật.

(Hàn Phi Tử, tập I, bản dịch của Phan Ngọc, NXB Văn học, Hà Nội, 1990)

Câu 11. Cụm “cái đầu, cái thạch” được tác giả sử dụng dùng để đo cái gì?

- A. Số lượng
- B. Chất lượng
- C. Trọng lượng
- D. Độ cao

Câu 12: Lệnh được thi hành nếu có yếu tố nào sau đây?

- A. Phạt của người ra lệnh
- B. Phạt do pháp luật đề ra
- C. Uy của người ra lệnh
- D. Uy của pháp luật

Câu 13: Theo đoạn văn, cái gì được nhắc đến là không thể dùng chung?

- A. Hình phạt
- B. Uy nghiêm
- C. Pháp luật
- D. Hiến pháp

Câu 14: Theo cách lý giải của tác giả trong đoạn văn, từ “quy củ” thuộc loại từ nào?

- A. Từ ghép chính phụ
- B. Từ ghép đẳng lập
- C. Từ láy
- D. Từ thuần Việt

Câu 15: Từ “nham nhân” trái nghĩa với từ nào sau đây?

- A. hiếm có
- B. lưa thưa
- C. thưa thớt
- D. ít có

Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi từ 16 đến 20:

“Những người dân **“tứ xứ nhập đồ”** đã và đang mang đến cho đất Thăng Long xưa một diện mạo khá phức tạp. Bên cạnh lễ thói, nề nếp cũ của dân Kinh kì – Kẻ chợ xưa với những nét thâm trầm, tinh tế, thanh lịch, chuộng hình thức. Hà Nội nay còn mang nét sôi nổi, mạnh mẽ, trẻ trung, nhưng vất vả, bề bộn của những người dân tứ xứ xa quê, dân lang thang, dân thực dụng... mới nhập cư Hà Nội, đang cố gắng hết sức và bằng mọi cách xác lập một **chỗ đứng** của mình ở Thủ đô. Hiện nay, khi Hà Nội vừa được mở rộng như phương án dự kiến thì cơ cấu dân số Hà Nội còn đa dạng và phức tạp hơn nữa. Chẳng hạn, dân số sản xuất nông nghiệp tăng cao, tỉ lệ người mù chữ và không đi học ở Hà Nội cũng tăng cao, cơ sở vật chất ở một số vùng xa xôi của Hà Nội còn thấp kém... mà người thủ đô cần giải quyết để Hà Nội thực sự trở thành thủ đô hiện đại và có văn hóa cao như chúng ta mong ước.”

(Nguyễn Thị Bích Hà, *Hà Nội con người lịch sử văn hóa*,

NXB Đại học Sư phạm, 2013, trang 147 – 148)

Câu 16. Ý chính của đoạn trích là gì?

- A. Sự thay đổi diện mạo của Hà Nội trước những luồng nhập cư vào Thủ đô
- B. Những người di cư về Hà Nội đã khiến cho thành phần dân cư của Thủ đô trở nên đa dạng hơn
- C. Tác động tích cực của hiện tượng di dân tới nhịp sống của con người Hà Nội
- D. Sự dịch chuyển trong cơ cấu dân số của Hà Nội những trước làn sóng di cư của người dân

Câu 17. Diện mạo của Hà Nội đã thay đổi theo chiều hướng như thế nào khi những người dân di cư về Thủ đô?

- A. Từ một thành phố với những nét đẹp trầm mặc, cổ kính đến một Thủ đô hiện đại, văn minh

B. Từ hào hoa, thanh lịch, duyên dáng đến nhộn nhịp, tấp nập, năng động

C. Từ thâm trầm, tinh tế, thanh lịch, chuộng hình thức đến sôi nổi, mạnh mẽ, trẻ trung, vất vả, bề bộn

D. Từ sự ồn ã của chốn Kinh kì – Kẻ chợ đến sự yên ắng của Thủ đô ngàn năm tuổi

Câu 18. Xuất phát từ biểu hiện nào mà tác giả có thể đi đến kết luận “cơ cấu dân số Hà Nội còn đa dạng và phức tạp hơn nữa” khi Hà Nội vừa được mở rộng?

A. Sự gia tăng đáng kể của các loại hình sản xuất tiểu thủ công nghiệp, nông nghiệp

B. Sự đa dạng trong thành phần dân cư và sự thay đổi về điều kiện cơ sở vật chất

C. Sự chuyển động của những làng nghề, phố nghề trong nội đô Hà Nội

D. Sự xuất hiện ngày càng nhiều của những người dân “tứ xứ nhập đô” ở Hà Nội

Câu 19. Cụm từ “tứ xứ nhập đô” (in đậm, gạch chân) trong đoạn trích được hiểu là

A. Những người ở các vùng ven đô vào nội thành buôn bán để kiếm kế sinh nhai

B. Người dân những vùng được sáp nhập vào diện tích của Thủ đô

C. Những người làm ăn xa quê hương lâu ngày nay mới có dịp quay trở lại thành phố

D. Người dân ở nhiều vùng đất khác nhau di chuyển vào nội đô sinh sống và làm việc

Câu 20. Từ “chỗ đứng” (in đậm, gạch chân) trong đoạn trích gần nghĩa hơn cả với từ ngữ nào?

A. Vị trí

B. Khu vực

C. Địa bàn

D. Phạm vi

Câu 21. Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

Trong lịch sử, nhân dân ta đã đánh đuổi mọi chế độ xâm lược đất nước ta như Mông Cổ, Nhật, Pháp, Mĩ...

A. lịch sử

B. đánh đuổi

C. chế độ

D. xâm lược

Câu 22. Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

Trong ví lúc nào cũng rùng rền những tờ tiền xanh đỏ.

A. Trong ví

B. lúc nào

C. rùng rền

D. xanh đỏ

Câu 23. Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

Nhạc Rap đang phát triển hơn bao giờ, đặc biệt là về mặt chất lượng.

A. Nhạc Rap

B. phát triển

C. hơn bao giờ

D. đặc biệt là

Câu 24. Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

Mĩ phẩm là ngành hàng kinh doanh béo bở.

A. Mỹ phẩm

B. ngành hàng

C. kinh doanh

D. béo bở

Câu 25. Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

Ngôi chùa mang trong nó bao nhiêu sự tích, bao nhiêu huyền thoại và đã chứng minh bao biến thiên của kinh kì.

A. Ngôi chùa

B. sự tích

C. chứng minh

D. biến thiên

Câu 26. Chọn một từ mà nghĩa của nó KHÔNG cùng nhóm với các từ còn lại:

A. ràng buộc

B. trói buộc

C. gò bó

D. câu thúc

Câu 27. Chọn một từ mà nghĩa của nó KHÔNG cùng nhóm với các từ còn lại:

A. phê phán

B. phê bình

C. chê bai

D. trách móc

Câu 28. Chọn một từ mà nghĩa của nó KHÔNG cùng nhóm với các từ còn lại:

A. khẩn khoản

B. khẩn thiết

C. khẩn cấp

D. khẩn trương

Câu 29. Chọn một từ mà nghĩa của nó KHÔNG cùng nhóm với các từ còn lại:

A. rào rào

B. lộp độp

C. tí tách

D. róc rách

Câu 30. Tác phẩm nào KHÔNG cùng thể loại với tác phẩm còn lại:

A. Đây thôn Vĩ Dạ

B. Việt Bắc

C. Rừng xà nu

D. Vội vàng

Câu 31. Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

_____ môi trường là trách nhiệm của toàn xã hội.

A. bảo vệ

B. bảo tồn

C. bảo đảm

D. bảo trợ

Câu 32. Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

Mầm mống đại họa bắt nguồn từ việc _____ những tội lỗi, sai trái và tiêu cực.

A. bao che

B. che chở

C. che chắn

D. bao bọc

Câu 33. Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

Lá cây thì _____ mịn màng còn thân cây lại xù xì, gai góc.

A. mềm mại

B. mềm yếu

C. mềm oặt

D. mềm mòng

Câu 34. Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

Bầu trời đêm _____ ánh sao.

A. nhấp nháy

B. nhấp nhánh

C. nhấp nhoáng

D. nhấp nhোang

Câu 35. Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ xử lý rất nghiêm những cáo buộc về _____ giả mạo hoặc sai phạm trong quy trình xử lý thị thực.

A. hành động

B. hành tung

C. hành vi

D. hành xử

Câu 36. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

Mưa đổ bụi êm êm trên bến vắng,
Đò biếng lười nằm mặc nước sông trôi;
Quán tranh đứng im lìm trong vắng lặng
Bên chòm xoan hoa tím rụng tơi bời.
Ngoài bờ đê cỏ non tràn biếc cỏ
Đàn sáo đen sà xuống mỏ vu vơ;

Mấy cánh bướm rập rờn trôi trước gió,

Những trâu bò thong thả cúi ăn mưa,

(Anh Thơ, *Chiều xuân*, Ngữ văn 11, tập hai,

NXB Giáo dục Việt Nam, 2016)

Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong câu thơ:

“Ngoài bờ đê cỏ non tràn biếc cỏ”

A. So sánh

B. Điệp ngữ

C. Điệp từ

D. Ẩn dụ

Câu 37. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

“Tôi nhớ chuyện vua Thuần, vì muốn đích thân tai nghe mắt thấy dân có bằng lòng mình không, nên cải trang làm dân cây đi dò la khắp xứ. Lại nhớ chuyện vua Pi-e nước Nga đi làm thợ và đến làm việc ở các công trường nước Anh. Bên những bậc cải trang vĩ đại ấy muốn đi sâu vào cuộc sống của nhân dân, ngày nay còn có những ông hoàng, ông chúa, để tiện việc riêng và vì những lí do không cao thượng bằng, cũng “vi hành” đấy.”

(Nguyễn Ái Quốc, *Vĩ hành*, Ngữ văn lớp 11, tập một, NXB Giáo dục, 2020)

Từ “vi hành” trong đoạn trích được tác giả dùng để biểu đạt nội dung nào?

A. cải trang làm dân cây

B. đi làm thợ

C. đi vào cuộc sống của nhân dân

D. để tiện việc riêng

Câu 38. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

“Gió theo lối gió, mây đường mây

Dòng nước buồn thiu hoa bắp lay

Thuyền ai đậu bến sông trăng đó

Có chờ trăng về kịp tối nay?”

(Hàn Mặc Tử, *Đầy thôn Vĩ Dạ*, Ngữ văn lớp 11, tập hai,

NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Câu hỏi “Có chờ trăng về kịp tối nay?” trong đoạn trích thể hiện tâm trạng nào của nhân vật trữ tình?

A. Khát khao hạnh phúc

B. Khát khao gặp trăng

C. Tuyệt vọng

D. Sợ hãi trước cái chết đang đến gần

Câu 39. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

“Người Việt Nam có thể coi là ít tinh thần tôn giáo. Họ coi trọng hiện thể trần tục hơn thể giới bên kia. Không phải người Việt Nam không mê tín, họ tin có linh hồn, ma quỷ, thần Phật. Nhiều người thực hành cầu cúng. Nhưng về tương lai, họ lo cho con cháu hơn là linh hồn của mình.”

(Trần Đình Hượu, *Nhìn về vốn văn hóa dân tộc*,

Ngữ văn lớp 12, tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Từ “hiện thể” trong đoạn trích trên biểu đạt nội dung nào?

- A. Cuộc đời hiện tại
- B. Tôn giáo hiện tại
- C. Gia đình hiện tại
- D. A, B và C

Câu 40. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

“Có những cây con vừa lớn ngang tầm ngực người lại bị đại bác chặt đứt làm đôi. Ở những cây đó nhựa còn trong, chất dầu còn loãng, vết thương không lành được, cứ loét mãi ra, năm mười hôm thì cây chết. Nhưng cũng có những cây vượt lên được cao hơn đầu người, cành lá sum sê như những con chim đã đủ lông mào, lông vũ. Đại bác bác không giết nổi chúng, những vết thương của chúng chóng lành như trên một thân thể cường tráng... Cứ thế hai ba năm nay rừng xà nu ưỡn tấm ngực lớn của mình ra, che chở cho làng.”

(Nguyễn Trung Thành, *Rừng xà nu*, Ngữ văn lớp 12, tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Tác giả đoạn trích trên đã sử dụng biện pháp tu từ gì để khắc họa hình ảnh cây xà nu?

- A. So sánh
- B. Ẩn dụ và so sánh
- C. Nhân hóa và ẩn dụ
- D. So sánh và nhân hóa

Câu 41. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

Trước muôn trùng sóng bể

Em nghĩ về anh, em

Em nghĩ về biển lớn

Từ nơi nào sóng lên

(Xuân Quỳnh, *Sóng*, Ngữ văn lớp 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Đoạn trích thể hiện trạng thái nào của nhân vật “em”?

- A. Nhớ nhung
- B. Hồn giật
- C. Suy tư
- D. Say mê

Câu 42. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

“Mùa hè năm nọ, bão vào Hà Nội gào rú một đêm, sáng ra mở cửa nhìn ra đền Ngọc Sơn mà hãi. Cây si cổ thụ đổ nghiêng, tán cây đè lên hậu cung, một phần bộ rễ bật đất chống ngược lên trời. Lập tức cô nghĩ ngay đến sự khác thường, sự dòi dôi, điềm xấu, là sự ra đi của một thời. Với người già, bất kể ai, cái thời đã qua luôn là thời vàng son, Mỗi thế hệ đều có thời vàng son của họ. Hà Nội thì không thế. Thời nào nó cũng đẹp, một vẻ đẹp riêng cho mỗi lứa tuổi. Cô nói với tôi thế, đã biết nói thế dâu phải đã già. Mấy ngày sau, cô kể tiếp, thành phố cho máy cầu tới đặt bên kia bờ quảng đây tời vào thân cây si tôi kéo dần lên, mỗi ngày một tí. Sau một tháng, cây si lại sống, lại trở ra lá non, vẫn là cây si của nhiều thế hệ Hà Nội, nghĩ cứ lạ, tưởng là chết đứt bỏ ra làm củi, mà lại sống. Cô nói thêm: “Thiên địa tuần hoàn, cái vào ra của tạo vật không thể lường trước được”. Cô muốn mở rộng sự tính toán vốn dĩ rất khôn ngoan của mình lên thêm một tầng nữa chăng... Bà già vẫn giỏi quá, bà khiêm tốn và rộng lượng quá. Một người như cô phải chết đi thật tiếc, lại một hạt bụi vàng của Hà Nội rơi xuống chìm sâu vào lớp đất cổ. Những hạt bụi vàng lấp lánh đâu đó ở mỗi góc phố Hà Nội hãy mượn gió mà bay lên cho đất kinh kì chói sáng những ánh vàng”

(Nguyễn Khải, *Một người Hà Nội*, Ngữ văn lớp 12, tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Trong đoạn trích trên, tác giả đã ví nhân vật “cô” với hình ảnh nào?

- A. Cây si cổ thụ ở đền Ngọc Sơn
- B. Lốp người già ở Hà Nội
- C. Hạt bụi vàng của Hà Nội
- D. Những ánh sáng màu vàng

Câu 43. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

“Của ong bướm này đây tuần tháng mật;

Này đây hoa của đồng nội xanh rì;

Này đây lá của cành tơ phơ phất;

Của yến anh này đây khúc tình si’

Và này đây ánh sáng chớp hàng mi,

Mỗi sáng sớm Thần Vui hằng gõ cửa;”

(Xuân Diệu, *Vội vàng*, Ngữ văn lớp 11, tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Biện pháp tu từ chính được sử dụng trong đoạn trích trên là:

- A. Điệp từ
- B. Điệp ngữ

C. Điệp câu trúc

D. Điệp âm

Câu 44. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

“Hồn Trương Ba: (sau một lát) Ông Đế Thích ạ, tôi không thể tiếp tục mang thân anh hàng thịt được nữa, không thể được.

Đế Thích: Sao thế? Có gì không ổn đâu!

Hồn Trương Ba: Không thể bên trong một đằng, bên ngoài một nẻo được. Tôi muốn được là tôi toàn vẹn”.

(Lưu Quang Vũ, *Hồn Trương Ba da hàng thịt*, Ngữ văn lớp 12, tập hai, NXB Giáo dục 2020)

Đoạn trích thể hiện ý thức sâu sắc của Trương Ba về vấn đề gì?

A. Con người phải sống giàu có, phong lưu

B. Con người phải sống rộng lượng, vị tha

C. Con người phải sống chân thật, là chính mình

D. Con người phải sống vui vẻ, lạc quan

Câu 45. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

“Nhưng bây giờ thì hẩn tỉnh. Hẩn bằng khuâng như tỉnh dậy, hẩn thấy miệng đắng, lòng mơ hồ buồn. Người thì bủn rủn, chân tay không buồn nhấc, hay là đói rượu, hẩn hơi rùng mình. Ruột gan lại nôn nao lên một tý. Hẩn sợ rượu cũng như những người ốm sợ cơm. Tiếng chim hót ngoài kia vui vẻ quá! Có tiếng cười nói của những người đi chợ. Anh thuyền chài gõ mái chèo đuổi cá.”

(Nam Cao, *Chí Phèo*)

Những âm thanh như “tiếng chim hót”, “tiếng cười nói”, tiếng “anh thuyền chài gõ mái chèo” được miêu tả để ngụ ý cho điều gì?

A. Thể hiện sự đối lập với tính cách của Chí Phèo

B. Thể hiện sự chuyển biến trong tâm trạng Chí Phèo

C. Thể hiện cuộc sống tươi vui đang đến với Chí Phèo

D. Thể hiện vẻ đẹp nên thơ của chốn đồng quê

Câu 46. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

“Tây Tiến người đi không hẹn ước

Đường lên thăm thẳm một chia phôi

Ai lên Tây Tiến mùa xuân ấy

Hồn về Sầm Nứa chẳng về xuôi”

(Quang Dũng, *Tây Tiến*, Ngữ văn 12, tập một,

NXB Giáo dục Việt Nam, 2010)

Cụm từ “người đi” chỉ đối tượng nào?

A. Những chàng trai Hà thành

B. Những người lính trong trung đoàn Tây Tiến

C. Những người dân miền Tây

D. Những chiến sĩ đã vĩnh viễn nằm lại chiến trường

Câu 47. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

“Mụ cho chúng tôi biết, vì sợ thằng bé có thể làm điều gì đại đột đối với bố nó, mụ đã phải gửi nó lên rừng nhờ bố mình nuôi đã nửa năm nay. Ở với ông ngoại, thằng bé sướng hơn ở trên thuyền với bố mẹ. Nhưng hễ rời ra là nó trốn về. Thằng bé tuyên bố với các bác ở xưởng đóng thuyền rằng nó còn có mặt ở dưới biển này thì mẹ nó không bị đánh.”

(Nguyễn Minh Châu, *Chiếc thuyền ngoài xa*, Ngữ văn 12, tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Vẻ đẹp nào của người đàn bà hàng chài được thể hiện trong đoạn trích?

A. Sâu sắc, thấu hiểu lẽ đời

B. Tấm lòng nhân hậu, bao dung

C. Yêu thương con tha thiết

D. Giàu đức hi sinh, lòng vị tha

Câu 48. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

“Ông Huân Cao lặng nghĩ một lát rồi mỉm cười: “Về bảo với chủ người, tối nay, lúc nào lính canh về trại nghỉ, thì đem lụa, mực, bút và một bó đuốc xuống đây ta cho chữ. Chữ thì quý thực. Ta nhất sinh không vì vàng ngọc hay quyền thế mà ép mình viết câu đối bao giờ. Đời ta cũng mới viết có hai bộ tứ bình và một bức trung đường cho ba người bạn thân của ta thôi. Ta cảm cái tấm lòng biệt nhỡn liên tài của các người. Nào ta có biết đâu một người như thầy Quán đây mà lại có những sở thích cao quý như vậy. Thiếu chút nữa, ta đã phụ mất một tấm lòng trong thiên hạ.”

(Nguyễn Tuân, *Chữ người tử tù*, Ngữ văn 11, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2015)

Phẩm chất nào của nhân vật Huân Cao được thể hiện trong đoạn trích?

A. Nhân hậu, trọng nhân cách, tình nghĩa

B. Tài hoa nghệ sĩ, văn võ song toàn

C. Khí phách ngang tàng, ngạo nghễ

D. Thiên lương trong sáng, cao quý

Câu 49. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

“Sông Hương là vậy, là dòng sông của thời gian ngân vang, của sự thi viết giữa màu cỏ lá xanh biếc. Khi nghe lời gọi, nó biết cách tự hiến đời

minh làm một chiến công, để rồi nó trở về với cuộc sống bình thường, làm một người con gái dịu dàng của đất nước. Thỉnh thoảng, tôi vẫn còn gặp trong những ngày nắng đem ra phơi, một sắc áo cưới của Huế ngày xưa, rất xưa: màu áo điều lục với loại vải vân thưa màu xanh chàm lồng lên một màu đỏ ở bên trong, tạo thành một màu tím ẩn hiện, thấp thoáng theo bóng người, thuở ấy các cô dâu trẻ vẫn mặc sau tiết sương giáng. Đây cũng chính là màu của sương khói trên sông Hương, giống như tấm voan huyền ảo của tự nhiên, sau đó ẩn giấu khuôn mặt thực của dòng sông...”

(Hoàng Phủ Ngọc Tường, *Ai đã đặt tên cho dòng sông?*,

Ngữ văn 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2010)

Tác giả sử dụng biện pháp tu từ nghệ thuật gì trong câu văn: “*Khi nghe lời gọi, nó biết cách tự hiện đời mình làm một chiến công, để rồi nó trở về với cuộc sống bình thường, làm một người con gái dịu dàng của đất nước”?*

- A. Hoán dụ
- B. Nhân hóa
- C. Ẩn dụ
- D. So sánh

Câu 50. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

“*tiếng ghi ta nâu
bầu trời cô gái ấy
tiếng ghi ta lá xanh biết mấy
tiếng ghi ta tròn bọt nước vỡ tan
tiếng ghi ta ròng ròng
máu chảy*”

(Thanh Thảo, *Đàn ghi ta của Lor-ca*, Ngữ văn 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2010)

Chủ đề nổi bật bao trùm đoạn trích là gì?

- A. Tình yêu nghệ thuật và quê hương đất nước của Lor-ca
- B. Niềm xót thương trước tài năng của người nghệ sĩ Lor-ca
- C. Nỗi đau và những khát vọng đẹp đẽ của Lor-ca
- D. Cuộc đời, sự nghiệp và cái chết của Lor-ca

ĐỀ 05

Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi từ 1 đến 5:

- (1) “*Những đường Việt Bắc của ta*
- (2) *Đêm đêm rầm rập như là đất rung*
- (3) *Quân đi điệp điệp trùng trùng*
- (4) *Ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan.*
- (5) *Dân công đỏ đuốc từng đoàn*
- (6) *Bước chân nát đá muôn tàn lửa bay.*
- (7) *Nghìn đêm thăm thẳm sương dày*
- (8) *Đèn pha bật sáng như ngày mai lên.*
- (9) *Tin vui chiến thắng trăm miền*
- (10) *Hòa Bình, Tây Bắc, Điện Biên vui về*
- (11) *Vui từ Đồng Tháp, An Khê*
- (12) *Vui lên Việt Bắc, đèo De, núi Hồng.”*

(Tố Hữu, *Việt Bắc*, Ngữ văn 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2010)

Câu 1. Nội dung chính của đoạn trích trên là gì?

- A. Thiên nhiên, núi rừng, đất trời cùng con người đánh giặc
- B. Khí thế hào hùng của những đoàn quân ra trận
- C. Khung cảnh sôi động của cuộc kháng chiến
- D. Những chiến dịch lớn trong cuộc kháng chiến chống Pháp

Câu 2. Việc tác giả sử dụng các cụm từ: “vui về”, “vui từ”, “vui lên” có ý nghĩa gì?

- A. Diễn tả không khí vui tươi của quân dân Việt Bắc trong ngày chiến thắng
- B. Làm nổi bật niềm hân hoan từ Hòa Bình, Tây Bắc, Điện Biên đến đèo De, núi Hồng
- C. Cho thấy Việt Bắc đã trở thành trung tâm của niềm vui chiến thắng
- D. Nhấn mạnh tin vui từ khắp nơi bay về Việt Bắc và từ Việt Bắc niềm vui tỏa đi khắp nơi

Câu 3. Có bao nhiêu từ láy trong đoạn trích?

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4

Câu 4. Biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong câu thơ thứ (6) là gì?

- A. Nhân hóa
- B. Hoán dụ
- C. Nói quá
- D. Ẩn dụ

Câu 5. Tác dụng của biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong câu thơ thứ (6) là

- A. Làm tăng sức gợi hình gợi cảm, sức cuốn hút hấp dẫn cho câu thơ
- B. Tô đậm sức mạnh phi thường của những đoàn dân công ngày đêm tiếp lương, tải đạn ra chiến trường, phục vụ các chiến dịch
- C. Làm nổi bật sự đông đảo của những đoàn dân công ở chiến khu Việt Bắc
- D. Nhấn mạnh tinh thần đoàn kết, hăng say, miệt mài lao động cống hiến của những đoàn dân công

Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi từ 6 đến 10:

(1) “Thầy thơ lại rút chiếc hèo hoa ở giá gương, phe phẩy roi, đi xuống phía trái giam tối om. (2) Nơi góc chiếc án thư cũ đã nhợt màu vàng son, một cây đèn để leo lét rọi vào một khuôn mặt nghĩ ngợi. (3) Ngục quan bắn khoăn ngôi bóp thái dương. (4) Tiếng trống thành phủ gần đây đã bắt đầu thu không. (5) Trên bốn chòi canh, ngục tốt cũng bắt đầu điểm vào cái quạnh quẽ của trời tối mịt, những tiếng kiếng và mõ đều đặn thưa thớt. (6) Lướt qua cái thăm thăm của nội cỏ đầm sương, vắng từ một làng xa đưa lại mấy tiếng chó sủa ma. (7) Trong khung cửa sổ có nhiều con song kẻ những nét đen thẳng lên nền trời lốm đốm tinh tú, một ngôi sao Hôm nhấp nháy như muốn trụt xuống phía chân trời không định. (8) Tiếng dội chó sủa ma, tiếng trống thành phủ, tiếng kiếng mõ canh nổi lên nhiều nhiều. (9) Bấy nhiêu thanh âm phức tạp bay cao lẫn lên khỏi mặt đất tối, nâng đỡ lấy một ngôi sao chính vị muốn từ biệt vũ trụ.”

(Nguyễn Tuân, *Chữ người tử tù*, Ngữ văn 11, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2015)

Câu 6. Nội dung chính của đoạn trích là gì?

- A. Tâm tư, dáng vẻ của viên quan coi ngục trong đêm đợi Huân Cao đến nhà tù
- B. Những bắn khoăn, trần trờ, suy tư của ngục quan về người tử tù Huân Cao
- C. Tâm trạng thao thức chờ đợi của người quản ngục khi nghe tin Huân Cao đến
- D. Sự ngưỡng mộ, trân quý của thầy quản trước tài năng và khí phách của Huân Cao

Câu 7. Hành động “bắn khoăn ngôi bóp thái dương” cho thấy ngục quan là người như thế nào?

- A. Là người làm nghề quản ngục nhưng lại có tâm hồn nghệ sĩ, yêu cái đẹp
- B. Là người có nhân cách cao đẹp, một “tâm lòng trong thiên hạ”
- C. Là người biết trân trọng những giá trị, tài năng của con người
- D. Là người biết giữ gìn thiên lương trong sáng giữa chốn xô bồ, cạnh bả

Câu 8. Hai hình ảnh “ngôi sao Hôm nhấp nháy như muốn trụt xuống phía chân trời không định” và “ngôi sao chính vị muốn từ biệt vũ trụ” mang ý nghĩa gì?

- A. Ẩn dụ cho viên quan coi ngục
- B. Ẩn dụ cho thầy thơ lại
- C. Ẩn dụ cho người tử tù Huân Cao
- D. Ẩn dụ cho những bạn đồng chí của Huân Cao

Câu 9. Biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong câu văn thứ (7) và câu văn thứ (9) là gì?

- A. So sánh và liệt kê
- B. Nhân hóa và ẩn dụ
- C. Ẩn dụ và điệp từ
- D. Hoán dụ và nhân hóa

Câu 10. Phong cách ngôn ngữ của đoạn trích là gì?

- A. Phong cách ngôn ngữ chính luận
- B. Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật
- C. Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt
- D. Phong cách ngôn ngữ khoa học

Câu 11. Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

Có nhiều loài hoa đẹp, được con người yêu thích, nhưng chúng lại có độc, như cây trúc đào có hoa màu hồng tươi tắn, quanh năm ra hoa, nhưng lá, rễ và vỏ thân cây trúc đào đều có độc, hoa của chúng cũng có độc, chỉ có điều là độc tính nhẹ thôi. Con người chỉ cần ăn một chút vỏ cây trúc đào tươi sẽ xảy ra các triệu chứng ngộ độc, lúc đầu có cảm giác buồn nôn, đau bụng, rồi tim đập nhanh, mạch loạn, nghiêm trọng hơn là con người bị to ra, ỉa ra máu, thậm chí co giật và dẫn đến tử vong. Đó là trong cây trúc đào có chứa nhiều loại glucoside trợ tim có độc tính rất có hại cho tim con người.

Chúng ta thường thấy trong các vườn hoặc trên sân thượng có những chậu hoa màu tím hồng gọi là hoa trường xuân, cũng thuộc họ trúc đào, rễ và lá của nó chứa chất kiềm sinh vật indol. Chất kiềm này có thể ức chế sự tạo máu

trong cơ thể người, đặc biệt khả năng làm ức chế tủy xương rất cao, làm giảm bạch cầu. Thế nhưng nếu dùng biện pháp lấy độc trị độc thì chất kiềm này lại có hiệu quả chữa trị nhất định đối với các bệnh như bệnh máu trắng (ung thư máu).

Loài hoa thủy tiên vào mùa đông được rất nhiều người ưa thích, nó ra hoa vào mùa đông giá lạnh, đặc biệt là lá cây có màu xanh ngọc non khiến cho cả căn phòng tràn ngập ý xuân. Thế nhưng thủy tiên cũng có độc, toàn thân đều độc, đặc biệt là phần thân củ giống như củ hành độc tính càng lớn. Nếu ăn nhầm phải nó thì sẽ xuất hiện triệu chứng nôn, đau bụng, mạch yếu, ỉa chảy, thờ ơ, nhiệt độ cơ thể tăng và hạ đường huyết, thậm chí có thể dẫn đến tử vong. Thành phần có độc trong thủy tiên gọi là kiềm sinh vật, hàm lượng có trong thân củ là 1%.

(Thực vật, Lê Thanh Hương biên dịch,
NXB Giáo dục Việt Nam, 2010, tr.69)

Câu 11. Phương thức biểu đạt của đoạn trích là gì?

- A. tự sự
- B. miêu tả
- C. biểu cảm
- D. thuyết minh

Câu 12. Đoạn trích trên được trình bày theo quy tắc nào?

- A. diễn dịch
- B. quy nạp
- C. song hành
- D. móc xích

Câu 13. Chủ đề của đoạn trích là gì?

- A. Các loài hoa đẹp thường có độc tính
- B. Trúc đào là loài hoa có nhiều độc tính
- C. Độc tính của một số loài hoa đẹp
- D. Độc tính của loài hoa thủy tiên

Câu 14. Ý nào không nói về tác động của độc tính từ những cây thuộc họ trúc đào?

- A. buồn nôn, đau bụng, tim đập nhanh
- B. con người bị to ra, ỉa ra máu
- C. ức chế tủy xương, giảm bạch cầu
- D. nhiệt độ tăng và hạ đường huyết

Câu 15. Có thể rút bài học gì từ nội dung đoạn trích?

- A. Các loài hoa đẹp thường có tính độc
- B. Cần có hiểu biết về độc tính của các loài hoa
- C. Không nên trồng cây họ trúc đào
- D. Không nên để lẫn củ thủy tiên với củ hành tây

Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi từ 16 đến 20:

“Nói đến kinh tế làng nghề – phố nghề Hà Nội là nói đến đặc điểm phương thức sản xuất và buôn bán. Đó là phương thức lấy cộng đồng làng – họ làm căn bản. Những người sinh sống trong cùng một làng ở vùng ven kinh đô thường sản xuất nông nghiệp là chính, nghề thủ công là nghề “**tay trái**” được cả làng quan tâm khi nông nhàn hay khi nhu cầu cung cấp cho kinh kì hoặc các vùng làng lân cận tăng lên. Khi từ làng nghề lên kinh kì buôn bán, họ vẫn dựa vào nhau lập thành phố nghề cùng sản xuất và buôn bán một loại hàng nào đó. Cả sản xuất và buôn bán đều nhỏ lẻ, làm bằng tay và theo kinh nghiệm truyền nghề. Các mặt hàng sản xuất và buôn bán ở một làng nghề hoặc phố nghề vì vậy thường không phong phú lắm. Thời Lý ở Thăng Long đã có một số làng nghề, phố nghề với những thợ thủ công từ các vùng lân cận vào Thăng Long buôn bán rồi lâu dần tụ lại. Họ tập trung chủ yếu dọc theo sông Tô Lịch, con sông chính của Hà Nội xưa, từ cửa sông phía Đông khoảng phố Hàng Buồm, đến cửa phía Tây nối với Hồ Tây. Đó là làng nghề dệt, nhuộm, gốm, mộc, giấy, đúc đồng... khiến một vùng rộng lớn của Thăng Long tấp nập phố nghề, làng nghề. Tính ra, Hà Nội thời Lý đã có đến hơn 30 nghề thủ công truyền thống sản xuất nhiều mặt hàng, thỏa mãn nhu cầu không chỉ của Thăng Long mà còn của nhiều địa phương trong nước, nhất là giao thương với nhiều nước châu Á như Trung Quốc, Nhật Bản, Thái Lan...”

(Nguyễn Thị Bích Hà, *Hà Nội con người lịch sử văn hóa*,
NXB Đại học Sư phạm, 2013, trang 92 – 93)

Câu 16. Nội dung chính của đoạn trích là gì?

- A. Đặc điểm phương thức sản xuất và buôn bán của các phố nghề thủ công ở Hà Nội
- B. Kinh tế làng nghề, phố nghề thủ công truyền thống ở Hà Nội
- C. Nguyên nhân và cơ sở hình thành các làng nghề, phố nghề thủ công ở Hà Nội
- D. Khuynh hướng cộng đồng trong việc sản xuất và buôn bán tại các làng nghề

Câu 17. Cụm từ “tay trái” (in đậm, gạch chân) trong đoạn trích được hiểu là

- A. Là những nghề phụ bên cạnh những nghề chính
- B. Là những nghề làm trong những lúc rảnh rỗi
- C. Là những nghề giúp con người tăng thêm thu nhập
- D. Là những nghề có tính chất nhất thời phụ thuộc vào nhu cầu của xã

hội

Câu 18. Theo đoạn trích, có những nguyên nhân nào làm cho “các mặt hàng sản xuất và buôn bán ở một làng nghề hoặc phố nghề thường không phong phú lắm”?

A. Vì từ khâu sản xuất đến khâu buôn bán đều nhỏ lẻ, làm bằng tay và theo kinh nghiệm truyền thống

B. Vì khi từ làng nghề lên kinh kì buôn bán, họ vẫn dựa vào nhau lập thành phố nghề cùng sản xuất và buôn bán một loại hàng nào đó

C. Vì phương thức sản xuất chủ yếu vẫn là thủ công chứ chưa có sự hỗ trợ của máy móc và kỹ thuật hiện đại

D. Vì điều kiện cơ sở vật chất phục vụ sản xuất còn nhiều thiếu thốn, nguồn nhân lực có tay nghề cao chiếm tỉ lệ thấp

Câu 19. Theo đoạn trích, phố nghề được hình thành như thế nào?

A. Thợ thủ công từ các vùng lân cận vào Thăng Long tập trung dọc theo sông Tô Lịch tạo thành các phố nghề

B. Phố nghề được hình thành do những người sinh sống trong cùng một làng ở vùng ven kinh đô tập hợp nhau lại

C. Những nước châu Á như Trung Quốc, Nhật Bản, Thái Lan...tập trung mua bán ở đâu thì ở đó hình thành các phố nghề

D. Những người cùng sản xuất và buôn bán một loại hàng nào đó rồi lâu dần tụ lại thành các phố nghề

Câu 20. Thao tác lập luận chính của đoạn trích là gì?

A. Bác bỏ

B. Bình luận

C. Phân tích

D. Chứng minh

Câu 21. Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

Một trong những chỉ tiêu của nhiệm kì này là đưa lại sự công bằng, dân chủ cho người dân.

A. chỉ tiêu

B. nhiệm kì

C. đưa lại

D. người dân

Câu 22. Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

Tôi băn khoăn nghĩ về những năm tháng tuổi thơ với bao kỉ niệm đẹp khó phai mờ.

A. băn khoăn

B. năm tháng

C. tuổi thơ

D. phai mờ

Câu 23. Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

Anh trắng trời nhìn tôi, mãi một lúc sau mới quay mặt qua một bên.

A. trắng trời

B. nhìn tôi

C. một lúc

D. một bên

Câu 24. Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

Được các bạn sinh viên trồng những cây xanh bên lề đường để che bóng mát cho trường.

A. các bạn sinh viên

B. những cây xanh

C. bên lề đường

D. che bóng mát

Câu 25. Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

Anh mệt mỏi ngồi chờ đến giờ nghe bác sĩ chẩn đoán bệnh chờ mình.

A. mệt mỏi

B. bác sĩ

C. chẩn đoán

D. chờ mình

Câu 26. Chọn một từ mà nghĩa của nó KHÔNG cùng nhóm với các từ còn lại:

A. chật ních

B. chật cứng

C. chật chội

D. chật hẹp

Câu 27. Chọn một từ mà nghĩa của nó KHÔNG cùng nhóm với các từ còn lại:

A. thân thể

B. lai lịch

C. lí lịch

D. tiểu sử

Câu 28. Chọn một từ mà nghĩa của nó KHÔNG cùng nhóm với các từ còn lại:

A. tí tách

B. lách tách

C. lép bép

D. lép nhép

Câu 29. Chọn một từ mà nghĩa của nó KHÔNG cùng nhóm với các từ còn lại:

A. sạch bóng

B. sạch sẽ

C. sạch bong

D. sạch trơn

Câu 30. Tác phẩm nào KHÔNG cùng thể loại với tác phẩm còn lại:

A. Chiếc thuyền ngoài xa

B. Vợ nhặt

C. Rừng xà nu

D. Vội vàng

Câu 31. Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

_____ động vật hoang dã, đặc biệt là các loài có nguy cơ tuyệt chủng, là việc vô cùng hệ trọng hiện nay.

- A. Bảo vệ
- B. Bảo tồn
- C. Bảo đảm
- D. Bảo trợ

Câu 32. Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

Những lời đường mật thường khiến con người ta _____

- A. mềm mại
- B. mềm nhũn
- C. mềm lòng
- D. mềm yếu

Câu 33. Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

Khi bạn xóa dữ liệu, chúng tôi sẽ tuân theo chính sách xóa để đảm bảo rằng dữ liệu của bạn được xóa một cách an toàn và hoàn toàn khỏi máy chủ của chúng tôi hoặc chỉ giữ lại dưới dạng _____

- A. ẩn danh
- B. khuyết danh
- C. nặc danh
- D. vô danh

Câu 34. Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

Mẹ quan tâm đến chúng tôi từ những điều _____ nhất

- A. nhỏ nhắn
- B. nhỏ nhen
- C. nhỏ nhặt
- D. nhỏ nhẹ

Câu 35. Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

Mỗi năm, có ít nhất 3,3 triệu trẻ em được đánh giá là phải _____ ngược đãi thể chất hoặc lời nói trong gia đình của mình.

- A. chứng kiến
- B. chứng giám
- C. chứng thực
- D. chứng minh

Câu 36. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

*Tôi đâu biết bà tôi cơ cực thế
bà mò cua xúc tép ở đồng Quan
bà đi gánh chè xanh Ba Trại*

Quán Cháo, Đồng Giao thập thững những đêm hàn

(Nguyễn Duy, *Đò Lèn*, Ngữ văn 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong đoạn trích?

- A. So sánh
- B. Điệp ngữ
- C. Điệp từ
- D. Ẩn dụ

Câu 37. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

"Đề Thích: Kiểu này, chắc lại do hai ông Nam Tào, Bắc Đẩu tắc trách gạch tên bừa, hoặc cũng do bà Vương Hầu ép, bà ấy không ưa trẻ con. Lệnh của bà ấy thì chẳng ai cưỡng được! (bản thân nghĩ ngợi) A, hay quá, tôi nghĩ ra rồi! Ông Trương Ba! Tôi sẽ giúp ông một lần nữa! Ngay bây giờ đây, ông sẽ trả cái thân thể này cho anh hàng thịt, tôi sẽ làm cho hồn ông nhập vào xác cu Tị. Như vậy là anh hàng thịt được sống, hồn ông vẫn có chỗ trú, mà cái thân thể bé nhỏ của cu Tị sẽ không bị mất đi. Ông thấy được không?"

(Lưu Quang Vũ, *Hồn Trương Ba da hàng thịt*, Ngữ văn lớp 12, tập hai, NXB Giáo dục 2020)

Đoạn trích thể hiện thông điệp gì của tác giả thông qua các hình ảnh: Nam Tào, Bắc Đẩu, Vương Hầu?

- A. Phê phán những người chạy theo lối sống thực dụng, bản năng
- B. Phê phán những người có quyền thế nhưng quan liêu, vô trách nhiệm trước vận mệnh người dân
- C. Phê phán những người có quyền thế sống xa hoa, hưởng lạc
- D. Phê phán những người sống vô tâm

Câu 38. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

*"Tôi đâu biết bà tôi cơ cực thế
bà mò cua xúc tép ở đồng Quan
bà đi gánh chè xanh Ba Trại
Quán Cháo, Đồng Giao thập thững những đêm hàn"*

(Nguyễn Duy, *Đò Lèn*, Ngữ văn 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam 2020)

Từ "thập thững" trong đoạn trích trên gọi tả điều gì?

- A. Tâm trạng mệt mỏi của một người kiệt sức vì lao động
- B. Dáng điệu mệt mỏi của một người kiệt sức vì lao động
- C. Bước chân mệt mỏi của một người kiệt sức vì lao động
- D. Tư thế mệt mỏi của một người kiệt sức vì lao động

Câu 39. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

"Làm thơ, ấy là dùng lời và những dấu hiệu thay cho lời nói, tức là chữ – để thể hiện một trạng thái tâm lí đang rung chuyển khác thường. Làm thơ là đang sống, không phải chỉ nhìn lại sự sống, làm một câu thơ yêu, tâm hồn cũng rung động như khi có người yêu trước mặt. Bài thơ là những câu, những lời diễn lên, làm sống ngay lên một tình cảm, một nỗi niềm trong lòng người

đọc. Ta nói truyền sang hình như người đọc chỉ đứng yên mà nhận. Nhưng kì thực, cái trạng thái tâm lí truyền sang ấy là người đọc tự tạo cho mình, khi nhìn những chữ, khi nghe những lời, khi mọi sợi dây của tâm hồn rung lên vì chạm thấy những hình ảnh, những ý nghĩa, những mong muốn, những tình cảm mà lời và chữ của bài thơ kéo theo đằng sau như vàng sáng xung quanh ngọn lửa.”

(Nguyễn Đình Thi, *Mấy ý nghĩ về thơ*, Ngữ văn 12, tập 1)

Đoạn trích trên chủ yếu sử dụng thao tác lập luận nào?

- A. Bình luận và so sánh
- B. So sánh và bác bỏ
- C. Chứng minh và giải thích
- D. Phân tích và bình luận

Câu 40. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

*Sao anh không về chơi thôn Vĩ?
Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên
Vườn ai mướt quá xanh như ngọc
Lá trúc che ngang mặt chữ điền.*

(Hàn Mặc Tử, *Đây thôn Vĩ Dạ*, Ngữ văn 11, tập hai, NXB Giáo dục 2020)

Cảm xúc nổi bật toát ra từ bức tranh thiên nhiên trong đoạn trích trên không mang nội dung, sắc thái nào sau đây:

- A. Vui tươi
- B. Thương nhớ
- C. Đắm say
- D. Ngậm ngùi

Câu 41. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

“Đời chúng ta nằm trong vòng chữ tôi. Mất bề rộng ta đi tìm bề sâu. Nhưng càng đi sâu càng lạnh. Ta thoát lên tiện cùng Thế Lữ, ta phiêu lưu trong trường tình cùng Lưu Trọng Lư, ta điên cuồng với Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên, ta đắm say cùng Xuân Diệu. Nhưng động tiền đã khép, tình yêu không bền, điên cuồng rồi tỉnh, say đắm vẫn bơ vơ. Ta ngơ ngẩn buồn trở về hồn ta cùng Huy Cận”.

(Hoài Chân, Hoài Thanh, *Thi nhân Việt Nam*)

Phương thức biểu đạt của đoạn trích là gì?

- A. Tự sự
- B. Miêu tả
- C. Biểu cảm
- D. Thuyết minh

Câu 42. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

“Trong tâm trí nhân dân thường có Thần và Bụt mà không có Tiên. Thần uy linh bảo quốc hộ dân và Bụt hay cứu giúp mọi người; còn Tiên nhiều

phép lạ, ngao du ngoài thế giới thì xa lạ. Không ca tụng trí tuệ mà ca tụng sự khôn khéo. Khôn khéo là ăn đi trước, lội nước theo sau, biết thủ thế, giữ mình, gỡ được tình thế khó khăn. Đối với cái dị kì, cái mới, không dễ hòa hợp nhưng cũng không cự tuyệt đến cùng, chấp nhận cái gì vừa phải, hợp với mình nhưng cũng chần chừ, dè dặt, giữ mình.”

(Trần Đình Hượu, *Nhìn về vốn văn hóa dân tộc*,

Ngữ văn lớp 12, tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Từ “dị kì” trong đoạn trích trên biểu đạt nội dung nào?

- A. Giống với bản thân mình
- B. Khác với bản thân mình
- C. Gần gũi với bản thân mình
- D. Đồng nhất với bản thân mình

Câu 43. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

*“Dấu xuôi về phương Bắc
Dấu ngược về phương Nam
Nơi nào em cũng nghĩ
Hướng về anh một phương”*

(Xuân Quỳnh, *Sóng*, Ngữ văn lớp 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Đoạn trích thể hiện một vẻ đẹp riêng của người phụ nữ trong tình yêu. Đó là:

- A. Sự ghen tuông
- B. Sự say đắm
- C. Sự chung thủy
- D. Sự kiên nhẫn

Câu 44. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

“Cuộc đối thoại tiếp diễn như sau:

- Thế em nghĩ thế nào về người khách của chúng ta? – Người con trai hỏi, ngỡ tôi là một đẳng hoàng thượng và tưởng rằng tôi không hiểu họ nói gì với nhau.

- Hấn còn làm mình bật cười hơn nữa cơ lúc hấn đeo lên người hấn đủ cả bộ lụa là, đủ cả bộ hạt cườm. – Người bạn gái anh ta trả lời.

- Hạt châu báu đấy chứ! Em thích có chỗ châu báu ấy quá đi, chứ còn gì!”

(Nguyễn Ái Quốc, *Vì hành*, Ngữ văn lớp 11, tập một, NXB Giáo dục, 2020)

Hình ảnh “đẳng hoàng thượng” trong đoạn trích trên phù hợp với nhận xét nào sau đây:

- A. Hình ảnh vị vua uy nghi

- B. Hình ảnh vị vua giàu có
- C. Hình ảnh vị vua kì quặc
- D. Hình ảnh vị vua nghèo khổ

Câu 45. Đọc đoạn trích và trả lời câu hỏi

*“những tiếng đàn bọt nước
Tây Ban Nha áo choàng đỏ gắt
li-la li-la li-la
đi lang thang về miền đơn độc
với vầng trăng chênh choáng
trên yên ngựa mỏi mòn”*

(Thanh Thảo, *Đàn ghi ta của Lor-ca*)

Hình ảnh “*tiếng đàn bọt nước*” sử dụng biện pháp tu từ gì?

- A. Ẩn dụ
- B. Hoán dụ
- C. Nhân hóa
- D. So sánh

Câu 46. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

*“không ai chôn cất tiếng đàn
tiếng đàn như cỏ mọc hoang
giọt nước mắt vầng trăng
long lanh trong đáy giếng”*

(Thanh Thảo, *Đàn ghi ta của Lor-ca*, Ngữ văn 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2010)

Nội dung chính của đoạn trích là gì?

- A. Nỗi xót xa trước những cách tân nghệ thuật của Lor-ca không ai tiếp tục
- B. Thể hiện niềm tiếc thương sâu sắc và niềm tin mãnh liệt vào sự bất tử của tên tuổi, sự nghiệp của nghệ sĩ Lor-ca
- C. Niềm tin mãnh liệt vào sự bất tử của tiếng đàn Lor-ca
- D. Thể hiện niềm tiếc thương đối với Lor-ca, người nghệ sĩ với khát vọng tự do và cách tân nền nghệ thuật của đất nước Tây Ban Nha

Câu 47. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

“Lại như quãng mặt ghềnh Hát Loóng, dài hàng cây số nước xô đá, đá xô sóng, sóng xô gió, cuồn cuộn luồng gió gùn ghè suốt năm như lúc nào cũng đòi nợ xuýt bất cứ người lái đò Sông Đà nào tóm được qua đây. Quãng này mà khinh suất tay lái thì cũng dễ lật ngựa bụng thuyền ra.”

(Nguyễn Tuân, *Người lái đò sông Đà*, Ngữ văn 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Nhịp điệu của các câu văn trong đoạn trích có tác dụng gì trong việc miêu tả vẻ đẹp của con sông Đà?

- A. Khiến độc giả hình dung sông Đà như một con thủy quái luôn uy hiếp con người
- B. Tập trung khắc họa vẻ đẹp hung bạo của dòng sông Đà nơi thượng nguồn Tây Bắc
- C. Tái hiện sức mạnh thiên nhiên dữ dội nhất của nước, sóng, gió và đá sông Đà
- D. Bộc lộ rõ “diện mạo và tâm địa của thứ kẻ thù số một” đối với những người lái đò

Câu 48. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

“Tiếng trống thu không trên cái chòi của huyện nhỏ; từng tiếng một vang ra để gọi buổi chiều. Phương tây đỏ rực như lửa cháy và những đám mây ánh hồng như hòn than sắp tàn. Dãy tre làng trước mặt đen lại và cắt hình rõ rệt trên nền trời.

Chiều, chiều rồi. Một chiều êm ả như ru, văng vẳng tiếng ếch nhái kêu ran ngoài đồng ruộng theo gió nhẹ đưa vào. Trong cửa hàng hơi tối, muỗi đã bắt đầu vo ve. Liên ngồi yên lặng bên mấy quả thuốc sơn đen; đôi mắt chị bóng tối ngập đầy dần và cái buồn của buổi chiều quê thấm thía vào tâm hồn ngây thơ của chị; Liên không hiểu sao, nhưng chị thấy lòng buồn man mác trước cái giờ khắc của ngày tàn.”

(Thạch Lam, *Hai đứa trẻ*, Ngữ văn 11, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2015)

Đoạn trích cho thấy nghệ thuật viết truyện ngắn của Thạch Lam được thể hiện ở phương diện nào?

- A. Chủ yếu khai thác thế giới nội tâm của nhân vật với những cảm xúc mong manh, mơ hồ trong cuộc sống thường ngày
- B. Mỗi truyện như một bài thơ trữ tình, giọng điệu điềm đạm nhưng chứa đựng biết bao tình cảm mến yêu chân thành
- C. Diễn tả những cảm xúc, cảm giác nhẹ nhàng, mơ hồ của con người trong sự cộng hưởng cùng các biến thái của ngoại cảnh
- D. Các nhân vật ít có những hành động mạnh, không cái cọ mà thường thiên về trạng thái hướng nội, thích giải bày

Câu 49. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

“Còn tau thì lúc đó tau đứng sau gốc cây và. Tau thấy chúng nó trôi mây bằng đây rừng. Tau không nhảy ra cứu mây. Tau cũng chỉ có hai bàn tay không. Tau không ra, tau quay đi vào rừng, tau đi tìm bọn thanh niên. Bọn

thanh niên thì cũng đã đi vào rừng, chúng nó đi tìm giáo mác. Nghe rõ chưa, các con, rõ chưa. Nhớ lấy, ghi lấy. Sau này tau chết rồi, bay còn sống phải nói lại cho con cháu: Chúng nó đã cầm súng, mình phải cầm giáo!...”

(Nguyễn Trung Thành, *Rừng xà nu*, Ngữ văn 12, tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Nét tính cách nào của nhân vật cụ Mết được thể hiện trong đoạn trích?

- A. Kiên cường, vững chãi
- B. Gan dạ, quả cảm
- C. Tinh táo, sáng suốt
- D. Trung thành, bất khuất

Câu 50. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

- (1) Lốp lốp mây cao đùn núi bạc,
- (2) Chim nghiêng cánh nhỏ: bóng chiều sa.
- (3) Lòng quê dợn dợn vời con nước.
- (4) Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà.

(Huy Cận, *Tràng giang*, Ngữ văn 11, tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Dấu hai chấm (:) được sử dụng trong câu thơ thứ (2) của đoạn trích có ý nghĩa gì?

- A. Làm gián nhịp điệu của câu thơ
- B. Tăng nhạc tính cho câu thơ
- C. Ngăn cách giữa hai vế trong câu thơ
- D. Thể hiện phép so sánh ngầm

ĐỀ 06

Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi từ 1 đến 5:

“Nhớ khi giặc đến giặc lùng

- (2) Rừng cây núi đá ta cùng đánh Tây.
- (3) Núi giăng thành lũy sắt dày
- (4) Rừng che bộ đội, rừng vây quân thù.
- (5) Mênh mông bốn mặt sương mù
- (6) Đất trời ta cả chiến khu một lòng.
- (7) Ai về ai có nhớ không?
- (8) Ta về ta nhớ Phú Thông, đèo Giàng
- (9) Nhớ sông Lô, nhớ phố Ràng
- (10) Nhớ từ Cao – Lạng, nhớ sang Nhị Hà”

(Tố Hữu, *Việt Bắc*, Ngữ văn 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2010)

Câu 1. Nội dung chính của đoạn trích là gì?

- A. Sức mạnh tổng hợp của thiên nhiên và con người trong cuộc chiến đấu với kẻ thù
- B. Khí thế hào hùng của đoàn quân ra trận cùng sự yểm trợ của núi rừng Việt Bắc
- C. Hình ảnh đoàn quân Việt Bắc với những hoạt động sôi nổi, khẩn trương
- D. Khung cảnh Việt Bắc kháng chiến với những cảnh tượng rộng lớn

Câu 2. Trong hai câu thơ (3) và (4), tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật nào?

- A. Nhân hóa
- B. Nói quá
- C. So sánh
- D. Ẩn dụ

Câu 3. Việc tác giả sử dụng các cụm từ “nhớ từ”, “nhớ sang” có ý nghĩa gì?

- A. Thể hiện nỗi nhớ quyện hòa cùng niềm vui chiến thắng đang trào dâng ào dạt trong dòng hoài niệm của người ra đi
- B. Khẳng định nỗi nhớ da diết, cuộn xoáy hướng về các địa danh trước đây đã từng ghi dấu những chiến công vang dội của quân ta
- C. Mô phỏng khí thế hào hùng như sóng trào, bão cuốn của quân dân ta trong các chiến thắng oanh liệt, vang dội
- D. Khắc họa khung cảnh sôi động của cuộc kháng chiến với các chiến trường là mồ chôn của quân giặc xâm lược

Câu 4. Đại từ “ta” trong câu thơ thứ (2) chỉ đối tượng nào?

- A. Con người với thiên nhiên
- B. Người dân Việt Bắc và bộ đội
- C. Người lính và trời đất Việt Bắc
- D. Núi rừng Việt Bắc và cán bộ kháng chiến

Câu 5. Câu thơ thứ (6) trong đoạn trích được hiểu như thế nào?

- A. Cả vũ trụ, núi rừng Việt Bắc hướng về cuộc chiến đấu, bảo vệ quê hương đất nước
- B. Thể hiện sự đoàn kết, gắn bó giữa con người với thiên nhiên, trời đất, vũ trụ
- C. Khẳng định sông núi này là của chúng ta, đất trời này là của chúng ta
- D. Khung cảnh rộng lớn của chiến trường Việt Bắc với những chiến sĩ anh dũng

Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi từ 6 đến 10:

Đế Thích: Ông Trương Ba! (thấy vẻ nhột nhột của Hồn Trương Ba) Ông có ốm đau gì không? Một tuần nay tôi bị canh giữ chặt quá, không xuống đánh cờ với ông được, nhưng ông đốt hương gọi, đoán là ông có chuyện khẩn, tôi liều mạng xuống ngay. Có việc gì thế?

Hồn Trương Ba: (sau một lát) Ông Đế Thích ạ, tôi không thể tiếp tục mang thân anh hàng thịt được nữa, không thể được!

Đế Thích: Sao thế? Có gì không ổn đâu!

Hồn Trương Ba: Không thể bên trong một đảng, bên ngoài một nẻo được. Tôi muốn được là tôi toàn vẹn.

Đế Thích: Thế ông ngờ tất cả mọi người đều được là mình toàn vẹn cả ư? Ngay cả tôi đây. Ở bên ngoài, tôi đâu có được sống theo những điều tôi nghĩ bên trong. Mà cả Ngọc Hoàng nữa, chính người làm khi cũng phải khuôn ép mình cho xứng với danh vị Ngọc Hoàng. Dưới đất, trên trời đều thế cả, nữa là ông. Ông đã bị gach tên khỏi sổ Nam Tào. Thân thể thật của ông đã tan rữa trong bùn đất, còn chút hình thù gì của ông đâu!

Hồn Trương Ba: Sống nhờ vào đồ đạc, của cải người khác, đã là chuyện không nên, đằng này đến cái thân tôi cũng phải sống nhờ anh hàng thịt. Ông chỉ nghĩ đơn giản là cho tôi sống, nhưng sống như thế nào thì ông chẳng cần biết!”

Câu 6. Đoạn kịch trên diễn ra khi nào?

- A. Sau một thời gian sống trong thân xác anh hàng thịt, hồn Trương Ba cảm thấy vô cùng đau khổ, bế tắc khi phải rơi vào bi kịch
- B. Sau màn đối thoại giữa hồn Trương Ba và xác hàng thịt mà ở đó xác

hàng thịt đã sử dụng những lí lẽ ti tiện để thắng thế hồn Trương Ba

C. Sau khi hồn Trương Ba nói chuyện với người con dâu của mình và được chị thấu hiểu cảm thông về tình cảnh trở trêu hiện tại

D. Sau khi hồn Trương Ba chứng kiến phản ứng dữ dội của cái Gái – đứa cháu gái yêu quý ông nội sâu sắc

Câu 7. Nội dung chính của đoạn kịch trên là gì?

A. Hồn Trương Ba trách cứ Đế Thích vì Đế Thích chỉ cần Trương Ba được sống mà không quan tâm ông sống như thế nào

B. Hồn Trương Ba phân trần với Đế Thích về hoàn cảnh quá gò gort hiện tại của mình

C. Hồn Trương Ba khẩn cầu tiên Đế Thích cho ông được chết để thoát khỏi tình cảnh “bên trong một đảng, bên ngoài một nẻo” và xin cho cụ Tị được sống lại

D. Hồn Trương Ba bày tỏ quan niệm sống của mình với Đế Thích

Câu 8. Bên cạnh những lời thoại của nhân vật, các chú thích nghệ thuật của tác giả (in nghiêng và đặt trong ngoặc đơn) trong đoạn kịch trên có ý nghĩa như thế nào?

A. Là những lời ghi chú về hành động, cử chỉ, thái độ, biểu hiện của nhân vật,... nhằm định hướng việc diễn xuất của các diễn viên

B. Giúp người đọc, người nghe hình dung ra được bối cảnh của sự việc, thái độ và tâm trạng của nhân vật

C. Là những lời chỉ dẫn nhằm thuyết minh về cách bài trí sân khấu (đạo cụ, âm thanh, ánh sáng,...)

D. Cụ thể hóa cá tính của mỗi nhân vật trong đoạn kịch đồng thời góp phần đẩy xung đột kịch lên đến cao trào, đỉnh điểm

Câu 9. Trong đoạn kịch trên, lời thoại thể hiện rõ nhất quan niệm của Hồn Trương Ba về ý nghĩa sự sống là

A. Ông Đế Thích ạ, tôi không thể tiếp tục mang thân anh hàng thịt được nữa, không thể được!

B. Sống nhờ vào đồ đạc, của cải người khác, đã là chuyện không nên, đằng này đến cái thân tôi cũng phải sống nhờ anh hàng thịt

C. Không thể bên trong một đảng, bên ngoài một nẻo được. Tôi muốn được là tôi toàn vẹn.

D. Ông chỉ nghĩ đơn giản là cho tôi sống, nhưng sống như thế nào thì ông chẳng cần biết!

Câu 10. Lời thoại của nhân vật Đế Thích khiến người đọc liên tưởng đến lời sống nào?

A. Giả tạo

B. Thành thật

C. Lọc lừa

D. Trung thực

Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi từ 11 đến 15:

Giới tự nhiên tồn tại khách quan, độc lập với ý thức của con người, thường xuyên tác động vào các giác quan của con người, buộc con người phải nhận thức và lý giải nó. Vì thế, cùng với sự ra đời và phát triển của nhận thức thì khái niệm “Triết học tự nhiên” cũng nảy sinh và vận động trong lịch sử. Về bản chất, “Triết học tự nhiên” là một hình thái ý thức xã hội nghiên cứu những quy luật vận động và phát triển của thế giới tự nhiên với tính cách là một chỉnh thể. Tuy nhiên, trong lịch sử vận động và phát triển tư tưởng triết học của nhân loại, trước Triết học Mác vẫn chưa có được một quan niệm đúng đắn, thống nhất về bản chất của Triết học tự nhiên. Trên thực tế, đã xuất hiện nhiều quan niệm rất khác nhau về vấn đề này. Ở thời kỳ cổ đại, Triết học tự nhiên là hình thái ý thức dung hợp tất cả những tri thức của con người về thế giới. Tức là mọi sự hiểu biết của con người về tự nhiên, xã hội và tư duy (bao gồm cả những tri thức về giới tự nhiên, đời sống xã hội lẫn những tri thức về tư duy của con người) đều nằm trong Triết học tự nhiên. Lúc đó chưa có sự phân định những tri thức về khoa học xã hội, còn những tri thức nào là những tri thức về Triết học, mà Triết học tự nhiên bao hàm trong nó mọi tri thức của con người về thế giới, như các tri thức về Toán học, Vật lý, Hoá học, Sinh học, Đạo đức học, Mỹ học và Triết học,... Chính vì thế mà trong thời kỳ cổ đại, Triết học tự nhiên thường được người Hy Lạp gọi là Vật lý học hay Siêu hình học. Đặc trưng nổi bật của Triết học tự nhiên ở giai đoạn này là lý giải có tính biện chứng tự phát, ngây thơ và mộc mạc về tự nhiên. Họ coi tự nhiên như là một chỉnh thể sống, gắn bó chặt chẽ, khăng khít các sự vật lại với nhau. Ngay cả bản thân con người cũng được đem đồng nhất với tự nhiên, không tách rời khỏi tự nhiên dù chỉ là có tính tương đối. Do đó, các học thuyết về vũ trụ như “Vũ trụ học” hay “Nguồn gốc vũ trụ”, cũng chỉ là một bộ phận hợp thành hữu cơ của Triết học tự nhiên.

(Nguyễn Như Hải, *Triết học trong khoa học tự nhiên*,

NXB Giáo dục Việt Nam, 2009, tr. 15)

Câu 11. Đoạn trích trên bàn về vấn đề gì?

- A. Vai trò của giới tự nhiên trong lịch sử
- B. Bản chất của Triết học tự nhiên trong lịch sử
- C. Sự vận động của khái niệm Triết học tự nhiên
- D. Sự ra đời và phát triển của nhận thức

Câu 12. Đoạn trích được trình bày theo quy tắc nào?

- A. diễn dịch
- B. quy nạp
- C. tổng – phân – hợp
- D. song hành

Câu 13. Ý nào không được nói đến trong đoạn trích?

- A. Về bản chất, Triết học tự nhiên là một hình thái ý thức xã hội.

B. Triết học Mác vẫn chưa có được một quan niệm đúng đắn, thống nhất về bản chất của Triết học tự nhiên.

C. Ở thời kỳ cổ đại, Triết học tự nhiên là hình thái ý thức dung hợp tất cả những tri thức của con người về thế giới.

D. Người Hy Lạp cổ đại gọi Triết học tự nhiên là Vật lý học hay Siêu hình học

Câu 14. Ý nào không phải là quan niệm của thời cổ đại về bản chất của Triết học tự nhiên?

A. Triết học tự nhiên là hình thái ý thức dung hợp tất cả những tri thức của con người về thế giới.

B. Những tri thức về giới tự nhiên, đời sống xã hội và tư duy của con người đều thuộc Triết học tự nhiên

C. Đặc trưng nổi bật của Triết học tự nhiên ở giai đoạn này là lý giải có tính biện chứng tự phát, ngây thơ và mộc mạc về tự nhiên.

D. Không coi tự nhiên như là một chỉnh thể sống, gắn bó chặt chẽ, khăng khít các sự vật lại với nhau.

Câu 15. Từ “họ” (gạch chân, in đậm) trong đoạn trích được dùng để thay thế cho đối tượng nào?

- A. những người cổ đại
- B. các nhà triết học cổ đại
- C. những người Hi Lạp
- D. các nhà triết học Hi Lạp

Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi từ 16 đến 20:

“So với thời thực dân, không gian Hà Nội thực ra chỉ mới được mở rộng thêm bằng biện pháp hành chính trong vài thập kỷ qua, bắt đầu từ 1961 với việc nâng địa giới Hà Nội lên 584 km² và dân số 91,000 người. Năm 1978 Hà Nội lại mở rộng địa bàn bằng cách nâng diện tích tự nhiên lên 2,136 km². Quá trình đô thị hóa cơ học bằng cách sát nhập các làng vào khu vực thành phố trong nhiều thập kỷ đã làm dân số Hà Nội tăng lên đến hơn hai triệu người vào năm 1999. Đợt mở rộng địa giới gần đây nhất vào tháng 8 năm 2008, Hà Nội đã nâng dân số lên 6,4 triệu người, trong đó cư dân thành thị chỉ chiếm 41% và cư dân nông thôn chiếm đa số với 59%²

Một số nhà nghiên cứu đã từng đi tìm lời giải cho câu hỏi tại sao Thăng Long – Hà Nội trải bao thế kỷ thăng trầm mà vẫn bé nhỏ với số thị dân khiêm nhường chừng ấy, tại sao một dân tộc vĩ đại với những chiến công hiển hách lẫy lừng mà lại không để lại cho hậu thế những công trình kiến trúc xứng tầm? Hoàng Ngọc Kỳ cho rằng quá trình biến tiến và việc lấy đất đắp đê đã tạo nên

những cái hồ Hà Nội, và chúng là những nhân chứng sống giúp lý giải tại sao hoàng thành lại bị chôn vùi, hết lớp này đến lớp khác chồng lấp lên nhau³. Ho Dinh Duan & Mamorou lại đưa ra kiến giải do vị thế bao bọc của sông hồ và đầm nước, thành Thăng Long khó mà mở rộng ra được⁴. Trong khi đó, sử gia Nguyễn Thừa Hỷ cho biết thành phố bị lụi tàn vì nạn binh đao trong suốt thế kỷ 18⁵. Trần Văn Giàu tìm kiếm câu trả lời ở triết lý văn hóa Thăng Long coi trọng tinh thần hơn vật chất, rằng “những kiến trúc tinh thần mang tính chất vĩ đại, vĩnh hằng sáng rực hơn bất kỳ đền đài nào khác”⁶. Những điều được viện dẫn ở trên đều ít nhiều liên quan đến sự thăng trầm và côi cộc về quy mô vật chất của khu vực đô thị Hà Nội trong lịch sử. Tuy nhiên, không gian của một thành phố và số lượng thị dân chủ yếu phụ thuộc vào điều kiện phát triển của nền kinh tế bởi vì chỉ khi nền kinh tế hàng hóa đủ mạnh để nuôi dưỡng khu vực không trực tiếp sản xuất thì mới tạo ra được một tầng lớp thị dân và doanh nhân đông đảo làm cho khu vực đô thị được mở mang. Với nền kinh tế nông nghiệp tự cấp là chủ đạo, và phần lớn người dân vẫn sống trong các làng quê, thì chúng ta có thể hiểu được tại sao quy mô của một đô thị bậc nhất trời Nam lại chỉ khiêm nhường đến thế.”

(Nguyễn Văn Chính, *Cấu trúc và giải cấu trúc bản sắc văn hóa Hà Nội*,

Khoa Lịch sử: Một chặng đường nghiên cứu (2006 -2011),

NXB Thế giới, 2011, trang 163 – 192)

Câu 16. Nội dung chính của đoạn trích là gì?

- A. Không gian địa giới hành chính của Hà Nội qua những lần mở rộng lãnh thổ
- B. Vì sao Hà Nội không có những công trình kiến trúc xứng tầm
- C. Sự thay đổi diện mạo của Hà Nội theo dòng chảy thời gian
- D. Tình hình biến động trong tỉ lệ nông dân và thị dân ở Hà Nội

Câu 17. Theo đoạn trích, Hà Nội đã trải qua mấy lần mở rộng địa giới hành chính?

- | | |
|------|------|
| A. 1 | B. 2 |
| C. 3 | D. 4 |

3 “Vì sao hoàng thành bị chôn vùi”, *Thanh Niên* (27/9/2010).

4 Ho Dinh Duan & Shibabaya Mamorou, “Studies on Hanoi Urban Transition in the Late 20th Century based on GIS/RS”, *Southeast Asian Studies*, Vol. 46, No. 4, March 2009, p. 532-546.

5 Nguyễn Thừa Hỷ, “*Thăng Long – Hà Nội, hôm qua và hôm nay*”. <http://www.diendan.nguoiha noi.net>.

6 Trần Văn Giàu, Văn hóa Thăng Long thời đại Lý – Trần. In trong: *Hội Ngôn ngữ học “Hà Nội – Những Vấn đề Ngôn ngữ Văn hóa”*. Nxb Thời đại, Hà Nội, 2010; tr. 8-35.

Câu 18. Thao tác lập luận chính của đoạn trích là gì?

- | | |
|---------------|---------------|
| A. Chứng minh | B. Phân tích |
| C. Bình luận | D. Giải thích |

Câu 19. Theo đoạn trích, có những nguyên nhân nào làm cho không gian “Thăng Long – Hà Nội trải qua bao thế kỷ thăng trầm mà vẫn bé nhỏ”?

- A. Do vị thế bao bọc của sông hồ và đầm nước nên không gian vùng lõi Hà Nội khó mà mở rộng ra được
- B. Vì thành phố bị lụi tàn do nạn binh đao trong suốt thế kỷ 18 nên kinh tế phát triển chưa thực sự ổn định
- C. Vì nền kinh tế của Hà Nội vẫn là nông nghiệp tự cấp là chủ đạo, và phần lớn người dân vẫn sống trong các làng quê
- D. Xuất phát từ triết lý văn hóa Thăng Long coi trọng tinh thần hơn vật chất nên trong quan niệm của mỗi người “những kiến trúc tinh thần mang tính chất vĩ đại, vĩnh hằng sáng rực hơn bất kỳ đền đài nào khác”

Câu 20. Tác giả sử dụng biện pháp tu từ nghệ thuật gì trong câu văn: “Những điều được viện dẫn ở trên đều ít nhiều liên quan đến sự thăng trầm và côi cộc về quy mô vật chất của khu vực đô thị Hà Nội trong lịch sử”?

- | | |
|-------------|------------|
| A. Nhân hóa | B. Hoán dụ |
| C. So sánh | D. Ẩn dụ |

Câu 21. Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

Trung tâm dự báo khí tượng thủy văn quốc gia cho biết: do lượng mưa năm nay kéo dài, sản lượng nông nghiệp vụ hè thu của đồng bằng Bắc Bộ giảm 15% so với năm ngoái.

- | | |
|-----------------------|------------|
| A. khí tượng thủy văn | B. kéo dài |
| C. vụ hè thu | D. so với |

Câu 22. Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

Trong xã hội phong kiến, thân phận người phụ nữ vô cùng nhỏ nhen và yếu đuối, luôn bị động chịu sự xô đẩy của cuộc đời.

- | | |
|--------------|-------------|
| A. thân phận | B. nhỏ nhen |
| B. bị động | C. xô đẩy |

Câu 23. Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

Hãy tìm các ví dụ trong Tắt đèn, Truyện Kiều, Hồ Xuân Hương để chứng minh: người phụ nữ trong xã hội xưa dù mang thân phận bé nhỏ, hẩm hiu, nổi trôi nhưng lại có những phẩm chất vô cùng cao đẹp.

- A. Truyện Kiều
C. Hồ Xuân Hương

- B. xã hội xưa
D. thân phận

Câu 24. Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

Trong thời kì 1960 – 1975 là thời kì chiến tranh ác liệt nhất ở Việt Nam.

- A. Trong
C. ác liệt
B. thời kì
D. ở

Câu 25. Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

Cây co trong tay người họa sĩ sau những nét đưa lên đưa xuống mềm mại bỗng dừng lại mím cười khoan khoái.

- A. Cây co
C. mềm mại
B. người họa sĩ
D. mím cười khoan khoái

Câu 26. Chọn một từ mà nghĩa của nó KHÔNG cùng nhóm với các từ còn lại.

- A. mắt bão
C. mắt bò câu
B. mắt lưới
D. mắt na

Câu 27. Chọn một từ mà nghĩa của nó KHÔNG cùng nhóm với các từ còn lại.

- A. lão đảo
C. động đậy
B. ngộ nguậy
D. bồi hồi

Câu 28. Chọn một từ mà nghĩa của nó KHÔNG cùng nhóm với các từ còn lại.

- A. giường
C. thìa
B. ghế
D. phản

Câu 29. Tác phẩm nào KHÔNG cùng thể loại với những tác phẩm còn lại?

- A. Chữ người tử tù
C. Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài
B. Hai đứa trẻ
D. Chí Phèo

Câu 30. Tác giả nào sau đây KHÔNG thuộc giai đoạn văn học 1945 – 1954?

- A. Nguyễn Duy
C. Tố Hữu
B. Chính Hữu
D. Nông Quốc Chấn

Câu 31. Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

Việc đọc sách không chỉ giúp chúng ta _____ hiểu biết mà còn

giúp chúng ta _____ bản thân và nuôi dưỡng tâm hồn

- A. hoàn thiện/nâng cao
B. phát triển/tu dưỡng
C. mở rộng/hoàn thiện
D. nâng cao/phát triển

Câu 32. Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

Nhìn về mặt tổng thể, vùng Hoa Lư và kinh đô Hoa Lư _____ được bảo vệ và giữ gìn _____ mang lại cho đất nước một nguồn lợi lớn về du lịch.

- A. nếu/thì
C. nếu/sẽ
B. do/nên
D. để/thì

Câu 33. Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

_____ tiếng nói và chữ viết, con người có thể dạy nhau cách _____ ra các công cụ để tồn tại và không ngừng phát triển mà không cần phải trông đợi vào những biến đổi về mặt sinh học.

(Sinh học 12, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2020)

- A. Thông qua/sáng tạo
C. Xuyên qua/sáng chế
B. Đi qua/sáng tạo
D. Vượt qua/ sáng chế

Câu 34. Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

_____ là “Bài thơ viết về nỗi buồn đau nhưng là cái buồn đau bi tráng chứ không phải là cái buồn đau bi lụy”.

- A. Tây Tiến
C. Đất nước
B. Đồng chí
D. Sóng

Câu 35. Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

_____ ít quan tâm đến cuộc sống và những tâm tình riêng tư của cá nhân mà thường đề cập đến những vấn đề có ý nghĩa lịch sử, có tính chất toàn dân, quan hệ tới vận mệnh của cả một dân tộc, một đất nước.

- A. Thơ Mới
C. Thơ chính trị
B. Thơ trữ tình
D. Thơ tự do

Câu 36. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“Theo Austin, khi chúng ta nói là chúng ta đã hành động. Hành động đó được thực hiện bằng chính lời chúng ta nói ra và được gọi là hành động nói (hay hành động ngôn ngữ). Hành động nói thể hiện ý định, mục đích của người

nói. Nó trả lời cho câu hỏi: Nói với ý định gì? Nhằm mục đích gì? Chẳng hạn: để hỏi, yêu cầu, bác bỏ, phủ định, khẳng định, giải thích, chào, cảm ơn, xin lỗi... Đó là các hành động nói”.

(Bùi Minh Toán, *Giáo trình Ngữ pháp tiếng Việt*, NXB Đại học Sư phạm, 2010)

Phong cách ngôn ngữ của đoạn trích là gì?

- A. Phong cách ngôn ngữ chính luận
- B. Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật
- C. Phong cách ngôn ngữ khoa học
- D. Phong cách ngôn ngữ báo chí

Câu 37. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

*Ta về, mình có nhớ ta
Ta về, ta nhớ những hoa cùng người.
Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi
Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng.
Ngày xuân mơ nở trắng rừng
Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang.
Ve kêu rừng phách đổ vàng
Nhớ cô em gái hái măng một mình
Rừng thu trăng rọi hoà bình
Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung.*

(Tố Hữu, *Việt Bắc*, Ngữ văn 12 tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2021)

Đoạn thơ diễn tả chính xác nhất nội dung nào sau đây?

- A. Bức tranh “tứ bình” gần gũi, thân quen, sống động và đẹp đẽ về cảnh và người qua bốn mùa ở chiến khu Việt Bắc.
- B. Chân dung một Việt Bắc gian nan mà nghĩa tình, thơ mộng, rất đỗi hào hùng trong nỗi nhớ của người ra đi.
- C. Cuộc sống và con người Việt Bắc khổ cực, lam lũ mà thủy chung son sắt.
- D. Những hình ảnh đẹp đẽ, tươi sáng thể hiện cái nhìn lạc quan về cách mạng.

Câu 38. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

*Con gặp lại nhân dân như nai về suối cũ
Cỏ đón giêng hai, chim én gặp mùa,
Như đứa trẻ thơ đói lòng gặp sữa
Chiếc nôi ngừng bỗng gặp cánh tay đưa.*

(Chế Lan Viên, *Tiếng hát con tàu*, Ngữ văn 12 tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2021)

Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong đoạn trích?

- A. Ẩn dụ
- B. So sánh
- C. Nhân hóa
- D. Hoán dụ

Câu 39. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“Cái đói đã tràn đến xóm này từ lúc nào. Những gia đình từ những vùng Nam Định, Thái Bình, đội chiếu lũ lượt bồng bế, dắt díu nhau lên xanh xám như những bóng ma, và nằm ngón ngàng khắp lều chợ. Người chết như ngả rạ. Không buổi sáng nào người trong làng đi chợ, đi làm đồng không gặp ba bốn cái thây nằm còng queo bên đường. Không khí vẫn lên mùi ẩm thối của rác rưởi và mùi gây của xác người”.

(Kim Lân, *Vợ nhặt*, Ngữ văn 12 tập 2, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Nội dung chính của đoạn trích là gì?

- A. Bức tranh bi thảm về nạn đói khủng khiếp năm 1945 qua không gian một ngã tư xóm chợ.
- B. Tố cáo tội ác của thực dân Pháp và phát xít Nhật đã gây ra nạn đói khủng khiếp cho nhân dân Việt Nam.
- C. Khẳng định, ngợi ca sức sống mãnh liệt, tiềm ẩn trong tâm hồn những con người cùng khổ ngay khi cận kề cái chết.
- D. Niềm thương cảm, xót xa của nhà văn trước những con người nhỏ bé, nghèo khổ.

Câu 40. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“Làng ở trong tầm đại bác của đồn giặc. Chúng nó bắn, đã thành lệ, mỗi ngày hai lần, buổi sáng sớm và xế chiều, hoặc đứng bóng và xầm tối, hoặc nửa đêm và trở gà gáy. Hầu hết đạn đại bác đều rơi vào ngọn đồi xà nu cạnh con nước lớn. Cả rừng xà nu hàng vạn cây không có cây nào không bị thương. Có những cây bị chặt đứt ngang nửa thân mình, đổ ào ào như một trận bão. Ở chỗ vết thương, nhựa ứa ra, tràn trề, thơm ngào ngạt, long lanh nắng gay gắt, rồi dần dần bầm lại, đen và đặc quện thành từng cục máu lớn.

(Nguyễn Trung Thành, *Rừng xà nu*)

Câu văn “Ở chỗ vết thương, nhựa ứa ra, tràn trề, thơm ngào ngạt, long lanh nắng gay gắt, rồi dần dần bầm lại, đen và đặc quện thành từng cục máu lớn.” sử dụng biện pháp tu từ gì?

- A. Nhân hóa
- B. Ẩn dụ
- C. So sánh
- D. Hoán dụ

Câu 41. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“... Những lúc như thế, thì một người dẫu khôn ngoan cũng không bình tĩnh được. Nhất là khi trông thấy một thằng chỉ đến vói tiền uống rượu như Chí Phèo. Tuy vậy, cụ cũng móc sẵn năm hào. Thà móc sẵn để tống nó đi cho

chóng. Nhưng móc rồi, cụ cũng phải quát một câu cho nhẹ người:

- Chí Phèo đẩy hờ? Lè bè vừa thôi chứ, tôi không phải là cái kho.
- Rồi ném bẹt năm hào xuống đất, cụ bảo hần:
- Cầm lấy mà cút đi cho rảnh. Rồi làm mà ăn chứ cứ báo người ta mãi à?"

(Nam Cao, *Chí Phèo*, Ngữ văn 11 tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Câu nói của Bá Kiến "Lè bè vừa thôi chứ, tôi không phải là cái kho" có hàm ý gì?

- A. Từ chối trước lời đề nghị xin tiền như mọi khi của Chí Phèo
- B. Nhà Bá Kiến không có kho chứa tiền
- C. Nhà Bá Kiến có một kho chứa tiền
- D. Đuổi khéo Chí Phèo

Câu 42. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

"Điều tâm hồn mới mẻ, "cái tôi" lãng mạn bay bổng, vừa phóng khoáng, ngông nghênh, vừa cảm thương, ưu ái trong thơ văn ông đã chinh phục thế hệ độc giả mới đầu thế kỉ XX. Giữa lúc thơ phú nhà Nho tàn cuộc, ông có lối đi riêng, vừa tìm về với ngọn nguồn thơ ca dân gian và dân tộc, vừa có những sáng tạo độc đáo, tài hoa. Thơ văn ông có thể xem như một gạch nối giữa hai thời đại văn học của dân tộc: trung đại và hiện đại".

(Ngữ văn 11, tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Đoạn trích tiêu dẫn nói về nhà văn nào?

- A. Phan Bội Châu
- B. Tản Đà
- C. Tố Hữu
- D. Nguyễn Bính

Câu 43. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

Trong văn xuôi Việt Nam hiện đại, ông là nhà văn có phong cách độc đáo. Ông đặc biệt quan tâm tới đời sống tinh thần của con người, luôn có hứng thú khám phá "con người trong con người" dù viết về người nông dân hay người trí thức. Ông quan niệm: "Sống tức là cảm giác và tư tưởng. Sống cũng là hành động nữa, nhưng hành động chỉ là phản phụ: có cảm giác, có tư tưởng mới sinh ra hành động. Bản tính cốt yếu của sự sống chính là cảm giác và tư tưởng. Cảm giác càng mạnh, càng linh diệu, tư tưởng càng dồi dào càng sâu sắc thì sự sống càng cao" (Sống mòn).

(Ngữ văn 11, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Đoạn trích nói đến phong cách nghệ thuật của nhà văn nào?

- A. Ngô Tất Tố
- B. Nam Cao
- C. Nguyễn Công Hoan
- D. Thạch Lam

Câu 44. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

Ta về, mình có nhớ ta
Ta về, ta nhớ những hoa cùng người.
Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi
Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng.

(Tố Hữu, *Việt Bắc*, Ngữ văn 12 tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Cặp đại từ xưng hô *ta – mình* trong đoạn trích để chỉ ngôi giao tiếp nào?

- A. Ta: cả người cán bộ và người dân Việt Bắc; mình: người cán bộ miền xuôi
- B. Ta: người cán bộ miền xuôi; mình: cả người cán bộ và người dân Việt Bắc
- C. Ta: người cán bộ miền xuôi; mình: người dân Việt Bắc
- D. Ta: người dân Việt Bắc; mình: người cán bộ miền xuôi

Câu 45. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

Đất là nơi anh đến trường
Nước là nơi em tắm
Đất Nước là nơi ta hò hẹn
Đất Nước là nơi em đánh rơi chiếc khăn trong nỗi nhớ thầm
Đất là nơi "con chim phượng hoàng bay về hòn núi bạc"
Nước là nơi "con cá ngư ông móng nước biển khơi"

(Nguyễn Khoa Điềm, *Đất Nước* (Trích trường ca *Mặt đường khát vọng*), Ngữ văn 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Đoạn trích thể hiện suy ngẫm của tác giả về "Đất Nước" từ phương diện nào?

- A. Phương diện văn hóa
- B. Phương diện thời gian
- C. Phương diện không gian
- D. Phương diện lịch sử

Câu 46. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

- (1) "Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi!
- (2) Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi
- (3) Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi
- (4) Mường Lát hoa về trong đêm hơi"

(Quang Dũng, *Tây Tiến*, Ngữ văn 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2010)

Cảm hứng chủ đạo của đoạn trích là gì?

- A. Nỗi nhớ da diết của các chiến sĩ Tây Tiến hướng về miền Tây, trung đoàn Tây Tiến và những năm tháng hào hùng không thể nào quên

B. Nỗi nhớ con Sông Mã, nhớ Tây Tiến, nhớ đồng đội, nhớ bao gương mặt một thời chinh chiến, nhớ về rừng núi của nhà thơ Quang Dũng

C. Nỗi nhớ da diết của tác giả về miền Tây và đoàn quân Tây Tiến. Đó là những cuộc hành quân gian khổ và khung cảnh thiên nhiên miền Tây hùng vĩ, hoang sơ, dữ dội.

D. Nỗi nhớ về cuộc sống chiến đấu gian khổ và hi sinh anh dũng của những chiến sĩ trong trung đoàn Tây Tiến

Câu 47. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

“Cung nữ – Chính nó là thủ phạm

Đan Thiềm – Lũ yêu quái không được đặt đẻ nên nhời, tướng quân nên thâu cho. Tôi không sợ chết, nguyện xin được chết. Nhưng tôi không phải là con người bất chính, tôi nói thể không hổ với quý thần hai vai, không hổ với thanh thiên bạch nhật.

Cung nữ – Chính con Đan Thiềm là thủ phạm. (Nhìn lảng lơ, bọn quân sĩ như bị quấy rối).

Ngô Hạch – Ta đã biết! Quân bay, vào bắt lấy gian phu dâm phụ.

Đan Thiềm – Tướng quân không nên nói thế.

Vũ Như Tô – Giết thì cứ giết, nhưng đừng nghi oan.

Đan Thiềm – Tướng quân nghe tôi. Bao nhiêu tội tôi xin chịu hết. Nhưng xin tướng quân tha cho ông Cả. Ông ấy là một người tài...”

(Nguyễn Huy Tưởng, *Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài* (Trích Vũ Như Tô),

Ngữ văn 11, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2015)

Nét tính cách nào của nhân vật Đan Thiềm được thể hiện trong đoạn trích?

A. Tinh táo, sáng suốt

B. Đam mê tài năng, sáng tạo cái đẹp

C. Là người có tấm lòng “liên tài”

D. Sẵn sàng hi sinh để bảo vệ cái tài, cái đẹp

Câu 48. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

“Con thường sống ngẩng cao đầu, mẹ a

Tĩnh tình con hơi ngang bướng, kiêu kì

Nếu có vị Chúa nào nhìn con vào mắt

Con chẳng bao giờ cúi mặt trước uy nghi.

Nhưng mẹ ơi, con xin thú thật

Trái tim con đủ kiêu hãnh thế nào

Đứng trước mẹ, dịu dàng, chân chất

Con thấy mình bé nhỏ làm sao!”

(Hen – rich Hai - nơ, *Thư gửi mẹ.*)

Đoạn trích trên sử dụng phương thức biểu đạt nào?

A. thuyết minh, biểu cảm

B. tự sự, biểu cảm

C. miêu tả, biểu cảm

D. nghị luận, biểu cảm

Câu 49. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

“Việt muốn chạy thật nhanh, thoát khỏi sự vắng lặng này, về với ánh sáng ban ngày, gặp lại anh Tánh, níu chặt lấy các anh mà khóc như thằng Út em vẫn níu chân chị Chiến, nhưng chân tay không nhấc lên được. Bóng đêm vắng lặng và lạnh lẽo bao tròn lấy Việt, kéo theo đến cả con ma cụt đầu vẫn ngồi trên cây xoài mồ côi và thằng chông thụt lưỡi hay nhảy nhót trong những đêm mưa ngoài vòm sông, cái mà Việt vẫn nghe các chị nói hồi ở nhà, Việt nằm thờ đốc...”

(Nguyễn Thi, *Những đứa con trong gia đình*, Ngữ văn 12, tập hai,

NXB Giáo dục Việt Nam, 2011)

Nét tính cách nào của nhân vật Việt được thể hiện trong đoạn trích?

A. Trẻ trung, vô tư

B. Hồn nhiên, trong sáng

C. Ngây thơ, đáng yêu

D. Ngộ nghĩnh, tươi trẻ

Câu 50. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

(1) *“Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc*

(2) *Quân xanh màu lá dữ oai hùm*

(3) *Mắt trừng gửi mộng qua biên giới*

(4) *Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm*

(5) *Rải rác biên cương mồ viễn xứ*

(6) *Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh*

(7) *Áo bào thay chiếu anh về đất*

(8) *Sông Mã gầm lên khúc độc hành”*

(Quang Dũng, *Tây Tiến*, Ngữ văn 12, tập một,

NXB Giáo dục Việt Nam, 2010)

Chủ đề nổi bật bao trùm đoạn thơ là gì?

A. Hình tượng người lính hiện lên trực tiếp qua khí phách ngang tàng chiến thắng bệnh tật và tâm hồn hào hoa đất Hà thành

B. Vẻ đẹp hào hùng của lí tưởng cao cả, của ý chí kiên cường, của sự hi sinh anh dũng cùng vẻ đẹp hào hoa lãng mạn của những tâm hồn đắm đắm mộng mơ

C. Sự hi sinh của những chiến sĩ trong trung đoàn Tây Tiến không hề vô nghĩa mà các anh đã trở thành những người con bất tử cùng non sông

D. Hình tượng người lính Tây Tiến hiện lên trực tiếp qua con đường hành quân nhiều vất vả, gian truân, nhiều nhọc nhằn, vất vả

ĐỀ 07

Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi từ 1 đến 5:

(1) “— *Mình về mình có nhớ ta*

(2) *Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng.*

(3) *Mình về mình có nhớ không*

(4) *Nhìn cây nhớ núi, nhìn sông nhớ nguồn?*

(6) — *Tiếng ai tha thiết bên cồn*

(7) *Bâng khuâng trong dạ, bồn chồn bước đi*

(8) *Áo chàm đưa buổi phân li*

(9) *Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay...*”

(Tố Hữu, *Việt Bắc*, Ngữ văn 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2010)

Câu 1. Nội dung chủ đạo của đoạn trích là gì?

- A. Sự băn khoăn, lưu luyến, bịn rịn của con người trong buổi chia tay
- B. Tình cảm son sắt của người dân Việt Bắc với kháng chiến
- C. Sự thủy chung của những người kháng chiến với quê hương cách mạng
- D. Niềm trân trọng nhớ thương của người ở lại với người ra đi

Câu 2. Biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong câu thơ thứ (7) là gì?

- A. Nhân hóa
- B. Ẩn dụ
- C. So sánh
- D. Hoán dụ

Câu 3. Việc tác giả sử dụng dấu ba chấm (...) trong câu thơ thứ (8) có ý nghĩa gì?

- A. Cho thấy có những điều mà người ở lại còn chưa nói hết với người ra đi
- B. Diễn tả sự ngập ngừng, thốn thức trong tâm trạng, trong cử chỉ của người đi kẻ ở
- C. Tái hiện cảnh tiễn đưa bịn rịn, lưu luyến sâu nặng nghĩa tình của người ở lại
- D. Tô đậm sự im lặng không lời đầy xúc động trong buổi chia tay giữa kẻ ở người đi

Câu 4. Giọng điệu chủ đạo của toàn bộ đoạn trích là gì?

- A. Xao xuyến bâng khuâng
- B. Dịu dặt tha thiết
- C. Nghẹn ngào xúc động
- D. Tự hào bay bổng

Câu 5. Đoạn trích được tổ chức theo hình thức nào?

- A. Người ra đi hỏi người ở lại trả lời
- B. Đối đáp “mình” – “ta”
- C. Giao duyên đôi lứa
- D. Hỏi đáp đan xen

Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi từ 6 đến 10:

“Tôi có bay tạt ngang qua Sông Đà mấy lần, và thấy đó cũng là thêm cho mình một góc độ nhìn một cách nhìn về con sông Tây Bắc hung bạo và trữ tình. Từ trên tàu bay mà nhìn xuống Sông Đà, không ai trong tàu bay nghĩ rằng cái dây thừng ngoằn ngoèo dưới chân mình kia lại chính là cái con sông hằng năm và đời đời kiếp kiếp làm mình làm mẩy với con người Tây Bắc và phản ứng giận dữ vô tội vạ với người lái đò Sông Đà. Cũng không ai nghĩ rằng đó là con sông của câu đồng dao thần thoại Sơn Tinh Thủy Tinh “Núi cao sông hãy còn dài - Năm năm bão oán đời đời đánh ghen”. Hình như khi mà ta đã quen đọc bản đồ sông núi, thì mỗi lúc ngồi tàu bay trên chiều cao mà nhìn xuống đất nước Tổ quốc bao la, càng thấy quen thuộc với từng nét sông tãi ra trên đại dương đá lở lở bóng mây dưới chân mình. Con Sông Đà tuôn dài tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban hoa gạo tháng hai và cuồn cuộn mù khói Mèo đốt nương xuân. Tôi đã nhìn say sưa làn mây mùa xuân bay trên Sông Đà, tôi đã xuyên qua đám mây mùa thu mà nhìn xuống dòng nước Sông Đà. Mùa xuân dòng xanh ngọc bích, chứ nước Sông Đà không xanh màu xanh canh hến của Sông Gâm Sông Lô. Mùa thu nước Sông Đà lừ lừ chín đỏ như da mặt một người bầm đi vì rượu bữa, lừ lừ cái màu đỏ giận dữ ở một người bất mãn bực bội gì mỗi độ thu về. Chưa hề bao giờ tôi thấy dòng Sông Đà là đen⁷ như thực dân Pháp đã dè chừng con sông ta ra đổ mực Tây vào mà gọi bằng một cái tên Tây láo lếu, rồi cứ thế mà phiệt vào bản đồ lai chữ.”

(Nguyễn Tuân, *Người lái đò sông Đà*, Ngữ văn 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Câu 6. Chủ đề nổi bật của đoạn trích là gì?

- A. Vẻ đẹp trữ tình của dòng sông Đà
- B. Sự thay đổi màu nước sông Đà theo từng mùa trong năm
- C. Trải nghiệm thưởng ngoạn vẻ đẹp của dòng sông Đà từ trên cao
- D. Diện mạo của dòng sông Đà ở khúc hạ nguồn Tây Bắc

Câu 7. Đoạn trích trên có sự kết hợp của những phương thức biểu đạt nào?

- A. Miêu tả và tự sự
- B. Tự sự và thuyết minh

7

Sông Đà là đen: người Pháp gọi sông Đà là sông Đen (Rivière Noire).

- C. Biểu cảm và miêu tả
- D. Thuyết minh và biểu cảm

Câu 8. Vẻ đẹp của con sông Đà được thể hiện thông qua việc sử dụng kiểu câu như thế nào?

- A. Các câu văn không có chủ ngữ mà chỉ có vị ngữ
- B. Những câu văn với chủ yếu là thanh bằng ở đầu câu
- C. Các câu văn có tính chất sóng đôi với nhau
- D. Những câu văn rất dài và ít dấu ngắt câu

Câu 9. Biện pháp tu từ nghệ thuật nổi bật được tác giả sử dụng trong đoạn trích là gì?

- A. Nhân hóa
- B. Ẩn dụ
- C. So sánh
- D. Nói quá

Câu 10. Đoạn trích sử dụng điểm nhìn trần thuật nào?

- A. Từ bờ bãi sông Đà nhìn rộng ra các hướng
- B. Từ trên cao nhìn xuống
- C. Trên một con thuyền lững lờ trôi trên dòng sông Đà
- D. Từ dưới hướng lên trên

Đọc đoạn trích và trả lời câu hỏi từ 11 đến 15:

Khi mọi vật xung quanh biến đổi thì các sinh vật ra sao?

Bản thân chúng nó cũng biến đổi theo. Nhưng những biến đổi của các sinh vật không phụ thuộc vào ý chí của chúng. Con voi không thể từ bỏ thức ăn thực vật để ăn thịt được; con gấu không thể kêu bực và trút bỏ bộ lông dày xu đi được. Những biến đổi của các sinh vật là ở ngoài ý muốn của chúng. Chúng biến đổi vì cần phải thích nghi với thức ăn mới, với cuộc sống mới. Mà những thay đổi đó không phải là lúc nào cũng có lợi cho chúng. Nhiều khi, đặt vào những điều kiện mới lạ, những động vật và thực vật đó bị mòn mỏi, suy yếu dần, vì mất đi những hoàn cảnh thuận lợi mà tổ tiên chúng hằng quen thuộc. Chúng bị cái đói, cái rét, hạn hán và khí nóng hành hạ. Chúng trở thành mỗi ngon của kẻ thù. Con cháu chúng sinh ra và lớn lên lại còn khổ hơn và càng kém thích nghi với cuộc sống. Rồi kết cục những con vật và giống cây đó bị tiêu diệt vì không thích ứng được với những biến đổi ở xung quanh. “Nhưng cũng có thể xảy ra hiện tượng là trong số những con cháu không thích nghi với môi trường mới đó, có loài tốt hơn, thích nghi với môi trường hơn. Và các thế hệ sau sẽ sống được nếu như chúng kế thừa được những đặc tính tốt của cha ông. Và những thế hệ tiếp sau, ở một số trong muôn vạn con, cháu, chắt, chít có thể xuất hiện thêm các bản tính có giá trị nào đó, có ích cho sự tồn tại của nòi giống. Những bản tính thích nghi với môi trường đó đồng thời lại di truyền cho các thế hệ kế sau. Ta thấy đó, rõ ràng là con cháu không hoàn toàn giống ông cha nữa. Và bản chất của nó đã đổi khác. Cái mà tổ tiên chúng

không thích nghi thì chúng lại thích nghi. Hình như chúng đã thích nghi và hòa hợp với điều kiện mới của cuộc sống. Thế là đã xảy ra một cuộc sàng lọc tự nhiên: những giống nào không thích ứng được với điều kiện mới của môi trường thì dần dần bị diệt vong, giống nào thích nghi thì sinh tồn.

(M. I – Lin, E. Xê – gan, *Loài người đã xuất hiện như thế nào?*,

NXB Văn hóa thông tin, 2021, tr. 25)

Câu 11. Ý chính của đoạn trích là gì?

- A. Sự biến đổi của sinh vật theo môi trường sống
- A. Sự biến đổi của động vật theo môi trường sống
- C. Sự thích nghi của sinh vật theo môi trường sống
- D. Sự thích nghi của động vật theo môi trường sống

Câu 12. Ý nào không được nói đến trong đoạn trích?

- A. Mọi sinh vật đều biến đổi nếu môi trường sống biến đổi
- B. Biến đổi là nhu cầu tất yếu của mọi sinh vật
- C. Có những biến đổi không thuận lợi đối với động vật và thực vật
- D. Sự biến đổi có dẫn đến sự sàng lọc tự nhiên

Câu 13. Ý nào nói không đúng về những bất lợi mà sinh vật có thể phải đối mặt trong điều kiện sống mới?

- A. Chúng mất đi những hoàn cảnh sống thuận lợi vốn quen thuộc với chúng
- B. Chúng mất đi những điều kiện thuận lợi mà tổ tiên để lại
- C. Chúng bị thiếu thức ăn và sống trong điều kiện khí hậu không thuận lợi
- D. Chúng trở thành đối tượng của những con vật săn mồi

Câu 14. Đoạn trích thuộc phong cách ngôn ngữ nào?

- A. Phong cách ngôn ngữ khoa học
- B. Phong cách ngôn ngữ chính luận
- C. Phong cách ngôn ngữ hành chính
- D. Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật

Câu 15. Từ “thích nghi” (gạch chân, in đậm) trong đoạn trích, gần nghĩa hơn cả với từ nào dưới đây?

- A. Yêu thích
- B. Thói quen
- C. Làm quen
- D. Phù hợp

Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi từ 16 đến 20:

“Trước kia, phần lớn, nhà làm một tầng, làm kiểu “chồng diêm”, trên

có gác xép với một hay hai cái cửa sổ nhỏ bằng cái đầu. Phía ngoài đóng bằng cửa lùa. Nhà rộng có hai cửa hàng, một lối đi. Nhà hẹp thì một cửa hàng, một lối đi. Bề ngang nhà từ khoảng 3 đến 6 mét. Cách sắp xếp cổ truyền nhất như thế này: cửa hàng sâu độ 4, 5 mét. Sau hàng là một cửa vuông to, cửa đảng; chỗ này, cửa ra vào đóng bằng một cái cửa ngăn, hai cánh thấp. Sau cửa ngăn ấy, là nhà ngoài, chỗ khách khứa ra vào; có một cái sân vuông con, bày núi non bộ và mấy chậu cây, hay là lợp bằng một cái mái cùng, có mấy mảnh kính cho sáng. Sau nếp nhà ngoài là cái buồng chính của ngôi nhà, tối om. Trên buồng thường có tầng gác. Hết buồng là một khoảng nhà rộng thứ hai, chỗ cả nhà ăn ở.

Nhà giàu hơn một chút, thì giữa nhà ngoài và nhà trong, còn thêm một khoang nữa. To hơn nữa, là mấy nhà, phần trong lẫn sang các nhà khác, thành một khu vực riêng, có nhà cầu, có vườn hoa nhỏ. Giữa vườn thế nào cũng trồng một bụi trúc, một cây thông to hay một cây đào. Đây là nơi ở của các thầy đồ dạy các con nhà chủ học, là chỗ ở một ông rể quý, hay chứa một khách sang ở lại lâu ngày.

Cuối cùng là các nhà phụ và cổng ra sau ngõ.”

(Hoàng Đạo Thúy, *Phố phường Hà Nội xưa*,

NXB Hà Nội, 2020, trang 63 – 64)

Câu 16. Nội dung chính của đoạn trích là gì?

- A. Cấu trúc không gian nhà Hà Nội xưa
- B. Nét khác biệt về điều kiện sinh hoạt giữa nhà giàu và nhà nghèo trong xã hội cũ
- C. Sự thay đổi trong diện mạo nhà ở Hà Nội khi đời sống người dân được cải thiện
- D. Mô hình nhà ở chuẩn mực của một gia đình Hà Nội gốc

Câu 17. Theo đoạn trích, các không gian của cấu trúc nhà hẹp bao gồm

- A. Lối đi lại, cửa ra vào, nhà ngoài, sân vuông con, mấy chậu cây và núi non bộ, cửa vuông to, cửa ngăn, buồng chính
- B. Nhà ngoài, cửa hàng, cửa ngăn, cửa đảng, sân vuông con, núi non bộ và mấy chậu cây, nhà trong, buồng chính
- C. Gác xép, cửa sổ nhỏ, cửa lùa, cửa hàng, lối đi lại, cửa vuông to, cửa đảng, cửa ra vào, nhà trong, buồng chính
- D. Cửa hàng, cửa vuông to, cửa đảng, cửa ngăn, nhà ngoài, sân vuông con, buồng chính, chỗ cả nhà ăn ở

Câu 18. Theo đoạn trích, các không gian của cấu trúc nhà giàu bao gồm

- A. Vườn hoa nhỏ, gác xép, cửa sổ nhỏ, cửa lùa, cửa hàng, lối đi lại, cửa vuông to, cửa đảng, cửa ra vào, nhà trong, buồng chính, cửa ra sau ngõ
- B. Cửa hàng, cửa vuông to, cửa đảng, cửa ngăn, nhà ngoài, sân vuông

con, buồng chính, chỗ cả nhà ăn ở, nhà cầu, vườn hoa nhỏ, nhà phụ, cổng ra sau ngõ.

C. Cổng vào, nhà ngoài, cửa hàng, cửa ngăn, cửa đảng, sân vuông con, núi non bộ và mấy chậu cây, nhà trong, buồng chính, nhà cầu, nhà phụ

D. Lối đi lại, cửa ra vào, vườn hoa nhỏ, nhà ngoài, sân vuông con, mấy chậu cây và núi non bộ, cửa vuông to, cửa ngăn, buồng chính, nhà phụ

Câu 19. Theo đoạn trích, điểm khác biệt giữa không gian cấu trúc nhà hẹp và không gian cấu trúc nhà giàu là gì?

A. Không gian của nhà giàu có thêm nơi cho các thầy đồ dạy con nhà chủ học bài

B. Không gian của nhà hẹp không có chỗ cho người con rể ở lại trong tư gia

C. Ở giữa nhà ngoài và nhà trong, còn thêm một khoảng nữa thành một khu vực riêng

D. Không gian của nhà giàu có thêm lối đi dành riêng cho khách đến thăm hỏi

Câu 20. Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích là gì?

- A. Tự sự
- B. Miêu tả
- C. Thuyết minh
- D. Nghị luận

Câu 21. Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

Tuy chị Út Tịch thương yêu chồng con, đồng bào, đồng chí rất sâu sắc nên chị rất căm thù bọn giặc.

- A. Tuy
- B. thương yêu
- C. nên
- D. căm thù

Câu 22. Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

Đoàn Thanh niên và Hội sinh viên phát động phong trào trồng cây “Đời đời nhớ ơn Bác Hồ vĩ đại” thành công tốt đẹp.

- A. và
- B. phát động
- C. phong trào
- D. thành công tốt đẹp

Câu 23. Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

Đề làm rõ trách nhiệm, thanh niên ta phải nâng cao tinh thần làm chủ tập thể, trừ bỏ chủ nghĩa cá nhân, chớ phổ trương hình thức, chớ kiêu ngạo tự mãn.

- A. làm rõ
- B. nâng cao
- C. trừ bỏ
- D. tự mãn

Câu 24. Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

Tất cả xà phòng đều làm khô da bạn, riêng LUX làm cho da bạn trắng trẻo, mịn màng.

- A. Tất cả
- B. đều
- C. riêng
- D. làm cho

Câu 25. Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

Nếu chúng ta khuyến khích các gia đình đẻ ít là bởi chúng ta quan tâm đến sức khỏe bà mẹ, là bởi vì chúng ta thương yêu trẻ em.

- A. Nếu
- B. khuyến khích
- C. bởi
- D. bởi vì

Câu 26. Chọn một từ mà nghĩa của nó KHÔNG cùng nhóm với các từ còn lại.

- A. hoa hồng
- B. cá rô
- C. chùa chiền
- D. xe đạp

Câu 27. Chọn một từ mà nghĩa của nó KHÔNG cùng nhóm với các từ còn lại.

- A. vị tha
- B. xao xuyến
- C. nhân hậu
- D. trung thực

Câu 28. Chọn một từ mà nghĩa của nó KHÔNG cùng nhóm với các từ còn lại.

- A. tư tưởng
- B. quan điểm
- C. thái độ
- D. đứng cảm

Câu 29. Tác phẩm nào KHÔNG cùng thể loại với những tác phẩm còn lại?

- A. Tây Tiến
- B. Việt Bắc
- C. Sóng
- D. Ai đã đặt tên cho dòng sông?

Câu 30. Tác giả nào sau đây KHÔNG thuộc giai đoạn văn học hiện thực 1930 -1945?

- A. Nguyễn Khải
- B. Nam Cao
- C. Ngô Tất Tố
- D. Nguyên Hồng

Câu 31. Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

Chưa bằng lòng với những _____ giáo dục đạt được trong những năm qua, hiện nay các nước châu Á đang quyết tâm _____ và hoàn thiện hệ thống giáo dục.

- A. thành tựu/nâng cao
- B. thành tích/ nâng cấp
- C. thành tố/ nâng cấp
- D. thành tựu/ nâng cấp

Câu 32. Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

Căn cứ vào mức độ sử dụng của các từ trong giao tiếp, có thể chia từ vựng tiếng Việt thành hai lớp: từ vựng _____ và từ vựng _____

(Nguyễn Thiện Giáp, *Từ vựng học tiếng Việt*,

NXB Giáo dục Việt Nam, 2010)

- A. tốt/xấu
- B. tích cực/chưa tích cực
- C. tích cực/tiêu cực
- D. hay/không hay

Câu 33. Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

Thơ là hình thức nghệ thuật dùng ngôn ngữ giàu _____ và _____ để thể hiện nội dung một cách hàm súc.

- A. hình tượng/nhạc điệu
- B. hình ảnh/nhịp điệu
- C. hình ảnh/giai điệu
- D. hình tượng/âm thanh

Câu 34. Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

Những đường Việt Bắc của ta

Đêm đêm _____ như là đất rung

- A. sầm sập
- B. rầm rập
- C. rần rật
- D. ào ạt

Câu 35. Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

Tuyên ngôn Độc lập là _____ tuyên bố trước quốc dân, đồng bào và thế giới về việc chấm dứt chế độ thực dân phong kiến ở nước ta, đánh dấu kỉ nguyên độc lập, tự do của nước Việt Nam mới.

- A. văn bản chính luận
- B. văn kiện lịch sử
- C. văn bản
- D. tác phẩm

Câu 36. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“Tiếp theo công văn số 10722/BYT-DP ngày 17/12/2021 và Công văn số 508/BYT-DP ngày 28/01/2022 về việc tiêm vắc xin phòng COVID-19 liều cơ bản và nhắc lại, Bộ Y tế đề nghị:

1. Tiêm liều nhắc lại vắc xin phòng COVID-19

Người đã tiêm đủ liều cơ bản bằng vắc xin mRNA (vắc xin do Pfizer hoặc Moderna sản xuất) có thể tiêm liều nhắc lại bằng vắc xin do Astrazeneca sản xuất, thời gian tiêm tối thiểu là 03 tháng sau tiêm mũi cuối cùng của liều cơ bản”.

(Bộ Y tế, Công văn Số: 1506/BYT-DP, ngày 25 tháng 03 năm 2022)

Phong cách ngôn ngữ của đoạn trích là gì?

- A. Phong cách ngôn ngữ chính luận
- B. Phong cách ngôn ngữ hành chính
- C. Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt
- D. Phong cách ngôn ngữ báo chí

Câu 37. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

*Nhớ khi giặc đến giặc lung
Rừng cây núi đá ta cùng đánh Tây.
Núi giăng thành lũy sắt dày
Rừng che bộ đội, rừng vây quân thù*

(Tố Hữu, *Việt Bắc*, Ngữ văn 12 tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2021)

Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong hai câu thơ:

“*Núi giăng thành lũy sắt dày
Rừng che bộ đội, rừng vây quân thù*”?

- A. Ẩn dụ
- B. Nhân hóa
- C. Hoán dụ
- D. Phóng đại

Câu 38. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“Hắn vừa đi vừa chửi. Bao giờ cũng thế, cứ rượu xong là hắn chửi. Bắt đầu hắn chửi trời. Có hề gì? Trời có của riêng nhà nào? Rồi hắn chửi đời. Thế cũng chẳng sao: đời là tất cả nhưng chẳng là ai. Tức mình, hắn chửi ngay tất cả làng Vũ Đại. Nhưng cả làng Vũ Đại ai cũng nhủ: “Chắc nó trừ mình ra!”. Không ai lên tiếng cả. Tức thật! ờ! Thế này thì tức thật! Tức chết đi được mất! Đã thế, hắn phải chửi cha đứa nào không chửi nhau với hắn. Nhưng cũng không ai ra điều. Mẹ kiếp! Thế có phí rượu không? Thế thì có khổ hắn không? Không biết đứa chết mẹ nào lại đẻ ra thân hắn cho hắn khổ đến nông nỗi này? A ha! Phải đấy hắn cứ thế mà chửi, hắn cứ chửi đứa chết mẹ nào đẻ ra thân hắn, đẻ ra cái thằng Chí Phèo! Hắn nghiêng răng vào mà chửi cái đứa đã đẻ ra Chí

Phèo. Nhưng mà biết đứa nào đã đẻ ra Chí Phèo? Có mà trời biết! Hắn không biết, cả làng Vũ Đại cũng không ai biết...”

(Nam Cao, *Chí Phèo*, Ngữ văn 11 tập một,
NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Những kiểu câu nào được sử dụng trong đoạn trích?

- A. Câu nghi vấn, câu cảm thán
- B. Câu trần thuật, câu nghi vấn, câu cảm thán
- C. Câu trần thuật, câu cầu khiến, câu cảm thán
- D. Câu nghi vấn, câu trần thuật, câu cầu khiến

Câu 39. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“Bà lão khẽ dặng hắng một tiếng, nhẹ nhàng nói với “nàng dâu mới”:

- Ừ, thôi thì các con đã phải duyên phải kiếp với nhau, u cũng mừng lòng...

Tràng thờ đánh phào một cái, ngực nhẹ hẳn đi. Hắn ho khẽ một tiếng, bước từng bước dài ra sân. Bà cụ Tứ vẫn từ tốn tiếp lời:

- Nhà ta thì nghèo con ạ. Vợ chồng chúng mày liệu mà bảo nhau làm ăn. Rồi ra may mà ông giờ cho khá... Biết thế nào hờ con, ai giàu ba họ, ai khó ba đời? Có ra thì rồi con cái chúng mày về sau”.

(Kim Lân, *Vợ nhặt*, Ngữ văn 12 tập 2,
NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Đoạn trích thể hiện rõ nhất tâm trạng nào của bà cụ Tứ?

- A. Ý thức rõ cái éo le, nghịch cảnh cuộc hôn nhân của con trai
- B. Xót xa, buồn tủi cho cuộc đời mình
- C. Thương cảm, buồn tủi cho số kiếp éo le của con trai
- D. Hi vọng về một ngày mai tươi sáng hơn giữa cái cảnh tối tăm của cái đói, cái chết với niềm tin vào cuộc sống

Câu 40. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“Lửa châm vô sậy để, cóc kèn xung quanh, bắt cháy xuống đám sậy để trong ao Chập sau, bị khói bay cay mắt, ngộp thở, phần thì nước sôi nóng, sấu bò lên rừng theo con đường đào sẵn hồi nãy. Tức thời, ông Năm Hên chạy lại. Sấu há miệng hung hăng đòi tấp ông. Ông dứt vô miệng sấu một khúc mốp. Sấu tấp lại, dính chặt hai hàm răng: như mình ngậm một cục mạch nha quá lớn, muốn há miệng cho rộng để nhả ra cũng không được. Sau khi bị khúc mốp khóa miệng, còn cái đuôi đập qua đập lại ông Năm Hên xách cây mác nhăm ngay sau lưng sấu mà xấn nhẹ nhẹ để cắt gân đuôi. Đuôi sấu bị liệt. Thế là mình yên trí, lấy dây cóc kèn trời thúc ké hai chân sau của nó lại, chừa hai chân trước để nó bơi tiếp với mình”.

(Sơn Nam, *Bắt sấu rừng U Minh Hạ*, Ngữ văn 12 tập hai,
NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Đoạn trích sử dụng phương thức biểu đạt nào?

- A. Miêu tả
- B. Tự sự
- C. Biểu cảm
- D. Thuyết minh

Câu 41. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“Không những là nhà yêu nước và cách mạng, ông còn là nhà văn lớn, để lại một kho tàng thơ văn đồ sộ. Những tác phẩm chính của ông: *Việt Nam vong quốc sử* (1905), *Hải ngoại huyết thư* (1906), *Ngục trung thư* (1914), *Trùng Quang tâm sử* (viết trong thời kì lưu vong ở nước ngoài), *Phan Sào Nam văn tập*, *Phan Sào Nam tiên sinh quốc văn thi tập* (chủ yếu tập hợp thơ văn làm trong thời kì bị giam lỏng ở Huế...)”

(*Ngữ văn 11 tập hai*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Đoạn trích tiêu dẫn nói về nhà văn nào?

- A. Hồ Biểu Chánh
- B. Nguyễn Đình Chiểu
- C. Phan Bội Châu
- D. Hồ Chí Minh

Câu 42. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“Hắn về lần này trông khác hẳn, mới đầu chẳng ai biết hắn là ai. Trông đặc như thằng săng đá! Cái đầu thì trọc lốc, cái răng cạo trắng hớn, cái mặt thì đen mà rất cong cong, hai mắt gườm gườm trông gớm chết! Hắn mặc quần nái đen với cái áo tây vàng. Cái ngực phanh, đầy những nét chạm trổ rồng phượng với một ông tướng cầm chùy, cả hai cánh tay cũng thế. Trông gớm chết!”

(*Ngữ văn 11 tập một*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Đoạn trích miêu tả ngoại hình của nhân vật nào?

- A. Xuân tóc đỏ
- B. Chí Phèo
- C. Lí Cường
- D. Bá Kiến

Câu 43. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

*Minh về mình có nhớ ta?
Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng.
Minh về mình có nhớ không
Nhìn cây nhớ núi, nhìn sông nhớ nguồn?*

(Tố Hữu, *Việt Bắc*, Ngữ văn 12 tập một,
NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Cặp đại từ xưng hô *ta – mình* trong đoạn trích để chỉ ngôi giao tiếp nào?

- A. Ta: người cán bộ miền xuôi; mình: người dân Việt Bắc
- B. Ta: người dân Việt Bắc; mình: người cán bộ miền xuôi
- C. Ta: cả người cán bộ và người dân Việt Bắc; mình: người cán bộ miền xuôi
- D. Ta: người cán bộ miền xuôi; mình: cả người cán bộ và người dân Việt Bắc

Câu 44. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

*Lạc Long Quân và Âu Cơ
Đẻ ra đồng bào ta trong bọc trứng
Những ai đã khuất
Những ai bây giờ
Yêu nhau và sinh con đẻ cái
Gánh vác phần người đi trước để lại
Dặn dò con cháu chuyện mai sau
Hằng năm ăn đâu làm đâu
Cũng biết cúi đầu nhớ ngày giỗ Tổ*

(Nguyễn Khoa Điềm, *Đất Nước* (Trích trường ca *Mặt đường khát vọng*),
Ngữ văn 12 tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Đoạn trích thể hiện suy ngẫm của tác giả về “Đất Nước” từ phương diện nào?

- A. Phương diện văn hóa
- B. Phương diện thời gian
- C. Phương diện không gian
- D. Phương diện lịch sử

Câu 45. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

*Làm trai phải lạ ở trên đời,
Há dễ can khôn tự chuyển dời.
Trong khoảng trăm năm cần có tớ,
Sau này muôn thuở, há không ai?
Non sông đã chết, sống thêm nhục,
Hiền thánh còn đâu, học cũng hoài
Muốn vượt bể Đông theo cánh gió
Muôn trùng sóng bạc tiễn ra khơi.*

(Phan Bội Châu, *Lưu biệt khi xuất dương*, Ngữ văn 11 tập hai,
NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Hai câu thơ cuối “Muốn vượt bể Đông theo cánh gió/ Muốn trùng sóng bạc tiễn ra khơi” thể hiện chính xác nhất nội dung nào sau đây:

- A. Quan niệm mới về chí làm trai và tư thế, tầm vóc của con người trong vũ trụ
- B. Khát vọng hành động và tư thế buổi lên đường
- C. Ý thức trách nhiệm cá nhân trước thời cuộc
- D. Thái độ quyết liệt trước tình cảnh của đất nước

Câu 46. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

Phiên âm

“Quyện điều quy lâm tầm túc thụ,
Cô vân mạn mạn độ thiên không;

Sơn thôn thiếu nữ ma bao túc,
Bao túc ma hoàn, lô dĩ hồng.”

Dịch thơ

“Chim mỏi về rừng tìm chốn ngủ,
Chòm mây trôi nhẹ giữa tầng không;
Cô em xóm núi xay ngô tối,
Xay hết, lò than đã rực hồng.”

(Hồ Chí Minh, *Chiều tối* (Mộ), Ngữ văn 11, tập 2,
NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Mạch cảm xúc trong đoạn trích được triển khai như thế nào?

- A. Từ hình ảnh cánh chim nhỏ bé đến hình ảnh chòm mây lững lờ trôi trên bầu trời rồi đến hình ảnh cô gái xay ngô và lò than rực hồng
- B. Từ cảnh chiều tối buồn hiu quạnh nơi núi rừng đến cảnh sinh hoạt tươi vui, ấm áp, đầy sức sống của người lao động xóm núi
- C. Bắt đầu bằng hình ảnh cánh chim quay về tổ sau một ngày rã rời, mệt mỏi lúc chiều muộn và kết thúc là ngọn lửa hồng rực lên trong lò than khi đêm xuống
- D. Từ thiên nhiên cao rộng đến cảnh sinh hoạt miền sơn cước; từ cô đơn, mạnh mẽ đến lò than ấm áp

Câu 47. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

“Đang ngồi cúi gục xuống, người đàn bà bỗng ngẩng lên nhìn thẳng vào chúng tôi, lần lượt từng người một, với một vẻ ban đầu hơi ngơ ngác.

– Chị cảm ơn các chú! – Người đàn bà đột nhiên thốt lên bằng một giọng khẩn thiết – Đây là chị nói thành thực, chị cảm ơn các chú. Lòng các chú tốt, nhưng các chú đâu có phải là người làm ăn... cho nên các chú đâu có hiểu được cái việc của các người làm ăn lam lũ, khó nhọc...

Chỉ mấy lời mào đầu ấy, người đàn bà đã mất hết cái vẻ ngoài khúm núm, sợ sệt. Điều bộ khác, ngôn ngữ khác.”

(Nguyễn Minh Châu, *Chiếc thuyền ngoài xa*, Ngữ văn 12, tập hai,
NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Nhân vật người đàn bà hàng chài trong đoạn trích trên hiện lên là một người phụ nữ như thế nào?

- A. Sâu sắc, thấu hiểu lẽ đời
- B. Tấm lòng nhân hậu, bao dung
- C. Yêu thương con tha thiết
- D. Giàu đức hi sinh, lòng vị tha

Câu 48. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

“Biết đọc vỡ nghĩa sách thánh hiền, từ những ngày nào, cái sở nguyện của viên quan coi ngục này là có một ngày kia được treo ở nhà riêng mình một đôi câu đối do tay ông Huân Cao viết. Chữ ông Huân Cao đẹp lắm, vuông lắm. Tính ông vốn khoan hồng, trừ chỗ tri kỉ, ông ít chịu cho chữ. Có được chữ ông Huân mà treo là có một vật báu trên đời. Viên quản ngục khổ tâm nhất là có một ông Huân Cao trong tay mình, dưới quyền mình mà không biết làm thế nào mà xin được chữ. Không can đảm giáp lại mặt một người cách xa y nhiều quá, y chỉ lo mai một đây, ông Huân bị hành hình mà không kịp xin được mấy chữ, thì ân hận suốt đời mất.”

(Nguyễn Tuân, *Chữ người tử tù*, Ngữ văn 11, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2015)

Viên quan coi ngục cảm thấy mình “cách xa” ông Huân Cao ở phương diện nào?

- A. Địa vị
- B. Nhân cách
- C. Không gian
- D. Nghề nghiệp

Câu 49. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

“Liên cảm tay em không đáp. Chuyến tàu đêm nay không đông như mọi khi, thưa vắng người và hình như kém sáng hơn. Nhưng họ ở Hà Nội về! Liên lặng theo mơ tưởng. Hà Nội xa xăm, Hà Nội sáng rực vui vẻ và huyên náo. Con tàu như đã đem một chút thế giới khác đi qua. Một thế giới khác hẳn, đối với Liên, khác hẳn cái vầng sáng ngọn đèn của chị Tí và ánh lửa của bác Siêu. Đêm tối vẫn bao bọc chung quanh, đêm của đất quê, và ngoài kia, đồng ruộng mênh mang và yên lặng.”

(Thạch Lam, *Hai đứa trẻ*, Ngữ văn 11, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2015)

Trong đoạn trích trên, “Một thế giới khác hẳn” mà con tàu đã đem đến là gì?

- A. Thế giới sang trọng, giàu có đối lập hoàn toàn với phố huyện xác xơ, nghèo khổ
- B. Một vùng kí ức sáng rực với những chiều hai chị em Liên được đi chơi Bờ Hồ
- C. Sự tấp nập, náo nhiệt, sôi động của Hà Nội – nơi Liên và An từng thuộc về
- D. Những toa tàu sáng trưng, rực rỡ với hành khách hạng sang, đồng và kền lấp lánh

Câu 50. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

- (1) “Gió theo lối gió, mây đường mây
- (2) Dòng nước buồn thiu, hoa bắp lay

(3) *Thuyền ai đậu bến sông trăng đó*

(4) *Có chờ trăng về kịp tối nay?”*

(Hàn Mặc Tử, *Đây thôn Vĩ Dạ*, Ngữ văn 11, tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Việc tác giả điệp lại hai chữ “gió”, “mây” trong cả hai vế câu của câu thơ thứ (1) có tác dụng gì?

- A. Nhấn mạnh sự gắn kết không thể xa cách của hai hình ảnh gió và mây
- B. Tạo ra sự ngăn cách giữa hai vế trong câu thơ
- C. Khiến cho nhịp điệu câu thơ chùng xuống
- D. Tạo ra cảm giác có một sự tan tác, ngăn cách, chia lìa

ĐỀ 08

Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi từ 1 đến 5:

- (1) “Sao anh không về chơi thôn Vĩ?
- (2) Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên.
- (3) Vườn ai mướt quá, xanh như ngọc
- (4) Lá trúc che ngang mặt chữ điền.”

(Hàn Mặc Tử, *Đầy thôn Vĩ Dạ*, Ngữ văn 11, tập hai,

NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Câu 1. Đoạn trích được viết theo thể thơ nào?

- A. Thất ngôn tứ tuyệt
- B. Thất ngôn bát cú
- C. Song thất lục bát
- D. Thất ngôn

Câu 2. Nội dung chính của đoạn trích là gì?

- A. Kí ức về cuộc đời tươi đẹp của Hàn Mặc Tử
- B. Cảnh vườn tược thôn Vĩ đẹp tinh khôi, tươi sáng trong nắng mai
- C. Niềm rạo rực đắm say của thi nhân trước vẻ đẹp của thôn Vĩ
- D. Khung cảnh và con người xứ Huế trong tâm tưởng nhà thơ

Câu 3. Câu thơ thứ (1) có thể hiểu theo mấy lớp nghĩa? Đó là những lớp nghĩa nào?

- A. Một lớp nghĩa: đây là câu hỏi hướng đến nhân vật trữ tình trong bài thơ
- B. Hai lớp nghĩa: vừa có thể hiểu đó là lời mời vừa có thể hiểu đó là lời trách cứ
- C. Ba lớp nghĩa: câu thơ có thể là câu nghi vấn, một lời trách, một lời mời tha thiết
- D. Một lớp nghĩa: là câu nghi vấn nhưng không dùng để hỏi mà để bộc lộ cảm xúc

Câu 4. Biện pháp tu từ nghệ thuật được sử dụng trong câu thơ thứ (2) là gì? Tác dụng của biện pháp tu từ nghệ thuật đó là gì?

- A. Sử dụng động từ “nhìn” ở đầu câu nhằm nhấn mạnh nét nghĩa dù ở nơi xa xôi, cách biệt lòng thi nhân vẫn khao khát hướng về bức tranh thiên nhiên thôn Vĩ

- B. Điệp từ “nắng” trong cả hai vế câu tạo ra ấn tượng về ánh nắng sớm mai ngập tràn chan chứa khắp không gian, đặc biệt là ấn tượng về sức sống rạo rực cõi trần gian

- C. Ấn dụ trong cụm từ “hàng cau” góp phần tô đậm hình ảnh đặc trưng của quang cảnh thiên nhiên thôn Vĩ Dạ với những rặng cau xanh mướt mát

- D. So sánh ánh nắng chiếu trên những hàng cau như ánh nắng ban mai tinh khôi đầu ngày đã đem đến cho bức tranh bến Vĩ Dạ sinh khí ấm áp

Câu 5. Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích là gì?

- A. Biểu cảm
- B. Miêu tả
- C. Tự sự
- D. Thuyết minh

Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi từ 6 đến 10:

“Viên chánh án huyện rời chiếc bàn xếp đến phát ngót lên những chồng hồ sơ, giấy má. Đầu đi đi lại lại trong phòng, hai tay thọc sâu vào hai bên túi chiếc quần quân phục đã cũ. Một cái gì vừa mới vỡ ra trong đầu vị Bao Công của cái phố huyện vùng biển, lúc này trông Đầu rất nghiêm nghị và đầy suy nghĩ.

Người đàn bà đã khóc khi nghe tôi nhắc đến thằng Phác. Nhưng tình thương con cũng như nỗi đau, cũng như cái sự thâm trầm trong việc hiểu thấu cái lẽ đời hình như mù chẳng bao giờ để lộ rõ rệt ra bề ngoài. Trong cái đám con cái đông đúc đang sống ở dưới thuyền, mẹ không yêu một đứa nào bằng thằng Phác, cái thằng con từ tính khí đến mặt mũi giống như lột ra từ cái lão đàn ông đã từng hành hạ mẹ, và không khéo sẽ còn hành hạ mẹ cho đến khi chết - nếu không có cách mạng về.

Mẹ cho chúng tôi biết, vì sợ thằng bé có thể làm điều gì đại đột đối với bố nó, mẹ đã phải gửi nó lên rừng nhờ bố mình nuôi đã nửa năm nay. Ở với ông ngoại, thằng bé sướng hơn ở trên thuyền với bố mẹ. Nhưng hễ rời ra là nó trốn về. Thằng bé tuyên bố với các bác ở xưởng đóng thuyền rằng nó còn có mặt ở dưới biển này thì mẹ nó không bị đánh.”

(Nguyễn Minh Châu, *Chiếc thuyền ngoài xa*, Ngữ văn 12, tập hai,

NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Câu 6. Đoạn trích trên có sự kết hợp của những phương thức biểu đạt nào?

- A. Miêu tả và tự sự
- B. Biểu cảm và nghị luận
- C. Tự sự và biểu cảm
- D. Nghị luận và miêu tả

Câu 7. Nội dung chính của đoạn trích là gì?

- A. Câu chuyện của người đàn bà hàng chài tại tòa án huyện
- B. Sự sâu sắc trong cách nghĩ của người đàn bà hàng chài – một người từng trải, giàu chiêm nghiệm trước hiện thực cuộc sống
- C. Cuộc nói chuyện với người đàn bà hàng chài vùng biển đã giúp nghệ sĩ nhiếp ảnh Phùng và vị Bao Công của cái phố huyện ngộ ra nhiều điều về cuộc sống

- D. Tình mẫu tử thiêng liêng cao cả ẩn giấu bên trong vẻ bề ngoài xấu xí, thô kệch của người đàn bà hàng chài vất vả, lam lũ

Câu 8. Vẻ đẹp nào của nhân vật người đàn bà hàng chài được thể hiện trong đoạn trích?

- A. Giàu đức hi sinh, lòng vị tha
- B. Yêu thương con tha thiết
- C. Tấm lòng nhân hậu, bao dung
- D. Sâu sắc, thấu hiểu lẽ đời

Câu 9. Cụm từ “cái gì” trong câu văn “Một cái gì vừa mới vỡ ra trong đầu vị Bao Công của cái phố huyện vùng biển, lúc này trông Đẩu rất nghiêm nghị và đầy suy nghĩ” mang ý nghĩa gì?

- A. Cuộc cách mạng sẽ phải đến để đẩy lùi giặc đói và giặc dốt, là căn nguyên của những nỗi thống khổ của những gia đình hàng chài
- B. Người đàn bà thấu hiểu và thông cảm cho nỗi khổ sở u uất của chồng, sự độc dữ của gã cũng là do hoàn cảnh sống khắc nghiệt xô đẩy
- C. Sự nhẫn nhục cam chịu của người đàn bà hàng chài trước những trận đánh tàn bạo để gã chồng được giải tỏa phần nào những bế tắc trong cuộc sống túng quẫn
- D. Những suy nghĩ nông nổi, ngây thơ, phiến diện, một chiều trong cách nhìn nhận, đánh giá cuộc sống và con người của chánh án Đẩu

Câu 10. Đoạn trích trên được trần thuật dựa trên điểm nhìn của nhân vật nào?

- A. Chánh án Đẩu
- B. Nghệ sĩ nhiếp ảnh Phùng
- C. Người đàn bà hàng chài
- D. Phác – con trai của người đàn bà hàng chài

Đọc đoạn trích và trả lời câu hỏi từ 11 đến 15:

Một số người cãi lý rằng không có cái gọi là một phương pháp khoa học duy nhất. Bởi nếu nói như vậy thì ai cũng có thể dễ dàng áp dụng các bước trên để khám phá và giải quyết bất cứ một vấn đề khoa học nào. Chắc chắn là công việc thực tế của một nhà khoa học không theo hình thức đến mức ấy. Không phải bao giờ nó cũng được thực hiện theo cách thức logic và có hệ thống rõ ràng nhưng nó nhất thiết phải bao hàm óc sáng tạo, trí tưởng tượng hình ảnh của những cái chưa từng trải qua thực tế và thậm chí là khả năng nảy ra và **kiểm nghiệm** được các cảm nhận trực giác mãnh liệt. Vì vậy, xin đừng có ý nghĩ rằng phương pháp khoa học là một quá trình tự động, máy móc. Mặc dù một vài người đề xướng nên trí tuệ nhân tạo vẫn hy vọng phát triển một cỗ máy có thể lập trình để chọn ra các quan sát thích hợp hoặc các hành động tưởng tượng tham gia vào sự hình thành giả thuyết, nhưng số khác lại cho rằng có một cái gì đó trong hoạt động của bộ não khiến cho não người siêu việt hơn bất kỳ máy móc nào. Có người cho rằng khoa học bắt đầu không phải từ sự

quan sát hay “hiện tượng” mà từ các vấn đề. Đúng là thỉnh thoảng nhà khoa học không chú ý đến hiện tượng nếu như họ không nghĩ về một vấn đề cụ thể. Nhưng thực ra, nhiều khi một quan sát đơn lẻ hoặc một hiện tượng quá bất thường sẽ kích thích người quan sát và đẩy lên trong họ một vấn đề. Hơn nữa, quan sát để dẫn đến vấn đề khoa học không chỉ phụ thuộc vào những gì cần nhìn thấy được tại một thời điểm mà còn là những gì được nhìn thấy trước đó.

(Charles M. Wynn & Arthu W. Wiggins, *5 ý tưởng vĩ đại nhất trong khoa học*, NXB Dân trí, 2020, tr.13)

Câu 11. Ý nào sau đây không được nói đến trong đoạn trích?

- A. Một số người không thừa nhận có một phương pháp khoa học duy nhất
- B. Công việc thực tế của nhà khoa học không mang tính hình thức
- C. Phương pháp khoa học không phải là một quá trình tự động, máy móc
- D. Mọi người đều cho rằng bộ óc con người là siêu việt nhất

Câu 12. Từ nào không gần nghĩa với từ “kiểm chứng” (gạch chân, in đậm) trong đoạn trích?

- A. Kiểm điểm
- B. Kiểm tra
- C. Kiểm soát
- D. Kiểm nghiệm

Câu 13. Ý nào nói không đúng về phương pháp làm việc của các nhà khoa học?

- A. Không phải lúc nào cũng được thực hiện theo cách thức logic và có hệ thống rõ ràng
- B. Luôn bao hàm óc sáng tạo, trí tưởng tượng hình ảnh của những cái chưa từng trải qua
- C. Thỉnh thoảng không chú ý đến hiện tượng nếu như không nghĩ về một vấn đề cụ thể
- D. Quan sát để dẫn đến vấn đề khoa học từ những gì nhìn thấy được tại một thời điểm

Câu 14. Đoạn trích thuộc phong cách ngôn ngữ nào?

- A. Phong cách ngôn ngữ khoa học
- B. Phong cách ngôn ngữ chính luận
- C. Phong cách ngôn ngữ hành chính
- D. Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật

Câu 15. Ý chính của đoạn trích là gì?

- A. Bàn về phương pháp khoa học
- B. Bàn về các nhà khoa học

C. Bàn về tư duy khoa học

D. Bàn về các vấn đề khoa học

Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi từ 16 đến 20:

“Từ *phường* (坊) không nêu được hết ý nghĩa đơn vị hành chính, địa lý trước kia cũng như hiện nay. Vào thế kỷ XII, từ *phường* dùng để chỉ một cụm nhà, trên một khu đất, giống như một làng trong thành phố. Làng này có thể là một làng làm nghề nông, nghề thủ công hoặc buôn bán. Sau này, từ *phường* được dùng để chỉ các cụm nhà, nơi tập trung những người làm cùng một nghề thủ công. Cùng với quá trình phát triển của thương mại, các cụm nhà bị đường (phố) chia cắt. Phố trở thành mặt tiền của *phường*, nơi bày bán các mặt hàng do thợ thủ công sản xuất phía trong sân.

[...] Các phường thợ thủ công tập trung chủ yếu ở khu vực từ bờ sông trở vào đến hồ Hoàn Kiếm và khu phía Đông tường thành, giờ vẫn còn tồn tại với tên gọi “Hà Nội ba sáu phố phường”. Phường Giang Khẩu bên bờ sông Tô Lịch giàu lên nhờ vị trí của mình, bởi các thuyền bè ra vào thành đều phải đi qua phường này. Các phường khác chuyên nghề trồng lúa, rau hoặc hoa quả. Ngay từ thời này đã bắt đầu hình thành các khu vực chuyên môn hóa: các phường ở phía Tây chuyên nghề trồng lúa, có lẽ để phục vụ cho nhu cầu của hoàng cung; các phường bên bờ sông, hồ, chuyên nghề trồng dâu nuôi tằm; các phường ở phía Nam và Tây Nam chuyên trồng rau. Bên cạnh đó còn phải kể đến các khu ruộng của nhà nước do các tù thường phạm trồng cấy. mỗi tù nhân được giao một héc-ta và phải đóng thuế cao hơn gấp hàng trăm lần so với người thường. Đó là trường hợp ở phường Cáo Xá (nay là Nhật Tảo), nơi đất vẫn thuộc chế độ sở hữu công cho đến giữa thế kỷ XX.”

(Philippe Papin (2021), *Lịch sử Hà Nội*, do Mạc Thu Hương (dịch), NXB Thế giới, Hà Nội, trang 93 – 94)

Câu 16. Nội dung chính của đoạn trích là gì?

- A. Sự chuyển động trong định nghĩa về “phường” trước và sau thế kỷ XII
- B. Các phường thợ thủ công trong khu “ba sáu phố phường” của Hà Nội
- C. Sự khác biệt trong đặc điểm địa giới hành chính của phường và phố
- D. Cơ sở hình thành nên vùng đất Kinh kì – tiền thân của khu ba sáu phố phường

Câu 17. Theo đoạn trích, “các mặt hàng do thợ thủ công sản xuất ở phía trong sân” được đem bán ở đâu?

- A. Bên bờ sông Tô Lịch, nơi tàu thuyền qua lại tập nập
- B. Buôn bán tập trung ở phường Giang Khẩu
- C. Các cụm nhà bị đường chia cắt
- D. Khu phía Đông tường thành

Câu 18. Giai đoạn trước thế kỷ XII, phường được định nghĩa như thế nào?

A. Là khối dân cư gồm những người làm cùng một nghề, và là đơn vị hành chính thấp nhất ở kinh đô Thăng Long và một số thị trấn trong thế kỷ XII

B. Là một đơn vị hành chính cấp thấp nhất của một quốc gia, phường cùng cấp với xã và thị trấn.

C. Là đơn vị hành chính nội thị, nội thành của một thị xã hay một thành phố thuộc tỉnh hoặc của một quận, thị xã hay thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương.

D. Là một cụm nhà, trên một khu đất, giống như một làng trong thành phố. Làng này có thể là một làng làm nghề nông, nghề thủ công hoặc buôn bán

Câu 19. Từ sau thế kỷ XII, phường được định nghĩa như thế nào?

A. Là tổ chức gồm những người cùng làm một nghề, một công việc đơn giản

B. Là các cụm nhà, nơi tập trung những người làm cùng một nghề thủ công

C. Là một nhóm người cùng có một đặc điểm chung nào đó về phẩm chất, tính cách

D. Là nơi bày bán các mặt hàng do thợ thủ công sản xuất ở phía trong phố

Câu 20. Theo đoạn trích, nguyên nhân nào làm cho các phường thợ thủ công có chiều hướng tập trung ở bờ sông?

A. Vì đây là nơi có các điều kiện thuận lợi về điều kiện sản xuất phục vụ cho quá trình tạo ra các sản phẩm thủ công

B. Vì đặc điểm địa hình hai bên lưu vực sông tạo thành những khu đất bằng phẳng – đây là yếu tố then chốt để hình thành nên các phường thợ thủ công

C. Vì đây là nơi cung cấp các nguyên vật liệu cần thiết để chế tác ra các sản phẩm thủ công. Các nguyên vật liệu này được vận chuyển từ trong các làng ra

D. Vì đây là khu vực tập trung đông đúc các thuyền bè qua lại rất thuận lợi cho việc buôn bán các sản phẩm thủ công

Câu 21. Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

Công tác huấn luyện thể dục, thể thao trong thanh thiếu niên nói chung, trong bóng đá nói riêng, đã được tiến hành ở nhiều địa phương.

A. huấn luyện

B. nói chung

- C. bóng đá
D. tiến hành

Câu 22. Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

Các thầy, các cô nên cố gắng thực hiện việc “trồng người” xã hội chủ nghĩa vì lợi ích trăm năm của Bác Hồ.

- A. nên
C. vì
B. thực hiện
D. của Bác Hồ

Câu 23. Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

Chính phủ vừa ban hành Nghị định số 110/2021/NĐ – CP ngày 09/12/2021 bác bỏ 13 văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ.

- A. ban hành
C. văn bản
B. bác bỏ
D. quy phạm

Câu 24. Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

Văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan nhà nước đã ban hành văn bản đó hoặc bị đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ bằng văn bản của cơ quan nhà nước, người có thực quyền.

- A. thay thế
C. thi hành
B. bãi bỏ
D. thực quyền

Câu 25. Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

Sử dụng phương pháp nuôi cấy mô tế bào có thể tạo ra một số lượng lớn các cây con mang đặc điểm giống nhau và y hệt với cây ban đầu (cây cho tế bào/mô).

- A. nuôi cấy
C. y hệt
B. tạo ra
D. ban đầu

Câu 26. Chọn một từ mà nghĩa của nó KHÔNG cùng nhóm với các từ còn lại.

- A. xô
C. kéo
B. đẩy
D. hất

Câu 27. Chọn một từ mà nghĩa của nó KHÔNG cùng nhóm với các từ còn lại.

- A. cắt
C. xẻ
B. băm
D. tách

Câu 28. Chọn một từ mà nghĩa của nó KHÔNG cùng nhóm với các từ còn lại.

- A. đứng
C. chạy
B. nằm
D. quỳ

Câu 29. Tác phẩm nào KHÔNG cùng thể loại với những tác phẩm còn lại?

- A. Tuyên ngôn độc lập
B. Tiếng mẹ đẻ - nguồn giải phóng các dân tộc bị áp bức
C. Ai đã đặt tên cho dòng sông
D. Về luân lí xã hội ở nước ta

Câu 30. Nhà thơ nào không thuộc phong trào Thơ Mới giai đoạn 1932 – 1945?

- A. Xuân Diệu
C. Hàn Mặc Tử
B. Huy Cận
D. Tản Đà

Câu 31. Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

“_____ người làm thơ không trào nước mắt trên những điều anh ta viết ra _____ người đọc cũng không bao giờ cảm động về những chuyện đó”.

(U.Phoroxt – nhà thơ Mỹ)

- A. Vì/nên
C. Tuy/nhưng
B. Không những/mà còn
D. Nếu/thì

Câu 32. Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

_____ đi xa, chủ tịch Hồ Chí Minh đã _____ cho toàn Đảng, toàn dân ta một bản di chúc lịch sử.

- A. Sau khi/di chúc
C. Trước khi/tặng
B. Trước khi/để lại
D. Sau khi/cống hiến

Câu 33. Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

_____ kinh tế là nền tảng vật chất của đời sống xã hội _____ văn hóa là nền tảng tinh thần của đời sống xã hội, và với tư cách như vậy, văn hóa vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội.

(Li luận văn hóa và đường lối văn hóa của Đảng, NXB Chính trị Quốc gia, 2000)

A. Vì/và

B. Nếu/thì

C. Không chỉ/mà

D. Vì/nên

Câu 34. Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

_____ là mạch nguồn của sự sống, chạy suốt theo các chặng hành trình của đoàn quân Tây Tiến; là chứng nhân lịch sử, gắn bó với lính Tây Tiến, chứng kiến niềm vui, nỗi buồn, ghi dấu những chiến công và cả những mất mát, hi sinh.

A. Sông Đà

B. Sông Hồng

C. Sông Đuống

D. Sông Mã

Câu 35. Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

_____ gian khổ, hình tượng người lính Tây Tiến vẫn hiện ra với dáng vẻ oai phong,凛冽, vẫn toát lên cốt cách, khí phách hào hùng, mạnh mẽ.

A. Đối với

B. Bằng

C. Trong

D. Qua

Câu 36. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“Những cánh đồng trở thành đô thị; những cánh đồng ngoa ngoắt thay đổi vị của nước, từ ngọt sang mặn chát; những cánh đồng vắng bóng người, và lúc rày mọc hoang nhớ đau nhớ đón bàn chân xưa nghén trong bùn quánh giờ đang vất vơ kiếm sống ở thị thành. Những cánh đồng đó, đã hát hủi cây lúa (và gián tiếp từ chối đàn vịt). Đất dưới chân chúng tôi bị thu hẹp dần”.

(Nguyễn Ngọc Tư, *Cánh đồng bất tận*, NXB Trẻ, 2010)

Phong cách ngôn ngữ của đoạn trích là gì?

A. Phong cách ngôn ngữ chính luận

B. Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật

C. Phong cách ngôn ngữ khoa học

D. Phong cách ngôn ngữ báo chí

Câu 37. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

*Đêm qua chẳng biết có hay không,
Chẳng phải hoàng hôn, không mơ màng.
Thật hôn! Thật phách! Thật thân thể!
Thật được lên tiên - sướng lạ lùng.*

*Nguyên lúc canh ba năm một mình,
Vất chân dưới bóng ngọn đèn xanh.*

*Nằm buồn, ngồi dậy đun nước uống,
Uống xong ấm nước, nằm ngâm vẩn.*

(Tản Đà, *Hầu trời*, Ngữ văn 11 tập hai,
NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Thể thơ được sử dụng trong đoạn trích là gì?

A. Tự do

B. Thất ngôn bát cú

C. Thất ngôn trường thiên

D. Song thất lục bát

Câu 38. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

*“Mưa đổ bụi êm êm trên bến vắng,
Đò biếng lười nằm mặc nước sông trôi;
Quán tranh đứng im lìm trong vắng lặng
Bên chòm xoan hoa tím rụng tơi bời.*

*Ngoài đường dê cỏ non tràn biếc cỏ,
Đàn sáo đen sà xuống mỏ vu vơ
Mấy cánh bướm rập rờn trôi trước gió.
Những trâu bò thong thả cúi ăn mưa.*

*Trong đồng lúa xanh ròn và ướt lặng
Lũ cò con chốc chốc vụt bay ra,
Làm giật mình một cô nàng yếm thắm.
Cúi cúi cào cỏ ruộng sắp ra hoa.”*

(Anh Thơ, *Chiều xuân*)

Bài thơ trên miêu tả bức tranh xuân ở vùng nào trên đất nước Việt Nam?

A. Đồng bằng Bắc Bộ

B. Trung Bộ

C. Nam Bộ

D. miền núi

Câu 39. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn tám mươi năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe đồng minh chống phát-xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập!”

(Hồ Chí Minh, *Tuyên ngôn độc lập*, Ngữ văn 12 tập một,
NXB Giáo dục Việt Nam, 2021)

Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong đoạn trích?

- A. Ẩn dụ
- B. Điệp cú pháp
- C. Nhân hóa
- D. So sánh

Câu 40. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“Khi viết về cái đói, thường mọi người có ý nghĩ là khi đói người ta khổ cực và chỉ muốn chết. Tôi định viết một truyện ngắn nhưng với ý khác là khi đói người ta không nghĩ đến con đường chết mà chỉ nghĩ đến con đường sống. Dù ở trong tình huống bi thảm đến đâu, dù kề bên cái chết vẫn khao khát hạnh phúc, vẫn hướng về ánh sáng, vẫn tin vào sự sống và vẫn hi vọng ở tương lai, vẫn muốn sống, sống cho ra người”.

(Hà Minh Đức (chủ biên), *Nhà văn nói về tác phẩm*, NXB Văn học, Hà Nội, 1994)

Ý đồ nghệ thuật được tác giả thể hiện trong đoạn trích trên được thể hiện trong tác phẩm nào?

- A. Lão Hạc (Nam Cao)
- B. Một bữa no (Nam Cao)
- C. Vợ nhặt (Kim Lân)
- D. Trẻ con không được ăn thịt chó (Nam Cao)

Câu 41. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“Trong một lúc Tràng hình như quên hết những cảnh sống ê chề, tăm tối hàng ngày, quên cả cái đói khát ghê gớm đang đe dọa, quên cả những thảng thối ngày trước mặt. Trong lòng hắn bây giờ chỉ còn tình nghĩa giữa hắn với người đàn bà đi bên. Một cái gì mới mẻ, lạ lẫm, chưa từng thấy ở người đàn ông nghèo khổ ấy, nó ôm ấp, mơn man khắp da thịt Tràng, tựa hồ như có bàn tay vuốt nhẹ trên sống lưng”.

(Kim Lân, *Vợ nhặt*, Ngữ văn 12 tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2021)

Đoạn trích sử dụng phương thức biểu đạt nào?

- A. Miêu tả
- B. Biểu cảm
- C. Thuyết minh
- D. Tự sự

Câu 42. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

*Ai về ai có nhớ không?
Ngọn cờ đỏ thắm gió lồng cửa hang.
Nắng trưa rực rỡ sao vàng
Trung ương, Chính phủ luận bàn việc công
Điều quân chiến dịch thu đông
Nông thôn phát động, giao thông mở đường*

*Giữ đê, phòng hạn, thu lương
Giải dao miền ngược, thêm trường các khu...*

(Tố Hữu, *Việt Bắc*, Ngữ văn 12 tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2021)

Biện pháp tu từ nào được sử dụng các câu thơ “*Trung ương, Chính phủ luận bàn việc công*” và “*Nông thôn phát động, giao thông mở đường*”?

- A. Ẩn dụ
- B. Hoán dụ
- C. Nhân hóa
- D. So sánh

Câu 43. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

*Đất là nơi anh đến trường
Nước là nơi em tắm
Đất Nước là nơi ta hò hẹn
Đất Nước là nơi em đánh rơi chiếc khăn trong nỗi nhớ thầm*

(Nguyễn Khoa Điềm, *Đất Nước* (trích *Trường ca Mặt đường khát vọng*), Ngữ văn 12 tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2021)

Đoạn trích thể hiện chính xác nhất kiểu không gian nào sau đây:

- A. Không gian sinh tồn của cộng đồng dân tộc qua bao thế hệ
- B. Không gian gắn gũi với con người: nơi sinh hoạt của mỗi người, không gian tuyệt diệu của tình yêu và nỗi nhớ đầy thơ mộng với bao kỉ niệm ngọt ngào
- C. Không gian trong quá khứ
- D. Đáp án A và B

Câu 44. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

*Mấy năm qua quên tết tháng Giêng, quên rằm tháng bảy,
Chạy hết núi lại khe, cày cấy đủ mùa
Nhớ một hôm mưa bụi rơi
Con gió bão trên rừng cây đổ
Con sấm sét lán sụp xuống nát cửa
Đường đi lại vất vả đầy chân.*

*Súng nổ kia! Giặc Tây lại đến lưng.
Từng cái lán, nó đốt đi tro bụi,
Nó vơ hết áo quần trong túi
Mẹ địu em chạy trốn lên rừng
Lăn đi trước, mẹ vẫy gọi con sau lưng
Tay dắt bà, vai đeo đầy nải
Bà loà mắt không biết lối bước đi.*

(Nguyễn Quốc Chấn, *Dọn về làng*, Ngữ văn 12 tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2021)

Đoạn trích thể hiện nội dung gì?

- A. Sự nhận thức tỉnh táo của người dân trước âm mưu hiểm độc của kẻ thù.
- B. Người dân nén đau thương mà vượt lên nỗi khổ của chính mình.
- C. Cuộc sống yên ả bị đảo lộn, nhà cửa tan hoang, gia đình li tán, cơ cực.
- D. Niềm vui của nhân dân khi quê hương được giải phóng.

Câu 45. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“Đám ma đưa đến đâu làm huyền ảo đến đây. Cả một thành phố đã nhốn nháo lên khen đám ma to, đúng với ý muốn của cụ cố Hồng. Thiên hạ chú ý đặc biệt vào những kiểu quần áo tang của tiệm may Âu Hoá như ý ông Typn và bà Văn Minh. Cụ bà sung sướng vì ông đốc Xuân đã không giận mà lại giúp đỡ, phúng viếng đến thế và đám ma như kẻ đã là danh giá nhất tất cả”.

(Vũ Trọng Phụng, *Hạnh phúc của một tang gia* (trích *Số đỏ*),
Ngữ văn 11 tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2021)

Bút pháp nghệ thuật được sử dụng trong đoạn trích là gì?

- A. Bút pháp tượng trưng
- B. Bút pháp trào phúng
- C. Bút pháp tả thực
- D. Bút pháp phúng dụ, huyền thoại

Câu 46. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

- (1) “Tôi sung sướng. Nhưng vội vàng một nửa:
- (2) Tôi không chờ nắng hạ mới hoài xuân.”

(Xuân Diệu, *Vội vàng*, Ngữ văn 11, tập hai,
NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Việc tác giả sử dụng dấu chấm (.) trong câu thơ thứ (1) có tác dụng như thế nào trong việc diễn tả cảm xúc của nhân vật trữ tình?

- A. Phân tách cảm xúc của nhân vật trữ tình thành hai thái cực: nửa ngất ngây, sung sướng và nửa cuống quýt, vội vàng
- B. Thể hiện trạng thái tiếc nuối, sửng sờ, hụt hẫng của nhà thơ khi nhận ra những trở trêu của cuộc sống
- C. Thể hiện tâm trạng đầy mâu thuẫn nhưng vẫn thống nhất của tác giả: sung sướng nhưng vội vàng
- D. Như một nốt lặng đột ngột, cắt đôi câu thơ làm cho ý thơ ngắt mạch rõ hơn, cảm xúc của thi nhân trở nên ấn tượng hơn

Câu 47. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

“Đan Thiềm – Loạn đến nơi rồi. Dân gian đói kém nổi lên tứ tung. Giặc Trần Cao trước đã bị quan quân đuổi đánh, nay lại về đóng ở Bồ Đề, thanh thế rất

mạnh. Trong triều, Nguyên Quận công Trịnh Duy Sản vì can vua mà bị đánh, nay mưu với mấy tên đồng chí, giả mượn tiếng đi dẹp giặc rồi quay binh về làm loạn.

Vũ Như Tô – Tôi làm gì nên tội?

Đan Thiềm – Vậy mà ai cũng cho ông là thủ phạm. Vua xa xỉ là vì ông, công khổ hao hụt là vì ông, dân gian lầm than là vì ông, nạn đói oán giận là vì ông, thần nhân trách móc là vì ông. Cừu Trùng Đài, họ có cần đâu? Họ đẩy nghĩa cốt giết ông, phá Cừu Trùng Đài.

Vũ Như Tô – Phá Cừu Trùng Đài? Không đời nào! Mà tôi thì không làm gì nên tội. Họ hiểu nhầm.”

(Nguyễn Huy Tưởng, *Vĩnh biệt Cừu Trùng Đài* (Trích *Vũ Như Tô*),
Ngữ văn 11, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2015)

Nhân vật Vũ Như Tô trong đoạn trích hiện lên là một người như thế nào?

- A. Một nghệ sĩ đắm chìm trong trạng thái mơ màng, ảo tưởng
- B. Một người có bản lĩnh dũng cảm và nhân cách cao đẹp
- C. Một nghệ sĩ có niềm say mê mãnh liệt với nghệ thuật, với cái Đẹp
- D. Một con người chân chính, gắn bó sâu sắc với nhân dân

Câu 48. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

“Thi nhân ta cơ hồ đã mất hết cái cốt cách hiên ngang ngày trước. Chữ ta với họ to rộng quá. Tâm hồn của họ chỉ vừa thu trong khuôn khổ chữ tôi. Đừng có tìm ở họ cái khí phách ngang tàng của một thi hào đời xưa như Lí Thái Bạch, trong trời đất chỉ biết có thơ. Đến chút lòng tự trọng cần để khinh cảnh cơ hàn, họ cũng không có nữa:

*Nỗi đời cay cực đang giờ vượt,
Cơm áo không đùa với khách thơ.”*

(Hoài Thanh, *Một thời đại trong thi ca*, Ngữ văn 11, tập hai,
NXB Giáo dục Việt Nam, 2010)

Từ “cơ hồ” (in đậm, gạch chân) trong đoạn trích gần nghĩa hơn cả với từ ngữ nào?

- A. Hình như
- B. Có lẽ
- C. Phải chăng
- D. Gần như

Câu 49. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

*“Thơ xưa yêu cảnh thiên nhiên đẹp,
Mây, gió, trăng, hoa, tuyết, núi, sông.
Nay ở trong thơ nên có thép,
Nhà thơ cũng phải biết xung phong.”*

(Hồ Chí Minh, *Cảm tưởng đọc *Thiên gia thi**)

Chất “thép” được nói đến trong bài thơ trên là ẩn dụ cho điều gì?

- A. Sự thẳng thắn, trung thực
- B. Sự cứng rắn, mạnh mẽ
- C. Tinh thần và ý chí cách mạng
- D. Tinh thần yêu nước

Câu 50. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

*“Mơ khách đường xa, khách đường xa
Áo em trắng quá nhìn không ra
Ở đây sương khói mờ nhân ảnh
Ai biết tình ai có đậm đà?”*

(Hàn Mặc Tử, *Đầy thôn Vĩ Dạ*, Ngữ văn 11, tập hai,
NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Chủ đề nổi bật bao trùm đoạn thơ là gì?

- A. Cảnh sương khói mờ lung huyền hoặc, cùng bóng ai đó chấp chờn, xa khuất
- B. Nỗi trăn trở về tình đời, tình người của thi nhân
- C. Cõi xa xăm, nhòa mờ sương khói và thế giới rộn ngợp, hư vô
- D. Sự băn khoăn, khắc khoải của nhà thơ về con người và cuộc

ĐỀ 09

Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi từ 1 đến 5:

- (1) *“Ta đi, ta nhớ những ngày*
- (2) *Mình đây ta đó, đắng cay ngọt bùi...*
- (3) *Thương nhau, chia củ sắn lùi*
- (4) *Bát cơm sẻ nửa, chăn sui đắp cùng.*
- (5) *Nhớ người mẹ nắng cháy lưng*
- (6) *Địu con lên rẫy, bẻ từng bắp ngô.*
- (7) *Nhớ sao lớp học i tờ*
- (8) *Đồng khuya đuốc sáng những giờ liên hoan*
- (9) *Nhớ sao ngày tháng cơ quan*
- (10) *Gian nan đời vẫn ca vang núi đèo.*
- (11) *Nhớ sao tiếng mõ rừng chiều*
- (12) *Chày đêm nện cối đều đều suối xa...”*

(Tố Hữu, *Việt Bắc*, Ngữ văn 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2010)

Câu 1. Chủ đề nổi bật bao trùm đoạn trích là gì?

- A. Nỗi nhớ con người, cuộc sống ở Việt Bắc và những kỉ niệm kháng chiến anh hùng
- B. Những hoài niệm xúc động về cuộc sống sinh hoạt thời kháng chiến
- C. Hình ảnh con người và cuộc sống Việt Bắc trong dòng hoài niệm của người ra đi
- D. Quá khứ tình nghĩa của các chiến sĩ cách mạng và người dân Việt Bắc

Câu 2. Việc tác giả sử dụng các từ “chia”, “sẻ”, “cùng” trong đoạn trích có tác dụng nghệ thuật như thế nào?

- A. Cho thấy cuộc kháng chiến gian khổ và vô cùng thiếu thốn về điều kiện vật chất
- B. Bộc lộ tinh thần đồng cam cộng khổ của chiến sĩ cách mạng và nhân dân Việt Bắc
- C. Thể hiện nghĩa tình cảm động giữa những người dân Việt Bắc và cán bộ, bộ đội
- D. Nhấn mạnh tình đoàn kết, gắn bó sâu sắc, chân thành giữa cách mạng và nhân dân

Câu 3. Biện pháp tu từ nghệ thuật được sử dụng trong các câu thơ thứ (7), (9), (11) là gì? Tác dụng của biện pháp tu từ nghệ thuật đó là gì?

- A. Điệp từ “nhớ sao” khẳng định nỗi nhớ Việt Bắc là nỗi nhớ dạt dào và trùng điệp vang mãi trong tâm lòng mỗi con người kháng chiến

B. Điệp cấu trúc “nhớ sao” khiến cho nỗi nhớ như mệnh mang, như trái dài vô tận

C. Điệp từ “nhớ sao” đã tái hiện nỗi nhớ của người cán bộ cách mạng về cuộc sống, con người nơi chiến khu Việt Bắc

D. Điệp từ “nhớ” và “nhớ sao” làm gia tăng nhạc tính cho đoạn thơ

Câu 4. Trong đoạn trích, các từ “địu”, “lên”, “bẻ” đã khắc họa hình ảnh người mẹ Việt Bắc như thế nào?

A. Người mẹ dân tộc hiện lên một cách chân thực, xúc động với nỗi vất vả và nặng nhọc vừa nuôi con khôn lớn thành người lại vừa hăng hái nhiệt tình tham gia cách mạng

B. Đó là người lao động nghèo khổ, neo đơn nhưng dạt dào ân tình với cách mạng, không ngại vất vả, cực khổ lao động nuôi quân

C. Người mẹ cách mạng tần tảo, cần cù lao động, vất vả gian khổ trong kháng chiến đã đùm bọc, cứu mang chiến sĩ, cán bộ cách mạng

D. Người mẹ Việt Bắc hiện lên với công việc vất vả, cơ cực nhưng đổi lại thành quả lao động lại nhỏ nhoi, ít ỏi

Câu 5. Dãy liệt kê nào sau đây nêu đúng thông tin chính và trật tự trình bày thông tin trong đoạn trích?

A. Lớp học, tiếng mõ rừng chiều, người mẹ, cơ quan

B. Cơ quan, lớp học, tiếng mõ rừng chiều, người mẹ

C. Người mẹ, lớp học, cơ quan, tiếng mõ rừng chiều

D. Tiếng mõ rừng chiều, người mẹ, lớp học, cơ quan

Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi từ 6 đến 10:

“Lại như quãng Tà Mường Vát phía dưới Sơn La. Trên sông bỗng có những cái hút nước giống như cái giếng bê tông thả xuống sông để chuẩn bị làm móng cầu. Nước ở đây thở và kêu như cửa cống cái bị sặc. Trên mặt cái hút xoáy tít đáy, cũng đang quay lừ lừ những cánh quạ đàn. Không thuyền nào dám men gần những cái hút nước ấy, thuyền nào qua cũng chèo nhanh để lướt quãng sông, y như là ô tô sang số ăn ga cho nhanh để vút qua một quãng đường mượn cạp ra ngoài bờ vực. Chèo nhanh và tay lái cho vững mà phóng qua cái giếng sâu, những cái giếng sâu nước ặc ặc lên như vừa rót dầu sôi vào. Nhiều bè gỗ rừng đi nghênh ngang vô ý là những cái giếng hút ấy nó lôi tuột xuống. Có những thuyền đã bị cái hút nó hút xuống, thuyền trồng ngay cây chuối ngược rồi vụt biến đi, bị dìm và đi ngầm dưới lòng sông đến mươi phút sau mới thấy tan xác ở khuỷnh sông dưới. Tôi sợ hãi mà nghĩ đến một anh bạn quay phim tảo tợn nào muốn truyền cảm giác lạ cho khán giả, đã đứng cầm máy ngồi vào một cái thuyền thúng tròn vành rồi cho cả thuyền cả mình cả máy quay xuống đáy cái hút sông Đà - từ đáy cái hút nhìn ngược lên vách thành hút mặt sông chênh nhau tới một cột nước cao đến vài sải. Thế rồi thu

ảnh. Cái thuyền xoay tít, những thước phim màu cũng quay tít, cái máy lia ngược contre-plongée lên một cái mặt giếng mà thành giếng xây toàn bằng nước sông xanh ve một áng thủy tinh khối đúc dày, khối pha lê xanh như sắp vỡ tan ụp vào cả máy cả người quay phim cả người đang xem. Cái phim ảnh thu được trong lòng giếng xoáy tít đáy, truyền cảm lại cho người xem phim kí sự thấy mình đang lấy gân ngồi giữ chặt ghế như ghì lấy mép một chiếc lá rừng bị vút vào một cái cốc pha lê nước không lồ vừa rút lên cái gậy đánh phèn.”

(Nguyễn Tuân, *Người lái đò sông Đà*, Ngữ văn 12, tập một,

NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Câu 6. Nội dung chính của đoạn trích là gì?

A. Vẻ đẹp hùng vĩ, hoang sơ của dòng sông Đà

B. Hình ảnh những cái hút nước trên sông Đà

C. Vẻ đẹp hung bạo của con thủy quái sông Đà

D. Cảnh đá hai bên bờ sông Đà dựng vách thành

Câu 7. Cách kể trong đoạn trích có tác dụng gì?

A. Đem lại những ấn tượng mạnh mẽ hơn cho độc giả về sự dữ dằn của sông Đà

B. Giúp người đọc dễ dàng hình dung ra cảm giác hãi hùng nếu phải đi thuyền men gần hút nước đáng sợ

C. Cho thấy cả sức mạnh và sự hung bạo của những cái hút nước trên sông Đà

D. Góp phần gia tăng độ chân thực và tính thuyết phục cho bài tùy bút vì đó là những trải nghiệm thực tế của tác giả

Câu 8. Đoạn trích có sự kết hợp kiến thức của những ngành nghề nào?

A. Xây dựng, giao thông vận tải, điện ảnh

B. Quân sự, nhiếp ảnh, hội họa

C. Thể thao, giao thông vận tải, âm nhạc

D. Hội họa, nhiếp ảnh, xây dựng

Câu 9. Đoạn trích cho thấy nghệ thuật viết tùy bút của Nguyễn Tuân được thể hiện ở phương diện nào?

A. Là nhà văn của những cảm giác mãnh liệt luôn có hứng thú đặc biệt với rừng sâu, núi cao, với gió bão và ghềnh thác dữ dội

B. Là nhà văn với năng lực thẩm mỹ sắc sảo và lối viết tài hoa phóng túng

C. Am hiểu kiến thức trên nhiều lĩnh vực, kho từ vựng hết sức phong phú, giàu sự sáng tạo.

D. Là nhà văn luôn khám phá thế giới ở phương diện văn hóa, thẩm mỹ

Câu 10. Những biện pháp tu từ nghệ thuật nào được sử dụng trong đoạn trích?

- A. Ẩn dụ, nhân hóa
- B. Điệp từ, so sánh
- C. Nhân hóa, điệp ngữ
- D. So sánh, nhân hóa

Câu 11. Đọc đoạn trích và trả lời câu hỏi từ 11 đến 15:

Giữa những cánh báo đưa ra khi tranh luận về nhân bản vô tính con người được làm nóng lại, John Harris, chuyên gia “đạo đức sinh học” (bioethicist) đến từ Đại học Manchester (Anh), cho rằng: “Chúng ta không có gì phải sợ về sinh sản vô tính người”. Trong bài viết đăng trên The Telegraph ngày 25-1, Harris cho rằng một phương pháp có thể bị lạm dụng không nhất thiết là nó sẽ bị lạm dụng, nhất là phương pháp này sẽ rất tốn kém và mất thời gian, chưa kể liệu nó có thật sự thành sự thật hay không mà đã vội lo lắng. Theo Harris, tạo hóa hay Chúa trời vốn dĩ đã “nhân bản hàng loạt” con người dưới dạng các cặp song sinh giống nhau hoàn toàn, vậy “có gì phải hoảng loạn trước triển vọng có thể có thêm vài con người được cổ tình sinh ra với bộ gen giống hệt nhau?”. Tác giả cũng nhắc chuyện thụ tinh trong ống nghiệm - phát kiến đột phá từng gây tranh cãi, song hiện nay là cứu tinh của các cặp vợ chồng hiếm muộn trên toàn thế giới. **Nhà nghiên cứu kiêm tác giả một cuốn sách về nhân bản này** còn đưa ra các luận điểm như chủ động nhân bản để loại bỏ gen xấu và giữ lại gen tốt sẽ tốt hơn là “trồng cấy vào trò xô số của tự nhiên”. Mỗi năm có khoảng 7,9 triệu trẻ em sinh ra với dị tật bẩm sinh, điều mà Harris tin rằng có thể cải thiện bằng cách “chọn lọc các bộ gen khỏe mạnh và sống thọ từ một người đang còn sống và nhân bản nó”. Harris cũng bác bỏ ý kiến rằng nhân bản vô tính con người cho phép “những kẻ ích kỷ tạo ra bản sao của chính mình để đạt được cái gọi là trường cửu”. Những người như thế có thể có thật trên đời, song tham vọng của họ đáng nào cũng thất bại do lẽ hai người có bộ gen giống nhau không nhất thiết phải lớn lên và có tính cách giống hệt nhau, vì những thứ này được định hình bởi môi trường sống và ý chí của riêng mỗi người. Trên thực tế, hai người sinh đôi cùng trứng (gen giống hệt nhau) chưa chắc trưởng thành giống nhau hoàn toàn. Bản sao của một nhà quý tộc hoàn toàn có thể trở thành gã giang hồ. “Việc hai con khi được sinh ra từ nhân bản vô tính chẳng mang ta tới gần hơn tương lai nhân bản con người chút nào, và đó không phải là **viễn cảnh** mà ta phải sợ hãi” - Harris kết luận.

(Tuoitre.vn, *Nhân bản con người: nên mừng hay lo sợ*, 07/02/2018)

Câu 11. Ý nào sau đây không nói đúng quan điểm của John Harris?

- A. Sinh sản vô tính người không có gì đáng sợ
- B. Có thể chủ động nhân bản để loại bỏ gen xấu, giữ lại gen tốt

C. Nhân bản vô tính rất tốn kém và mất thời gian

D. Thụ tinh trong ống nghiệm là một hình thức sinh sản vô tính

Câu 12. Ý nào nói đúng quan điểm của John Harris về ưu điểm sinh sản vô tính?

- A. Tiết kiệm thời gian và chi phí cho con người
- B. Giúp đỡ các cặp vợ chồng hiếm muộn có con như ý muốn
- C. Là một trong những biện pháp cải thiện sức khỏe con người
- D. Giúp con người thực hiện ước mơ bất tử hóa

Câu 13. Ý kiến “Bản sao của một nhà quý tộc hoàn toàn có thể trở thành gã giang hồ” trong đoạn trích nhằm minh họa cho điều gì?

- A. Sinh sản vô tính có khả năng làm con người tha hóa
- B. Sinh sản vô tính làm biến đổi hoàn toàn bản chất con người
- C. Hai người sinh cùng gen sẽ trưởng thành khác nhau
- D. Hai người sinh cùng gen chưa chắc đã trưởng thành giống nhau

Câu 14. Ý chính của đoạn trích là gì?

- A. Quan điểm của John Harris về sinh sản vô tính
- B. Những ưu điểm của sinh sản vô tính
- C. Những lợi ích của sinh sản vô tính
- D. Những tranh luận về sinh sản vô tính

Câu 15. Từ “viễn cảnh” (in đậm, gạch chân) có nghĩa là gì?

- A. Tương lai xa
- B. Tương lai gần
- C. Tương lai tươi đẹp
- C. Tương lai đen tối

Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi từ 16 đến 20:

“Qua đó chúng ta nhận thấy rằng các làng trong thành phố đều trải qua ba giai đoạn chính trong quá trình phát triển. Trong giai đoạn đầu, các gia đình rời nông thôn ra thành phố vào những thời điểm khác nhau. Họ làm quen dần với cuộc sống mới, hoàn toàn không đơn giản với việc duy trì công việc quen thuộc của họ. Làng quê cũ vẫn là chuẩn mực để họ noi theo, nhưng cuộc sống tự do chốn thị thành khiến họ xa dần những lễ nghi tôn giáo. Trong giai đoạn tiếp theo, nhiều người khác di cư ra thành phố. Đất đai ngày càng trở nên khan hiếm, những người di cư phải tạo ra một hệ thống kinh tế phù hợp với cảnh “**một chốn hai quê**” của họ. Các ngành nghề mang tính chuyên môn hóa và dân di cư chọn thờ những vị thần phù hợp hơn với cuộc sống mới. Trong giai đoạn này những người đầu tiên ra thành phố vẫn giữ vị trí quan trọng về số lượng và uy tín, nhưng họ cũng phải nhường bộ những người mới đến, bởi họ

thường xuyên phải làm việc và va chạm hằng ngày với nhau. Giai đoạn cuối cùng của quá trình hội nhập là các cộng đồng dân di cư hòa nhập với nhau, tạo thành một xã hội đô thị thực sự, có nhà ở, tín ngưỡng, luật lệ và phong tục tập quán”

(Philippe Papin (2021), *Lịch sử Hà Nội*, do Mạc Thu Hương (dịch), NXB Thế giới, Hà Nội, trang 172 – 173)

Câu 16. Nội dung chính của đoạn trích là gì?

- A. Sự khó khăn của tầng lớp nông dân khi hội nhập vào cuộc sống ở thành phố
- B. Những giai đoạn trong quá trình phát triển các làng trong thành phố
- C. Những thay đổi trong mỗi giai đoạn vận động phát triển các làng trong thành phố
- D. Mối liên hệ giữa quá trình di dân và diện tích đất đai phục vụ công việc canh tác

Câu 17. Mục đích chính của tác giả đoạn trích này là gì?

- A. Cung cấp thông tin về các làng trong thành phố
- B. So sánh làng mạc trong xã hội xưa và làng trong thành phố thuộc xã hội hiện đại
- C. Đề nghị khôi phục vẻ đẹp của các ngôi làng xưa
- D. Giới thiệu về sự thay đổi diện mạo của các làng trong thành phố

Câu 18. Cụm từ “một chốn hai quê” (in đậm, gạch chân) trong đoạn trích được hiểu là

- A. Chỉ cảnh gia đình phải sống chia ra hai ba nơi nhưng vẫn luôn hướng về quê hương
- B. Chỉ cảnh gia đình phải sống phân tán ở nhiều nơi, thường phải đi lại vất vả.
- C. Chỉ cảnh gia đình phải sống vài nơi, không chỉ cố định ở một chỗ
- D. Chỉ cảnh gia đình sống tập trung ở một chỗ nhưng lao động sản xuất ở nhiều nơi

Câu 19. Theo đoạn trích, đặc điểm của mỗi giai đoạn chính trong quá trình phát triển các làng trong thành phố lần lượt là gì?

- A. Giai đoạn đầu – làm quen với cuộc sống mới; Giai đoạn tiếp theo – tạo ra một hệ thống kinh tế phù hợp; Giai đoạn cuối cùng – hòa nhập vào cuộc sống thị dân
- B. Giai đoạn đầu – chuẩn bị tư liệu sản xuất; Giai đoạn tiếp theo – di dân ra thành phố; Giai đoạn cuối cùng – lao động sản xuất tạo ra của cải
- C. Giai đoạn đầu – di cư ra thành phố; Giai đoạn tiếp theo – lao động sản xuất; Giai đoạn cuối cùng – hội nhập vào nền kinh tế đô thị

D. Giai đoạn đầu – kiếm kế sinh nhai trong môi trường mới; Giai đoạn tiếp theo – làm ăn sinh sống; Giai đoạn cuối cùng – quay trở về quê hương

Câu 20. Có thể đảo trật tự trình bày của các câu văn với nhau được không? Vì sao?

- A. Đảo được; Vì thông tin trong các câu văn độc lập với nhau
- B. Không đảo được; Vì thông tin ở những câu văn trước là cơ sở để trình bày thông tin ở những câu văn sau
- C. Đảo được; Vì cách thức trình bày thông tin trong các câu văn giống nhau
- D. Không đảo được; Vì tác giả muốn nhấn mạnh nội dung thông tin được trình bày trong các câu văn trước

Câu 21. Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

Ung thư là một nhóm lớn các bệnh được đặc trưng bởi sự tăng sinh không kiểm soát được của một số loại vật thể lạ trong cơ thể, tạo thành các khối u chèn ép các cơ quan trong cơ thể.

- A. được đặc trưng
- B. không kiểm soát
- C. vật thể lạ
- D. cơ quan

Câu 22. Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

Khi môi trường khan hiếm thức ăn, những con hươu có chân cao hơn, cổ dài hơn thì có ưu thế hơn trong quá trình đấu tranh để sống sót, những con hươu kém thích nghi sẽ bị chọn lọc tự nhiên đào thải.

- A. ưu thế
- B. sống sót
- C. thích nghi
- D. đào thải

Câu 23. Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

Ở tuổi 18 đầy mộng mị, các cô nữ sinh luôn ước ao vươn tới những chân trời tươi đẹp.

- A. mộng mị
- B. nữ sinh
- C. vươn tới
- D. tươi đẹp

Câu 24. Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

Nhìn thấy người con trai mà mình mong chờ gặp mặt bấy lâu nay xuất hiện ở phía cuối nhà ga, trong lòng cô thỏ lộ niềm vui sướng.

- A. Nhìn thấy
- B. bấy lâu nay
- C. thỏ lộ
- D. niềm vui sướng

Câu 25. Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

Khác với Dế mèn phiêu lưu kí, truyện ngắn Vợ chồng A Phủ là một tác phẩm đã đem lại tiếng vang lớn cho nhà văn Tô Hoài.

- | | |
|-------------|-------------------|
| A. Khác với | B. truyện ngắn |
| C. đem lại | D. tiếng vang lớn |

Câu 26. Chọn một từ mà nghĩa của nó KHÔNG cùng nhóm với các từ còn lại.

- | | |
|-------------|-------------|
| A. mát mặt | B. mát dạ |
| C. mát lạnh | D. mát lòng |

Câu 27. Chọn một từ mà nghĩa của nó KHÔNG cùng nhóm với các từ còn lại.

- | | |
|---------------|---------------|
| A. thiếu niên | B. nhi đồng |
| C. người già | D. thanh niên |

Câu 28. Chọn một từ mà nghĩa của nó KHÔNG cùng nhóm với các từ còn lại.

- | | |
|---------------|---------------|
| C. trọng điểm | B. trọng yếu |
| C. trọng tâm | D. trọng vọng |

Câu 29. Tác phẩm nào KHÔNG cùng thể loại với những tác phẩm còn lại?

- | | |
|-------------|-------------|
| A. Việt Bắc | B. Đất nước |
| C. Tây Tiến | D. Sóng |

Câu 30. Nhà thơ nào KHÔNG thuộc nhóm các nhà thơ lãng mạn?

- | | |
|-----------|-----------------|
| A. Thế Lữ | B. Chế Lan Viên |
| C. Tố Hữu | D. Vũ Đình Liên |

Câu 31. Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đánh dấu sự _____ của giai cấp công nhân và của _____ cách mạng theo khuynh hướng xã hội chủ nghĩa.

(Nguyễn Quang Ngọc, *Tiến trình lịch sử Việt Nam*)

- | | |
|-------------------------|----------------------------|
| A. thắng thế/phong trào | B. thắng lợi/trào lưu |
| C. lớn mạnh/trào lưu | D. trưởng thành/phong trào |

Câu 32. Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

Ở các đồng bằng, phần lớn là đất cát pha, thuận lợi _____ việc phát

triển các cây công nghiệp hàng năm (lạc, mía, thuốc lá...) _____ không thật thuận lợi cho cây lúa.

(Địa lí 12, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

- | | |
|---------------|--------------|
| A. đối với/và | B. cho/nhưng |
| C. với/và | D. cho/và |

Câu 33. Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

Ngôn ngữ là _____, là _____ của văn học.

- | | |
|--------------------------|-------------------------|
| A. phương thức/chất liệu | B. phương tiện/vật liệu |
| C. phương tiện/chất liệu | B. cách thức/vật chất |

Câu 34. Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

Việc kí duyệt sai nguyên tắc của giám đốc công ti đã gây _____ đến hàng ti đồng.

- | | |
|---------------|---------------|
| A. thiệt thòi | B. thất thoát |
| C. thất thu | D. thiệt hại |

Câu 35. Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

Trong *Giăng sáng*, *Đời thừa*, Những truyện không muốn viết và tiểu thuyết *Sống mòn*, Nam Cao đã miêu tả sâu sắc _____ của người trí thức nghèo trong xã hội cũ, những “giáo khổ trường tư”, những nhà văn nghèo, những viên chức nhỏ, qua đó, đặt ra những vấn đề có tầm triết luận sâu sắc, có ý nghĩa to lớn, vượt ra khỏi phạm vi của đề tài.

- | | |
|--------------------------|-------------|
| A. nội tâm | B. đời sống |
| C. tấn bi kịch tinh thần | D. cuộc đời |

Câu 36. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“*Ấn dụ tượng trưng* là sự kết hợp của một khái niệm trừu tượng với một khái niệm về cảm giác. Ví dụ: *Nỗi buồn dịu dịu*, *Những ý nghĩ đắng cay*, *Cỏ cây một màu khổ não*, *Xanh ve mãi lên một niềm hoài vọng*, *Màu đỏ giận dữ* (Nguyễn Tuân)

Ở đây, sự kết hợp của các từ ngữ: *buồn với dịu dịu*, *ý nghĩ với đắng cay* không phải được thực hiện trên cơ sở tính đồng loại của hai khái niệm, bởi vì một khái niệm thì trừu tượng, một khái niệm thì cụ thể”.

(Đinh Trọng Lạc, *99 phương tiện và biện pháp tu từ tiếng Việt*, NXB Giáo dục, 2008)

Phong cách ngôn ngữ của đoạn trích là gì?

- A. Phong cách ngôn ngữ báo chí
- B. Phong cách ngôn ngữ chính luận
- C. Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật
- D. Phong cách ngôn ngữ khoa học

Câu 37. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“Hắn cầm lấy bát cháo đưa lên mũi. Trời ơi cháo mới thơm làm sao! Chỉ khổi xông vào mũi cũng đủ làm người nhẹ nhõm. Hắn húp một húp và nhận ra rằng: những người suốt đời không ăn cháo hành không biết rằng cháo hành ăn rất ngon. Nhưng tại sao mãi đến tận bây giờ hắn mới nếm mùi vị cháo?”

Hắn tự hỏi rồi lại tự trả lời: Có ai nấu cho mà ăn đâu? Mà còn ai nấu cho mà ăn nữa! Đời hắn chưa bao giờ được săn sóc bởi một bàn tay “đàn bà”.

(Nam Cao, *Chí Phèo*, Ngữ văn 11 tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Chi tiết “bát cháo hành” trong đoạn trích có ý nghĩa gì?

- A. Thể hiện tình yêu thương của Thị Nở dành cho Chí Phèo
- B. Là hương vị của hạnh phúc, tình yêu muộn màng mà Chí Phèo được hưởng
- C. Là liều thuốc giải cảm và giải độc tâm hồn Chí Phèo
- D. Cả A, B, C

Câu 38. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“Bà lão nhìn người đàn bà, lòng đầy thương xót. Nó bây giờ là dâu là con trong nhà rồi. Người đàn bà khề nhúc nhích, thị vẫn khép nép đứng nguyên chỗ cũ. Bà lão hạ thấp giọng xuống thân mật:

- Kề có ra làm được dăm ba mâm thì phải đấy, nhưng nhà mình nghèo, cũng chả ai người ta chấp nhặt chỉ cái lúc này. Cốt làm sao chúng mày hòa thuận là u mừng rồi. Năm nay thì đói to đấy. Chúng mày lấy nhau lúc này, u thương quá... Bà cụ ghen lời không nói được nữa, nước mắt cứ chảy xuống ròng ròng”.

(Kim Lân, *Vợ nhặt*, Ngữ văn 12 tập 2, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Đoạn trích sử dụng những phương thức biểu đạt nào?

- A. Miêu tả, biểu cảm
- B. Biểu cảm, tự sự
- C. Thuyết minh, biểu cảm
- D. Tự sự, miêu tả

Câu 39. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“Tiếp theo lái xuồng là một bầy sấu, con này buộc nổi đuôi con kia, đen ngòm như khúc cây khô dài. Mỗi con sấu, hai chân sau thúc kê trên lưng, hai chân trước tự do, quạt nước cầm chừng như tiếp sức với Tư Hoạch để đẩy chiếc bè quái dị kia đi nhẹ nhàng. Thực tế hay là chiêm bao? Người thì đứng há miệng sùng sốt rồi toan chạy vào nhà trốn. Người khác khấn vái lâm râm, e nay mai xóm này bị trừng phạt của quỷ thần. Vài người dạn hơn, bơi xuồng ra giữa sông, nhìn bầy sấu nọ cho tỏ rõ rồi rước Tư Hoạch vào bờ hỏi han rồi rít”.

(Sơn Nam, *Bắt sấu rừng U Minh Hạ*, Ngữ văn 12 tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong đoạn trích?

- A. Ẩn dụ, so sánh
- B. So sánh, liệt kê
- C. Nhân hóa, liệt kê
- D. Liệt kê, ẩn dụ

Câu 40. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

*Những đường Việt Bắc của ta
Đêm đêm rầm rập như là đất rung
Quân đi điệp điệp trùng trùng
Ánh sao đầu súng, bạn cùng mũ nan.
Dân công đỏ đuốc từng đoàn
Bước chân nát đá, muôn tàn lửa bay.
Nghìn đêm thăm thẳm sương dày
Đèn pha bật sáng như ngày mai lên.*

(Tố Hữu, *Việt Bắc*, Ngữ văn 12 tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Đoạn trích thể hiện chính xác nhất nội dung nào sau đây?

- A. Bức tranh toàn cảnh quân dân ta ra trận chiến đấu với khí thế hào hùng, sôi sục, khẩn trương
- B. Thiên nhiên Việt Bắc cùng con người sát cánh đánh giặc
- C. Lời nhắn gọi tha thiết, nhắc nhở những kỉ niệm về một thời ở Việt Bắc
- D. Sự san sẻ khó khăn gian khổ, chia ngọt bùi, đắng cay giữa người dân Việt Bắc và những người cách mạng

Câu 41. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

*“Dầu làm sao thì cha vẫn muốn
Sống trên đá không chê đá gập ghềnh
Sống trong thung không chê thung nghèo đói*

*Sống như sông như suối
Lên thác xuống ghềnh
Không lo cực nhọc”*

(Y Phương, *Nói với con*)

Nhờ thơ muốn dẫn dò con điều gì qua đoạn thơ nói trên?

- A. Cha dặn con phải sống trung thực, vị tha, yêu lao động
- B. Cha dặn con phải sống nghĩa tình, mạnh mẽ, giàu ý chí
- C. Cha dặn con phải sống bao dung, yêu thương
- D. Cha dặn con phải sống có khát vọng và bản lĩnh

Câu 42. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

Ngoài vai trò là một văn kiện có ý nghĩa lịch sử to lớn, tác phẩm này còn là một áng văn chính luận xuất sắc với những hệ thống luận điểm, luận cứ chặt chẽ, ngắn gọn và súc tích, mang tính thuyết phục cao. Tác phẩm thể hiện tài năng ấn tượng của Bác trong lĩnh vực văn chính luận với ngòi bút sắc bén, uyên bác, bên cạnh biệt tài thơ ca trữ tình chính trị.

Nhận định này đúng với tác phẩm nào của Chủ tịch Hồ Chí Minh?

- A. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến
- B. Tuyên ngôn Độc lập
- C. Đường cách mệnh
- D. Bản án chế độ thực dân Pháp

Câu 43. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“Hai người lặng lẽ rẽ xuống một con đường nhỏ. Con đường sâu thẳm thẳm, luồn giữa hai bờ tre cao vút. Ở đây vắng vẻ, thoải mái. Hấn định nói với thị một vài câu rõ tình tứ mà chẳng biết nói thế nào. Hấn cứ lúng ta lúng túng, tay nọ xoa xoa vào vai kia đi bên người đàn bà. Thị cũng không nói gì, hai con mắt tư lự nhìn ra phía trước. Tiếng gió trên bờ tre rì rào và tiếng lá khô kêu xào xạc dưới bàn chân”.

(Kim Lân, *Vợ nhặt*, Ngữ văn 12 tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2021)

Ý nào phù hợp để nói về tâm trạng của “hấn” trong đoạn trích nói trên?

- A. Bối rối, ngượng ngùng
- B. Mạnh dạn, tự tin
- C. Thẹn thùng, xấu hổ
- D. Vui sướng, phấn khởi

Câu 44. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

*Nhớ gì như nhớ người yêu
Trăng lên đầu núi, nắng chiều lưng nương
Nhớ từng bản khói cùng sương
Sớm khuya bếp lửa người thương đi về.*

*Nhớ từng rừng nứa bờ tre
Ngòi Thia, sông Đáy, suối Lê vơi đầy.*

(Tố Hữu, *Việt Bắc*, Ngữ văn 12 tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2021)

Ý nào phù hợp để nói về đặc điểm của nỗi nhớ trong đoạn trích trên?

- A. Nỗi nhớ da diết, không nguôi
- B. Nỗi nhớ sục sôi, mãnh liệt
- C. Nỗi nhớ cuồng nhiệt, cháy bỏng
- D. Nỗi nhớ bồi hồi, sâu lắng

Câu 45. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

*Anh bỗng nhớ em như đông về nhớ rét
Tình yêu ta như cánh kiến hoa vàng,
Như xuân đến chim rừng lông trở biếc
Tình yêu làm đất lạ hóa quê hương.*

(Chế Lan Viên, *Tiếng hát con tàu*, Ngữ văn 12 tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2021)

Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong đoạn trích?

- A. Ẩn dụ
- B. Hoán dụ
- C. So sánh
- D. Nhân hóa

Câu 46. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

*“Tôi muốn tắt nắng đi
Cho màu đừng nhạt mất
Tôi muốn buộc gió lại
Cho hương đừng bay đi”*

(Xuân Diệu, *Vội vàng*, Ngữ văn 11, tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Ước muốn “tắt nắng” và “buộc gió” cho thấy nhân vật trữ tình là người như thế nào?

- A. Là người có cái tôi cá nhân, có khát vọng mãnh liệt, có ước muốn kì lạ
- B. Là người có niềm yêu bông bột vô bờ với thế giới thẩm đượm hương sắc này
- C. Là người với tính cách táo bạo, ngông cuồng muốn đoạt quyền năng của tạo hóa

D. Là người yêu tha thiết cuộc sống, muốn níu giữ hương hoa, sắc màu của cuộc sống

Câu 47. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

“– Ở đây lẫn lộn. Ta khuyên thầy Quán nên thay chốn ở đi. Chỗ này không phải là nơi để treo một bức lụa trắng với những nét chữ vuông tươi tắn nó nổi lên những cái hoài bão tung hoành của một đời con người. Thôi mực, thầy mua ở đâu mà tốt và thơm quá. Thầy có thấy mùi thơm ở chậu mực bốc lên không?... Tôi bảo thực đấy, thầy Quán nên tìm về quê mà ở, thầy hãy thoát khỏi cái nghề này đi đã, rồi hãy nghĩ đến chuyện chơi chữ. Ở đây, khó giữ thiên lương cho lành vững và rồi cũng đến nhem nhuốc mất cái đời lương thiện đi.”

(Nguyễn Tuân, *Chữ người tử tù*, Ngữ văn 11, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2015)

Giọng điệu chủ đạo của toàn bộ đoạn trích là gì?

- A. Ngợi ca
- B. Lo lắng
- C. Tâm tình
- D. Khuyên nhủ

Câu 48. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

- (1) “*Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ*
- (2) *Mặt trời chân lí chói qua tim*
- (3) *Hồn tôi là một vườn hoa lá*
- (4) *Rất đậm hương và rộn tiếng chim*”

(Tố Hữu, *Từ ấy*, Ngữ văn 11, tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Từ “bừng” trong câu thơ thứ (1) diễn tả cảm xúc như thế nào của nhân vật trữ tình?

- A. Hạnh phúc, sung sướng khi lần đầu bắt gặp lí tưởng cộng sản
- B. Vỡ òa, thôn thức khi được giác ngộ lí tưởng cách mạng
- C. Bàng hoàng, sững sốt khi được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam
- D. Bất ngờ, ngạc nhiên khi được vinh dự đứng trong hàng ngũ của Đảng

Câu 49. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

“Trnú lại ra đi. Cụ Mết và Dít đưa anh ra đến rừng xà nu gần con nước lớn. Trận đại bác đêm qua đã đánh ngã bốn năm cây xà nu to. Nhựa ứa ra ở những vết thương đang đọng lại, lóng lánh nắng hè. Quanh đó vô số những cây con đang mọc lên. Có những cây mới nhú khỏi mặt đất, nhọn hoắt như những mũi lê.

Ba người đứng ở đấy nhìn ra xa. Đến hút tầm mắt cũng không thấy gì khác ngoài những rừng xà nu nối tiếp chạy đến chân trời.”

(Nguyễn Trung Thành, *Rừng xà nu*, Ngữ văn 12, tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Đoạn văn trên thể hiện đặc điểm nào trong kết cấu truyện ngắn “Rừng xà nu” của Nguyễn Trung Thành?

- A. Kết cấu đối lập
- B. Kết cấu đan xen
- C. Kết cấu đầu cuối tương ứng
- D. Kết cấu đồng hiện

Câu 50. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

- (1) “*Của ong bướm này đây tuần tháng mật;*
- (2) *Này đây hoa của đồng nội xanh rì;*
- (3) *Này đây lá của cành tơ phơ phất;*
- (4) *Của yến anh này đây khúc tình si;*
- (5) *Và này đây ánh sáng chớp hàng mi,*
- (6) *Mỗi buổi sớm, thần Vui hằng gõ cửa;*
- (7) *Tháng giêng ngon như một cặp môi gần;*”

(Xuân Diệu, *Vội vàng*, Ngữ văn 11, tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Chuẩn mực của mọi vẻ đẹp theo quan niệm của Xuân Diệu được thể hiện ở những câu thơ nào trong đoạn trích?

- A. 5, 7
- B. 1, 4
- C. 2, 5
- D. 3, 6

ĐỀ 10

Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi từ 1 đến 5:

- (1) "Ta về, mình có nhớ ta
- (2) Ta về, ta nhớ những hoa cùng người.
- (3) Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi
- (4) Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng.
- (5) Ngày xuân mơ nở trắng rừng
- (6) Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang.
- (7) Ve kêu rừng phách đổ vàng
- (8) Nhớ cô em gái hái măng một mình
- (9) Rừng thu trăng rọi hòa bình
- (10) Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung."

(Tố Hữu, *Việt Bắc*, Ngữ văn 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2010)

Câu 1. Chủ đề nổi bật bao trùm toàn bộ đoạn trích là gì?

- A. Bức tranh tứ bình của thiên nhiên Việt Bắc với bốn mùa đông, xuân, hè, thu
- B. Nỗi nhớ sâu sắc của người ra đi với thiên nhiên Việt Bắc và cuộc sống sinh hoạt thời kháng chiến
- C. Nỗi nhung nhớ da diết của người ra đi với cảnh và người Việt Bắc
- D. Những nét vẽ ấn tượng về thiên nhiên Việt Bắc trong dòng thời gian bốn mùa luân phiên, tuần hoàn

Câu 2. Trong câu thơ thứ (2), từ "hoa" thể hiện biện pháp tu từ nghệ thuật nào?

- A. Ẩn dụ
- B. So sánh
- C. Hoán dụ
- D. Nhân hóa

Câu 3. Dãy liệt kê nào sau đây nêu đúng thông tin chính và trật tự trình bày thông tin trong đoạn trích?

- A. Mùa đông – hoa chuối đỏ tươi; Mùa xuân – mơ nở trắng rừng; Mùa hè – rừng phách đổ vàng; Mùa thu – trăng rọi hòa bình
- B. Mùa xuân – mơ nở trắng rừng; Mùa hè – rừng phách đổ vàng; Mùa thu – trăng rọi hòa bình; Mùa đông – hoa chuối đỏ tươi
- C. Mùa hè – rừng phách đổ vàng; Mùa thu – trăng rọi hòa bình; Mùa đông – hoa chuối đỏ tươi; Mùa xuân – mơ nở trắng rừng
- D. Mùa thu – trăng rọi hòa bình; Mùa đông – hoa chuối đỏ tươi; Mùa xuân – mơ nở trắng rừng; Mùa hè – rừng phách đổ vàng

Câu 4. Việc tác giả điệp lại từ "nhớ" trong đoạn trích có tác dụng gì?

- A. Nhấn mạnh nỗi nhớ của người ra đi với thiên nhiên Việt Bắc và cuộc sống sinh hoạt thời kháng chiến
- B. Chuyển bức tranh tứ bình Việt Bắc từ miêu tả ngoại cảnh sang khắc họa tâm trạng của người ra đi
- C. Tô đậm nỗi nhung nhớ da diết của cán bộ về xuôi với cảnh vật và con người Việt Bắc đã từng gắn bó tha thiết
- D. Góp phần làm gia tăng nhạc tính cho đoạn thơ đồng thời làm nổi bật đặc trưng thi pháp của thể thơ lục bát

Câu 5. Đoạn thơ từ câu thơ thứ (3) đến câu thơ thứ (10) được tổ chức như thế nào?

- A. Cứ một câu thơ nói về cảnh thì một câu thơ nói về người
- C. Các câu thơ sáu chữ nêu lên chủ đề của đoạn thơ còn các câu thơ tám chữ triển khai chủ đề đó
- B. Cứ một câu thơ nói về người thì một câu thơ nói về cảnh
- D. Các câu thơ trong đoạn thơ được tổ chức theo hình thức đối đáp giao duyên phảng phất phong vị của ca dao, dân ca

Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi từ 6 đến 10:

"Sáng hôm sau, mặt trời lên bằng con sào, Trăng mới trở dậy. Trong người êm ái lửng lơ như người vừa ở trong giấc mơ đi ra. Việc hân có vợ đến hôm nay hân vẫn còn ngỡ ngàng như không phải.

Hân chấp hai tay sau lưng, lưng thưng bước ra sân. Ánh nắng buổi sáng mùa hè sáng lóa xói và hai con mắt còn cay sè của hân. Hân chớp chớp liên hồi mấy cái, và chợt nhận ra, xung quanh mình có cái gì vừa thay đổi mới mẻ, khác lạ. Nhà cửa, sân vườn, hôm nay đều được quét tước, thu dọn sạch sẽ gọn gàng. Mấy chiếc quần áo rách như tổ đĩa vẫn vắt khươn mươi niên ở một góc nhà đã thấy đem ra sân hong. Hai cái ang nước vẫn để khô cong ở dưới gốc ổi đã kín nước đầy ăm ắp. Đồng rá mùng tưng bành ngay lối đi đã hót sạch.

Ngoài vườn người mẹ đang cúi húi giấy những bụi cỏ mọc nham nhở. Vợ hân quét lại cái sân, tiếng chổi từng nhát kêu sần sật trên mặt đất. Cảnh tượng thật đơn giản, bình thường nhưng đối với hân lại rất thấm thía cảm động. Bỗng nhiên hân thấy hân thương yêu gắn bó với cái nhà của hân lạ lùng. Hân đã có một gia đình. Hân sẽ cùng vợ sinh con đẻ cái ở đây. Cái nhà như cái tổ ấm che mưa che nắng. Một nguồn vui sướng phấn chấn đột ngột tràn ngập trong lòng. Bây giờ hân mới thấy hân nên người, hân thấy hân có bổn phận phải lo lắng cho vợ con sau này. Hân xăm xăm chạy ra giữa sân, hân cũng muốn làm một việc gì để dự phần tu sửa lại căn nhà."

(Kim Lân, *Vợ nhặt*, Ngữ văn 12, tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Câu 6. Đoạn trích có sự kết hợp của những phương thức biểu đạt nào?

- A. Biểu cảm và tự sự
- B. Tự sự và miêu tả
- C. Nghị luận và thuyết minh
- D. Miêu tả và nghị luận

Câu 7. Đoạn trích trên được trần thuật từ điểm nhìn của ai?

- A. Điểm nhìn của nhân vật Tràng
- B. Điểm nhìn của nhân vật bà cụ Tứ
- C. Điểm nhìn của nhân vật người vợ nhặt
- D. Điểm nhìn của tác giả

Câu 8. Nội dung chính của đoạn trích là gì?

- A. Diễn biến tâm trạng của nhân vật Tràng trong buổi sáng hôm sau thức dậy
- B. Sự thay đổi về tình cảm, thái độ đối với cuộc sống gia đình của Tràng trong buổi sáng hôm sau thức dậy
- C. Cảnh tượng đầm ấm của gia đình bà cụ Tứ trong buổi sáng hôm sau khi Tràng đón người đàn bà vợ nhặt về làm dâu
- D. Bà cụ Tứ và người vợ nhặt dọn dẹp lại nhà cửa trong buổi sáng đầu tiên thị về làm dâu

Câu 9. Việc tác giả sử dụng các từ láy “êm ái”, “lững lơ”, “ngỡ ngàng”, “phần chấn” có tác dụng như thế nào trong việc thể hiện tâm trạng nhân vật Tràng?

- A. Diễn tả niềm vui, sự sung sướng của nhân vật Tràng khi “nhặt” được vợ
- B. Diễn tả tâm trạng ngạc nhiên trước hạnh phúc mà nhân vật Tràng đang nắm giữ
- C. Sự phấn khởi của nhân vật Tràng trước cảnh gia đình vào buổi sáng hôm sau
- D. Diễn tả trạng thái hân hoan, bay bổng, lâng lâng của nhân vật Tràng

Câu 10. Đoạn trích cho thấy nghệ thuật viết truyện ngắn của Kim Lân được thể hiện ở phương diện nào?

- A. Sự am hiểu của nhà văn về đời sống ở nông thôn và tâm lí của người nông dân
- B. Sự gắn bó của Kim Lân với các phong tục tập quán ở làng quê Bắc Bộ
- C. Bút pháp miêu tả diễn biến tâm lí nhân vật tinh tế, chân thực
- D. Khả năng quan sát đời sống và những thói quen sinh hoạt của người dân Bắc Bộ

Câu 11. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi từ 11 đến 15:

“Cơ quan cảm giác của động vật và của con người bao gồm 5 loại: thị giác, thính giác, khứu giác, vị giác và xúc giác. Chúng là cửa sổ cảm nhận sự vật hiện tượng thế giới bên ngoài của động vật và con người. Loài cá cũng có một cơ quan cảm giác đặc biệt. Đó là: trắc tuyến (tuyến gồm nhiều chấm nhỏ ở hai bên cơ thể cá, chứa các tế bào cảm giác nhận biết phương hướng và áp lực của dòng nước).

Nếu bạn chú ý quan sát con cá sẽ phát hiện một lớp vảy ở giữa 2 mặt bên, mỗi bên có một tuyến được tạo thành bởi nhiều lỗ nhỏ đó là trắc tuyến, chỉ có điều là số lượng trắc tuyến và sự phân bố của chúng khác nhau.

Thực ra, trắc tuyến của loài cá là một cái ống nhỏ bé, ẩn trong lớp da theo sự giãn cách nhất định, thông qua lớp vảy để thông ra bên ngoài, nhìn nó trông giống như hư tuyến. Trắc tuyến tự liên kết với thân kinh, mỗi khi có dòng nước chảy với cường độ lớn qua thân thể của con cá, dòng nước đó sẽ làm cho trắc tuyến của con cá sản sinh ra các hooc-môn tương ứng. Từ đó tạo ra phản ứng chạy trốn, né tránh. Các loài cá đã dựa vào trắc tuyến để xác định phương hướng, cảm nhận dòng nước.

Dựa trên trắc tuyến cá có thể cảm nhận được mỗi nguy hiểm của dòng nước, từ đó chúng kịp thời thay đổi phương hướng, vượt qua một cách an toàn. Ngoài ra chúng còn có thể cảm nhận được sự bơi nhảy của những sinh vật nổi trên mặt nước như những con tôm, cá nhỏ. Từ đó có thể bắt **chúng** một cách chính xác. Khi loài cá bơi lội thành từng đàn, chúng có thể thông qua trắc tuyến để duy trì sự liên lạc với đồng loại tránh bị thất lạc hoặc mất phương hướng. Trong cuộc sống của những loài cá có thị giác không phát triển thậm chí hoàn toàn không có thị giác, vai trò của trắc tuyến càng có ý nghĩa rất quan trọng đối với chúng. Cá không thể nào nhìn được tất cả những sự vật xung quanh chúng, chúng hoàn toàn dựa vào sự nhận biết của trắc tuyến. Nếu không có trắc tuyến các loài cá sẽ không có cách nào để duy trì cuộc sống của chúng ở biển khơi mênh mông hoặc trong các ao, hồ, sông, suối.”

(Phương Hiếu, *Bí mật về thế giới động vật*, NXB Lao động, 2015, tr. 64)

Câu 11. Ý nào sau đây không được nói đến trong đoạn trích?

- A. Cơ quan cảm giác đặc biệt của cá là trắc tuyến.
- B. Thị giác, thính giác, khứu giác, vị giác và xúc giác là cửa sổ cảm nhận sự vật, hiện tượng thế giới bên ngoài của động vật và con người.
- C. Cá tìm kiếm thức ăn thông qua khứu giác.
- D. Trắc tuyến của loài cá là một cái ống nhỏ bé, ẩn trong lớp da theo sự giãn cách nhất định.

Câu 12. Theo đoạn trích, ý nào sau đây không phải lợi ích của trắc tuyến đối với cá?

- A. Duy trì sự liên lạc với đồng loại tránh bị thất lạc hoặc mất phương hướng
- B. Cảm nhận được mỗi nguy hiểm của dòng nước

- C. Nhìn được tất cả những sự vật xung quanh chúng
- D. Giúp cá bơi nhanh hơn

Câu 13. Từ “Từ đó” (gạch chân, in đậm) trong đoạn trích được dùng để chỉ điều gì?

- A. Trắc tuyến của con cá đã sản sinh ra các hooc-môn tương ứng
- B. Trắc tuyến tự liên kết với thần kinh
- C. Khi dòng nước chảy với cường độ lớn qua thân thể cá
- D. Cá bị mất phương hướng

Câu 14. Xác định phong cách ngôn ngữ của đoạn trích.

- A. Phong cách ngôn ngữ chính luận
- B. Phong cách ngôn ngữ khoa học
- C. Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật
- D. Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt

Câu 15. Từ “chúng” (gạch chân, in đậm) trong đoạn trích nói về điều gì?

- A. Những sinh vật nổi trên mặt nước
- B. Con cá
- C. Con tôm
- D. Các loại chấm nhỏ trên cơ thể cá

Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi từ 16 đến 20:

“Cuộc sống ở Hà Nội thích hợp với mô hình buôn bán nhỏ. Những người làm công chức nhà nước, giáo viên hay làm nghề tự do không hình thành nên được một tầng lớp trung lưu, mặc dù quan hệ với người Pháp giúp một số người nhanh chóng leo lên các bậc thang trong xã hội, giống như trường hợp Xuân Tóc đỏ, một nhân vật trong tiểu thuyết của Vũ Trọng Phụng. Từ một kẻ bán thuốc lậu rong chuyên sống bằng nghề lừa đảo, Xuân Tóc đỏ chính là mẫu người ít học, không có giáo dục nhưng lại thành đạt nhờ lòng tận tụy và tài khéo xoay xở. Sau nhiều cuộc phiêu lưu, Xuân làm quen được với một bà mẹ Tây góa chồng. Bà này đã giới thiệu Xuân với tầng lớp thượng lưu ở Hà Nội và chỉ trong một thời gian ngắn, Xuân đã trở thành giáo viên quân vọt, rồi tiến sĩ y khoa và cuối cùng còn được nhận huy chương Bắc đầu bội tinh. Nhưng không phải ai cũng khéo xoay xở như Xuân tóc đỏ. Vì thế phần lớn người thành phố vẫn phải sống nhờ vào các sạp hàng, kiểu giật gấu vá vai hay những nghề phụ lúc có lúc không tùy theo thời cuộc hay thị trường việc làm. Những người từ nông thôn ra thành phố, không có giấy tờ thường phải làm công nhật với giá rẻ mạt.”

(Philippe Papin (2021), *Lịch sử Hà Nội*, do Mạc Thu Hương (dịch).

NXB Thế giới, Hà Nội, tr. 249)

Câu 16. Mục đích chính của tác giả đoạn trích này là gì?

- A. Kêu gọi sự đồng cảm của độc giả đối với những người từ nông thôn ra thành phố
- B. Lí giải tại sao những người làm công chức nhà nước, giáo viên hay làm nghề tự do không hình thành nên được một tầng lớp trung lưu
- C. Giới thiệu các mô hình kinh doanh phù hợp với cuộc sống ở Hà Nội
- D. So sánh cuộc sống ở nông thôn trong hai giai đoạn trước và sau khi một bộ phận lớn người dân di cư về Hà Nội

Câu 17. Nhân vật Xuân Tóc đỏ được tác giả nhắc đến trong đoạn trích gọi cho người đọc nhớ đến tác phẩm nào của “ông vua phóng sự đất Bắc” Vũ Trọng Phụng?

- A. Trúng số độc đắc
- B. Lấy nhau vì tình
- C. Giông tố
- D. Số đỏ

Câu 18. Việc tác giả trích dẫn trường hợp của Xuân Tóc đỏ trong đoạn trích có tác dụng gì?

- A. Chứng minh cho luận điểm những người làm công chức nhà nước, giáo viên hay làm nghề tự do không hình thành nên được một tầng lớp trung lưu
- B. Chứng minh cho luận điểm phần lớn người thành phố vẫn phải sống nhờ vào các sạp hàng như một kẻ sinh nhai để duy trì cuộc sống hàng ngày
- C. Chứng minh cho luận điểm một số người có quan hệ với người Pháp đã nhanh chóng leo lên các bậc thang trong xã hội
- D. Chứng minh cho sự khác biệt giữa cuộc sống của những người có mối quan hệ với người Pháp và cuộc sống của những người không có mối quan hệ với người Pháp

Câu 19. Có bao nhiêu thành ngữ trong đoạn trích?

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4

Câu 20. Cụm từ “Giật gấu vá vai” gần nghĩa nhất với cụm từ nào dưới đây

- A. Bóc tay sốt, để tay nguội
- B. Giật đầu cá và đầu tôm
- C. Bóc ngắn cần dài
- D. Đeo cà giữa đường

Câu 21. Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

Đêm khuya, khi cặp vợ chồng son và đứa con bé bỏng đang ngủ, tên trộm lạng lẽ lên vào nhà bằng cửa gạch.

A. vợ chồng son

B. đưa con

C. lên vào

D. cửa ngạch

Câu 22. Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

Với việc thất bại trận thứ 2 trước Man City mùa này, MU hiện vẫn chỉ có 47 điểm sau 28 trận và đã chính thức lọt xuống xếp thứ 5 giải Ngoại hạng Anh.

A. thất bại

B. chỉ có

C. chính thức

D. lọt xuống

Câu 23. Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

Mặc cho máy bay địch bắn phá, các ông bụt chùa Tây Phương vẫn phốt lờ ngời trầm ngâm suy nghĩ.

A. bắn phá

B. phốt lờ

C. trầm ngâm

D. suy nghĩ

Câu 24. Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

Buôn lậu không phải là những nỗi đau cho sự phát triển kinh tế mà còn là một trong những thách thức của đất nước.

A. không phải

B. nỗi đau

C. mà còn

D. thách thức

Câu 25. Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

Nếu như đối với cá ba sa, khi bị “ép” ở Mỹ, chúng ta có thể đẩy mạnh xuất khẩu sang các thị trường khác.

A. Nếu như

B. đối với

C. đẩy mạnh

D. thị trường

Câu 26. Chọn một từ mà nghĩa của nó KHÔNG cùng nhóm với các từ còn lại.

A. bất hảo

B. bất minh

C. bất hủ

D. bất kham

Câu 27. Chọn một từ mà nghĩa của nó KHÔNG cùng nhóm với các từ còn lại.

A. buồn

B. vui

C. đánh

D. sợ

Câu 28. Chọn một từ mà nghĩa của nó KHÔNG cùng nhóm với các từ còn lại.

A. đường sá

B. trường lớp

C. chợ búa

D. bếp núc

Câu 29. Tác phẩm nào KHÔNG cùng thể loại với những tác phẩm còn lại?

A. Vợ chồng A Phủ

B. Chí Phèo

C. Hồn Trương Ba, da hàng thịt

D. Vợ nhặt

Câu 30. Nhà thơ nào KHÔNG thuộc nhóm các nhà thơ lãng mạn?

A. Thế Lữ

B. Chế Lan Viên

C. Vũ Đình Liên

D. Hồ Chí Minh

Câu 31. Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

_____ các cây trồng, vật nuôi nhiệt đới, ở vùng cao _____ có thể nuôi trồng được các loài động, thực vật cận nhiệt đới và ôn đới.

(Địa lí 12, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

A. Bên cạnh/sẽ

B. Không chỉ/mà còn

C. Ngoài/còn

D. Cùng/còn

Câu 32. Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

Cũng như mọi thứ tiếng khác, trong _____ phát triển, tiếng Việt đã tiếp nhận thêm nhiều từ ngữ, nhiều ý nghĩa và cách cấu tạo từ của ngoại ngữ để làm _____ cho từ vựng của mình.

(Nguyễn Thiện Giáp, *Từ vựng học tiếng Việt*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2010)

A. liệu trình/giàu

B. quy trình/ đẹp

C. tiến trình/ mạnh

D. quá trình/ giàu

Câu 33. Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

Chúng ta phải chủ động _____ những phương hướng và _____ giải quyết hiệu quả.

A. đề xuất/ biện pháp

B. đề đạt/ cách thức

C. đề bạt/ biện pháp

D. đề nghị/ quy trình

Câu 34. Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

Viết về đề tài người nông dân, Nam Cao đã dựng lên một bức tranh

chân thực về nông thôn Việt Nam nghèo đói, xơ xác trên con đường phá sản, bần cùng, hết sức thể thâm vào những năm _____

- A. 1940 – 1945 B. 1930 – 1945
C. 1945 – 1975 D. 1900 - 1945

Câu 35. Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

Nam Cao là nhà văn có biệt tài diễn tả, phân tích _____ nhân vật.

- A. ngoại hình B. tâm hồn
C. tâm trạng D. tâm lí

Câu 36. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước”.

(Hồ Chí Minh, *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta*)

Phong cách ngôn ngữ của đoạn trích là gì?

- A. Phong cách ngôn ngữ báo chí
B. Phong cách ngôn ngữ chính luận
C. Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật
D. Phong cách ngôn ngữ khoa học

Câu 37. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

Ôi kháng chiến! Mười năm qua như ngọn lửa
Ngàn năm sau, còn đủ sức soi đường,
Con đã đi nhưng con cần vượt nữa
Cho con về gặp lại mẹ yêu thương.

(Chế Lan Viên, *Tiếng hát con tàu*, Ngữ văn 12 tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2021)

Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong đoạn trích?

- A. So sánh B. Ẩn dụ
C. Hoán dụ D. Nhân hóa

Câu 38. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

Để Đất Nước này là Đất Nước Nhân dân
Đất Nước của Nhân dân, Đất Nước của ca dao thần thoại
Dạy anh biết “yêu em từ thuở trong nôi”
Biết quý công cầm vàng những ngày lặn lội

Biết trồng tre đợi ngày thành gậy

Đi tra thù mà không sợ dài lâu

Ôi những dòng sông bắt nước từ lâu

Mà khi về Đất Nước mình thì bắt lên câu hát

Người đến hát khi chèo đò, kéo thuyền vượt thác

Gợi trăm màu trên trăm dáng sông xuôi.

(Nguyễn Khoa Điềm, *Đất Nước* (trích *Trường ca Mặt đường khát vọng*), Ngữ văn 12 tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2021)

Nội dung chính của đoạn trích là gì?

- A. Vẻ đẹp tâm hồn, tính cách của nhân dân có thể tìm thấy trong văn hoá tinh thần của nhân dân.
B. Suy tư, nhận thức về Đất Nước của nhà thơ trên cơ sở tư tưởng “Đất Nước của Nhân dân”.
C. Lối sống đậm nghĩa, vẹn tình, quý trọng tình nghĩa của nhân dân.
D. Đất Nước được tạo nên bởi sức mạnh và tình nghĩa của nhân dân.

Câu 39. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

Mẹ! Cao - Lạng hoàn toàn giải phóng

Tây bị chết bị bắt sống hàng đàn

Vệ quốc quân chiếm lại các đồn

Người đông như kiến, súng đầy như cũi.

Sáng mai về làng sửa nhà phát cỏ,

Cày ruộng vườn, trồng lúa ngô khoai

Mấy năm qua quên tết tháng Giêng, quên rằm tháng bảy,

Chạy hết núi lại khe, cay đắng đủ mùi.

Nhớ một hôm mù mịt mưa rơi

Cơn gió bão trên rừng cây đổ

Cơn sấm sét lán sụp xuống nát cửa

Đường đi lại vất bầm đầy chân.

(Nguyễn Quốc Chấn, *Dọn về làng*, Ngữ văn 12 tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2021)

Phương thức biểu đạt của đoạn trích là gì?

- A. Miêu tả, tự sự B. Tự sự, biểu cảm
C. Thuyết minh D. Biểu cảm

Câu 40. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“Cụ bá cười nhạt, nhưng tiếng cười giòn giã lắm: người ta bảo cụ hơn người cũng chỉ bởi cái cười.

- Cái anh này nói mới hay! Ai làm gì mà anh phải chết? Đời người chứ có phải con ngoé đâu? Lại say rồi phải không?

Rồi đổi giọng, cụ thân mật hỏi:

- Về bao giờ thế? Sao không vào tôi chơi? Đi vào nhà uống nước.

Thấy Chí Phèo không nhúc nhích, cụ tiếp luôn:

- Nào đứng lên đi. Cứ vào đây uống nước đã. Có cái gì ta nói chuyện từ tể với nhau, cần gì mà phải làm thanh động lên như thế, người ngoài biết, mang tiếng cả.

Rồi vừa xóc Chí Phèo, cụ vừa phân nản:

- Khổ quá! Giá có tôi ở nhà thì đâu đến nỗi. Ta nói chuyện với nhau, thế nào cũng xong. Người lớn cả, chỉ một câu chuyện với nhau là đủ. Chỉ tại thằng lý Cường nóng tính không biết nghĩ trước nghĩ sau. Ai, chứ anh với nó còn có họ kia đấy”.

(Nam Cao, *Chí Phèo*, Ngữ văn 11 tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2021)

Cách sử dụng từ ngữ xưng hô của Bá Kiến (các từ in đậm) thể hiện điều gì?

- A. Cách xưng hô vạch rõ ranh giới giữa kẻ có quyền hành với người dân thấp cổ bé họng
- B. Cách xưng hô ngọt ngào, khôn khéo của một tên cáo già lọc lõi, lắm mưu nhiều kế và rất thâm hiểm đã lập tức xoa dịu được cơn giận của Chí Phèo.
- C. Cách xưng hô thể hiện rõ vai giao tiếp.
- D. Cách xưng hô theo khuôn mẫu.

Câu 41. Đọc đoạn trích và trả lời câu hỏi

Mùa xuân dòng xanh ngọc bích, chứ nước Sông Đà không xanh màu xanh canh hến của Sông Gâm Sông Lô. Mùa thu nước Sông đã lừ lừ chín đỏ như da mặt một người bầm đi vì rượu bữa, lừ lừ cái màu đỏ giận dữ ở một người bất mãn bực bội gì mỗi độ thu về. Chưa hề bao giờ tôi thấy dòng Sông Đà là đen như thực dân Pháp đã đè ngửa con sông ta ra đổ mực Tây vào mà gọi bằng một cái tên Tây láo lếu, rồi cứ thế mà phiết vào bản đồ lai chữ.

(Nguyễn Tuân, *Người lái đò sông Đà*, Ngữ văn 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Câu văn “Mùa thu nước Sông đã lừ lừ chín đỏ như da mặt một người bầm đi vì rượu bữa, lừ lừ cái màu đỏ giận dữ ở một người bất mãn bực bội gì mỗi độ thu về” trong đoạn trích trên, tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ nào?

A. so sánh - nhân hóa

B. so sánh - hoán dụ

C. so sánh - ẩn dụ

D. so sánh - chơi chữ

Câu 42. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

Lấy cả những cơn mơ! Ai bảo con tàu không mộng tưởng?

Mỗi đêm khuya không uống một vầng trăng

Lòng ta cũng như tàu, ta cũng uống

Mặt hồng em trong suối lớn mùa xuân

(Chế Lan Viên, *Tiếng hát con tàu*, Ngữ văn 12 tập hai,

NXB Giáo dục Việt Nam, 2021)

Ý nào phù hợp để nói về đặc điểm thơ Chế Lan Viên thể hiện ở đoạn trích nói trên?

A. Lãng mạn, tài hoa

B. Mê đắm, tài hoa

C. Suy tư, triết lí

D. Mộc mạc, giản dị

Câu 43. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

Gì sâu bằng những trưa hùi quạnh

Ôi ruộng đồng quê thương nhớ ơi!

Đâu những lưng cong xuống ruộng cày

Mà buồn hi vọng nước hương ngây

Và đâu hết những bàn tay ấy

Vãi giống tung trời những sớm mai.

(Tố Hữu, *Nhớ đồng*, Ngữ văn 11 tập hai,

NXB Giáo dục Việt Nam, 2021)

Đoạn trích trên thuộc thể thơ nào?

A. Tự do

B. Lục bát

C. Thất ngôn bát cú

D. Thất ngôn

Câu 44. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

Đất là nơi anh đến trường

Nước là nơi em tắm

Đất Nước là nơi ta hò hẹn

Đất Nước là nơi em đánh rơi chiếc khăn trong nỗi nhớ thầm

Đất là nơi “con chim phượng hoàng bay về hòn núi bạc”

Nước là nơi “con cá ngư ông móng nước biển khơi”

Thời gian đằng đẵng

Không gian mênh mông

Đất Nước là nơi dân mình đoàn tụ

Đất là nơi Chim về

Nước là nơi Rồng ở

Lạc Long Quân và Âu Cơ

Đẻ ra đồng bào ta trong bọc trứng

(Nguyễn Khoa Điềm, Đất Nước (trích Trường ca Mặt đường khát vọng),
Ngữ văn 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2021)

Nội dung chính của đoạn trích là gì?

- A. Khái niệm “Đất Nước” nhìn từ góc độ không gian
- B. Khái niệm “Đất Nước” nhìn từ góc độ thời gian
- C. Khái niệm “Đất Nước” nhìn từ góc độ lịch sử dân tộc
- D. Cảm nhận về Đất Nước nhìn từ góc độ địa lí, không gian, thời gian và lịch sử dân tộc.

Câu 45. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

Tây Bắc ư? Có riêng gì Tây Bắc

Khi lòng ta đã hoá những con tàu

Khi Tổ quốc bốn bề lên tiếng hát

Tâm hồn ta là Tây Bắc, chứ còn đâu.

(Chế Lan Viên, *Tiếng hát con tàu*, Ngữ văn 12 tập một,
NXB Giáo dục Việt Nam, 2021)

Hình ảnh “con tàu” trong đoạn trích (4 câu đề từ) có ý nghĩa gì?

- A. Tuyến đường sắt nối miền xuôi với Tây Bắc
- B. Biểu tượng cho khát vọng lên đường, khát vọng về với nhân dân, hòa nhập vào cuộc sống lớn của đất nước.
- C. Sự trần trụi, giục giã và lời mời gọi lên đường
- D. Khát vọng và niềm hạnh phúc được trở về với nhân dân

Câu 46. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

(1) “Ta muốn ôm

(2) Cả sự sống mới bắt đầu mơn mơn;

(3) Ta muốn riết mây đưa và gió lượn,

(4) Ta muốn say cánh bướm với tình yêu,

(5) Ta muốn thu trong một cái hôn nhiều

(6) Và non nước, và cây, và cỏ rạng,”

(Xuân Diệu, *Vội vàng*, Ngữ văn 11, tập hai,
NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Việc tác giả điệp lại từ “và” trong cả ba vế của câu thơ thứ (6) có tác dụng gì?

A. Thể hiện trực tiếp cảm xúc ham hố, tham lam trào dâng mãnh liệt trong lòng ngực yêu đời của thi sĩ

B. Thể hiện cảm xúc ào ạt dâng trào, lán át khung cảnh tứ thông thường và khao khát cháy bỏng của thi sĩ muốn tận hưởng trọn vẹn vẻ đẹp của thi xuân sắc

C. Vừa gợi sự giàu có trong bữa tiệc trần gian sang trọng và cảm dỗ vừa thể hiện niềm khát sống thêm yêu mãnh liệt của thi nhân hiện đại

D. Bộc lộ rõ niềm yêu đời tha thiết, yêu cuộc sống, muốn tận hưởng hạnh phúc tràn đầy của tình yêu và tuổi trẻ

Câu 47. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

“Chị Hai là con nuôi của má. Cha mẹ chị cũng vì một tay thằng Tây mà chết. Hồi ba dất về trao cho má, chị mới chín tuổi, ốm nhom, một mảng tóc bị bom xăng làm cháy còn xém như đuôi bò. Chị lớn tuổi hơn chị Chiến nên má đặt chị là thứ hai. Sống với gia đình được mấy năm thì một người chú bà con của chị xuống xin chị về dưới biển. Rồi chị lớn lên, lấy chồng, công tác luôn dưới đó. Sau này, mỗi năm đôi ba lần, chị lại vượt cánh đồng mây chục cây số, lội qua mấy chục đồn bót giặc về thăm má, thăm em. Trừ mặc công tác thì thôi, còn thì trời sập chị cũng về, cứ một mình một nón mà đi. Có bữa về, dầm mưa trắng hết mặt mũi, chơi với em được một buổi chiều, ăn bữa cơm, ngủ với má một đêm, hừng đông lại tất tưởi đi sớm.”

(Nguyễn Thi, *Những đứa con trong gia đình*, Ngữ văn 12, tập hai,
NXB Giáo dục Việt Nam, 2011)

Đoạn trích được trần thuật từ điểm nhìn của ai?

A. Nhân vật Chiến

B. Nhân vật Việt

C. Nhà văn Nguyễn Thi

D. Nhân vật chú Năm

Câu 48. Đọc đoạn trích và trả lời câu hỏi

(1) *Chim môi về rừng tìm chốn ngủ,*

(2) *Chòm mây trôi nhẹ giữa tầng không*

(3) *Cô em xóm núi xay ngô tối,*

(4) *Xay hết, lò than đã rực hồng.*

Câu thơ nào thể hiện rõ tinh thần lạc quan của Bác?

A. Câu (1)

B. Câu (2)

A. Câu (3)

D. Câu (4)

Câu 49. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

“Mị không nói. A Sử cũng không hỏi thêm nữa. A Sử bước lại, nắm Mị, lấy thắt lưng trói hai tay Mị. Nó xách cả một thúng sợi dây đay ra trói đứng Mị vào cột nhà. Tóc Mị xõa xuống, A Sử quấn luôn tóc lên cột, làm cho Mị không cúi, không nghiêng được đầu nữa. Trói xong vợ, A Sử thắt nốt cái thắt lưng xanh ra ngoài áo rồi A Sử tắt đèn, đi ra, khép cửa buồng lại.”

(Tô Hoài, *Vợ chồng A Phủ*, Ngữ văn 12, tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2011)

Trong đoạn trích trên, Tô Hoài sử dụng nhiều câu văn ngắn kết hợp với các câu văn dài có nhiều vế ngắn, nhịp điệu nhanh. Cách viết này có tác dụng gì?

A. Nhấn mạnh sự hồi sinh sức sống tiềm tàng, mãnh liệt trong lòng Mị đã bị vùi dập thật độc ác bởi những hành động bất nhân của A Sử

B. Diễn tả sự thuần thục trong hành động (trói vợ) của A Sử. Từ đó, nhấn mạnh bản tính lạnh lùng, dã man của nhân vật này

C. Tô đậm nỗi cay đắng, phẫn uất, đau đớn, tủi nhục trong đoạn đời làm dâu gât nợ ở nhà thống lí Pá Tra của nhân vật Mị

D. Làm nổi bật sự vũ phu của nhân vật A Sử đồng thời cho thấy tình trạng phi lí trong cuộc hôn nhân giữa Mị và A Sử

Câu 50. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

“Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp,
Con thuyền xuôi mái nước song song,
Thuyền về nước lại, sầu trăm ngả;
Củi một cành khô lạc mấy dòng.”

(Huy Cận, *Tràng giang*, Ngữ văn 11, tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Chủ đề nổi bật bao trùm đoạn thơ là gì?

A. Không gian sông nước mênh mông và trải dài vô biên, hoang sơ, hiu quạnh

B. Bức tranh thiên nhiên mênh mông, hoang vắng thiếu hơi ấm của sự sống con người

C. Sự gặp gỡ giữa không gian sông nước mênh mông với tâm trạng của con người

D. Hình ảnh của cuộc sống con người trong một buổi chiều buồn ở một vùng bến bãi

ĐỀ 11

Đọc đoạn trích và trả lời các câu hỏi từ 1 đến 5:

“Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”.

Lời bắt hủ ấy ở trong bản Tuyên ngôn độc lập năm 1776 của nước Mỹ. Suy rộng ra, câu ấy có ý nghĩa là: tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do. Bản Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền của Cách mạng Pháp năm 1791 cũng nói:

“Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi, và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi».

Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được.

Thế mà hơn tám mươi năm nay, bọn thực dân Pháp lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái, đến cướp đất nước ta, áp bức đồng bào ta. Hành động của chúng trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa.

(Hồ Chí Minh, *Tuyên ngôn Độc lập*, Ngữ văn 12, tập một, NXB Giáo dục, 2014)

Câu 1. Việc trích dẫn hai bản Tuyên ngôn của Pháp và Mĩ không thể hiện điều gì?

A. Là thủ pháp “gậy ông đập lưng ông” trong nghệ thuật tranh luận

B. Nhằm lên án, tố cáo tội ác của thực dân Pháp và đế quốc Mĩ

C. Thể hiện sự tôn trọng với hai bản tuyên ngôn của Pháp và của Mĩ

D. Tạo cơ sở pháp lí khách quan cho bản Tuyên ngôn Độc lập của Hồ Chí Minh

2. Đoạn trích sử dụng phương thức biểu đạt nào?

A. Nghị luận

B. Miêu tả

C. Tự sự

D. Thuyết minh

Câu 3. Ý nghĩa của cụm từ “suy rộng ra” trong đoạn trích trên là gì?

A. Từ quyền con người suy rộng ra quyền của dân tộc

B. Từ quyền dân tộc suy rộng ra quyền con người

C. Từ quyền bình đẳng suy rộng ra quyền dân tộc

D. Từ quyền tự do suy rộng ra quyền con người

Câu 4. Ý nghĩa câu: “Hành động của chúng trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa” là gì?

A. Tố cáo hành vi vô nhân đạo của thực dân Pháp.

- B. Vạch trần bản chất độc ác của thực dân pháp
- C. Lên án tội ác xâm lược nước ta của thực dân Pháp
- D. Lật tẩy bản chất gian xảo của thực dân Pháp

Câu 5. Từ “Thế mà” (in đậm, gạch chân) trong đoạn trích thể hiện ý nghĩa gì?

- A. đối lập, tương phản
- B. nối tiếp
- C. nguyên nhân, kết quả
- D. song hành

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi từ 6 đến 10:

“Nhớ quá, bất cứ cái gì của Hà Nội cũng nhớ, bất cứ cái gì của Bắc Việt cũng nhớ, nhớ từ cánh đồng lúa con gái mơn mớn nhớ đi, nhớ từ tiếng hát của người mẹ ru con buổi trưa hè mà nhớ lại; nhớ hoa sấu rụng đầu đường Hàng Trống, nhớ quả bàng ở Hải Hậu rụng xuống bờ sông đào, nhớ sen Linh Đường thơm ngào ngạt cả bầu trời mà nhớ lên, nhớ nhãn Hưng Yên, vải Vụ Bản, cá anh vũ Việt Trì, na Láng, bưởi Vạn Phước, cam Bồ Hạ, đào Sa Pa mà nhớ xuống.

Nhớ không biết bao nhiêu, nhớ bát canh rau sống chùa Hương, nhớ khóm tiến-xuân-la trông ở bên giậu trúc; nhớ mưa bụi, vợ chồng nửa đêm thức giấc đi uống một ly rượu ấm ở cao lầu, nhớ những buổi trưa hè có ve sầu kêu rền rền, nhớ luôn cả những cô gái Thổ cười ngựa thồ đi trong rừng có những cánh hoa đào rơi lả tả nơi vai áo...

Càng nhớ như vậy thì càng yêu Hà Nội biết bao nhiêu, lại càng say đắm Bắc Việt biết bao nhiêu!”

(Vũ Bằng, *Thương nhớ mười hai*, NXB Hồng Đức, 2018)

Câu 6. Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích là gì?

- A. Biểu cảm
- B. Tự sự
- C. Miêu tả
- D. Thuyết minh

Câu 7. Đoạn trích sử dụng phong cách ngôn ngữ nào?

- A. Khoa học
- B. Sinh hoạt
- C. Chính luận
- D. Nghệ thuật

Câu 8. Cảm xúc chủ đạo của tác giả là gì?

- A. Nỗi nhớ da diết với Bắc Việt
- B. Nỗi buồn của tác giả khi phải đi xa khỏi Bắc Việt
- C. Niềm hạnh phúc khi được sống giữa Bắc Việt
- D. Nỗi niềm của tác giả khi quay trở lại Bắc Việt

Câu 9. Biện pháp tu từ nổi bật trong đoạn trích trên là gì?

- A. Điệp từ
- B. Nhân hóa
- C. So sánh
- D. Ẩn dụ

Câu 10. Ý nào sau đây không thể hiện giá trị nghệ thuật của đoạn trích?

- A. Biện pháp nghệ thuật được sử dụng hợp lý
- B. Kết hợp nhiều phương thức biểu đạt
- C. Diễn đạt tài hoa, uyên bác
- D. Từ ngữ giàu hình ảnh, giàu chất nhạc

Câu 11. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi từ 11 đến 15:

Trong số rất nhiều thách thức đa dạng và thú vị mà ngày nay chúng ta phải đối diện, điều cấp bách và quan trọng nhất là làm sao phải hiểu và định hình cuộc cách mạng công nghệ mới, điều chắc chắn sẽ thay đổi toàn diện bộ mặt của nhân loại. Chúng ta đang ở điểm khởi đầu của một cuộc cách mạng sẽ thay đổi sâu sắc cách chúng ta sống, làm việc và liên hệ với nhau. Xét về quy mô, tầm vóc và độ phức tạp, hiện tượng mà tôi coi là cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư này không giống bất kỳ điều gì mà nhân loại từng trải qua.

Đến nay chúng ta vẫn chưa hình dung được đầy đủ tốc độ và phạm vi của cuộc cách mạng mới này. Hãy nghĩ đến vô số khả năng cho phép hàng tỷ con người kết nối với nhau bằng thiết bị di động, tạo nên sức mạnh xử lý, năng lực lưu trữ và cơ hội tiếp cận tri thức chưa từng có. Hoặc đến sự hợp lưu đáng kinh ngạc của những đột phá gần đây về công nghệ, bao trùm nhiều lĩnh vực rộng lớn như trí tuệ nhân tạo (AI), công nghệ robot, internet kết nối vạn vật, xe tự hành, in 3D, công nghệ nano, công nghệ sinh học, khoa học vật liệu, lưu trữ năng lượng và tính toán lượng tử, và còn nhiều nữa... Nhiều sáng kiến vẫn còn sơ khai, nhưng chúng đã đến bước ngoặt trong quá trình phát triển nhờ dựa vào nhau và khuếch đại lẫn nhau trong một sự giao thoa công nghệ trên cả thế giới vật chất, thế giới số, lẫn thế giới sinh học.

(Klaus Schwab, *Cách mạng công nghiệp lần thứ tư*, NXB Thế giới, 2018, tr.11)

Câu 11. Ý nào sau đây không được nói đến trong đoạn trích?

- A. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư sẽ làm thay đổi nhân loại
- B. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư không làm thay đổi mối quan hệ của con người
- C. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tạo cơ hội tiếp cận tri thức chưa từng có
- D. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư là sự giao thoa về mặt công nghệ

Câu 12. Theo đoạn trích, ý nào sau đây không phải là đặc điểm của cuộc cách mạng công nghệ lần thứ tư?

- A. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư có tác động đến lối sống và mối quan hệ của con người
- B. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư giúp con người kết nối với nhau thuận tiện hơn
- C. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư góp phần thúc đẩy nền giáo dục phát triển
- D. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư phát triển chủ yếu dựa vào thế giới số

Câu 13. Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích nói trên là gì?

- A. Tự sự
- B. Biểu cảm
- C. Nghị luận
- D. Thuyết minh

Câu 14. Ý chính của đoạn trích trên là gì?

- A. Sự phát triển vượt bậc của cách mạng công nghiệp lần thứ tư
- B. Đặc điểm nổi bật của cách mạng công nghiệp lần thứ tư
- C. Sự xuất hiện của cách mạng công nghiệp lần thứ tư
- D. Sự tác động của cách mạng công nghiệp lần thứ tư

Câu 15. Từ “hợp lưu” (gạch chân, in đậm) trong đoạn trích gần nghĩa hơn cả với từ/cụm từ nào sau đây?

- A. Hợp tác
- B. Hợp đồng
- C. Hợp lực
- D. Hợp lại

Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi từ 16 đến 20:

“Để hiểu được nét đặc thù của khu phố buôn bán ở Hà Nội cần tìm hiểu sự khác biệt giữa khái niệm *phường* một đơn vị hành chính dùng để chỉ một làng trong thành phố và khái niệm *phố* không được công nhận về mặt hành chính, mà chỉ là một phần đất nơi dân trong làng bày bán các sản phẩm làm ra. Còn cụm từ *phố phường* thì được dùng để chỉ một phường trong đó bao gồm nhiều phố, hay nói cách khác là một không gian đô thị bao gồm một con đường hai bên có cửa hàng, bên trong là kho để hàng, sân, xưởng sản xuất và nhà ở. Chính sự nhầm lẫn giữa *phường* và *phố* đã làm nảy sinh ra tên gọi “Hà Nội ba mươi sáu phố phường” hình thành nên từ nhiều phường tồn tại từ thế kỷ XV. Trên thực tế khu vực buôn bán này gồm hàng trăm phố. Hơn nữa con số ba sáu là số đẹp (xuất hiện trong nhiều câu ngạn ngữ).

Cùng với thời gian, khái niệm *phố* thường được sử dụng nhiều hơn khái niệm *phường* và trở thành ranh giới hành chính giữa các cộng đồng dân cư không ngừng cạnh tranh với nhau. Phố là đề tài của nhiều bài ca dao, tục ngữ. Cho đến tận năm 1954 chính các *phố trưởng* làm nhiệm vụ quản lý thành phố, chứ không phải phường trưởng. Một điều đáng để chúng ta lưu tâm nữa là, trong khu phố buôn bán, *phường* dần dần biến mất (trừ phường Đồng Xuân) và ngay từ thế kỷ XIX tên phường được lấy làm tên phố, trong khi đó ở khu vực ngoại vi phường vẫn được duy trì (Yên Phụ, Nghi Tam, Hồ Khẩu, Thịnh Hào).”

(Philippe Papin (2021), *Lịch sử Hà Nội*, do Mạc Thu Hương (dịch), NXB Thế giới, Hà Nội, trang 161)

Câu 16. Mục đích chính của tác giả đoạn trích này là gì?

- A. Lí giải sự khác biệt trong định nghĩa về phố, phường trước đây và bây giờ
- B. Cung cấp các thông tin về phố phường Hà Nội xưa
- C. Đề nghị khôi phục diện mạo phố phường Hà Nội theo đúng đặc điểm trước đây
- D. So sánh không gian đô thị trong lòng Hà Nội giữa quá khứ và hiện tại

Câu 17. Có thể đảo trật tự trình bày của đoạn văn thứ nhất và đoạn văn thứ hai với nhau được không? Vì sao?

- A. Đảo được; Vì các thông tin trong đoạn văn thứ nhất độc lập với thông tin trong đoạn văn thứ hai.
- B. Đảo được; Vì cách thức trình bày thông tin trong hai đoạn văn giống nhau.
- C. Không đảo được; Vì thông tin trong đoạn văn thứ nhất là cơ sở để trình bày thông tin của đoạn văn thứ hai
- D. Không đảo được; Vì tác giả muốn nhấn mạnh nội dung thông tin ở đoạn văn thứ nhất

Câu 18. Theo đoạn trích, điểm khác nhau cơ bản giữa “phường” và “phố” là gì?

- A. Phường là nơi tập trung những người cùng sản xuất và buôn bán một loại hàng thủ công nào đó còn phố là nơi tiêu thụ những sản phẩm đó
- B. Phường là một đơn vị hành chính dùng để chỉ một làng trong thành phố còn phố không được công nhận về mặt hành chính, mà chỉ là một phần đất nơi dân trong làng bày bán các sản phẩm làm ra
- C. Phường bao gồm nhiều phố, là một không gian đô thị bao gồm một con đường hai bên có cửa hàng còn phố là một đơn vị hành chính ở cấp thấp hơn phường

D. Phường dùng để chỉ một cụm nhà, trên một khu đất, giống như một làng trong thành phố còn phố là mặt tiền của phường, nơi bày bán các mặt hàng do thợ thủ công sản xuất

Câu 19. Theo thời gian, khái niệm “phố” đã có sự vận động như thế nào?

A. Trước đây phố không được công nhận về mặt hành chính sau này phố trở thành ranh giới hành chính giữa các cộng đồng dân cư không ngừng cạnh tranh với nhau.

B. Trước đây phố chỉ là một phần đất nơi dân trong làng bày bán các sản phẩm làm ra sau này phố còn là kho để hàng, xưởng sản xuất và nhà ở

C. Trước đây phố chỉ là các cụm nhà bị đường chia cắt sau này phố trở thành mặt tiền của phường, nơi bày bán các mặt hàng do thợ thủ công sản xuất

D. Trước đây phố là con đường hai bên có cửa hàng buôn bán sản phẩm do các phường thợ sản xuất sau này phố còn là nơi giao thương với người phương Tây

Câu 20. Có câu văn nào trong đoạn trích bộc lộ trực tiếp quan điểm của tác giả về phố phường Hà Nội xưa không? Vì sao?

A. Không; Vì văn bản cần hàm súc, cô đọng, thông tin mang tính khái quát cao

B. Có; Vì văn bản cần khích lệ người đọc cùng chia sẻ hiểu biết về phố phường xưa

C. Không; Vì văn bản cần đảm bảo tính khách quan của thông tin được giới thiệu

D. Có; Vì văn bản cần thể hiện rõ quan điểm của tác giả về thông tin được trình bày

Câu 21. Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

Thế Lữ là một thi sĩ nặng lòng yêu dấu, nhưng sự yêu thương của ông thật rộng rãi; hết thảy mọi đẹp đẽ trong trời đất đều làm cho lòng ông rung động.

A. yêu dấu

B. rộng rãi

C. đẹp đẽ

D. rung động

Câu 22. Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

Đánh giá một cách khách quan, trong số các lãnh đạo ở cơ quan tôi, anh ấy là người rất là năng lực.

A. khách quan

B. lãnh đạo

C. anh ấy

D. năng lực

Câu 23. Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

Chúng tôi đề nghị các anh ở Sở và các phòng ban chức năng sớm giải quyết vấn đề đã nêu ở trên.

A. đề nghị

B. các anh ở Sở

C. giải quyết

D. đã nêu ở trên

Câu 24. Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

Xưa nay, không ai chết đến lần thứ hai mà được bài học kinh nghiệm về cách chết.

A. Xưa nay

B. chết

C. mà

D. bài học

Câu 25. Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

Những cánh rừng khoác tầm áo màu xanh loang lổ sau bao nhiêu hành động tàn phá thô bỉ của con người.

A. cánh rừng

B. tầm áo

C. loang lổ

D. thô bỉ

Câu 26. Chọn một từ mà nghĩa của nó KHÔNG cùng nhóm với các từ còn lại.

A. Ngoảnh

B. Chớp

C. Ngẩng

D. Nhấn

Câu 27. Chọn một từ mà nghĩa của nó KHÔNG cùng nhóm với các từ còn lại.

A. Ngừa

B. Rút

C. Ngóc

D. Há

Câu 28. Chọn một từ mà nghĩa của nó KHÔNG cùng nhóm với các từ còn lại.

A. Lắc

B. Ngắc

C. Ngoảnh

D. Vẽnh

Câu 29. Tác phẩm nào KHÔNG cùng thể loại với những tác phẩm còn lại?

A. Vợ nhặt

B. Rừng xà nu

C. Bắt sấu rừng U Minh Hạ

D. Mùa lá rụng trong vườn

Câu 30. Nhà thơ nào KHÔNG thuộc phong trào Thơ Mới giai đoạn 1932 – 1945?

- A. Xuân Diệu
C. Tố Hữu

- B. Hàn Mặc Tử
D. Nguyễn Bính

Câu 31. Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

Toàn cầu hóa là một xu thế lớn, _____ cho phép nước ta tranh thủ được các nguồn lực bên ngoài (đặc biệt là về vốn, công nghệ và thị trường), _____ đặt nền kinh tế nước ta vào thế bị cạnh tranh quyết liệt bởi các nền kinh tế phát hơn trong khu vực và trên thế giới.

(Địa lí 12, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

- A. sẽ/và
C. đã/đồng thời

- B. một mặt/mặt khác
D. vừa/và

Câu 32. Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

Câu tục ngữ “Đói cho sạch, rách cho thơm” có ý khuyên ta _____ có nghèo túng, thiếu thốn _____ phải sống trong sạch, giữ vững phẩm chất tốt đẹp.

- A. nếu/thì
C. giá như/cũng

- B. dù/cũng
D. nếu/cũng

Câu 33. Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

Chiếc áo dài gắn với _____ phụ nữ Việt Nam và là một phần của _____ Việt Nam.

- A. hình mẫu/văn học
C. hình ảnh/văn hóa

- B. hình tượng/văn chương
D. hình dung/văn hóa

Câu 34. Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

Văn học Việt Nam giai đoạn 1945 – 1975 chủ yếu mang khuynh hướng sử thi và _____

- A. cảm hứng thế sự
C. cảm hứng triết luận

- B. cảm hứng lãng mạn
D. cảm hứng anh hùng

Câu 35. Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

Văn học Việt Nam giai đoạn 1945 – 1975 chủ yếu vận động theo hướng _____, gắn bó sâu sắc với vận mệnh chung của đất nước.

- A. quần chúng hóa
C. cách mạng hóa

- B. hiện đại hóa
D. toàn cầu hóa

Câu 36. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“Chúng ta cần một xã hội mà trong đó sự phát triển là thực sự vì con người, chứ không phải vì lợi nhuận mà bóc lột và chà đạp lên phẩm giá con người. Chúng ta cần sự phát triển về kinh tế đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội, chứ không phải gia tăng khoảng cách giàu nghèo và bất bình đẳng xã hội. Chúng ta cần một xã hội nhân ái, đoàn kết, tương trợ lẫn nhau, hướng tới các giá trị tiến bộ, nhân văn, chứ không phải cạnh tranh bất công, “cá lớn nuốt cá bé” vì lợi ích vị kỷ của một số ít cá nhân và các phe nhóm. Chúng ta cần sự phát triển bền vững, hài hòa với thiên nhiên để bảo đảm môi trường sống trong lành cho các thế hệ hiện tại và tương lai, chứ không phải để khai thác, chiếm đoạt tài nguyên, tiêu dùng vật chất vô hạn độ và hủy hoại môi trường.”.

(Nguyễn Phú Trọng, *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, 2022)

Phong cách ngôn ngữ của đoạn trích là gì?

- A. Phong cách ngôn ngữ khoa học
B. Phong cách ngôn ngữ chính luận
C. Phong cách ngôn ngữ báo chí
D. Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật

Câu 37. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

*Làm trai phải lạ ở trên đời,
Há để càn khôn tự chuyển dời.
Trong khoảng trăm năm cần có tớ,
Sau này muôn thuở, há không ai?*

(Phan Bội Châu, *Lưu biệt khi xuất dương*, Ngữ văn 11 tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Câu thơ “Há để càn khôn tự chuyển dời” có ý nghĩa gì?

- A. Đảng nam nhi sinh ra trong vũ trụ là đối mặt với trời đất (càn khôn), với những gì lớn lao nhất.
B. Cuộc sống của các bậc tu mi nam tử là phó mặc cho trời đất, phó mặc cho sự xoay vần của trời đất.
C. Đảng nam tử phải là người chủ động thay đổi cả trời đất (càn khôn).
D. Ý thức mãnh liệt về cái tôi cá nhân trong cõi nhân gian.

Câu 38. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

*Tiếng ai tha thiết bên cồn
Bâng khuâng trong dạ, bồn chồn bước đi
Áo chàm đưa buổi phân ly
Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay...*

(Tố Hữu, *Việt Bắc*, Ngữ văn 12 tập một,
NXB Giáo dục Việt Nam, 2021)

Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong câu thơ “Áo chàm đưa buổi phân ly”?

- A. Ẩn dụ
- B. Hoán dụ
- C. Nhân hóa
- D. So sánh

Câu 39. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

*Đề Đất Nước này là Đất Nước Nhân dân
Đất Nước của Nhân dân, Đất Nước của ca dao thần thoại
Dạy anh biết “yêu em từ thuở trong nôi”
Biết quý công cầm vàng những ngày lặn lội
Biết trồng tre đợi ngày thành gậy
Đi trả thù mà không sợ dài lâu*

(Nguyễn Khoa Điềm, *Đất Nước (trích Trường ca Mặt đường khát vọng)*,
Ngữ văn 12 tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2021)

Câu thơ nào thể hiện vẻ đẹp quý trọng nghĩa tình của dân tộc?

- A. Dạy anh biết “yêu em từ thuở trong nôi”
- B. Biết quý công cầm vàng những ngày lặn lội
- C. Biết trồng tre đợi ngày thành gậy
- D. Đi trả thù mà không sợ dài lâu

Câu 40. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

*Trên Tây Bắc! Ôi mười năm Tây Bắc
Xứ thiêng liêng rừng núi đã anh hùng
Nơi máu rỏ tâm hồn ta thấm đất
Nay dạt dào đã chín trái đầu xuân.*

(Chế Lan Viên, *Tiếng hát con tàu*, Ngữ văn 12 tập một,
NXB Giáo dục Việt Nam, 2021)

Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong câu thơ “Xứ thiêng liêng rừng núi đã anh hùng”?

- A. Ẩn dụ
- B. Hoán dụ
- C. So sánh
- D. Nhân hóa

Câu 41. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“Với một đám ma theo cả lối Ta, Tàu, Tây, có kiệu bát cống, lợn quay đi lọng, cho đến lốc bốc xoảng và bú dích, và vòng hoa, có đến ba trăm câu đối, vài trăm người đi đưa, lại có cậu tú Tân chỉ huy, những nhà tài tử chụp ảnh đã thi nhau như ở hội chợ. Thật là một đám ma to tát có thể làm cho người chết nằm trong quan tài cũng phải mỉm cười sung sướng, nếu không gật gù cái đầu...”

(Vũ Trọng Phụng, *Hạnh phúc của một tang gia* (trích *Số đỏ*),
Ngữ văn 11 tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2021)

Phương thức biểu đạt của đoạn trích là gì?

- A. Miêu tả, tự sự, biểu cảm
- B. Miêu tả, biểu cảm
- C. Thuyết minh
- D. Tự sự

Câu 42. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“Nhưng mà mặt trăng lên, mặt trăng rằm vành vành. Và ánh trăng chảy trên đường trắng tinh. Ô, cái gì đây, đen và méo mó trên đường trắng nhể nhại? Nó xệch xạc về bên trái, thu gọn vào rồi lại dài loang ra, xé rách vài chỗ”.

(Nam Cao, *Chí Phèo*, Ngữ văn 11 tập một,
NXB Giáo dục Việt Nam, 2021)

Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong câu “Và ánh trăng chảy trên đường trắng tinh”?

- A. Nhân hóa
- B. Phóng đại
- C. Hoán dụ
- D. Ẩn dụ

Câu 43. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“Tiếng nói là người bảo vệ quý báu nhất nền độc lập của các dân tộc, là yếu tố quan trọng nhất giúp giải phóng các dân tộc bị thống trị. Nếu người An Nam hãnh diện giữ gìn tiếng nói của mình và ra sức làm cho tiếng nói ấy phong phú hơn để có khả năng phổ biến tại An Nam các học thuyết đạo đức và khoa học của châu Âu, việc giải phóng dân tộc An Nam chỉ còn là vấn đề thời gian. Bất cứ người An Nam nào vứt bỏ tiếng nói của mình, thì cũng đương nhiên khước từ niềm hi vọng giải phóng giống nòi. [...] Vì thế, đối với người An Nam chúng ta, chối từ tiếng mẹ đẻ đồng nghĩa với từ chối sự tự do của mình”.

(Nguyễn An Ninh, *Tiếng mẹ đẻ - nguồn giải phóng các dân tộc bị áp bức*,
Ngữ văn 11 tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2021)

Câu nào sau đây thể hiện chủ đề đoạn trích?

- A. Tiếng nói là người bảo vệ quý báu nhất nền độc lập của các dân tộc, là yếu tố quan trọng nhất giúp giải phóng các dân tộc bị thống trị.
- B. Nếu người An Nam hãnh diện giữ gìn tiếng nói của mình và ra sức làm

cho tiếng nói ấy phong phú hơn để có khả năng phổ biến tại An Nam các học thuyết đạo đức và khoa học của châu Âu, việc giải phóng dân tộc An Nam chỉ còn là vấn đề thời gian.

- C. Bất cứ người An Nam nào vứt bỏ tiếng nói của mình, thì cũng đương nhiên khước từ niềm hi vọng giải phóng giống nòi.
- D. Vì thế, đối với người An Nam chúng ta, chối từ tiếng mẹ đẻ đồng nghĩa với từ chối sự tự do của mình.

Câu 44. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“Tình dậy hắt thấy già mà vẫn còn cô độc. Buồn thay cho đời! Có lý nào như thế được? Hắt đã già rồi hay sao? Ngoài bốn mươi tuổi đầu... Dẫu sao, đó không phải tuổi mà người ta mới bắt đầu sửa soạn. Hắt đã tới cái dốc bên kia của đời. Ở những người như hắt, chịu đựng biết bao nhiêu là chất độc, đầy đọa cực nhọc mà chưa bao giờ ốm, một trận ốm có thể gọi là dấu hiệu báo rằng cơ thể đã hư hỏng nhiều. Nó là một cơn mưa gió cuối thu cho biết trời gió rét, nay mùa đông đã đến. Chí Phèo hình như đã trông thấy trước tuổi già của hắt, đối rét và ốm đau, và cô độc, cái này còn đáng sợ hơn đối rét và ốm đau”.

(Nam Cao, *Chí Phèo*, Ngữ văn 11 tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Đoạn trích trên chủ yếu sử dụng kiểu ngôn ngữ trần thuật nào?

- A. Lời kể gián tiếp
- B. Lời kể trực tiếp
- C. Lời kể nửa trực tiếp
- D. Lời kể của nhân vật

Câu 45. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

*Gì sáu bằng những trưa thương nhớ
Hầu quanh bên trong một tiếng hò!*

(Tổ Hữu, *Nhớ đồng*, Ngữ văn 11 tập 2, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong câu “Gì sáu bằng những trưa thương nhớ”?

- A. So sánh
- B. Hoán dụ
- C. Ẩn dụ
- D. Nhân hóa

Câu 46. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

(1) “Một loạt đạn súng lớn văng vẳng dội đến ầm ỉ trên ngọn cây. (2) Rồi loạt thứ hai... (3) Việt ngóc dậy. (4) Rõ ràng không phải tiếng pháo lễ lễ của giặc. (5) Đó là những tiếng nổ quen thuộc, gom vào một chỗ, lớn nhỏ không đều, chen vào đó là những dây súng nổ vô hồi vô tận. (6) Súng lớn và súng nhỏ quyện vào nhau như tiếng mõ và tiếng trống đình đám dậy trời dậy đất hồi Đồng khởi. (7) Đứng súng của ta rồi! (8) Việt muốn reo lên. (9) Anh Tánh chắc ở đó, đơn vị mình ở đó. (10) Chà, nổ dữ, phải chuẩn bị lựu đạn xung

phong thôi! (11) Đó, lại tiếng hụp hùm... chắc là một xe bọc thép vừa bị ta bắn cháy. (12) Tiếng súng nghe thân thiết và vui lạ. (13) Những khuôn mặt anh em mình lại hiện ra... (14) Cái cảm nhột hoắt ra của anh Tánh, nụ cười và cái nheo mắt của anh Công mỗi lần anh động viên Việt tiến lên... (15) Việt vẫn còn đây, nguyên tại vị trí này, đạn đã lên nòng, ngón cái còn lại vẫn sẵn sàng nổ súng. (16) Các anh chờ Việt một chút. (17) Tiếng máy bay vẫn gầm rú hỗn loạn trên cao, nhưng mặc xác chúng. (18) Kèn xung phong của chúng ta đã nổi lên. (19) Lựu đạn ta đang nổ rộ...”

(Nguyễn Thi, *Những đứa con trong gia đình*, Ngữ văn 12, tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2011)

Những câu văn nào trong đoạn trích trên là lời của nhân vật Việt?

- A. 1, 3, 4, 5, 9, 10
- B. 3, 5, 6, 7, 11, 12
- C. 5, 7, 8, 9, 13, 14
- D. 7, 9, 10, 11, 15, 16

Câu 47. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

“Năm chặt lấy được cái bờm sóng đúng luồng rồi, ông đồ ghì cương lái, bám chắc lấy luồng nước đúng mà phóng nhanh vào cửa sinh, mà lái miết một đường chéo về phía cửa đá ấy. Bốn năm bọn thủy quân cửa ải nước bên bờ trái liền xô ra định níu thuyền lôi vào tập đoàn cửa tử. Ông đồ vẫn nhớ mặt bọn này, đưa thì ông tránh mà rảo bơi chèo lên, đưa thì ông đề sấn lên mà chặt đôi ra để mở đường tiến. Những luồng tử đã bỏ hết lại sau thuyền. Chỉ còn văng reo tiếng hò của sóng thác luồng sinh. Chúng vẫn không ngớt khiêu khích, mặc dầu cái thẳng đá tướng đứng chiến ở cửa vào đã tiu ngiêu cái mặt xanh lè thất vọng thua cái thuyền đã đánh trúng vào cửa sinh nổ trắn lầy.”

(Nguyễn Tuân, *Người lái đò sông Đà*, Ngữ văn 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Vẻ đẹp nào của nhân vật ông lái đò đã được tập trung khắc họa trong đoạn trích trên?

- A. Dạn dày kinh nghiệm
- B. Trí dũng tài hoa
- C. Can trường quả cảm
- D. Thuần thực điều luyện

Câu 48. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

*“Bèo dạt về đâu, hàng nối hàng;
Mênh mông không một chuyến đò ngang.
Không cầu gợi chút niềm thân mật,
Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng.”*

(Huy Cận, *Tràng giang*, Ngữ văn 11, tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Ý nào phù hợp để diễn tả tâm trạng chủ thể trữ tình trong đoạn thơ trên?

- A. Khát khao giao cảm
- B. Cô đơn, trống trải
- C. Bình thản, vô lo
- D. Trầm ngâm, tư lự

Câu 49. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

[...] “Hiển nhiên là sông Hương đã sống những thế kỉ quang vinh với nhiệm vụ lịch sử của nó, từ thuở nó còn là một dòng sông biên thùy xa xôi của đất nước các vua Hùng. Trong sách địa dư của Nguyễn Trãi, nó mang tên là Linh Giang, dòng sông viễn châu đã chiến đấu oanh liệt bảo vệ biên giới phía nam của Tổ quốc Đại Việt qua những thế kỉ trung đại. Thế kỉ mười tám, nó vờn soi bóng kinh thành Phú Xuân của người anh hùng Nguyễn Huệ; nó sống hết lịch sử bi tráng của thế kỉ mười chín với máu của những cuộc khởi nghĩa, và từ đây sông Hương đã đi vào thời đại Cách mạng tháng Tám bằng những chiến công rung chuyển.”

(Hoàng Phủ Ngọc Tường, *Ai đã đặt tên cho dòng sông?*,

Ngữ văn 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2010)

Trong đoạn trích trên, hình tượng dòng sông Hương được Hoàng Phủ Ngọc Tường quan sát trên phương diện nào?

- A. Lịch sử
- B. Địa lí
- C. Văn hóa
- D. Thi ca

Câu 50. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

“Xuân đương tới, nghĩa là xuân đương qua,
Xuân còn non, nghĩa là xuân sẽ già,
Mà xuân hết, nghĩa là tôi cũng mất.
Lòng tôi rộng, nhưng lượng trời cứ chật,
Không cho dài thời trẻ của nhân gian,
Nói làm chi rằng xuân vẫn tuần hoàn,
Nếu tuổi trẻ chẳng hai lần thắm lại!”

(Xuân Diệu, *Vội vàng*, Ngữ văn 11, tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Chủ đề nổi bật bao trùm đoạn thơ là gì?

- A. Mối quan hệ giữa sự hữu hạn của cuộc sống trần thế và sự vô hạn của thời gian
- B. Quan niệm mới mẻ và tích cực của thi nhân về thời gian và tuổi trẻ
- C. Nỗi đau đớn, xót xa trước dòng chảy tuyến tính một đi không trở lại của thời gian
- D. Cách cảm nhận về thời gian trong mối quan hệ với tuổi trẻ

ĐỀ 12

Đọc đoạn trích và trả lời các câu hỏi từ 1 đến 5:

Đừng vui quá. Sẽ đến lúc buồn.

Đừng quá buồn. Sẽ có lúc vui.

Tiến bước mà đánh mất mình. Con ơi, dừng lại.

Lùi bước để hiểu mình. Con cứ lùi thêm nhiều bước nữa. Chẳng sao.

Hãy ngược nhìn lên cao để thấy mình còn thấp.

Nhìn xuống thấp. Để biết mình chưa cao.

Con hãy nghĩ về tương lai. Nhưng đừng quên quá khứ.

Hy vọng vào ngày mai. Nhưng đừng buông xuôi hôm nay.

May rủi là chuyện cuộc đời. Nhưng cuộc đời nào chỉ chuyện rủi may.

Hãy nói thật ít. Để làm được nhiều - những điều có nghĩa của trái tim.

Đừng vui quá. Sẽ đến lúc buồn.

Đừng quá buồn. Sẽ có lúc vui.

Tiến bước mà đánh mất mình. Con ơi, dừng lại.

Lùi bước để hiểu mình. Con cứ lùi thêm nhiều bước nữa. Chẳng sao.

Hãy ngược nhìn lên cao để thấy mình còn thấp.

Nhìn xuống thấp. Để biết mình chưa cao.

Con hãy nghĩ về tương lai. Nhưng đừng quên quá khứ.

Hy vọng vào ngày mai. Nhưng đừng buông xuôi hôm nay.

May rủi là chuyện cuộc đời. Nhưng cuộc đời nào chỉ chuyện rủi may.

Hãy nói thật ít. Để làm được nhiều - những điều có nghĩa của trái tim.

(Bùi Nguyễn Tường Kiên, *Gửi con*, trích *Gửi lời cho gió mang đi*, 1997)

Câu 1. Trong các từ sau, từ nào không được dùng theo nghĩa chuyển?

- A. tiến bước
- B. đánh mất
- C. tương lai
- D. còn thấp

Câu 2. Cặp từ nào sau đây không mang nghĩa trái ngược?

- A. tiến bước - lùi bước
- B. đánh mất - hiểu mình
- C. lên cao - xuống thấp
- D. hôm nay - ngày mai

Câu 3. Đoạn trích sử dụng thể thơ nào?

- A. Lục ngôn
- B. Tự do
- C. Thất ngôn
- D. Lục bát

Câu 4. Câu thơ “Hãy ngược nhìn lên cao để thấy mình còn thấp” gửi gắm thông điệp gì?

- A. Hãy luôn khiêm tốn, biết mình
- B. Đừng tự tin vào bản thân
- C. Hãy sống thật thà, vị tha
- D. Đừng so sánh mình với người khác

Câu 5. Nội dung chính của đoạn trích?

- A. Những quy định của người cha đối với con về cách sống
- B. Lời răn dạy của người cha đối với con về quan niệm sống
- C. Lời khuyên của người cha đối với con về lẽ sống, cách sống
- D. Lời giáo huấn của người cha đối với con lẽ sống, cách sống

Đọc đoạn trích và trả lời các câu hỏi từ 6 đến 10:

Đám cứ đi...

Kèn Ta, kèn tây, kèn Tàu, lần lượt thay nhau mà rộn lên. Ai cũng làm ra bộ mặt nghiêm chỉnh, xong le sự thật thì vẫn thì thầm với nhau chuyện về vợ con, về nhà cửa, về một cái tủ mới sắm, một cái áo mới may. Trong mấy trăm người đi đưa thì một nửa là phụ nữ, phần nhiều tân thời, bạn của cô Tuyết, bà Văn Minh, cô Hoàng Hôn, bà Phó Đoan vân vân... Thật là đủ giai thanh gái lịch, nên họ chim nhau, cười tình với nhau, bình phẩm nhau, chê bai nhau, ghen tuông nhau, hện hò nhau, bằng những vẻ mặt buồn rầu của những người đi đưa ma.

Chen lẫn vào những tiếng khóc lóc, mĩa mai nhau của những người trong tang gia, người ta thấy những câu thì thào như sau này:

- Con bé nhà ai kháu thế? - Con bé bên cạnh đẹp hơn nữa! - Ủ, ừ, cái thằng ấy bạc tình bỏ mẹ! - Xưa kia vợ nó bỏ nó chớ? - Hai đời chồng rồi! - Còn xuân chán! - Gớm cái ngực, cái đằm quá đi mất! - Làm mới cho tớ nhé? - Mô vàng hay mô chì? - Không, không hện hò gì cả - Vợ béo thế, chồng gầy thế, thì mọc sừng mất! vân vân v.v... Và còn nhiều câu nói vui vẻ, ý nhị khác nữa, rất xứng đáng với những người đi đưa đám ma.

(Vũ Trọng Phụng, *Hạnh phúc một tang gia*,

NXB Giáo dục Việt Nam, 2014)

Câu 6. Nêu phương thức biểu đạt chính của đoạn văn

- A. Tự sự
- B. Miêu tả
- C. Biểu cảm
- D. Thuyết minh

Câu 7. Biện pháp nghệ thuật được sử dụng phổ biến trong đoạn văn là gì?

- A. Ẩn dụ
- B. Hoán dụ
- C. Liệt kê
- D. Nói quá

Câu 8. Nhận định nào không phù hợp với Vũ Trọng Phụng?

- A. Ông vua phóng sự đất Bắc
- B. Nhà tiểu thuyết đại tài
- C. Nhà văn trào phúng bậc thầy
- D. Cây bút truyện ngắn sắc sảo

Câu 9. Tác giả viết: “Đám cứ đi” với dụng ý gì?

- A. Đám ma không bị ai ngăn cản
- B. Sự giả dối, lố lăng cứ ngang nhiên diễn ra
- C. Đám ma đó cần phải dừng lại
- D. Nỗi đau ngày một tăng lên

Câu 10. Chủ đề của đoạn trích trên là gì?

- A. Thái độ hả hê của đám con cháu trước cái chết của cụ cố Tổ
- B. Sự hoành tráng của đám ma cụ cố Tổ
- C. Thối bất lịch sự của đám giai thanh, gái lịch
- D. Sự dửng dưng, vô cảm của đám người đi đưa ma

Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi từ 11 đến 15:

Khi bắt đầu đại dịch, Đại học Khoa học và Công nghệ Na Uy đã đăng bài trên Facebook kêu gọi bất kỳ sinh viên nào đang du học ở nước ngoài trở về nước, nói thêm, “đặc biệt nếu bạn đang ở một quốc gia có cơ sở hạ tầng và dịch vụ y tế và/hoặc cơ sở hạ tầng công kém phát triển, chẳng hạn như Mỹ.” Sau đó, trường đại học này xóa ví dụ về nước Mỹ vì nhận ra đã nói hớ — như một trò đùa, nhưng vô tình lại nói ra sự thật.”

Vào cuối tháng 3 năm 2020, khi người Mỹ nhận ra virus đã tấn công mạnh, đáng lẽ đảm bảo sao cho mọi người Mỹ sẽ được xét nghiệm ngay lập tức thì mọi việc sẽ trở nên đơn giản. Suy cho cùng, Mỹ chi tiêu cho chăm sóc sức khỏe bình quân đầu người cao hơn gấp đôi so với hầu hết các nước tiên tiến khác. Nhưng Mỹ lại vô cùng thiếu xét nghiệm, và bởi vì chăm sóc sức khỏe của Mỹ được tổ chức thành một doanh nghiệp vì lợi nhuận, nhiều người đã phải đối mặt với chi phí quá cao ngay cả khi có xét nghiệm. Nếu bạn giàu có và quyền thế, bạn không gặp vấn đề như vậy. Vào giữa tháng 3, tất cả các cầu thủ của tám đội NBA đã được xét nghiệm.” Những người nổi tiếng và chính trị gia không có triệu chứng đều được xét nghiệm, trong khi nhân viên y tế phải chờ hàng tuần, đôi khi lâu hơn. Việc không xét nghiệm được số lượng lớn những người dễ bị tổn thương khiến mọi người không an toàn.

(Fareed Zakaria, *Mười bài học cho thế giới hậu đại dịch*,

NXB Trẻ, 2021, Tr.69)

Câu 11. Theo đoạn trích, ý nào sau đây không phải là nguyên nhân khiến khả năng phòng vệ của người Mỹ trước đại dịch Cô – vít bị hạn chế?

- A. Vì người Mỹ đã không làm tốt việc xét nghiệm
- B. Vì việc chăm sóc sức khỏe ở Mỹ mang tính lợi nhuận cao
- C. Vì những người dễ bị tổn thương không được ưu tiên xét nghiệm
- D. Vì các chính trị gia làm ảnh hưởng đến việc xét nghiệm

Câu 12. Ý nào sau đây không được nói đến trong đoạn trích?

- A. Đại học Khoa học và Công nghệ Na Uy đã có sự nhầm lẫn về dịch vụ y tế và cơ sở hạ tầng công của Mỹ
- B. Mỹ chỉ tiêu cho chăm sóc sức của tất cả mọi người dân ở mức cao, gần bằng gấp đôi chi phí các nước khác
- C. Nhiều người Mỹ không được xét nghiệm kịp thời vì chi phí cho xét nghiệm quá cao
- D. Các cầu thủ của tám đội NBA cùng với những người nổi tiếng và chính trị gia được ưu tiên xét nghiệm trước

13. Theo đoạn trích, nguyên nhân chính gây mất an toàn cho người Mỹ trong đại dịch là gì?

- A. Là thái độ của chính quyền và những người nổi tiếng
- B. Là không có đủ chi phí xét nghiệm cho tất cả mọi người
- C. Là do chính phủ chậm phản ứng trước đại dịch
- D. Là do số lượng lớn người dễ bị tổn thương không được xét nghiệm kịp thời

14. Tác giả bài viết đã thể hiện thái độ như thế nào đối với cách phòng chống Cô – vít của người Mỹ?

- A. Ca ngợi thành tựu
- B. Đánh giá thấp
- C. Đánh giá cao
- D. Phê phán, lên án

Câu 15. Phong cách ngôn ngữ của đoạn trích là gì?

- A. Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật
- B. Phong cách ngôn ngữ khoa học
- C. Phong cách ngôn ngữ chính luận
- D. Phong cách ngôn ngữ hành chính

Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi từ 16 đến 20:

“Trong lĩnh vực tín ngưỡng ở Việt Nam, đình (亭) là một công trình đóng vai trò hết sức quan trọng. Tất cả các phường ở Hà Nội đều đã từng có (hiện nhiều phường còn giữ được) đình, một công trình tiêu biểu của nông

thôn Việt Nam, vừa là nơi hội họp của các chức sắc vừa là nơi thờ cúng thành hoàng làng. Đình ở các phường ven đô về kiểu dáng đều giống với đình ở nông thôn. Ngược lại, đình ở trong khu phố buôn bán ban đầu thường chỉ là “vọng từ” (望祠) là một đền thờ phụ trực thuộc đền thờ chính tại quê gốc của những người dân di cư, ví dụ đền phố Hàng Bạc được đặt dưới sự bảo lãnh của làng Châu Khê. Nhưng rồi sợi dây ràng buộc được nối lỏng dần và “vọng từ” trở thành đình độc lập.

[...] Về mặt kiến trúc, đình ở thành phố có xu thế khác với đình ở nông thôn. Thực ra vào thời kỳ đầu, khi đất còn rộng, đình vẫn được xây theo mô hình ở nông thôn, nghĩa là có mặt tiền rộng, ví dụ như đình Thanh Hà, gần phố Hàng Bạc. Nhưng kể từ giữa thế kỷ XVII trở đi, phần mặt tiền của đình bị thu hẹp lại cho phù hợp với đất đô thị được chia thành lô để xây nhà “ống”. Giống như nhà ở và cửa hàng, đình trong khu phố này cũng chỉ có mặt tiền khoảng hai hay ba mét và được xây sâu vào bên trong. Chính vì thế, khác với ở nông thôn, đình trong khu phố cổ của Hà Nội thường lẫn vào với nhà ở và cửa hàng.

Kiểu dáng của đình thay đổi cũng dẫn tới những thay đổi về mặt lễ nghi. Ở đây, chỉ có một cửa duy nhất để vào đình, vì thế thứ tự vào đình theo kiểu truyền thống cũng khác đi. Người ta không còn phân biệt chỗ ngồi bên phải hay bên trái, chỉ còn trình tự trước sau. Những tập tục lễ nghi ở nông thôn quy định rõ ràng vị trí của từng người mất dần ý nghĩa.”

(Philippe Papin (2021), *Lịch sử Hà Nội*, do Mạc Thu Hương (dịch), NXB Thế giới, Hà Nội, trang 170 – 171)

Câu 16. Đoạn trích bàn về vấn đề gì?

- A. Văn hóa Việt Nam
- B. Kiến trúc Việt Nam
- C. Tín ngưỡng Việt Nam
- D. Tôn giáo Việt Nam

Câu 17. Mục đích chính của tác giả đoạn trích này là gì?

- A. So sánh kiến trúc đình ở nông thôn và kiến trúc đình ở những phường ven đô
- B. Cung cấp các thông tin về đình trong tín ngưỡng Việt Nam
- C. Giới thiệu về vai trò của đình trong hệ thống tôn giáo Việt Nam
- D. Đề nghị trùng tu, tôn tạo những ngôi đình ở phố cổ đã xuống cấp theo thời gian

Câu 18. Theo đoạn trích, chức năng của đình là gì?

- A. Hội họp và thờ cúng
- B. Sinh hoạt và biểu diễn
- C. Ăn uống và gặp mặt

D. Tiếp khách và giao lưu

Câu 19. Theo đoạn trích, nguyên nhân nào làm cho đình trong khu phố cổ của Hà Nội thường khó phân biệt với nhà ở và cửa hàng?

A. Vì đình trong khu phố cổ có diện tích tương đối khiêm tốn so với đình ở nông thôn hay đình ở các phường ven đô

B. Vì đình trong khu phố cổ ngoài chức năng là nơi hội họp của các chức sắc, nơi thờ cúng thành hoàng làng còn là nơi bày bán sản phẩm thủ công của các phường thợ

C. Vì đình trong khu phố cổ có mặt tiền khoảng hai hay ba mét và được xây sâu vào bên trong theo kiến trúc nhà “ông”

D. Vì đình trong khu phố cổ là một đền thờ phụ trực thuộc đền thờ chính tại quê gốc của những người dân di cư

Câu 20. Theo đoạn trích, điểm khác nhau cơ bản giữa thứ tự vào đình theo kiểu truyền thống và thứ tự vào đình ở phố cổ là gì?

A. Thứ tự vào đình theo kiểu truyền thống quy định rõ ràng vị trí của từng người dựa theo độ tuổi còn thứ tự vào đình ở phố cổ lại chú trọng đến giới tính của người vào đình

B. Thứ tự vào đình theo kiểu truyền thống quy ước rất rõ vị trí của từng người dựa vào chức vụ mà người đó đảm nhiệm trong làng còn thứ tự vào đình ở phố cổ được sắp xếp tùy theo đóng góp của những người vào đình

C. Thứ tự vào đình theo kiểu truyền thống quy định rõ ràng vị trí của từng người theo màu sắc trang phục mà người đó mặc còn những tập tục lễ nghi khi vào đình ở phố cổ mất dần ý nghĩa

D. Thứ tự vào đình theo kiểu truyền thống quy định rõ ràng vị trí của từng người ngồi bên phải hay bên trái còn thứ tự vào đình ở phố cổ chỉ quan tâm đến trình tự trước sau

Câu 21. Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

Nhà báo cần phải thường xuyên xâm nhập đời sống thực tế của xã hội để viết bài.

A. cần phải

B. xâm nhập

C. đời sống

D. viết bài

Câu 22. Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

Đời Kiều là một tấm gương oan khổ, một câu chuyện thảm thiết về vận mệnh con người trong xã hội cũ.

A. oan khổ

B. thảm thiết

C. vận mệnh

D. xã hội cũ

Câu 23. Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

Dựng lên một con người, một cuộc đời như vậy là một cách Nguyễn Du phát biểu ý kiến của họ trước nhiều vấn đề thời đại.

A. dựng lên

B. phát biểu

C. họ

D. thời đại

Câu 24. Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, nhiều cán bộ chiến sĩ miền Bắc đã oanh liệt từ trần tại chiến trường miền Nam.

A. trong

B. kháng chiến

C. chiến sĩ

D. từ trần

Câu 25. Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

Nghệ sĩ có trình độ cao, ý thức cao đối với nghệ thuật, có trách nhiệm đối với quần chúng thì càng đòi hỏi ở họ nhiều, không bao giờ tự vừa lòng mình.

A. nghệ sĩ

B. quần chúng

C. họ

D. mình

Câu 26. Chọn một từ/ cụm từ mà nghĩa của nó KHÔNG cùng nhóm với các từ/ cụm từ còn lại:

A. chau

D. há

C. ngoác

D. nhoe

Câu 27. Chọn một từ/ cụm từ mà nghĩa của nó KHÔNG cùng nhóm với các từ/ cụm từ còn lại:

A. hắt

B. vuốt

C. chống

D. xoa

Câu 28. Chọn một từ/ cụm từ mà nghĩa của nó KHÔNG cùng nhóm với các từ/ cụm từ còn lại:

A. rất

B. quá

C. lắm

D. đã

Câu 29. Tác phẩm nào KHÔNG cùng thể loại với những tác phẩm còn lại?

A. Việt Bắc

B. Tây Tiến

C. Ai đã đặt tên cho dòng sông?

D. Sóng

Câu 30. Nhà thơ nào không thuộc phong trào Thơ Mới giai đoạn 1932 – 1945?

- A. Tản Đà
B. Xuân Diệu
C. Huy Cận
D. Hàn Mặc Tử

Câu 31. Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

Vùng đồng bằng sông Cửu Long _____ 13 tỉnh, thành phố (tương đương cấp tỉnh) _____ diện tích hơn 40 nghìn km², chiếm 12% diện tích toàn quốc và số dân là hơn 17,4 triệu người, chiếm 20,7% số dân cả nước (năm 2006).

(Địa lí 12, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

- A. bao gồm/với
B. có/và
C. với/và
D. với/có

Câu 32. Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

Không đẹp trai, cũng chẳng giàu có nhưng anh ấy _____ không mặc cảm _____ rất tự tin.

- A. không chỉ/mà cả
B. để/cho
C. thậm chí/cũng
D. không những/mà còn

Câu 33. Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

Nhiều từ Hán – Việt được _____ vào Việt Nam từ lâu, chúng đã trở thành một _____ hữu cơ của từ vựng tiếng Việt.

(Nguyễn Thiện Giáp, *Từ vựng học tiếng Việt*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2010)

- A. du nhập/hệ thống
B. tiếp nhận/bộ phận
C. xâm nhập/thành phần
D. đón nhận/bộ phận

Câu 34. Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

Khẩu hiệu học tập của UNESCO: “Học để biết, học để làm, học để _____, học để tự khẳng định mình”.

- A. kiếm tiền
B. chung sống
C. kiếm sống
D. phát triển

Câu 35. Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

Tuyên ngôn Độc lập của Hồ Chủ tịch khẳng định quyền được sống,

quyền tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc, _____ của con người và của mọi dân tộc.

- A. quyền lao động
B. quyền sở hữu
C. quyền học tập
D. quyền bình đẳng

Câu 36. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“Vợ Trương Ba: Ông ở đâu? Ông ở đâu?”

(Giữa màu xanh cây vườn, Trương Ba chập chờn xuất hiện).

Trương Ba: Tôi đây bà ạ. Tôi vẫn ở liền ngay bên bà đây, ngay trên bậc cửa nhà ta, trong ánh lửa bà nấu cơm, cầu ao bà vo gạo, trong cái coi bà đựng trầu, con dao bà rẩy cơ... Không phải mượn thân ai cả, tôi vẫn ở đây, trong vườn cây nhà ta, trong những điều tốt lành của cuộc đời, trong mỗi trái cây cái Gái nâng niu...”

(Lưu Quang Vũ, *Hồn Trương Ba, da hàng thịt*, NXB Hội nhà văn, 2013)

Phong cách ngôn ngữ của đoạn trích là gì?

- A. Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật
B. Phong cách ngôn ngữ báo chí
C. Phong cách ngôn ngữ chính luận
D. Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt

Câu 37. Đọc bài thơ sau và trả lời câu hỏi:

*Ban trưởng nhà lao chuyên đánh bạc,
Giải người, cảnh trưởng kiểm ăn quanh;
Chong đèn, huyện trưởng làm công việc,
Trời đất Lai Tân vẫn thái bình.*

(Hồ Chí Minh, *Lai Tân*, Ngữ văn 11 tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Trọng tâm thể hiện thái độ mỉa mai, châm biếm của tác giả nằm ở câu thơ nào?

- A. Ban trưởng nhà lao chuyên đánh bạc
B. Giải người, cảnh trưởng kiểm ăn quanh
C. Chong đèn, huyện trưởng làm công việc
D. Trời đất Lai Tân vẫn thái bình

Câu 38. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“Trên trời có những vì sao có ánh sáng khác thường, nhưng con mắt của chúng ta phải chăm chú nhìn thì mới thấy, và càng nhìn thì càng thấy sáng. Văn thơ của Nguyễn Đình Chiểu cũng vậy. Có người chỉ biết Nguyễn Đình Chiểu là tác giả của *Lục Vân Tiên*, và hiểu *Lục Vân Tiên* khá thiên lệch về nội

dung và về văn, còn rất ít biết thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu, khúc ca hùng tráng của phong trào yêu nước chống bọn xâm lược Pháp lúc chúng đến bờ cõi nước ta cách đây một trăm năm!”

(Phạm Văn Đồng, *Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong văn nghệ của dân tộc*, Ngữ văn 12 tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2021)

Hình ảnh “vì sao có ánh sáng khác thường” trong đoạn trích là ẩn dụ cho điều gì?

- A. Con người Nguyễn Đình Chiểu
- B. Thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu
- C. Cuộc đời của Nguyễn Đình Chiểu
- D. Sự nghiệp cách mạng của Nguyễn Đình Chiểu

Câu 39. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

*Tiếng ai tha thiết bên cồn
Bâng khuâng trong dạ, bồn chồn bước đi
Áo chàm đưa buổi phân ly
Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay...*

(Tố Hữu, *Việt Bắc*, Ngữ văn 12 tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2021)

Hình ảnh “áo chàm” trong câu thơ “Áo chàm đưa buổi phân ly” được dùng để gọi tên cho ai?

- A. Bác Hồ
- B. Đồng bào Tây Bắc
- C. Đồng bào Việt Bắc
- D. Nhân dân thủ đô Hà Nội

Câu 40. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

*Những người vợ nhớ chồng còn góp cho Đất Nước những núi
Vọng Phu
Cặp vợ chồng yêu nhau góp nên hòn Trống Mái
Gót ngựa của Thánh Gióng đi qua còn trăm ao đầm để lại
Chín mươi chín con voi góp mình dựng Đất tổ Hùng Vương*

(Nguyễn Khoa Điềm, *Đất Nước (trích Trường ca Mặt đường khát vọng)*, Ngữ văn 12 tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2021)

Đoạn trích thể hiện cái nhìn sâu sắc của tác giả khi phát hiện ra những biểu hiện mới mẻ của khái niệm “Đất Nước” từ phương diện nào?

- A. Thời gian lịch sử
- B. Không gian địa lí
- C. Văn hóa tâm linh
- D. Di sản văn hóa vật thể

Câu 41. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“Thế mà hơn tám mươi năm nay, bọn thực dân Pháp lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái, đến cướp đất nước ta, áp bức đồng bào ta. hành động của chúng trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa.

Về chính trị, chúng tuyệt đối không cho nhân dân ta một chút tự do dân chủ nào.

Chúng thi hành những luật pháp dã man. Chúng lập ba chế độ khác nhau ở Trung, Nam, Bắc để ngăn cản việc thống nhất nước nhà của ta, để ngăn cản dân tộc ta đoàn kết.

Chúng lập ra nhà tù nhiều hơn trường học. Chúng thẳng tay chém giết những người yêu nước thương nòi của ta. Chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu”.

(Hồ Chí Minh, *Tuyên ngôn độc lập*, Ngữ văn 12 tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2021)

Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong câu “Chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu”?

- A. Ẩn dụ
- B. Hoán dụ
- C. So sánh
- D. Nhân hóa

Câu 42. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

Tiếng nói là người bảo vệ quý báu nhất nền độc lập của các dân tộc, là yếu tố quan trọng nhất giúp giải phóng các dân tộc bị thống trị. Nếu người An Nam hãnh diện giữ gìn tiếng nói của mình và ra sức làm cho tiếng nói ấy phong phú hơn để có khả năng phổ biến tại An Nam các học thuyết đạo đức và khoa học của châu Âu, việc giải phóng dân tộc An Nam chỉ còn là vấn đề thời gian.

(Nguyễn An Ninh, *Nguồn giải phóng các dân tộc bị áp bức*, Ngữ văn 12, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong câu “Tiếng nói là người bảo vệ quý báu nhất nền độc lập của các dân tộc, là yếu tố quan trọng nhất giúp giải phóng các dân tộc bị thống trị”?

- A. Ẩn dụ
- B. Hoán dụ
- C. Nhân hóa
- D. So sánh

Câu 43. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“Hắn vừa đi vừa chửi. Bao giờ cũng thế, cứ rượu xong là hắn chửi. Bắt đầu hắn chửi trời. Có hề gì? Trời có của riêng nhà nào? Rồi hắn chửi đời. Thế cũng chẳng sao: đời là tất cả nhưng chẳng là ai. Tức mình, hắn chửi ngay tất cả làng Vũ Đại. Nhưng cả làng Vũ Đại ai cũng nhủ: “Chắc nó trừ mình ra!”. Không ai lên tiếng cả. Tức thật! Ờ! Thế này thì tức thật! Tức chết đi được mất! Đã thế, hắn phải chửi cha đứa nào không chửi nhau với hắn. Nhưng cũng không ai ra điều. Mẹ kiếp! Thế có phí rượu không? Thế thì có khổ hắn không? Không biết đứa chết mẹ nào lại đẻ ra thân hắn cho hắn khổ đến nông nổi này? A ha! Phải đấy hắn cứ thế mà chửi, hắn cứ chửi đứa chết mẹ nào đẻ ra thân hắn, đẻ ra cái thằng Chí Phèo! Hắn nghiêng răng vào mà chửi cái đứa đã đẻ ra Chí

Phèo. Nhưng mà biết đứa nào đã đẻ ra Chí Phèo? Có mà trời biết! Hắn không biết, cả làng Vũ Đại cũng không ai biết...”

(Nam Cao, *Chí Phèo*, Ngữ văn 11 tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong đoạn trích?

- A. Điệp cú pháp, liệt kê, câu hỏi tu từ
- B. Liệt kê, chêm xen
- C. Điệp cú pháp, chêm xen
- D. Ẩn dụ, liệt kê, câu hỏi tu từ

Câu 44. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

*Gì sâu bằng những trưa thương nhớ
Hiu quạnh bên trong một tiếng hò!*

*Đâu gió còn thơm đất nhà mùi
Đâu ruộng tre mát thở yên vui
Đâu từng o mạ xanh mơn mơn
Đâu những nương khoai ngọt sắn bùi?*

(Tố Hữu, *Nhớ đồng*, Ngữ văn 11 tập 2, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong 2 câu thơ

*Đâu gió còn thơm đất nhà mùi
Đâu ruộng tre mát thở yên vui*

- A. Điệp ngữ, ẩn dụ
- B. Điệp ngữ, nhân hóa
- C. Điệp ngữ, hoán dụ
- D. Điệp ngữ, so sánh

Câu 45. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

Ông sinh năm 1920, mất năm 2007; tên khai sinh là Nguyễn Văn Tài, quê ở làng Phù Lưu, xã Tân Hồng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn, ông chỉ được học hết tiểu học, rồi vừa làm thợ sơn guốc, khắc tranh bình phong vừa viết văn. Năm 1944, ông tham gia Hội văn hóa cứu quốc, sau đó liên tục hoạt động văn nghệ phục vụ kháng chiến và cách mạng (viết văn, làm báo, diễn kịch, đóng phim).

Tác phẩm chính: *Nên vợ nên chồng* (tập truyện ngắn, 1955), *Con chó xấu xí* (tập truyện ngắn, 1962).

(Ngữ văn 12, tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Đoạn trích tiểu dẫn nói về nhà văn nào?

- A. Nam Cao
- B. Kim Lân
- C. Tô Hoài
- D. Vũ Trọng Phụng

Câu 46. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

*“Còn trời đất, nhưng chẳng còn tôi mãi,
Nên bâng khuâng tôi tiếc cả đất trời;
Mùi tháng năm đều rớm vị chia phôi,
Khắp sông núi vẫn than thầm tiễn biệt...
Con gió xinh thì thào trong lá biếc,
Phải chăng hờn vì nỗi phải bay đi?
Chim rộn ràng bỗng đứt tiếng reo thi,
Phải chăng sợ độ phai tàn sắp sửa?”*

(Xuân Diệu, *Vội vàng*, Ngữ văn 11, tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Giọng điệu chủ đạo của toàn bộ đoạn trích là gì?

- A. Buồn bã, xót thương
- B. Thôn thức, ai oán
- C. Hờn giận, trách móc
- D. Tiếc nuối, bâng khuâng

Câu 47. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

“Lát lâu sau mụ lại mới nói tiếp:

– Mong các chú cách mạng thông cảm cho, đám đàn bà hàng chài ở thuyền chúng tôi cần phải có người đàn ông để chèo chống khi phong ba, để cùng làm ăn nuôi nấng đặng một sắp con nhà nào cũng trên dưới chục đứa. Ông trời sinh ra người đàn bà là để đẻ con, rồi nuôi con cho đến khi khôn lớn cho nên phải gánh lấy cái khổ. Đàn bà ở thuyền chúng tôi phải sống cho con chứ không thể sống cho mình như ở trên đất được! Mong các chú lượng tình cho cái sự lạc hậu. Các chú đừng bắt tôi bỏ nó! – Lần đầu tiên trên khuôn mặt xấu xí của mụ chợt ửng sáng lên như một nụ cười – và lại, ở trên chiếc thuyền cũng có lúc vợ chồng con cái chúng tôi sống hòa thuận, vui vẻ.

– Cả đời chị có một lúc nào thật vui không? – Đột nhiên tôi hỏi.

– Có chứ, chú! Vui nhất là lúc ngồi nhìn đàn con tôi chúng nó được ăn no...”

(Nguyễn Minh Châu, *Chiếc thuyền ngoài xa*, Ngữ văn 12, tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Về đẹp nào trong nhân vật người đàn bà hàng chài đã được nhà văn Nguyễn Minh Châu tập trung khắc họa trong đoạn trích trên?

- A. Giàu đức hi sinh, lòng vị tha

- B. Yêu thương con tha thiết
- C. Tấm lòng nhân hậu, bao dung
- D. Sâu sắc, thấu hiểu lẽ đời

Câu 48. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

“Trước khi về đến vùng châu thổ êm đềm, nó đã là một bản trường ca của rừng già, rầm rộ giữa bóng cây đại ngàn, mãnh liệt qua những ghềnh thác, cuộn xoáy như cơn lốc vào những đáy vực bí ẩn, và cũng có lúc nó trở nên dịu dàng và say đắm giữa những dặm dài chói lọi màu đỏ của hoa đỗ quyên rừng. Giữa lòng Trường Sơn, sông Hương đã sống một nửa cuộc đời của mình như một cô gái Di-gan phóng khoáng và man dại. Rừng già đã hun đúc cho nó một bản lĩnh gan dạ, một tâm hồn tự do và trong sáng.”

(Hoàng Phủ Ngọc Tường, *Ai đã đặt tên cho dòng sông?*, Ngữ văn 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2010)

Trong đoạn trích, nghệ thuật viết kí xuất sắc của Hoàng Phủ Ngọc Tường đã được thể hiện ở phương diện nào?

- A. Sử dụng câu văn dài với nhiều vế ngắt liên tiếp
- B. Sử dụng nhiều danh từ, động từ giàu sắc thái biểu cảm
- C. Sử dụng những hình ảnh tương phản, đối lập
- D. Sử dụng nhiều biện pháp nghệ thuật độc đáo, riêng có

Câu 49. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

*“những tiếng đàn bọt nước
Tây Ban Nha áo choàng đỏ gắt
li-la-li-la-li-la
đi lang thang về miền đơn độc
với vầng trăng chênh choáng
trên yên ngựa mới mòn
[...] chàng ném lá bùa cô gái Di-gan
vào xoáy nước
chàng ném trái tim mình
vào lặng yên bất chợt
li-la-li-la-li-la...”*

(Thanh Thảo, *Đàn ghi ta của Lor-ca*, Ngữ văn 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2010)

Chuỗi âm thanh li-la-li-la-li-la trong đoạn trích mang ý nghĩa gì?

- A. Âm thanh của những chùm hợp âm khi đánh đàn ghi ta

B. Khẳng định tiếng đàn ghi ta của Lor-ca sẽ trường tồn trong lòng nhân loại

C. Tạo những dư âm xao xuyến trong lòng người đọc

D. Chỉ những đóa hoa từ đỉnh hương tím biếc – loài hoa của xứ sở Tây Ban Nha

Câu 50. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

*“Tôi đã là con của bạn nhà
Là em của vạn kiếp phôi pha
Là anh của vạn đầu em nhỏ
Không áo cơm, cù bất cù bơ...”*

(Tố Hữu, *Từ ấy*, Ngữ văn 11, tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Nội dung chính của đoạn trích là gì?

- A. Tâm hồn tươi trẻ, phong phú của nhà thơ khi được giác ngộ lý tưởng cách mạng
- B. Tâm nguyện chân thành của nhà thơ là được gắn bó với quần chúng lao khổ
- C. Niềm say mê náo nức của nhà thơ khi bắt gặp lý tưởng của Đảng cộng sản
- D. Sự gắn bó mật thiết của nhà thơ với nhân dân – sự chuyển biến lớn trong tình cảm

ĐỀ 13

Đọc đoạn trích và trả lời các câu hỏi từ 1 đến 5:

“Trong những dòng sông đẹp ở các nước mà tôi thường nghe nói đến, hình như chỉ sông Hương là thuộc về một thành phố duy nhất.

Trước khi về đến vùng châu thổ êm đềm, nó đã là một bản trường ca của rừng già, rầm rộ giữa bóng cây đại ngàn, mãnh liệt qua những ghềnh thác, cuộn xoáy như cơn lốc vào những đáy vực bí ẩn, và cũng có lúc nó trở nên dịu dàng và say đắm giữa những dặm dài chói lọi màu đỏ của hoa đỗ quyên rừng.

Giữa lòng Trường Sơn, sông Hương đã sống một nửa cuộc đời của mình như một cô gái Digan phóng khoáng và man dại. Rừng già đã hun đúc cho nó một bản lĩnh gan dạ, một tâm hồn tự do và trong sáng. Nhưng chính rừng già nơi đây, với cấu trúc đặc biệt có thể lý giải được về mặt khoa học, đã chế ngự sức mạnh bản năng ở người con gái của mình để khi ra khỏi rừng, sông Hương nhanh chóng mang một sắc đẹp dịu dàng và trí tuệ, trở thành người mẹ phù sa của một vùng văn hóa xứ sở.”

(Hoàng Phủ Ngọc Tường, *Ai đã đặt tên cho dòng sông?* Ngữ văn 12, tập 1, NXB Giáo dục, 2014)

Câu 1. Câu văn “Giữa lòng Trường Sơn, sông Hương đã sống một nửa cuộc đời của mình như một cô gái Digan phóng khoáng và man dại” sử dụng biện tu từ nào?

- A. so sánh, nhân hóa
- B. so sánh, ẩn dụ
- C. so sánh, hoán dụ
- D. ẩn dụ, hoán dụ

Câu 2. Đoạn trích trên làm nổi bật đặc điểm nào của sông Hương?

- A. quyền rũ và hấp dẫn
- B. huyền bí và xa xôi
- C. gần gũi và bình dị
- D. bí ẩn và độc đáo

Câu 3. Đoạn trích thuộc phong cách ngôn ngữ nào?

- A. Phong cách ngôn ngữ khoa học
- B. Phong cách ngôn ngữ chính luận
- C. Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật
- D. Phong cách ngôn ngữ báo chí

Câu 4. Văn bản chứa đoạn trích trên thuộc thể văn nào?

- A. tản văn
- B. phóng sự
- C. tùy bút
- D. bút kí

Câu 5. Đoạn trích thể hiện rõ đặc điểm nào trong cái nhìn của Hoàng Phủ Ngọc Tường đối với sông Hương?

- A. sự cảm nhận quen thuộc, gần gũi
- B. sự cảm nhận xa lạ, kì bí

C. sự khám phá kì bí, bất ngờ

D. sự khám phá mới lạ, độc đáo

Đọc đoạn trích và trả lời các câu hỏi từ 6 đến 10:

Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông,

Một người chín nhớ mười mong một người

Gió mưa là bệnh của giời,

Tương tư là bệnh của tôi yêu nàng.

Hai thôn chung lại một làng,

Có sao bên ấy chẳng sang bên này ?

Ngày qua ngày lại qua ngày,

Lá xanh nhuộm đã thành cây lá vàng.

Bảo rằng cách trở đò giang

Không sang là chẳng đường sang đã đành

Nhưng đây cách một đầu đình,

Có xa xôi mấy mà tình xa xôi...

Tương tư thức mấy đêm rồi,

Biết cho ai biết, ai người biết cho !

Bao giờ bến mới gặp đò ?

Hoa khuê các, bướm giang hồ gặp nhau ?

(Nguyễn Bính, *Tương tư*, Ngữ văn 11, tập 1, NXB Giáo dục, 2014)

Câu 6. Xác định biện pháp nghệ thuật trong câu thơ “Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông”?

- A. So sánh, nhân hóa
- B. nhân hóa, liệt kê
- C. ẩn dụ, đảo ngữ
- D. hoán dụ, nhân hóa

Câu 7. Ý nào nói đúng về đặc điểm chủ thể trữ tình của bài thơ

- A. là nhà thơ Nguyễn Bính – một con người đa tình và mộng mơ
- B. là nhà thơ Nguyễn Bính – một con người đa tình và thủy chung
- C. là chàng trai thôn quê đang tương tư trong tình yêu
- D. là chàng trai thôn quê đang bế tắc trong tình yêu

Câu 8. Từ nào trong những từ sau trong bài thơ không được dùng theo nghĩa đen:

- A. nhớ
- B. bệnh
- C. tương tư
- D. sang

Câu 9. Đơn vị hành chính “thôn” ở làng quê tương đương với đơn vị hành chính nào sau đây?

- A. thành phố
- C. bản

- B. quận
- D. phường

Câu 10. Từ “khuê các” trong câu thơ “Hoa khuê các, bướm giang hồ gặp nhau?”

Chọn 1 câu trả lời đúng

- A. lá loi, đong đưa
- C. quý phái, sang trọng

- B. hoang dại, tự do
- D. giản dị, mộc mạc

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi từ 11 đến 15:

Trong ấn tượng của chúng ta, trẻ em Mỹ rất độc lập, dũng cảm, tích cực, lạc quan, các em không chỉ rất tự tin mà còn có năng lực thực hành và tính sáng tạo vượt trội. Ban đêm các em dám ngủ một mình, khi ra ngoài, chúng không sợ sâu bọ hay côn trùng, cũng không sợ núi cao rừng sâu, các em có thể tự mình sửa chữa những món đồ chơi bị hỏng, thậm chí có thể tự kiểm tiền chi trả học phí... Khi chứng kiến những điều này, có thể bạn sẽ thốt lên làm thế nào mà cha mẹ Mỹ có thể giáo dục nên những đứa trẻ ưu tú đến thế? Thực ra, những phẩm chất này có mối liên hệ mật thiết với cách giáo dục trong gia đình người Mỹ. Ở Mỹ, cha mẹ không chỉ là bạn mà còn là người thầy tốt ở bên con trong suốt cuộc đời. Cha mẹ Mỹ biết lúc nào nên thể hiện sự quan tâm yêu thương với con, lúc nào nên buông tay để con dũng cảm tự lập. Trong các bộ phim, chúng ta vẫn được chứng kiến những hình ảnh xúc động đầy tình yêu thương khi cha mẹ người Mỹ cùng con vui chơi đón giáng sinh; cổ vũ, động viên con trong cuộc thi đấu bóng chày hay những giọt nước mắt hạnh phúc trong buổi lễ nhận bằng tốt nghiệp của con. Nhưng chúng ta cũng có thể thấy hình ảnh các em từ lúc còn rất nhỏ đã biết tự mặc quần áo, đưa báo đến từng nhà khi trời còn chưa sáng, thậm chí khi đi ăn cùng với nội nội cũng áp dụng cách thức chia đôi tiền ăn... Tất cả những điều nói trên là hiện thân cho phương pháp giáo dục độc đáo của người Mỹ.

(Trần Hân, *Phương pháp giáo dục con của người Mỹ*,

NXB Phụ nữ, 2017, tr.4)

Câu 11. Theo đoạn trích, ý nào sau đây không phải là đặc điểm của trẻ em người Mỹ được nói đến trong đoạn trích?

- A. trẻ em Mỹ rất độc lập, dũng cảm, tích cực, lạc quan và tự tin
- B. trẻ em Mỹ có năng lực thực hành và tính sáng tạo vượt trội
- C. trẻ em Mỹ rất can đảm và không sợ thử thách
- D. trẻ em Mỹ có khả năng sửa chữa đồ đạc hư hỏng

Câu 12. Ý nào sau đây không được nói đến trong đoạn trích?

- A. Cha mẹ người Mỹ rất quan tâm đến việc giáo dục con cái

- B. Trẻ em người Mỹ có thể tự kiểm tiền chi trả học phí
- C. Cha mẹ người Mỹ luôn quan tâm, yêu thương các con
- D. Phương pháp giáo dục con của người Mỹ rất độc đáo

Câu 13. Đoạn trích trên được trình bày theo quy tắc nào?

- A. Diễn dịch
- B. Song hành
- C. Quy nạp
- D. Tổng – phân – hợp

Câu 14. Ý chính của đoạn trích trên là gì?

- A. Ấn tượng về cách giáo dục con của người Mỹ
- B. Những ưu điểm nổi bật của trẻ em Mỹ
- C. Phương pháp giáo dục trẻ em của người Mỹ
- D. Những phẩm chất đặc biệt của trẻ em Mỹ

Câu 15. Từ “hiện thân” (gạch chân, in đậm) trong đoạn trích, gần nghĩa hơn cả với từ nào sau đây?

- A. Chứng minh
- B. Giải thích
- C. Thuyết phục
- D. Biểu hiện

Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi từ 16 đến 20:

(1) “Bây giờ siêu thị, các cửa hàng nhan nhản trên phố và cả trong những con ngõ chật chội nhưng chợ truyền thống vẫn tồn tại. Lý do là diện tích canh tác của các hộ dân ở miền Bắc rất nhỏ, có địa phương một gia đình chỉ một sào ruộng, vậy nên lượng rau, củ quả trồng ra không thể cung cấp cho các cửa hàng hay siêu thị nên chỉ còn cách mang ra chợ. Chăn nuôi cũng manh mún, nhà nuôi chục con gà cũng chỉ còn cách mang ra chợ.

(2) Ở nội thành, những người có thu nhập cao, ít thời gian rảnh rỗi thì thích vào siêu thị, cứ nhất thứ cần rồi ra tính tiền. Ngược lại người thu nhập trung bình và thấp, đặc biệt là người nhập cư lao động chân tay lại chọn chợ truyền thống vì tiện, có thể phóng xe máy vào tận nơi, không phải gửi tồn thêm tiền, tốn thêm thời gian. Dù tính *hội* của chợ đã mất từ lâu nhưng tính tiện lợi và rẻ là nguyên nhân còn chợ truyền thống. Khi người ta phá bỏ chợ cửa Nam, Hàng Da hay chợ Ô Chợ Dừa để xây trung tâm thương mại và bên trong vẫn duy trì kiểu chợ truyền thống nhưng khách lựa thừa do sự bất tiện. Ngoài ra một số mặt hàng siêu thị không có và chỉ chợ truyền thống mới đáp ứng được, ví dụ như mua một vài bìa đậu phụ với 1000 đồng mắm tôm, 500 đồng hành lá, mớ tía tô, má cá đồng, nắm lá xông, đồ cúng lễ hay nhiều thứ lặt vặt khác.

(3) Ai cũng biết ngay trong chợ truyền thống lem nhem, thiếu thắm mỹ, hàng lối xộc xệch, nguy cơ cháy cao rồi hàng giả hàng nhái chen vào, rau quả thực phẩm cũng không dám chắc có an toàn không. Bên cạnh đó những chợ họp trên một số tuyến phố, tự phát trong những con ngõ nhỏ đã gây ra ùn tắc giao thông làm Hà Nội nhem nhuốc. Chợ phản ánh sự phát triển kinh tế xã hội của một thành phố, một quốc gia đang ở mức nào. Chừng nào Hà Nội còn nhiều chợ truyền thống thì chừng đó kinh tế, xã hội vẫn còn ở mức thấp.”

(Nguyễn Ngọc Tiến, *Đi xuyên Hà Nội*, NXB Trẻ, 2015, trang 283 – 284)

Câu 16. Theo đoạn trích, có bao nhiêu nguyên nhân làm cho chợ truyền thống vẫn tồn tại?

- | | |
|------|------|
| A. 3 | B. 4 |
| C. 5 | D. 6 |

Câu 17. Có câu văn nào trong đoạn trích bộc lộ trực tiếp quan điểm của tác giả về chợ ở Hà Nội không? Vì sao?

- A. Không. Vì văn bản cần hàm súc, cô đọng, thông tin mang tính khái quát cao
- B. Có. Vì văn bản cần thể hiện rõ thái độ của tác giả về các thông tin được trình bày
- C. Không. Vì văn bản cần đảm bảo tính khách quan của thông tin được giới thiệu
- D. Có. Vì văn bản cần khơi gợi người đọc cùng chia sẻ thông tin về chợ Hà Nội xưa

Câu 18. Trong đoạn trích, việc tác giả trích dẫn sự kiện phá chợ cửa Nam, Hàng Da hay chợ Ô Chợ Dừa có tác dụng gì?

- A. Chứng minh cho việc chợ truyền thống không còn phù hợp với xu thế phát triển của xã hội hiện đại
- B. Chứng minh cho tốc độ đô thị hóa nhanh chóng ở Hà Nội
- C. Chứng minh cho sự bất tiện của chợ truyền thống so với các cửa hàng và trung tâm thương mại
- D. Chứng minh cho sức sống lâu bền của chợ truyền thống vì ngay cả khi phá những chợ này để xây trung tâm thương mại thì bên trong vẫn duy trì kiểu chợ truyền thống

Câu 19. Từ “manh mún” (in đậm, gạch chân) trong đoạn trích gần nghĩa hơn cả với từ ngữ nào?

- | | |
|------------|------------|
| A. Rời rạc | B. Tùn mún |
| C. Vụn vặt | D. Nhỏ lẻ |

Câu 20. Có thể đảo trật tự trình bày của đoạn văn thứ (1) và đoạn văn thứ (2) với nhau được không? Vì sao?

- A. Không đảo được; Vì thông tin trong đoạn văn thứ nhất là cơ sở để trình bày thông tin trong đoạn văn thứ hai
- B. Đảo được; Vì các thông tin trong đoạn văn thứ nhất độc lập với thông tin trong đoạn văn thứ hai
- C. Không đảo được; Vì tác giả muốn nhấn mạnh nội dung thông tin ở đoạn văn thứ nhất
- D. Đảo được; Vì nội dung và cách thức trình bày thông tin trong hai đoạn văn giống nhau

Câu 21. Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

Ngài Bộ trưởng vừa tham dự Hội nghị thương định các nước nói tiếng Pháp lần thứ III.

- | | |
|----------------|----------------|
| A. Ngài | B. tham dự |
| C. thương định | D. lần thứ III |

Câu 22. Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

Cô gái có nước da trắng phớt hồng như cánh hoa đào, khuôn mặt hình trái xoan, đôi mắt tròn xoe như hòn bi vẽ.

- | | |
|-----------------|--------------|
| A. cánh hoa đào | B. trái xoan |
| C. tròn xoe | D. hòn bi vẽ |

Câu 23. Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

Bọn giặc tỏ ra hết sức gan dạ, chúng nhất định không chịu hạ súng đầu hàng quân ta.

- | | |
|-------------|------------|
| A. Bọn giặc | B. gan dạ |
| C. hạ súng | D. quân ta |

Câu 24. Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

Trước mỗi kì thi, các cuộc tranh cãi về phương pháp học tập diễn ra rất sôi nổi.

- | | |
|------------|--------------|
| A. kì thi | B. tranh cãi |
| C. diễn ra | D. sôi nổi |

Câu 25. Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

Chiều ngày 14 tháng 3, Tổng thống nước Cộng hòa Sierra Leone, Julius

Maada Bio và vợ cùng đoàn đại biểu cấp cao nước Cộng hòa Sierra Leone đã đến sân bay quốc tế Nội Bài, thủ đô Hà Nội, bắt đầu chuyến thăm chính thức Việt Nam từ ngày 14 – 20/3, theo lời mời của Chủ tịch nước Nguyễn Xuân Phúc và phụ nhân.

- A. vợ
C. chính thức
B. đại biểu
D. phụ nhân

Câu 26. Chọn một từ mà nghĩa của nó KHÔNG cùng nhóm với các từ còn lại.

- A. sẽ
C. từng
B. đang
D. hãy

Câu 27. Chọn một từ mà nghĩa của nó KHÔNG cùng nhóm với các từ còn lại.

- A. vừa mắt
C. vừa rồi
B. vừa ý
D. vừa lòng

Câu 28. Chọn một từ mà nghĩa của nó KHÔNG cùng nhóm với các từ còn lại.

- A. dự tính
C. dự thính
B. dự báo
D. dự đoán

Câu 29. Tác phẩm nào KHÔNG cùng thể loại với những tác phẩm còn lại?

- A. Tuyên ngôn Độc lập
C. Đôi mắt
B. Làng
D. Vợ chồng A Phủ

Câu 30. Nhà thơ nào không thuộc phong trào Thơ Mới giai đoạn 1932 – 1945?

- A. Thế Lữ
C. Lưu Trọng Lư
B. Chế Lan Viên
D. Xuân Quỳnh

Câu 31. Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

Trong những _____ gần đây, công nghệ thông tin đã phát triển mạnh mẽ như một sự bùng nổ trên phạm vi _____.

- A. thập niên/toàn cầu
C. ngày/toàn cầu
B. thế kỉ/toàn quốc
D. tháng/thế giới

Câu 32. Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

Thành phần chính của tiểu thuyết _____ cốt truyện và tính cách nhân vật _____ cách miêu tả suy tư của nhân vật về thế giới, về đời người,

phân tích căn cứ các diễn biến tình cảm và hành động của nhân vật, trình bày các chi tiết về mối quan hệ giữa người với người.

(Hoàng Kim Ngọc, *Ngôn ngữ văn chương*)

- A. không những/mà còn
B. không phải là/mà còn là
C. không phải chỉ là/mà còn phải là
D. do/mà

Câu 33. Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

Độc lập và thống nhất đất nước _____ gắn với nhau _____ gắn với chủ nghĩa xã hội.

(*Lịch sử 12*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

- A. không những/mà còn
C. càng/càng
B. vì/nên
D. tuy/nhưng

Câu 34. Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

Chính Hữu là một hồn thơ mộc mạc, bình dị, thơ ông hướng tới _____ mặc áo lính, họ ra đi từ những làng quê nghèo khó của đất nước, do đó bút pháp hiện thực rất thích hợp để thể hiện hình tượng người chiến sĩ này.

- A. những nhà văn
C. những người trí thức
B. những người nông dân
D. những nhà thơ

Câu 35. Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

Xuân Diệu và Xuân Quỳnh là hai tác giả thuộc hai thế hệ khác nhau nhưng trong cảm thức về _____ – một chủ đề muôn thuở – vẫn có những điểm gần gũi.

- A. quê hương
C. con người
B. đất nước
D. tình yêu

Câu 36. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“**Hoàng Việt:** Là trai không làm gì ra tiền thì kẻ cũng buồn thật. Nhưng cậu nên nhớ: Đồng tiền là phương tiện của người thông minh và là mục đích của kẻ ngu xuẩn. Trông cậu sáng sủa, chắc cậu là người thông minh chứ? Còn việc cậu xin vào xí nghiệp... Muốn trở thành người thợ, thì phải yêu nghề cơ. Cậu có yêu nghề này không?”

Ông Quých: Tôi sẽ làm cho chú ấy yêu nghề anh ạ. Xin anh cứ giao chú ấy cho tôi.

Hoàng Việt (mim cười): Thôi được, ta nhận thêm chú ấy.

Bà Bộng (Cuống lên): Cảm ơn chú giám đốc đi con!

Con bà Bộng: Cháu cảm...cảm...cảm ơn chú ạ”.

(Lưu Quang Vũ, *Tôi và chúng ta*

(tuyển kịch *Hồn Trương Ba, da hàng thịt*), NXB Hội nhà văn, 2013)

Phong cách ngôn ngữ của đoạn trích là gì?

- A. Phong cách ngôn ngữ báo chí
- B. Phong cách ngôn ngữ chính luận
- C. Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật
- D. Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt

Câu 37. Đọc bài thơ sau và trả lời câu hỏi:

*Ban trưởng nhà lao chuyên đánh bạc,
Giải người, cảnh trường kiếm ăn quanh;
Chong đèn, huyện trưởng làm công việc,
Trời đất Lai Tân vẫn thái bình.*

(Hồ Chí Minh, *Lai Tân*, Ngữ văn 11 tập hai,

NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Bài thơ phản ánh thực trạng đen tối, thối nát của xã hội nào?

- A. Xã hội thuộc địa nửa phong kiến Việt Nam dưới thời Pháp thuộc
- B. Xã hội Trung Quốc dưới thời Tưởng Giới Thạch
- C. Xã hội Việt Nam những năm 1930 – 1931
- D. Xã hội Việt Nam đầu thế kỉ XX

Câu 38. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

*Nhớ gì như nhớ người yêu
Trăng lên đầu núi, nắng chiều lưng nương
Nhớ từng bản khói cùng sương
Sớm khuya bếp lửa người thương đi về.*

(Tố Hữu, *Việt Bắc*, Ngữ văn 12 tập một,

NXB Giáo dục Việt Nam, 2021)

Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong câu thơ “Trăng lên đầu núi, nắng chiều lưng nương”?

- A. Hoán dụ
- B. Nhân hóa
- C. Ẩn dụ
- D. So sánh

Câu 39. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

*Đê Đất Nước này là Đất Nước Nhân dân
Đất Nước của Nhân dân, Đất Nước của ca dao thần thoại*

(Nguyễn Khoa Điềm, *Đất Nước* (trích *Trường ca Mặt đường khát vọng*), Ngữ văn 12 tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2021)

Hai từ “Đất Nước”, “Nhân dân” được tác giả viết hoa với dụng ý gì?

- A. Theo quy tắc viết hoa tên riêng
- B. Thể hiện sự trân trọng, tôn kính
- C. Thể hiện sự thân mật, gần gũi
- D. Thể hiện sự bình đẳng, thân tình

Câu 40. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”.

Lời bắt hủ ấy ở trong bản Tuyên ngôn Độc lập năm 1776 của nước Mỹ. Suy rộng ra, câu ấy có ý nghĩa là: tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do.

Bản Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của cách mạng Pháp năm 1791 cũng nói: “Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi, và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi”.

Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được.

(Hồ Chí Minh, *Tuyên ngôn độc lập*, Ngữ văn 12 tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2021)

Giá trị nghệ thuật nổi bật của đoạn trích là gì?

- A. Giọng điệu, ngôn ngữ biến đổi linh hoạt
- B. Lập luận sắc bén, dẫn chứng chân thực giàu sức thuyết phục
- C. Lời văn giàu tính biểu cảm
- D. Ngôn ngữ hùng hồn nhưng gần gũi

Câu 41. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“Tình đây hắt thấy già mà vẫn còn cô độc. Buồn thay cho đời! Có lý nào như thế được? Hắt đã già rồi hay sao? Ngoài bốn mươi tuổi đầu... Dấu sao, đó không phải tuổi mà người ta mới bắt đầu sửa soạn. Hắt đã tới cái dốc bên kia của đời. Ở những người như hắt, chịu đựng biết bao nhiêu là chất độc, đầy dẫy cực nhọc mà chưa bao giờ ốm, một trận ốm có thể gọi là dấu hiệu báo rằng cơ thể đã hư hỏng nhiều. Nó là một cơn mưa gió cuối thu cho biết trời gió rét, nay mùa đông đã đến. Chí Phèo hình như đã trông thấy trước tuổi già của hắt, đối rét và ốm đau, và cô độc, cái này còn đáng sợ hơn đối rét và ốm đau.”

(Nam Cao, *Chí Phèo*, Ngữ văn 11 tập một,

NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong câu “Hắt đã tới cái dốc bên kia của đời”?

- A. So sánh
- B. Nhân hóa
- C. Ẩn dụ
- D. Hoán dụ

Câu 42. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

*Gì sâu bằng những trưa hiu quạnh
Ôi ruộng đồng quê thương nhớ ơi!
Đâu những lưng cong xuống luống cày
Mà bùn hi vọng mức hương ngây
Và đâu hết những bàn tay ấy
Vãi giống tung trời những sớm mai.
Đâu những chiều sương phủ bãi đồng
Lúa mềm xao xác ở ven sông
Vẳng lên trong tiếng xe lửa nước
Một giọng hò đưa hỏ não mừng.*

(Tổ Hữu, *Nhớ đồng*, Ngữ văn 11 tập 2, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Phong cách ngôn ngữ của đoạn trích là gì?

- A. Phong cách ngôn ngữ chính luận
- B. Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật
- C. Phong cách ngôn ngữ khoa học
- D. Phong cách ngôn ngữ báo chí

Câu 43. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“Cái đói đã tràn đến xóm này từ lúc nào. Những gia đình từ những vùng Nam Định, Thái Bình, đội chiếu lũ lượt bồng bế, dắt díu nhau lên xanh xám như những bóng ma, và nằm ngón nằng khắp lều chợ. Người chết như ngả rạ. Không buổi sáng nào người trong làng đi chợ, đi làm đồng không gặp ba bốn cái thây nằm còng queo bên đường. Không khí vẫn lên mùi ẩm thối của rác rưởi và mùi gây của xác người”.

(Kim Lân, *Vợ nhặt*, Ngữ văn 12 tập 2, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong đoạn trích?

- A. Ẩn dụ
- B. Hoán dụ
- C. So sánh
- D. Nhân hóa

Câu 44. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

- (1) Con sóng dưới lòng sâu
- (2) Con sóng trên mặt nước
- (3) Ôi con sóng nhớ bờ
- (4) Ngày đêm không ngủ được

(5) Lòng em nhớ đến anh

(6) Cả trong mơ còn thức

(Xuân Quỳnh, *Sóng*, Ngữ văn 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)
Âm điệu nhẹ nhàng, đậm chất nữ tính của đoạn thơ đã được tác giả biểu hiện qua phương diện ngữ âm nào?

- A. Sử dụng chủ yếu thanh bằng
- B. Sử dụng thanh bằng trong thể đối lập với thanh trắc
- C. Sử dụng xen kẽ thanh bằng với thanh trắc
- D. Sử dụng chủ yếu thanh trắc

Câu 45. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“Trần trề trên mặt bàn, chạm cả vào cành quất Lí cổ tình để sát vào mâm cỗ cho bàn ăn thêm đẹp, thêm sang, là la liệt bát đĩa ngồn ngộn các món ăn. Ngoài các món thường thấy ở cỗ Tết như gà luộc, giò, chả, nem, măng hầm chân giò, miến nấu lòng gà, xúp lơ xào thịt bò... - **món nào cũng mang dấu ấn tài hoa của người chế biến** – là các món khác thường như gà quay ướp húng lịu, vịt tần hạt sen, chả chừa, mọc, vẩy...”

(Ma Văn Kháng, *Mùa lá rụng trong vườn*, Ngữ văn 12, tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Cụm từ in đậm trong đoạn trích là thành phần gì của câu?

- A. Vị ngữ
- B. Trạng ngữ
- C. Phụ chú
- D. Chủ ngữ

Câu 46. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

*“tiếng ghi ta nâu
bầu trời cô gái ấy
tiếng ghi ta lá xanh biết mấy
tiếng ghi ta tròn bọt nước vỡ tan
tiếng ghi ta ròng ròng
máu chảy
không ai chôn cất tiếng đàn
tiếng đàn như cỏ mọc hoang
giọt nước mắt vầng trăng
long lanh trong đáy giếng”*

(Thanh Thảo, *Đàn ghi ta của Lor-ca*, Ngữ văn 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Những biện pháp tu từ nghệ thuật nào được sử dụng trong đoạn trích?

- A. Nhân hóa, điệp ngữ, so sánh, ẩn dụ
- B. Hoán dụ, so sánh, nhân hóa, nói quá
- C. So sánh, điệp cấu trúc cú pháp, nhân hóa
- D. Ẩn dụ, điệp từ, nhân hóa, so sánh

Câu 47. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

“Lần lần, mấy năm qua, mấy năm sau, bố Mị chết. Nhưng Mị cũng không còn tưởng đến Mị có thể ăn lá ngón tự tử nữa. Ở lâu trong cái khổ, Mị quen khổ rồi. Bây giờ thì Mị tưởng mình cũng là con trâu, mình cũng là con ngựa, là con ngựa phải đổi ở cái tàu ngựa nhà này đến ở cái tàu ngựa nhà khác, ngựa chỉ biết việc ăn cỏ, biết đi làm mà thôi.”

(Tô Hoài, *Vợ chồng A Phủ*, Ngữ văn 12, tập hai,

NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Trong đoạn trích trên, nhà văn Tô Hoài đã miêu tả sự thay đổi trong tâm lí của nhân vật Mị như thế nào?

- A. Mị chai lì về cảm xúc, thờ ơ vô cảm với tất cả những người xung quanh mình
- B. Mị cam chịu, chấp nhận, không hy vọng có sự đổi thay trong cuộc đời của mình
- C. Mị bất lực, buông xuôi, phó mặc cho cuộc đời đưa đẩy số phận của mình
- D. Mị sống tăm tối, nhẩn nhục trong nỗi khổ cả về thể xác lẫn tinh thần

Câu 48. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

“Mưa đổ bụi êm êm trên bến vắng,
Đò biếng lười nằm mặc nước sông trôi;
Quán tranh đứng im lìm trong vắng lặng
Bên chòm xoan hoa tím rụng tơi bời.

Ngoài đường dề cô non tràn biếc cỏ,
Đàn sáo đen sà xuống mổ vu vơ
Mấy cánh bướm rập rờn trời trước gió.
Những trâu bò thông thả cúi ăn mưa.”

(Anh Thơ, *Chiều xuân*, Ngữ văn 11, tập một,

NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Nội dung chính của bức tranh chiều xuân là gì?

- A. Bức tranh làng quê bình dị, thanh bình, đượm buồn
- B. Bức tranh làng quê nhộn nhịp, sôi động
- C. Bức tranh con người và cảnh vật êm đềm, nhẹ nhàng
- D. Bức tranh sinh hoạt của con người

Câu 49. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

(1) “*Ta muốn ôm*

- (2) *Cả sự sống mới bắt đầu mơn mơn;*
- (3) *Ta muốn riết mây đưa và gió lượn,*
- (4) *Ta muốn say cánh bướm với tình yêu,*
- (5) *Ta muốn thâu trong một cái hôn nhiều*
- (6) *Và non nước, và cây, và cỏ rạng,”*

(Xuân Diệu, *Vội vàng*, Ngữ văn 11, tập hai,

NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Trong đoạn trích, câu thơ thứ (1) được tác giả đặt ở vị trí chính giữa hàng thơ có dụng ý nghệ thuật gì?

- A. Gây một ấn tượng mạnh về ý muốn được tận hưởng cuộc sống – thiên đường ngay trên mặt đất, một bữa tiệc chốn nhân gian đầy hấp dẫn
- B. Thể hiện những tuyên bố lớn lao, mạnh mẽ của con người khi đối diện với cuộc sống ngập tràn xuân sắc, xuân tình
- C. Gợi hình ảnh một con người với tâm vóc lớn lao đang đứng giữa cõi trần gian, dang rộng vòng tay mong ôm trọn vẹn những cảnh sắc quyền rũ nơi trần thế
- D. Thể hiện cái tôi ham sống, ham hưởng thụ và khao khát hưởng thụ triệt để vẻ đẹp của cuộc sống tươi trẻ nơi trần thế

Câu 50. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

“Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp,
Con thuyền xuôi mái nước song song,
Thuyền về nước lại, sầu trăm ngả;
Củi một cành khô lạc mấy dòng
Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu,
Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều.
Nắng xuống, trời lên sâu chót vót;
Sông dài, trời rộng, bến cô liêu.”

(Huy Cận, *Tràng giang*, Ngữ văn 11, tập hai,

NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Trong đoạn trích, cảm giác hoang vắng, đìu hiu của không gian sông nước được thể hiện rõ nhất qua những hình ảnh nào?

- A. Sông, sóng, thuyền, nước, cồn nhỏ, gió đìu hiu, nắng, củi
- B. Gió đìu hiu, chợ chiều, làng xa, cồn nhỏ, sóng, sông, nước
- C. Thuyền, nước, sóng gợn, tràng giang, làng xa, gió đìu hiu
- D. Sóng, sông, thuyền, nước, củi, cồn nhỏ, làng xa, chợ chiều

ĐỀ 14

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi từ 1 đến 5:

“Ngày tết, Mị cũng uống rượu. Mị lên lấy hũ rượu, uống ực từng bát. Rồi say, Mị lịm mặt呆呆 nhìn người nhảy đồng, người hát. Nhưng lòng Mị đang sống về ngày trước, tai văng vẳng tiếng sáo gọi bạn đầu làng. Ngày trước Mị thổi sáo giỏi. Mùa xuân đến, Mị uống rượu bên bếp và thổi sáo. Mị uốn chiếc lá trên môi, thổi lá cũng hay như thổi sáo. Có biết bao nhiêu người mê, cứ ngày đêm thổi sáo đi theo Mị hết núi này sang núi khác.

Rượu tan lúc nào. Người về, người đi chơi đã vãn cả, Mị không biết. Mị vẫn ngồi trơ một mình giữa nhà. Mãi sau Mị mới đứng dậy. Nhưng Mị không bước ra đường. Mị từ từ vào buồng.

Chẳng năm nào A Sử cho Mị đi chơi hết.

Bấy giờ Mị ngồi xuống giường, trông ra cửa sổ lỗ vuông mờ mờ trăng trắng. Từ này Mị thấy phơi phới trở lại, trong lòng đột nhiên vui như những đêm Tết ngày trước. Mị trẻ, Mị vẫn còn trẻ. Mị muốn đi chơi.”

(Tô Hoài, *Vợ chồng A Phủ*, Ngữ văn 12, tập một,

NXB Giáo dục, 2014)

Câu 1. Đoạn trích diễn ra trong hoàn cảnh cụ thể nào?

- A. Trước khi Mị trở thành nàng dâu gạt nợ
- B. Sau khi Mị đã trở thành nàng dâu gạt nợ
- C. Khi sức sống tiềm tàng bắt đầu trỗi dậy trong Mị
- D. Khi Mị buông xuôi, chán nản

Câu 2. Theo đoạn trích, nguyên nhân nào khiến Mị uống rượu?

- A. Do thói quen của người phụ nữ H'Mông
- B. Do phong tục ngày Tết của người H'Mông
- C. Để quên đi thực tại đau khổ, buồn tủi
- D. Để vùng lên chống lại những bất công, vô lý

Câu 3. Theo đoạn trích, âm thanh tiếng sáo gợi lên cảm xúc, suy nghĩ gì trong lòng Mị?

- A. Nỗi thất vọng ê chề về cuộc sống quá khứ
- B. Sự khát khao về cuộc sống tự do trong quá khứ
- C. Sự lo lắng, bất an trước những dự cảm về tương lai
- D. Nỗi thất vọng, đau buồn về cuộc sống hiện tại

Câu 4. Câu văn: “Từ này Mị thấy phơi phới trở lại, trong lòng đột nhiên vui như những đêm Tết ngày trước” thể hiện sự thay đổi gì trong cảm xúc của Mị?

- A. Sự tự tin, lạc quan về cuộc sống hiện tại
- B. Sự buồn tủi, đau khổ về hiện thực cuộc sống

- C. Sự vui sướng, hạnh phúc khi nhớ về quá khứ
- D. Sự bất lo lắng, bất an về tương lai

Câu 5. Nghệ thuật nổi bật của đoạn trích?

- A. Miêu tả tâm lí nhân vật tinh tế, sâu sắc
- B. Tạo hình, dựng cảnh ấn tượng
- C. Ngôn ngữ kể sinh động
- D. Kết hợp tự sự với trữ tình

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi từ 6 đến 10:

- (1) *Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu*
- (2) *Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều*
- (3) *Nắng xuống trời lên sâu chót vót*
- (4) *Sông dài, trời rộng bến cô liêu*

- (5) *Bèo dạt về đâu hàng nối hàng*
- (6) *Mênh mông không một chuyến đò ngang*
- (7) *Không cầu gọi chút niềm thân mật*
- (8) *Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng*

(Huy Cận, *Tràng giang*, Ngữ văn 11, tập 1,
NXB Giáo dục, 2014)

Câu 6. Câu thơ nào cho biết tác giả nhấn mạnh sự thiếu vắng âm thanh của cuộc sống con người?

- A. Câu 1
- B. Câu 2
- C. Câu 3
- D. Câu 4

Câu 7. Câu thơ nào gợi liên tưởng của người đọc đến kiếp sống của những con người trôi nổi, lạc loài?

- A. Câu 5
- B. Câu 6
- C. Câu 7
- D. Câu 8

Câu 8. Biện pháp tu từ nào được tác giả sử dụng trong câu thơ: “Sông dài, trời rộng bến cô liêu”

- A. nhân hóa, ẩn dụ
- B. liệt kê, so sánh
- C. liệt kê, đối lập
- D. đảo ngữ, nhân hóa

Câu 9. Âm hưởng chính của đoạn thơ là gì?

- A. Vui tươi, rộn rã
- B. Buồn bã, trống vắng
- C. Ảo não, bi thương
- D. Xót xa, thương cảm

Câu 10. Điệp từ “không” trong hai câu thơ: “Mênh mông không một chút đò ngang/ Không cầu gọi chút niềm thân mật” nhấn mạnh nội dung gì?

- A. sự cô đơn, xa cách, vô cảm của con người
- B. sự mênh mông, rộng ngợp của thiên nhiên
- C. sự nghèo đói, thiếu thốn của cuộc sống con người
- D. sự cô đơn, thiếu kết nối trong cuộc sống con người

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi từ 11 đến 15:

Đọc đoạn trích và trả lời câu hỏi từ 11 đến 15:

Các loại vật chất tồn tại ở khắp nơi trên Trái Đất của chúng ta. Vậy, những nguyên tố cơ bản nào cấu thành vật chất?

Câu hỏi này đã được đặt ra từ hơn 2.000 năm trước. Song khi đó khoa học kĩ thuật còn nhiều hạn chế nên vẫn chưa có câu trả lời chính xác. Cùng với sự phát triển của khoa học kĩ thuật, bằng nhiều thí nghiệm, nghiên cứu và phân tích khoa học, cuối cùng người ta mới đưa ra kết luận: Vạn vật trên thế giới đều được cấu thành từ một số thành phần rất đơn giản và cơ bản, như oxy, nitơ, hydro, cacbon, sắt... Các thành phần đơn giản và cơ bản này được gọi là các nguyên tố. Chúng là những vật chất đơn giản nhất nhưng không thể bị tách rời nếu sử dụng những phương pháp thông thường. Oxy và thủy ngân đều là nguyên tố, nhưng oxit thủy ngân thì lại không phải là một nguyên tố, vì **chúng** được cấu thành từ oxy và thủy ngân. Chúng có thể dễ dàng bị phân hủy khi nhiệt độ tăng.

Đến năm 1996, nhân loại đã phát hiện ra 112 nguyên tố khác nhau. Trong đó, 92 nguyên tố có thể tìm thấy trong tự nhiên. Những nguyên tố còn lại do các nhà khoa học chế tạo ra tại các phòng thí nghiệm. 112 nguyên tố này có màu sắc đa dạng và phong phú. Đó là kết quả của sự pha trộn khác nhau từ các màu sắc đỏ, vàng và xanh.

Bằng cách kết hợp các nguyên tố với nhau chúng ta có thể tạo ra rất nhiều dạng vật chất đa dạng như nguyên tố oxy kết hợp với nguyên tố hydro tạo ra nước (H_2O), nguyên tố oxy kết hợp với nguyên tố cacbon tạo ra oxit cacbon (CO) và cacbonic (CO_2). Hoặc bằng những cách kết hợp các hợp chất của ba nguyên tố oxy, cacbon và hydro người ta có thể tạo ra nhiều dạng vật chất mới có ứng dụng vào đời sống của con người như: Đường sacaroza ($C_{12}H_{22}O_{11}$), rượu etylic, tinh bột ($C_6H_{10}O_5$).... Bản thân con người chúng ta cũng được cấu thành từ hơn 20 loại nguyên tố khác nhau. Vì vậy, chúng ta có thể nói: “Không có các nguyên tố thì sẽ không có thế giới vật chất phong phú của chúng ta ngày hôm nay”.

Câu 11. Nội dung chính của bài đọc nói về điều gì?

- A. Lợi ích của các loại vật chất
- B. Các nguyên tố cấu thành Trái Đất

C. Tính hai mặt của các nguyên tố

D. Tác hại của các loại vật chất

Câu 12. Sự thắc mắc về các nguyên tố cấu tạo nên Trái Đất đã có từ xa xưa (2000 năm trước). Nhưng tại sao phải rất lâu sau đó người ta mới đưa ra câu trả lời chính xác?

- A. Vì các nhà nghiên cứu không thật sự nhiệt huyết
- B. Vì nhiều người phản đối việc nghiên cứu các nguyên tố
- C. Vì thời điểm đó khoa học kỹ thuật chưa phát triển
- D. Vì vấn đề này không cấp thiết đối với loài người

Câu 13. Ý nào sau đây là đúng khi nói về đặc điểm của một số thành phần cấu tạo nên vạn vật trên thế giới?

- A. Phức tạp và quý hiếm
- B. Đơn giản và phổ biến
- C. Phức tạp và đặc biệt
- D. Đơn giản và cơ bản

Câu 14. Từ “chúng” (in đậm, gạch chân) được dùng để chỉ chất nào?

- A. Oxy
- B. Thủy ngân
- C. Oxit thủy ngân
- D. Kẽm

Câu 15. Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích là gì?

- A. Tự sự
- B. Biểu cảm
- C. Miêu tả
- D. Thuyết minh

Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi từ 16 đến 20:

“Du nhập vào Thăng Long khá phức tạp nhưng có thể chia thành hai nhóm chính: Thứ nhất là trí thức và tầng lớp quý tộc địa phương, thứ hai là thường dân. Có muôn vàn lí do dân tứ chiếng nhập cư vào Thăng Long nhưng với thường dân thì Thăng Long là miền đất hứa. Họ mong muốn tìm được cuộc sống tốt đẹp hơn ở mảnh đất này. Ở góc độ khác, trong quá trình phát triển và hoàn thiện của một đô thị, Thăng Long cũng cần dân nhập cư. Vì có công với nhà Lý, các họ Tống, Lê, Trịnh ở Hữu Tiệp (nay thuộc phường Ngọc Hà, quận Ba Đình) từ Tống Sơn (Thanh Hóa) và Hoa Lư (Ninh Bình) kéo nhau ra Thăng Long từ thế kỉ XI. Đến đời Trần, do có tuyên ngôn “Thiên hạ là thiên hạ của tổ tông”, một người làm quan, cả họ được nhờ nên dân xứ Nam lộ lượt kéo lên Thăng Long. Không chỉ dân ở các vùng miền ra Thăng Long sống chung với các làng hay lập ấp mới mà còn có cả tù binh. Nhà văn Nguyễn Huy Thiệp giải bày, ông không phải người gốc Việt, cụ tổ của ông là người Chăm bị bắt làm tù binh trong cuộc chiến tranh giữa Đại Việt và Chăm Pa nửa cuối thế kỷ XIV. Song người dân ở các vùng quê không thể dứt áo ra kinh đô là do chế độ sở hữu ruộng đất. Vì công điền nên tất cả phải cùng làm, cùng ăn và thời kỳ độ làm nông nghiệp rất vất vả, chống chọi với thiên nhiên bão lũ khi cả vùng đồng bằng Bắc Bộ là đất trũng. Họ phải cùng nhau đắp đê, cấy hái và dù sao họ cũng có mức sống tối thiểu nên ít ai tính chuyện ra Thăng Long.”

(Nguyễn Ngọc Tiến, *Đi xuyên Hà Nội*, NXB Trẻ, 2015, tr. 71 – 72)

Câu 16. Theo đoạn trích, có mấy luồng nhập cư vào Thăng Long? Đó là những luồng nhập cư nào?

- A. Hai luồng: trí thức và tầng lớp quý tộc địa phương
- B. Hai luồng: thường dân và trí thức
- C. Hai luồng: tầng lớp quý tộc địa phương, trí thức và thường dân
- D. Ba luồng: trí thức, thường dân và tầng lớp quý tộc địa phương

Câu 17. Theo đoạn trích, nguyên nhân nào làm cho người dân di cư ra Thăng Long?

- A. Vì Thăng Long là miền đất hứa
- B. Vì họ mong muốn tìm được cuộc sống tốt đẹp hơn ở mảnh đất này
- C. Vì ở đây mỗi người có cơ hội việc làm tốt hơn, cơ hội giáo dục cho con cái tốt hơn
- D. Vì họ sẽ có cơ hội quen những người bạn lớn và cuộc sống sẽ có ý nghĩa hơn

Câu 18. Cụm từ “tứ chiếng” (in đậm, gạch chân) trong đoạn trích gần nghĩa hơn cả với từ ngữ nào?

- A. Tứ xứ
- B. Một chốn bốn quê
- C. Xứ sở
- D. Tứ hải

Câu 19. Theo đoạn trích, “chính sách công điền” được hiểu là

- A. Người dân cùng làm ăn canh tác trên một diện tích đất được nhà nước cấp phát
- B. Đất công của nhà nước
- C. Người dân làm được bao nhiêu ruộng thì tính công cho họ tới đó
- D. Chế độ sở hữu ruộng đất

Câu 20. Theo đoạn trích, nguyên nhân nào làm cho “người dân ở các vùng quê không thể dứt áo ra Thăng Long”?

- A. Chế độ sở hữu ruộng đất và mức sống của họ được đảm bảo ở mức tối thiểu
- B. Họ phải cùng làm, cùng ăn, cùng nhau đắp đê, cấy hái
- C. Làm nông nghiệp rất vất vả, chống chọi với thiên nhiên bão lũ
- D. Ở quê còn có gia đình của họ và lại họ cũng có trách nhiệm phụng dưỡng cha mẹ

Câu 21. Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

Từ ngày được giác ngộ cách mạng, anh ấy luôn giữ được lập trường trong sạch của mình.

- A. giác ngộ
C. lập trường
B. cách mạng
D. trong sạch

Câu 22. Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

Ai cũng biết Cám là người muru trí, gian xảo và tàn ác, còn Tấm là cô gái thật thà, mô côi từ nhỏ, luôn phải sống trong cảnh lầm than khổ cực.

- A. muru trí
C. thật thà
B. gian xảo
D. lầm than

Câu 23. Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

Những thiệt hại do nạn ô nhiễm môi trường gây ra không thể thống kê bằng số liệu hay con số cụ thể.

- A. nạn
C. thống kê
B. gây ra
D. con số

Câu 24. Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

Lũ quan lại dưới triều đình phong kiến chỉ biết hợp tác với nhau, dùng mọi âm mưu, thủ đoạn để bóc lột nhân dân, ăn chơi xa xỉ.

- A. hợp tác
C. thủ đoạn
B. âm mưu
D. xa xỉ

Câu 25. Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

Các nhà khảo cổ học dự đoán rằng những cái chum này đã có cách đây khoảng 2000 năm.

- A. Các
C. những
B. dự đoán
D. cách đây

Câu 26. Chọn một từ mà nghĩa của nó KHÔNG cùng nhóm với các từ còn lại.

- A. lạnh nhạt
C. lạnh công
B. lạnh giá
D. lạnh lạnh

Câu 27. Chọn một từ mà nghĩa của nó KHÔNG cùng nhóm với các từ còn lại.

- A. sườn núi
C. mạng sườn
B. lòng sông
D. mặt biển

Câu 28. Chọn một từ mà nghĩa của nó KHÔNG cùng nhóm với các từ còn lại.

- A. đề xuất
C. đề cử
B. đề dóm
D. đề đạt

Câu 29. Tác phẩm nào KHÔNG cùng thể loại với những tác phẩm còn lại?

- A. Những đứa con trong gia đình
C. Người lái đò sông Đà
B. Vợ chồng A Phủ
D. Chiếc thuyền ngoài xa

Câu 30. Tác giả nào sau đây KHÔNG thuộc giai đoạn văn học hiện thực trước Cách mạng?

- A. Nam Cao
C. Nguyễn Minh Châu
B. Nguyễn Công Hoan
D. Ngô Tất Tố

Câu 31. Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

Hai mẹ con Cám hí hửng sắm sửa quần lành, áo tốt, _____ Tấm _____ quần áo rách mướp.

- A. tuy/vẫn
C. dù/thì
B. còn/vẫn
D. nên/chi

Câu 32. Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

Thói quen đi tìm cái xưa trong cái nay _____ Nguyễn Tuân luôn luôn quan tâm đến chiều thời gian, chiều lịch sử của các sự kiện, các hiện tượng _____ ông quan sát, mô tả.

(Nguyễn Đăng Mạnh, *Văn học Việt Nam hiện đại, những gương mặt tiêu biểu*, NXB Phụ nữ, 2012)

- A. khiến/mà
C. được/mà
B. mà/được
D. để/mà

Câu 33. Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

Ở các đồng bằng, phần lớn là đất cát pha, thuận lợi _____ việc phát triển các cây công nghiệp hàng năm (lạc, mía, thuốc lá...) _____ không thật thuận lợi cho cây lúa.

(Địa lí 12, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

- A. đối với/và
C. với/và
B. cho/nhưng
D. cho/và

Câu 34. Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

Trong văn Nguyễn Tuân, hai phẩm chất uyên bác và _____ không tồn tại tách rời nhau, mà trái lại, luôn luôn hòa quyện với nhau và hỗ trợ, bổ sung cho nhau.

- ### D. tài tình

D. giải phóng con người

- A. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến
- B. Bản án chế độ thực dân Pháp
- C. Tuyên ngôn độc lập
- D. Lời kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước

D. Độ lạnh của dòng sông

Câu 40. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

*Mẹ! Cao - Lạng hoàn toàn giải phóng
Tây bị chết bị bắt sống hàng đàn
Vệ quốc quân chiếm lại các đồn
Người đông như kiến, súng đầy như cũi.*

(*Nông Quốc Chấn, Dọn về làng*, Ngữ văn 12 tập một,
NXB Giáo dục Việt Nam, 2021)

Đoạn trích sử dụng biện pháp tu từ gì?

- A. Nhân hóa
- B. So sánh
- C. Ẩn dụ
- D. Hoán dụ

Câu 41. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“Trung Nguyên đã xây dựng một thương hiệu cao cấp trong thị trường đang phát triển. Vào những năm 90, thu nhập bình quân đầu người tại Việt Nam mới chỉ 250 USD (số thống kê vào năm 2011 là 1.200 USD), nhưng Trung Nguyên đã chọn chiến lược phát triển thương hiệu cao cấp với mong muốn thu hút thị trường trong nước cũng như xuất khẩu. Để làm được điều này, trước tiên Trung Nguyên cần phải thuyết phục người tiêu dùng nội địa sử dụng sản phẩm cao cấp, cũng như thuyết phục thị trường quốc tế rằng Việt Nam có thể sản xuất những loại cà phê cao cấp và chất lượng không thua kém được những loại cà phê sành điệu, chất lượng cao và giá cả hợp lý. Thế là vào những năm 1990, nhãn hiệu Trung Nguyên ra đời với một nhà máy và một chuỗi quán cà phê. Đưa ngành cà phê Việt Nam vượt ra khỏi mặc cảm là cà phê chất lượng thấp, giá rẻ.”

(*Trích Bí quyết thành công của ông chủ Trung Nguyên*,
Báo Vietnet, 19/5/2014)

Cụm từ “các tay chơi lớn” (in đậm, gạch chân) trong đoạn trích chỉ đối tượng nào?

- A. Các công ty tiêu thụ số lượng lớn cà phê cao cấp
- B. Các công ty nổi tiếng về việc sản xuất cà phê cao cấp
- C. Các nước tiêu thụ số lượng lớn cà phê cao cấp
- D. Các nước nổi tiếng về việc sản xuất cà phê cao cấp

Câu 42. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

*Trong anh và em hôm nay
Đều có một phần Đất Nước
Khi hai đứa cầm tay
Đất Nước trong chúng mình hài hòa nồng thắm*

*Khi chúng ta cầm tay mọi người
Đất Nước vẹn tròn, to lớn
Mai này con ta lớn lên
Con sẽ mang Đất Nước đi xa
Đến những tháng ngày mơ mộng
Em ơi em Đất Nước là máu xương của mình
Phải biết gắn bó san sẻ
Phải biết hóa thân cho dáng hình xứ sở
Làm nên Đất Nước muôn đời...*

(*Nguyễn Khoa Điềm, Đất Nước (trích Trường ca Mặt đường khát vọng)*,
Ngữ văn 12 tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2021)

Nội dung chính của đoạn trích là gì?

- A. Cảm nhận của tác giả về Đất Nước nhìn từ góc độ hiện tại và tương lai
- B. Mối quan hệ giữa anh, em và Đất Nước
- C. Đất Nước là một phần cơ thể, tạo nên sự sống cho mỗi con người
- D. Đất Nước là máu xương của tổ tiên, của bao thế hệ ông cha, của dân tộc ngàn đời

Câu 43. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“Vây mà không: cái cụ bá thét ra lửa ấy lại xử nhữn, mời hấn vào nhà xoi nước. Thôi cũng hà, đã xử nhữn thì hấn vào. Nhưng bỗng hấn lại hơi ngần ngại; biết đâu cái lão cáo già này nó lại chả lừa hấn vào nhà rồi lôi thôi? Ô mà thật có thể như thế lắm! Nay nó hãy lôi ngay mấy cái mâm cái nôi hay đồ vàng đồ bạc ra khoác vào cổ hấn, rồi cho vợ ra kêu làng lên, rồi cột cổ hấn vào, chần cho một trận om xương, rồi vu cho là ăn cướp thì sao? Cái thằng bá Kiến này, già đời đục khoét, còn đốn cái nước gì mà chịu lép như trấu thế? Thôi đại gì mà vào miệng cọp, hấn cứ đứng đây này, cứ lẩn ra đây này, lại kêu toáng lên xem nào. Nhưng nghĩ ngợi một tí, hấn có lẩn ra kêu nữa, liệu có còn ai ra? Vả lại bây giờ rượu nhạt rồi, nếu lại phải rạch mặt mấy nhát nữa thì cũng đau. Thôi cứ vào! Vào thì vào, cần quái gì. Muốn đập đầu thì vào ngay nhà nó mà đập đầu còn hơn ở ngoài. Cùng lắm, nó có giờ què, hấn cũng chỉ đến đi ở tù. Ở tù thì hấn coi là thường. Thôi cứ vào”.

(*Nam Cao, Chí Phèo*, Ngữ văn 11 tập một,
NXB Giáo dục Việt Nam, 2021)

Phương thức biểu đạt của đoạn trích là gì?

- A. Miêu tả, tự sự
- B. Miêu tả, biểu cảm
- C. Thuyết minh
- B. Tự sự, biểu cảm

Câu 44. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

Có biết bao người con gái, con trai
Trong bốn ngàn lớp người giống ta lứa tuổi
Họ đã sống và chết
Giản dị và bình tâm
Không ai nhớ mặt đặt tên
Nhưng họ đã làm ra Đất Nước
Họ giữ và truyền cho ta hạt lúa ta trồng
Họ truyền lửa cho mỗi nhà từ hòn than qua con cúi
Họ truyền giọng điệu mình cho con tập nói
Họ gánh theo tên xã, tên làng trong mỗi chuyến di dân
Họ đắp đập be bờ cho người sau trồng cây hái trái
Có ngoại xâm thì chống ngoại xâm
Có nội thù thì vùng lên đánh bại.

(Nguyễn Khoa Điềm, *Đất Nước* (trích *Trường ca Mặt đường khát vọng*),
Ngữ văn 12 tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2021)

Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong đoạn trích?

- A. So sánh
- B. Ẩn dụ
- C. Hoán dụ
- D. Điệp cấu trúc

Câu 45. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“Chúng tôi tin rằng các nước Đồng minh đã công nhận những nguyên tắc dân tộc bình đẳng ở các Hội nghị Tê – hê – răng và Cự Kim Sơn, quyết không thể không công nhận quyền độc lập của dân Việt Nam”.

(Hồ Chí Minh, *Tuyên ngôn độc lập*, Ngữ văn 12 tập một,
NXB Giáo dục Việt Nam, 2021)

Hồ Chí Minh viết ra điều này với dụng ý gì?

- A. Để thể hiện sự hiểu biết của mình về các tổ chức chính trị trên thế giới.
- B. Để thể hiện sự tin tưởng tuyệt đối của Bác đối với phe Đồng minh.
- C. Để bộc lộ mong muốn được sống trong độc lập, tự do.
- D. Để tạo ra một hậu thuẫn quan trọng cho lời tuyên bố của mình.

Câu 46. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

- (1) “Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp,
- (2) Con thuyền xuôi mái nước song song,

- (3) Thuyền về nước lại, sầu trăm ngả;
- (4) Cúi một canh khuya mất mấy dòng”

(Huy Cận, *Tràng giang*, Ngữ văn 11, tập hai,

NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Trong đoạn trích, câu thơ nào thể hiện rõ nhất nét sáng tạo, độc đáo trong thi thơ của Huy Cận?

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4

Câu 47. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

- (1) “Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu,
- (2) Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều.
- (3) Nắng xuống, trời lên sâu chót vót;
- (4) Sông dài, trời rộng, bến cô liêu.”

(Huy Cận, *Tràng giang*, Ngữ văn 11, tập hai,
NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Sự độc đáo của câu thơ thứ (3) trong đoạn trích được thể hiện rõ nhất ở đặc điểm nào dưới đây

- A. Sử dụng phép đối
- B. Sử dụng kết hợp từ ngữ độc đáo
- C. Sử dụng những hình ảnh có chọn lọc
- D. Sử dụng các dấu ngắt câu

Câu 48. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

“Đêm tối đối với Liên quen lắm, chị không sợ nó nữa. Tối hết cả, con đường thăm thẳm ra sông, con đường qua chợ về nhà, các ngõ vào làng lại càng sẫm đen hơn nữa. Giờ chỉ còn ngọn đèn con của chị Tí, và cả cái bếp lửa của bác Siêu, chiếu sáng một vùng đất cát; trong cửa hàng, ngọn đèn của Liên, ngọn đèn vắn nhỏ, thừa thớt từng hột sáng lọt qua phên nứa. Tất cả phố xá trong huyện bây giờ đều thu nhỏ lại nơi hàng nước của chị Tí. Thêm được một gia đình bác xẩm ngồi trên manh chiếu, cái thau sắt trắng để trước mặt, nhưng bác chưa hát vì chưa có khách nghe.”

(Thạch Lam, *Hai đứa trẻ*, Ngữ văn 11, tập một,
NXB Giáo dục Việt Nam, 2015)

Hình ảnh ngọn đèn trong đoạn trích biểu tượng cho điều gì dưới đây

- A. Những kiếp người vô danh, vô nghĩa ở phố huyện bé nhỏ, sống lam lũ, vật vờ,... trong màn đêm mênh mông của xã hội cũ
- B. Cuộc sống tăm tối, tù hãm của những người dân của phố huyện nghèo

C. Cuộc sống tăm tối, nhịp sống tẻ nhạt, đều đều, quanh quẩn của con người phố huyện lúc đêm xuống

D. Cuộc sống thực tại mòn mỏi, lay lắt, quanh quẩn, nhỏ nhoi đầy bề tấp, buồn chán của chị em Liên,...

Câu 49. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

“Trong rừng ít có cây sinh sôi nảy nở khỏe như vậy. Cạnh một cây xà nu mới ngã gục, đã có bốn năm cây con mọc lên, ngọn xanh rờn, hình nhọn mũi tên lao thẳng lên bầu trời. Cũng ít có loại cây ham ánh sáng mặt trời như thế. Nó phóng lên rất nhanh để tiếp lấy ánh nắng, thứ ánh nắng trong rừng rọi từ trên cao xuống từng luồng lớn thẳng tắp, lỏng lẻo vô số hạt bụi vàng từ nhựa cây bay ra, thơm mỡ màng. Có những cây con vừa lớn ngang tầm ngực người lại bị đại bác chặt đứt làm đôi. Ở những cây đó, nhựa còn trong, chất dầu còn loáng, vết thương không lành được, cứ loét mãi ra, năm mười hôm thì cây chết. Nhưng cũng có những cây vượt lên được cao hơn đầu người, cành lá xum xuê như những con chim đã đủ lông mao, lông vũ. Đại bác không giết nổi chúng, nhưng vết thương của chúng chóng lành như trên một thân thể cường tráng. Chúng vượt lên rất nhanh, thay thế những cây đã ngã... Cứ thế hai ba năm nay, rừng xà nu ưỡn tấm ngực lớn của mình ra, che chở cho làng...”

(Nguyễn Trung Thành, *Rừng xà nu*, Ngữ văn 12, tập hai,

NXB Giáo dục Việt Nam, 2014)

Đoạn trích được trần thuật từ điểm nhìn của nhân vật nào?

- A. Nhân vật Tnú
- B. Nhân vật Dít
- C. Điểm nhìn của tác giả
- D. Nhân vật cụ Mết

Câu 50. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

Phiên âm

“Quyện điều quy lâm tâm túc thụ,
Cô vân mạn mạn độ thiên không;
Sơn thôn thiếu nữ ma bao túc,
Bao túc ma hoàn, lô dĩ hồng.”

Dịch thơ

“Chim mỏi về rừng tìm chốn ngủ,
Chòm mây trôi nhẹ giữa tầng không;
Cô em xóm núi xay ngô tối,
Xay hết, lò than đã rực hồng.”

(Hồ Chí Minh, *Chiều tối* (Mộ), Ngữ văn 11, tập 2,

NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Trong đoạn trích trên, hình ảnh nào là hình ảnh trung tâm của bức tranh chiều tối?

- A. Cánh chim
- B. Chòm mây
- C. Cô gái miền sơn cước
- D. Lò than rực hồng

ĐỀ 15

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi từ 1 đến 5:

- (1) Ôi con sóng ngày xưa
- (2) Và ngày sau vẫn thế
- (3) Nỗi khát vọng tình yêu
- (4) Bồi hồi trong ngực trẻ
- (5) Trước muôn trùng sóng bể
- (6) Em nghĩ về anh, em
- (7) Em nghĩ về biển lớn
- (8) Từ nơi nào sóng lên?

(Xuân Quỳnh, Sóng, Ngữ văn 12, tập một, NXB Giáo dục, 2014)

Câu 1. Câu thơ nào khẳng định ý nghĩa về sự vĩnh hằng, bất biến?

- A. Câu 1, 2
B. Câu 3, 4
C. Câu 5, 6
D. Câu 7, 8

Câu 2. Ý nào sau đây giải thích phù hợp cho ý nghĩa của từ “bồi hồi”?

- A. Ở trong trạng thái có những suy nghĩ, lo lắng không yên (thường là khi nghĩ đến việc đã qua)
- B. Ở trong trạng thái có những cảm xúc, ý nghĩ trở đi trở lại, làm xao xuyến không yên (thường là khi nghĩ đến việc đã qua)
- C. Ở trong trạng thái có những cảm xúc, ý nghĩ rạo rực làm xao xuyến không yên (thường là khi nghĩ đến việc đã qua)
- D. Ở trong trạng thái có những cảm xúc, ý nghĩ xáo trộn làm xao xuyến không yên (thường là khi nghĩ đến việc đã qua)

Câu 3. Ý nghĩa của trật tự từ “anh – em” trong câu thơ “Em nghĩ về anh, em” là gì?

- A. Thể hiện người con trai luôn có vai trò chủ động trong tình yêu
- B. Thể hiện người vị thế của người con trai trong tình yêu
- C. Thể hiện người con gái luôn nghĩ cho người mình yêu trước
- D. Thể hiện người con gái luôn nhớ đến người con trai

Câu 4. Cụm từ “em nghĩ” được lặp lại hai lần trong đoạn thơ có tác dụng gì?

- A. Nhấn mạnh những khát khao của người con gái
- B. Nhấn mạnh những lo lắng của người con gái
- C. Nhấn mạnh những suy tư của người con gái
- D. Nhấn mạnh những ý nghĩ của người con gái

Câu 5. Chủ đề nổi bật của đoạn trích là gì?

- A. Quy luật của sóng và tình yêu
- B. Đặc điểm của sóng và tình yêu
- C. Tính chất của sóng và tình yêu
- D. Bản chất của sóng và tình yêu

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi từ 6 đến 10:

Đan Thiềm – Ông Cả ! Ông chạy đi ! Ông có nghe tiếng gì không ? Quân giặc đang tìm ông đây : trốn đi !

Vũ Như Tôn – Họ tìm tôi, nhưng có lí gì họ giết tôi. Tôi có gây oán gây thù gì với ai ?

Đan Thiềm – Ông đừng mơ mộng nữa. Dân chúng nông nổi, dễ sinh tàn ác. Họ không hiểu công việc của ông. Tránh đi ! Trốn đi ! Đợi thời là thượng sách. Đừng để phí tài trời. Trốn đi !

Vũ Như Tô – Còn bà ?

Đan Thiềm – Tôi ở đây. (Có tiếng quân reo dữ dội : “Giết chết Vũ Như Tô, giết chết lũ cung nữ”).

Vũ Như Tô (thần nhiên) – Bà ở đây. Vậy tôi cũng ở đây, nguy hiểm ta cùng chịu.

Đan Thiềm – Không được ! Tôi chết đi không thiệt hại cho đời. Còn ông, ông phải đi đi mới được. (Có tiếng nhà đổ, tiếng cửa đổ). Ông đi đi không thì không kịp. (Nàng chấp tay lại) Tôi xin ông, ông nghe tôi trốn đi.

Câu 6. Tác phẩm “Vũ Như Tô” của Nguyễn Huy Tưởng thuộc thể loại nào?

- A. bi kịch
B. chính kịch
C. hài kịch
D. nhạc kịch

Câu 7. Ý nào diễn tả đúng mối quan hệ giữa hai nhân vật Vũ Như Tô và Đan Thiềm trong tác phẩm?

- A. là tình nhân
B. là vợ chồng
C. là chủ - tớ
D. là tri kỉ

Câu 8. Lời nói của Đan Thiềm: “Ông đừng mơ mộng nữa. Dân chúng nông nổi, dễ sinh tàn ác. Họ không hiểu công việc của ông” đã làm nổi bật mâu thuẫn nào trong tác phẩm?

- A. Giai cấp thống trị và giai cấp bị trị
- B. Người nghệ sĩ và người nông dân
- C. Khát vọng nghệ thuật và đời sống
- D. Khát vọng nghệ thuật và tài năng

Câu 9. Câu nói của: “Tôi chết đi không thiệt hại cho đời. Còn ông, ông phải đi đi mới được” đã thể hiện thái độ gì của Đan Thiềm?

- A. Xem thường bản thân mình
- B. Thiếu trách nhiệm với bản thân
- C. Đề cao, trân trọng Vũ Như Tô
- D. Xem thường sự sống và cái chết

Câu 10. Ý nào thể hiện đúng nét đặc sắc nghệ thuật của đoạn trích?

- A. ngôn ngữ kịch điêu luyện
- B. diễn biến tâm lí nhân vật tinh tế
- C. xây dựng nhân vật độc đáo
- D. khả năng liên tưởng phong phú

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi từ 11 đến 15:

Bạn có biết tạp âm có thể đem đến những nguy hiểm gì cho cuộc sống của chúng ta không?

Trong thời kỳ chiến tranh thế giới lần thứ hai, một số quốc gia đã sử dụng tạp âm để tra tấn tù binh, họ dùng loa phóng thanh có âm lượng lớn chĩa về phía gián điệp của nước đối địch, khi người nghe không thể chịu đựng được nữa, bắt đầu xuất hiện trạng thái khó chịu, suy nghĩ khó khăn, đau tim, và các hiện tượng khác thì nhân cơ hội đấy mà người thẩm vấn có thể khai thác được thông tin tình báo.

Khi âm thanh vượt quá 130 dexiben (dB), kẻ bị hành hình sẽ thấy mồ hôi chảy ròng rã, toàn thân co giật, gào thét, thậm chí có người không chịu đựng được phải đập đầu tự vẫn, hoặc bị rách màng tai hay hôn mê bất tỉnh. Rất nhiều tù binh sau khi bị tra tấn xong đều nói: thà bị bắn chết chứ không thể chịu được lại bị tra tấn bằng tạp âm một lần nữa.

Thực ra, ở Trung Quốc vào thời cổ đại cũng có cách tra tấn tương tự như vậy, gọi là “chuông hành quyết”. Đó là cho tù nhân đứng vào bên trong chiếc chuông, sau đó ở bên ngoài gõ, dùng tạp âm giết chết phạm nhân.

(Phi Lan Hội, *Khám phá khoa học Vật lí lí thú*,

NXB Bách khoa Hà Nội, 2017, tr 26 – 27).

Câu 11. Đoạn trích trên viết theo quy tắc nào?

- A. Diễn dịch
- B. Quy nạp
- C. Tổng – phân – hợp
- D. Song hành

Câu 12: Theo đoạn trích, con người đã dùng âm thanh để tra tấn tù binh từ lúc nào?

- A. Từ thời cổ đại
- B. Từ thời trung đại

C. Từ thời hiện đại

D. Từ chiến tranh thế giới thứ hai

Câu 13: Theo đoạn trích, đâu không phải là hậu quả mà tạp âm gây ra?

- A. Tạp âm gây khó chịu cho người nghe
- B. Tạp âm gây tình trạng đau tim ở người nghe
- C. Tạp âm khiến người nghe rối loạn lí trí
- D. Tạp âm khiến người nghe nổi nóng

Câu 14: Ý nào sau đây giải thích chính xác ý nghĩa của từ “tạp âm”?

- A. Những âm thanh quen thuộc có chất lượng kém xen lẫn vào, gây khó khăn cho việc nghe nhận âm thanh chính
- B. Những âm thanh khác lạ có chất lượng kém xen lẫn vào, gây khó khăn cho việc nghe nhận âm thanh chính
- C. Những âm thanh bản thủ có chất lượng kém xen lẫn vào, gây khó khăn cho việc nghe nhận âm thanh chính
- D. Những âm thanh rối loạn có chất lượng kém xen lẫn vào, gây khó khăn cho việc nghe nhận âm thanh chính

Câu 15: Đoạn trích trên bàn về vấn đề gì?

- A. Hình thức tra tấn bằng tạp âm
- B. Đặc điểm của tạp âm
- C. Các dạng tạp âm khác nhau
- D. Tác động của tạp âm

Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi từ 16 đến 20:

(1) “Theo các nhà nghiên cứu nghệ thuật truyền thống, hát chèo xuất hiện vào thời Lý, tuồng ra đời vào triều Trần, ca trù thì có hai nhận định khác nhau: một số cho rằng ca trù có từ thời Lý, số khác nhận định ca trù bắt đầu từ thời Lê và phát triển đến đỉnh cao ở Thăng Long nhờ hát nói. Ban đầu, tuồng là nghệ thuật cung đình nên chỉ diễn ở trong triều cho vua quan thưởng thức nhưng sau cũng được diễn cho dân chúng xem và như ca trù, chèo, hát xoan,... tuồng được diễn tại miếu, đền hay bãi đất trống ở chợ, bên sông, những nơi có nhiều người qua lại. Do ca trù thường được hát tại cửa đền nên được gọi là “hát cửa đền”. Cho đến hôm nay, lễ hội phồn thực Trò Trám với các điệu hát xoan ở xã Tứ Xã, Lâm Thao, Phú Thọ vẫn diễn ra ở miếu.

(2) Nhưng địa điểm diễn xướng bắt đầu thay đổi khi những quán nghi của làng dần biến thành đình. Đình xuất hiện vào thời Lê, định hình vào triều Mạc do ảnh hưởng của Nho giáo vốn phát triển mạnh trong giai đoạn này. Song, dấu vết sớm nhất của việc thờ cúng thành hoàng ở đình làng chỉ thấy từ thế kỷ XVI. Rất khó xác định ngôi đình nào ra đời đầu tiên ở Việt Nam song

hầu hết các nhà nghiên cứu lịch sử và kiến trúc đều thống nhất: Từ khi có đình thì các trò diễn xướng, hát chèo, diễn tuồng, ca trù... chuyển từ đền, miếu sang đình. Thế nên ca trù mới sinh ra hát lễ với các điệu vẫn còn tồn tại đến ngày nay và người ta gọi là “hát cửa đình”. Việc chuyển từ hát ở nơi mặt bằng chật hẹp ra sân đình theo các nhà nghiên cứu nghệ thuật dân gian là sự thay đổi lớn, sân đình rộng rãi lại nằm ở trung tâm của làng, tiện cho việc đi lại. Làng nghèo nhưng đình là bộ mặt nên sân bao giờ cũng được lát gạch Bát Tràng. Sau nhiều thế kỷ, đình làng tồn tại với ba chức năng: hành chính (nơi hội họp của các kỳ mục trong làng), tín ngưỡng (thờ cúng thành hoàng) và sinh hoạt văn hóa văn nghệ (hội hè, các trò chơi dân gian, mời các gánh hát về biểu diễn). Và tất nhiên sân đình các làng trong 36 phường của kinh đô Thăng Long là nơi thuận tiện nhất cho sinh hoạt nghệ thuật bởi Thăng Long không chỉ là nơi nghệ thuật phát triển mạnh mà dân cư còn đông đúc, đó là điều kiện tốt cho các phường hát thu hút người xem.”

(Nguyễn Ngọc Tiến, *Đi ngang Hà Nội*, NXB Trẻ, 2017, trang 279 – 280)

Câu 16. Dãy liệt kê nào sau đây nêu đúng thông tin chính và trật tự trình bày thông tin trong đoạn văn thứ (1)?

- A. Tuồng – trong triều đình, tuồng – tại miếu, đền, bãi đất trống ở chợ, bến sông, ca trù – cửa đền
- B. Ca trù – cửa đền, tuồng – trong triều đình, tuồng – tại miếu, đền, bãi đất trống ở chợ, bến sông
- C. Tuồng – tại miếu, đền, bãi đất trống ở chợ, bến sông, tuồng – trong triều đình, ca trù – cửa đình
- D. B. Ca trù – cửa đình, tuồng – tại miếu, đền, bãi đất trống ở chợ, bến sông, tuồng – trong triều đình

Câu 17. Theo đoạn trích, có những nguyên nhân nào làm cho đình trở thành địa điểm phù hợp để hát ca trù?

- A. Đình là nơi có nhiều người qua lại và đây chính là khán giả của nghệ thuật ca trù
- B. Đình là nơi sinh hoạt văn hóa chung của làng xã
- C. Sân đình rộng rãi, nằm ở trung tâm của làng, tiện cho việc đi lại
- D. Sân đình đều được lát bằng gạch Bát Tràng đây là điều kiện sân bãi phù hợp với nghệ thuật ca trù

Câu 18. Mục đích chính của tác giả đoạn trích này là gì?

- A. So sánh đặc điểm của đình ở các vùng quê và đình ở khu vực 36 phố phường
- B. Giới thiệu các thông tin về đình xưa
- C. Đề nghị bảo tồn các giá trị của đình làng xưa trong cuộc sống hôm nay

D. Cung cấp các thông tin về các loại hình nghệ thuật truyền thống biểu diễn tại sân đình

Câu 19. Theo đoạn trích, các chức năng của đình là gì?

- A. Thực hiện các nghi lễ tín ngưỡng tôn giáo của người dân
- B. Hành chính, tín ngưỡng tôn giáo, sinh hoạt văn hóa nghệ thuật
- C. Hội hè, các trò chơi dân gian, mời các gánh hát về biểu diễn
- D. Nơi họp hội của các kỳ mục trong làng và là nơi thờ thành hoàng làng

Câu 20. Theo đoạn trích, đình các làng trong 36 phường có ưu điểm gì vượt trội phù hợp với sinh hoạt nghệ thuật?

- A. Có sân khấu bốn mặt nên giữa người xem và các nghệ sĩ dân gian có sự giao lưu
- B. Dân cư đông đúc tạo thành một lực lượng khán giả đông đảo
- C. Đây là nơi mà nghệ thuật phát triển mạnh và dân cư tập trung đông đúc
- D. Là nơi thuận tiện nhất cho sinh hoạt nghệ thuật

Câu 21. Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

Hai mươi năm đã trôi qua kể từ ngày sau khi bố tôi mất, tôi chưa có dịp trở lại quê nhà.

- A. đã
- B. trôi qua
- C. sau khi
- D. trở lại

Câu 22. Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

Nếu không trang bị cho mình một vốn hiểu biết về văn học, nghệ thuật thì một tác phẩm hay cũng có giá trị rất ít đối với chúng ta.

- A. trang bị
- B. vốn hiểu biết
- C. tác phẩm
- D. rất ít

Câu 23. Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

Ông giám đốc công ty thương mại bia Hà Nội cho biết: mỗi ngày nhà máy bia Hà Nội sản xuất ra 25 nghìn lít bia hơi, trong khi mỗi ngày lượng bia hơi tiêu thụ của thành phố là 100 nghìn lít, vì thế người ta có pha phách các loại bia hơi khác vào bia Hà Nội để bán là điều không kiểm soát được.

- A. Ông giám đốc
- B. tiêu thụ
- C. pha phách
- D. kiểm soát

Câu 24. Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

Nếu Ngô Quyền với chiến thắng trên sông Bạch Đằng năm 938 đã chấm dứt thời kì 1000 năm mất nước, mở đầu thời kì độc lập mới của dân tộc thì Trần Hưng Đạo với cuộc khởi nghĩa Lam Sơn toàn thắng kết thúc 20 năm thống trị của giặc Minh, khôi phục nền độc lập lâu dài cho Tổ quốc, bắt đầu một kỉ nguyên xây dựng mới.

- | | |
|------------------|-------------|
| A. Ngô Quyền | B. chấm dứt |
| C. Trần Hưng Đạo | D. kết thúc |

Câu 25. Xác định một từ/ cụm từ SAI về ngữ pháp/ hoặc ngữ nghĩa/ logic/ phong cách:

Sau cơn mưa, cánh vật bồng trở nên tung bừng nhảy múa dưới ánh nắng mặt trời.

- | | |
|-----------------------|-------------|
| A. Sau | B. trở nên |
| C. tung bừng nhảy múa | D. mặt trời |

Câu 26. Chọn một từ mà nghĩa của nó KHÔNG cùng nhóm với các từ còn lại.

- | | |
|------------|-------------|
| A. tím tím | B. xanh lè |
| C. đỏ chót | D. vàng ươm |

Câu 27. Chọn một từ mà nghĩa của nó KHÔNG cùng nhóm với các từ còn lại.

- | | |
|--------|--------|
| A. véo | B. giã |
| C. nắn | D. bóp |

Câu 28. Chọn một từ mà nghĩa của nó KHÔNG cùng nhóm với các từ còn lại.

- | | |
|---------|-------|
| A. bung | B. bê |
| C. đội | D. đỡ |

Câu 29. Tác phẩm nào KHÔNG cùng thể loại với những tác phẩm còn lại?

- | | |
|-------------------|-------------------|
| A. Tự tình | B. Câu cá mùa thu |
| C. Chiều cầu hiền | D. Thương vợ |

Câu 30. Tác giả nào sau đây KHÔNG thuộc giai đoạn văn học hiện thực 1930 -1945?

- | | |
|----------------|---------------------|
| A. Nam Cao | B. Ngô Tất Tố |
| C. Nguyên Hồng | D. Nguyễn Minh Châu |

Câu 31. Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

_____ trên đất nước ta có nhiều địa điểm thuận lợi để xây dựng cảng nước sâu _____ Duyên hải Nam Trung Bộ.

(Địa lí 12, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

- | | |
|--------------------|----------------|
| A. Ở đâu/như | B. Không gì/ở |
| C. Không ở đâu/như | D. Mọi nơi/như |

Câu 32. Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

Người ta không được sinh ra cùng với văn hóa, con người được thừa hưởng những _____ thể chất và hành vi bản năng qua sự kế thừa sinh học nhưng văn hóa thì lại là _____ của sự chuyển giao mang tính xã hội.

(Đặng Đức Siêu, *Giáo trình Cơ sở văn hóa Việt Nam*)

- | | |
|-------------------------|----------------------|
| A. thành phần/thành tựu | B. thành tố/kết quả |
| C. kết quả/thành tựu | D. yếu tố/thành phần |

Câu 33. Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

“_____ tiếng Việt của chúng ta đẹp, _____ tâm hồn của người Việt Nam ta rất đẹp, bởi vì đời sống, cuộc đấu tranh của nhân dân ta từ trước tới nay là cao quý, là vĩ đại, nghĩa là rất đẹp”.

(Phạm Văn Đồng)

- | | |
|-------------------|-----------------------|
| A. Bởi vì/cho nên | B. Có lẽ/bởi vì |
| C. Có thể/cho nên | D. Không những/mà còn |

Câu 34. Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

_____ là “một loại cây hùng vĩ và cao thượng, man dại và trong sạch, mỗi cây cao vút, vạm vỡ, ứ nhựa; tán lá vừa thanh nhã vừa rần rỏi mênh mông, tưởng như đã sống tự ngàn đời, còn sống đến ngàn đời sau, từng cây, hàng vạn, hàng triệu cây vô tận”.

- | | |
|-----------------|-------------------|
| A. Cây thông | B. Cây bạch dương |
| C. Cây bạch đàn | D. Cây xà nu |

Câu 35. Chọn từ/ cụm từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu dưới đây:

Tuyên ngôn Độc lập không chỉ hấp dẫn bởi nghệ thuật _____ mà còn lay động sâu sắc người đọc bởi tình cảm thiết tha của tác giả.

- | | |
|------------------|----------------------|
| A. vị nghệ thuật | B. nghị luận mẫu mực |
| C. tự sự | D. trữ tình |

Câu 36. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“Các từ có thể giống nhau ở bình diện cấu tạo: chúng được tạo ra theo cùng một mô hình, một kiểu. Đó là các từ cùng một kiểu cấu tạo. Trong tiếng Việt, dựa vào kiểu cấu tạo, các từ được phân định thành từ đơn, từ ghép (từ ghép đẳng lập, từ ghép chính phụ), từ láy (từ láy hoàn toàn, từ láy bộ phận phụ âm đầu, từ láy bộ phận vần)...”.

(Bùi Minh Toán, *Giáo trình Ngữ pháp tiếng Việt*, NXB Đại học Sư phạm, 2010)

Phong cách ngôn ngữ của đoạn trích là gì?

- A. Phong cách ngôn ngữ chính luận
- B. Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật
- C. Phong cách ngôn ngữ báo chí
- D. Phong cách ngôn ngữ khoa học

Câu 37. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

*“Những đường Việt Bắc của ta
Đêm đêm rầm rập như là đất rung
Quân đi điệp điệp trùng trùng
Ánh sao đầu súng, bạn cùng mũ nan.
Dân công đỏ đuốc từng đoàn
Bước chân nát đá, muôn tàn lửa bay.”*

(Tố Hữu, *Việt Bắc*, Ngữ văn 12 tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2021)

Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong câu thơ “Bước chân nát đá, muôn tàn lửa bay”?

- A. Ẩn dụ
- B. Nhân hóa
- C. Phóng đại
- D. Chơi chữ

Câu 38. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

*Con tàu này lên Tây Bắc, anh đi chẳng?
Bạn bè đi xa, anh giữ trời Hà Nội
Anh có nghe gió ngàn đang rú gọi
Ngoài cửa ô? Tàu đôi những vành trăng.*

(Chế Lan Viên, *Tiếng hát con tàu*, Ngữ văn 12 tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2021)

Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong câu thơ “Ngoài cửa ô? Tàu đôi những vành trăng”?

- A. Ẩn dụ
- B. Hoán dụ
- C. Nhân hóa
- D. Tượng trưng

Câu 39. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“Hắn vừa đi vừa chửi. Bao giờ cũng thế, cứ rượu xong là hắn chửi. Bể đầu hắn chửi trời. Có hề gì? Trời có của riêng nhà nào? Rồi hắn chửi đời. Th cũng chẳng sao: đời là tất cả nhưng chẳng là ai. Tức mình, hắn chửi ngay tất cả làng Vũ Đại. Nhưng cả làng Vũ Đại ai cũng nhủ: “Chắc nó trừ mình ra!” Không ai lên tiếng cả. Tức thật! Ờ! Thế này thì tức thật! Tức chết đi được mất! Đã thế, hắn phải chửi cha đứa nào không chửi nhau với hắn. Nhưng cũng không ai ra điều. Mẹ kiếp! Thế có phí rượu không? Thế thì có khổ hắn không? Không biết đứa chết mẹ nào lại đẻ ra thân hắn cho hắn khổ đến nông nỗi này! A ha! Phải đấy hắn cứ thế mà chửi, hắn cứ chửi đứa chết mẹ nào đẻ ra thân hắn đẻ ra cái thằng Chí Phèo! Hắn nghiêng răng vào mà chửi cái đứa đã đẻ ra Chí Phèo. Nhưng mà biết đứa nào đã đẻ ra Chí Phèo? Có mà trời biết! Hắn không biết, cả làng Vũ Đại cũng không ai biết...”

(Nam Cao, *Chí Phèo*, Ngữ văn 11 tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Đoạn trích sử dụng phương thức biểu đạt nào là chính?

- A. Miêu tả
- B. Biểu cảm
- C. Thuyết minh
- D. Tự sự

Câu 40. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

*Gì sâu bằng những trưa hiu quạnh
Ôi ruộng đồng quê thương nhớ ơi!
Đâu những lưng cong xuống luống cày
Mà bùn hi vọng nước hương ngây
Và đâu hết những bàn tay ấy
Vãi giống tung trời những sớm mai.
Đâu những chiều sương phủ bãi đồng
Lúa mềm xao xác ở ven sông
Vẳng lên trong tiếng xe lửa nước
Một giọng hò đưa hố nảo mừng.*

(Tố Hữu, *Nhớ đồng*, Ngữ văn 11 tập 2, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong câu “Mà bùn hi vọng nước hương ngây”?

- A. Ẩn dụ
- B. Nhân hóa
- C. Hoán dụ
- D. So sánh

Câu 41. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“Bà lão cúi đầu nín lặng. Bà lão hiểu rồi. Lòng người mẹ nghèo khổ ấy còn hiểu ra biết bao nhiêu cơ sự, vừa ai oán vừa xót thương cho số kiếp đứa con mình. Chao ôi, người ta dựng vợ gả chồng cho con là lúc trong nhà ăn nên làm nổi, những mong sinh con đẻ cái mở mặt sau này. Còn mình thì... Trong kẽ mắt kèm nhèm của bà rỏ xuống hai dòng nước mắt... Biết rằng chúng nó có nuôi nổi nhau sống qua được cơn đói khát này không?”

(Kim Lân, *Vợ nhặt*, Ngữ văn 12 tập 2, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Các kết hợp “dựng vợ gả chồng”, “ăn nên làm nổi”, “sinh con đẻ cái” trong đoạn trích được gọi là gì?

- A. Tục ngữ
- B. Thành ngữ
- C. Quán ngữ
- D. Châm ngôn

Câu 42. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

Trời đã bắt đầu đêm, một đêm mùa hạ êm như nhung và thoảng qua gió mát. Đường phố và các ngõ con dần dần chứa đầy bóng tối. Các nhà đã đóng im ỉm, trừ một vài cửa hàng còn thức, nhưng cửa chỉ để hé ra một khe ánh sáng. Trẻ con tụ họp nhau ở thềm hè, tiếng cười nói vui vẻ, khiến An thêm muốn nhập bọn với chúng để nô đùa, nhưng sợ trái lời mẹ dặn phải coi hàng, nên hai chị em đành ngồi yên trên chông, đưa mắt theo dõi những bóng người về muộn, từ từ đi trong đêm.

(Thạch Lam, *Hai đứa trẻ*, Ngữ văn 11, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2014)

Đoạn trích thể hiện nổi bật đặc điểm nào của văn xuôi Thạch Lam?

- A. giàu chất thơ
- B. giàu chất biên ngẫu
- C. giàu chất tiểu thuyết
- D. giàu kịch tính

Câu 43. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“Trần trệ trên mặt bàn, chạm cả vào cạnh quạt Lí cô tình để sát vào mâm cỗ cho bàn ăn thêm đẹp, thêm sang, là la liệt bát đĩa ngồn ngộn các món ăn. Ngoài các món thường thấy ở cỗ Tết như gà luộc, giò, chả, nem, măng hầm chân giò, miến nấu lòng gà, xúp lơ xào thịt bò... - món nào cũng mang dấu ấn tài hoa của người chế biến - là các món khác thường như gà quay ướp húng lủi, vịt tần hạt sen, chả chìa, mọc, vẩy...”

(Ma Văn Kháng, *Mùa lá rụng trong vườn*, Ngữ văn 12 tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong đoạn trích?

- A. Ẩn dụ
- B. Hoán dụ
- C. Liệt kê
- D. Nhân hóa

Câu 44. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“Khi mới cầm bút, ông chịu ảnh hưởng của văn học lãng mạn đương thời. Nhưng ông đã dần nhận ra thứ văn chương đó rất xa lạ với đời sống lầm than của nhân dân lao động và ông đã đoạn tuyệt với nó và tìm đến con đường nghệ thuật hiện thực chủ nghĩa. Trong *Giăng sáng* (1942), ông phê phán thứ văn chương thi vị hóa cuộc sống đen tối, bất công, coi đó là thứ “ánh trăng lừa dối”; đồng thời yêu cầu nghệ thuật phải gắn bó với đời sống, nhìn thẳng vào sự thật “tàn nhẫn”, phải nói lên nỗi khổ đau, cùng quẫn của nhân dân, vì họ mà lên tiếng”.

(Ngữ văn 11 tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Quan điểm nghệ thuật trong đoạn trích là của nhà văn nào?

- A. Nguyễn Công Hoan
- B. Ngô Tất Tố
- C. Nam Cao
- D. Vũ Trọng Phụng

Câu 45. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

... Non sông đã chết, sống thêm nhục
Hiền thánh còn đâu học cũng hoài!
Muốn vượt bể Đông theo cánh gió
Muôn trùng sóng bạc tiễn ra khơi.

(Phan Bội Châu, *Lưu biệt khi xuất dương*, Ngữ văn 11 tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Nội dung nào được thể hiện trong hai câu thơ:

*Muốn vượt bể Đông theo cánh gió
Muôn trùng sóng bạc tiễn ra khơi.*

- A. Quan niệm mới về chí làm trai
- B. Tư thế và tầm vóc của con người trong vũ trụ
- C. Ý thức trách nhiệm của cá nhân trước thời cuộc
- D. Khát vọng hành động và tư thế buổi lên đường

Câu 46. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

“Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ
Mặt trời chân lí chói qua tim
Hồn tôi là một vườn hoa lá
Rất đậm hương và rộn tiếng chim”

(Tố Hữu, *Từ ấy*, Ngữ văn 11, tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Hình ảnh “mặt trời” trong đoạn trích biểu tượng cho điều gì dưới đây

- A. Tác dụng diệu kì của lí tưởng cộng sản tới nhận thức của người thanh niên trẻ tuổi

- B. Ánh sáng của Đảng, ánh sáng của lí tưởng cộng sản
- C. Vai trò lớn lao của Đảng đối với cuộc sống con người
- D. Tư tưởng mới mẻ, đúng đắn, tiến bộ, hợp quy luật, hợp lẽ phải

Câu 47. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

(1) “Bờ Sông Đà, bãi Sông Đà, chuồn chuồn bướm bướm trên Sông Đà. (2) Chao ôi, trông con sông, vui như thấy nắng giòn tan sau kì mưa dầm, vui như nổi lại chiêm bao đứt quãng. (3) Đi rừng dài ngày rồi lại bắt ra Sông Đà, đúng thế, nó dầm dề ăm ăm như gặp lại cổ nhân, mặc dầu người cổ nhân ấy mình biết là lắm bệnh lắm chứng, chốc dậu dằng dặc, rồi chốc lại bản tính và gắt gòn thắc lủn ngay đây.”

(Nguyễn Tuân, *Người lái đò sông Đà*, Ngữ văn 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Điểm độc đáo về cấu trúc ngữ pháp của câu văn thứ (1) trong đoạn trích trên là gì?

- A. Câu văn chỉ có các cụm chủ vị
- B. Câu văn chỉ có chủ ngữ
- C. Câu văn chỉ có trạng ngữ
- D. Câu văn chỉ có các cụm danh từ

Câu 48. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

“Vũ Như Tô – Đời ta không quý bằng Cửu Trùng Đài.

Quân sĩ – Giống vật không biết nhục.

Ngô Hạch – Dẫn nó đi. (Chợt có ánh lửa sáng rực, cả tàn than, bụi khói bay vào).

Vũ Như Tô (nhìn ra, rú lên) – Đốt thực rồi! Đốt thực rồi! Ôi đảng ác! Ôi muôn phần căm giận! Trời ơi! Phủ cho ta cái tài làm gì? Ôi mộng lớn! Ôi Đan Thiềm! Ôi Cửu Trùng Đài! (Có tiếng hô vui vẻ: “Cửu Trùng Đài đã cháy!”)

Quân sĩ – Thực đáng ăn mừng.

Vũ Như Tô (chưa chết) – Thôi thế là hết. Dẫn ta đến pháp trường!

Màn hạ nhanh”

(Nguyễn Huy Tưởng, *Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài* (Trích Vũ Như Tô), Ngữ văn 11, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2015>

Đoạn trích miêu tả tâm trạng gì của Vũ Như Tô?

- A. đau đớn, tuyệt vọng
- B. chua xót, ai oán
- C. căm giận, cay đắng
- D. buồn xuôi, phó mặc

Câu 49. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

“Từ trước đến nay đã có nhiều định nghĩa về thơ, nhưng lời định nghĩa nào cũng vẫn không đủ. Có người nghĩ rằng thơ là những lời đẹp. Nhưng đây phải như vậy. Dưới ngọn bút của Hồ Xuân Hương, những chữ tâm thường củ lời nói hằng ngày nôm na mách quẻ đã trở thành những lời thơ được truyền tụng mãi. Và Nguyễn Du không những để lại những câu thơ như “Mai có cách, tuyết tinh thần” mà còn viết:

“Thoắt trông lờn lợt màu da,
Ăn gì cao lớn đấy đà làm sao!”

Cũng không phải thơ là những đề tài “đẹp”, phong hoa tuyết nguyệt củ các cụ ngày xưa, hoặc những nhớ mong sầu lụy củ các chàng và nàng mộ thời trước Cách mạng. Nhà thơ Pháp Bô-đơ-le đã làm bài thơ nổi tiếng về cá xác chó chết đầy dòi bọ, và ở thời chúng ta, cái xe đạp, khẩu ba-đô-ca, cho đến cái ba lô trên vai chiến sĩ, bóng dây thép gai hung ác củ đồn giặc,... đều củ thể đem nói trong thơ. Nhà thơ ngày nay không đi tìm cái muốn đời viễn vông bên ngoài cuộc sống thực củ con người...”

(Nguyễn Đình Thi, *Mấy ý nghĩ về thơ*, Ngữ văn 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Thao tác lập luận chính củ đoạn trích là gì?

- A. So sánh
- B. Phân tích
- C. Bình luận
- D. Bác bỏ

Câu 50. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời câu hỏi:

“Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ
Mặt trời chân lí chói qua tim
Hồn tôi là một vườn hoa lá
Rất đậm hương và rộn tiếng chim”

(Tố Hữu, *Từ ấy*, Ngữ văn 11, tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Đoạn trích thể hiện chính xác tâm trạng nào củ nhà thơ Tố Hữu?

- A. Niềm vui sướng khi hoàn thành xong tập thơ đầu tay
- B. Sự hào hứng, hân hoan, phấn khởi chào đón đất trời vào hạ
- C. Niềm hạnh phúc củ một tâm hồn gắn bó với thiên nhiên
- D. Sự vỡ òa, sung sướng khi bắt gặp lí tưởng cách mạng

PHẦN 3: ĐÁP ÁN VÀ GIẢI THÍCH ĐÁP ÁN

ĐỀ 1

A. Đáp án

Câu hỏi	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	D	A	C	C	A	B	D	B	A	C
Câu hỏi	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	A	A	B	C	D	B	A	C	A	B
Câu hỏi	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
Đáp án	B	C	A	B	C	C	D	B	D	C
Câu hỏi	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
Đáp án	C	B	A	A	D	C	D	A	B	A
Câu hỏi	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50
Đáp án	C	C	C	A	B	C	B	C	A	D

B. Giải thích đáp án

Câu 2

- Đáp án: A

- Những câu thơ trong đoạn thơ cho biết tác giả nhấn mạnh chặng đường hành quân nhọc nhằn, gian khổ của các chiến sĩ Tây Tiến là các câu 3, 5, 6, 7. Điều này được thể hiện thông qua các từ ngữ mà tác giả Quang Dũng sử dụng trong từng câu. Cụ thể:

- + Câu 3: “sương lấp”, “đoàn quân mỏi”
- + Câu 5: “đốc lên khúc khuỷu”, “đốc thăm thăm”
- + Câu 6: “heo hút”, “cồn mây”
- + Câu 7: “ngàn thước lên cao”, “ngàn thước xuống”

Tất cả những tín hiệu ngôn ngữ đã dẫn trong 4 câu thơ bên trên đều nhấn mạnh chặng đường hành quân nhọc nhằn, gian khổ của các chiến sĩ Tây Tiến.

Câu 7

- Đáp án: D

- Phong cách ngôn ngữ của đoạn trích là phong cách ngôn ngữ chính luận vì tác giả đoạn trích đã trình bày quan điểm của mình về lĩnh vực văn hóa, tư tưởng mà cụ thể là tôn giáo Việt Nam.

Câu 10

- Đáp án: C

- Thao tác lập luận chính của đoạn trích là thao tác lập luận chứng minh. Cụ thể là, mở đầu đoạn trích tác giả Trần Đình Hượu đã đưa ra quan

điểm “Người Việt Nam có thể coi là ít tinh thần tôn giáo” sau đó tác giả đã dùng những lí lẽ (“Họ coi trọng hiện thể trần tục hơn thế giới bên kia”, “Không phải người Việt Nam không mê tín, họ tin có linh hồn, ma quỷ, thần Phật. Nhiều người thực hành cầu cúng”, ...) để làm sáng tỏ quan điểm của mình.

Câu 18

- Đáp án: C

- Việc tác giả trích dẫn kết quả nghiên cứu của hai tác giả Trần Quốc Vượng và Vũ Tuấn Sán trong cuốn *Hà Nội nghìn xưa* có tác dụng chứng minh cho quan điểm: lịch sử hình thành Hà Nội gắn liền với sự hình thành vùng châu thổ Bắc Bộ. Có thể lí giải điều này như sau: mở đầu đoạn trích, tác giả đưa ra quan điểm: “Lịch sử hình thành Hà Nội gắn liền với sự hình thành vùng châu thổ Bắc Bộ, miền lưu vực sông Hồng”, sau đó tác giả trích dẫn kết quả nghiên cứu của hai tác giả Trần Quốc Vượng và Vũ Tuấn Sán trong cuốn *Hà Nội nghìn xưa* như một minh chứng xác đáng làm sáng rõ luận điểm vì đây là hai nhà nghiên cứu có uy tín trong lĩnh vực lịch sử.

Câu 21

- Đáp án: B (săn bắt)

- Giải thích: “Săn bắt” là hành động con người sử dụng các công cụ lao động nhằm săn và bắt các con thú. Đại bàng là động vật, không thể thực hiện hành động này.

Câu 24

- Đáp án: C (nhưng)

- Giải thích: “Nhưng” là quan hệ từ biểu hiện quan hệ trái ngược, nghịch đối giữa hai vế. Vế câu “Cô chăm sóc cho anh từng li từng tí” không có quan hệ trái ngược với vế còn lại “anh vô cùng cảm động trước tình cảm của cô dành cho mình”. Cần thay “nhưng” bằng “và” hoặc “nên”.

Câu 26

- Đáp án: C

- Giải thích: Từ có nghĩa không giống các từ còn lại là “học tập”. “Học vẹt”, “học gạo” và “học vắn” là các kiểu và các cách học. “Học vẹt” là học bằng cách bắt chước y hệt không quan tâm đến nội dung, “học gạo” là học bằng cách nhồi nhét kiến thức thuần túy, “học vắn” là học đánh vắn. “Học tập” là học nói chung.

Câu 30

- Đáp án: C (Ai đã đặt tên cho dòng sông?)

- Giải thích: “Ai đã đặt tên cho dòng sông” thuộc thể loại kí, 3 tác phẩm còn lại thuộc thể loại kịch.

Câu 33

- Đáp án: A (xanh xao)

- Giải thích: “xanh xao” là từ chỉ màu sắc của da người. Các từ còn lại không dùng để miêu tả màu sắc của da người.

Câu 47

- Đáp án: B

- Chính âm thanh tiếng sáo đã đánh thức Mị nhớ về quá khứ, nhớ lại những giai điệu ngọt ngào từ thuở xa xôi. Bằng cách trở về với quá khứ đã thối bùng lên trong lòng Mị khát vọng tình yêu, khát vọng tuổi trẻ, kí ức về quá khứ tươi đẹp một thời đã “có biết bao nhiêu người mê, ngày đêm đã thổi sáo đi theo Mị.”

Câu 49

- Đáp án: A

- Dấu hiệu của biện pháp nhân hóa được thể hiện qua các từ ngữ: “chuyển hướng”, “vòng qua”, “vẽ một hình cung”, “ôm lấy”, “xuôi dần”,...

- Dấu hiệu của biện pháp so sánh được thể hiện qua các câu văn: “và từ đó nó trôi đi giữa hai dãy đồi sừng sững như thành quách”, “người ta luôn luôn nhìn thấy dòng sông mềm như tấm lụa, với những chiếc thuyền xuôi ngược chỉ bé vừa bằng con thoi.”

ĐỀ 2

A. Đáp án

Câu hỏi	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	A	B	A	C	D	D	A	B	B	C
Câu hỏi	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	C	A	D	B	D	C	D	B	A	A
Câu hỏi	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
Đáp án	B	B	C	D	D	B	C	D	B	B
Câu hỏi	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
Đáp án	A	B	C	C	B	C	C	B	B	B
Câu hỏi	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50
Đáp án	C	D	D	B	B	B	A	C	A	A

B. Giải thích đáp án

Câu 2

- Đáp án: B

- Hai câu thơ (3) và (4) chịu ảnh hưởng trực tiếp từ thể loại ca dao vì *mình* và *ta* là những đại từ nhân xưng quen thuộc trong ca dao xưa, là cách

xung hô gần gũi, bình dị, ấm áp của tình yêu lứa đôi vang lên trong các cuộc hát giao duyên

Câu 7

- Đáp án: A

Hình tượng rừng xà nu trong đoạn trích trên được Nguyễn Trung Thành miêu tả:

- Bất hạnh đau thương: “Cả rừng xà nu hàng vạn cây không có cây nào không bị thương. Có những cây bị chặt đứt ngang nửa thân mình, đổ ào ào như một trận bão. Ở chỗ vết thương, nhựa ứa ra, tràn trề, thơm ngào ngào, long lanh nắng hè gay gắt, rồi dần dần bầm lại, đen và đặc quện thành từng cục máu lớn.”

- Kiên cường, mãnh liệt: “Cạnh một cây xà nu mới ngã gục, đã có bốn năm cây con mọc lên, ngọn xanh rờn, hình nhọn mũi tên lao thẳng lên bầu trời”, “Nó phóng lên rất nhanh để tiếp lấy ánh nắng”, “Đạn đại bác không, giết nổi chúng, những vết thương của chúng chóng lành như trên một thân thể cường tráng. Chúng vượt lên rất nhanh, thay thế những cây đã ngã...”

Câu 10

- Đáp án: C

- Dấu hiệu của biện pháp nhân hóa được thể hiện thông qua các từ/cụm từ được Nguyễn Trung Thành sử dụng: “bị thương”, “vết thương”, “từng cục máu lớn”,...

Câu 19

- Đáp án: A

- Từ “Việt Nam” trong đoạn trích là tính từ vì từ “Việt Nam” vốn là danh từ nhưng trong trường hợp này đã được tính từ hóa để khái quát được nhiều tố chất tốt đẹp của cả một dân tộc vào phong cách của một con người cụ thể.

Câu 21

- Đáp án: B (cầm cương nảy mực).

- Giải thích: “cầm cương nảy mực” là phiên bản lỗi của thành ngữ “cầm cân nảy mực”.

Câu 22

- Đáp án: B (bàng quang)

- Giải thích: từ “bàng quang” sai về nghĩa. Từ đúng là “bàng quan”.

Câu 24

- Đáp án: D (và)

- Giải thích: “và” là từ biểu thị quan hệ liên hợp, bổ sung nên không thể kết hợp cùng từ “tuy” để tạo thành cặp quan hệ từ. Từ đúng là “mà”.

Câu 27

- Đáp án: C (đẹp đẽ)
- Giải thích: “Đẹp đẽ” biểu thị đặc điểm của cả hình thức bên ngoài lẫn nội dung bên trong. Các từ còn lại chỉ biểu thị đặc điểm của hình thức bên ngoài.

Câu 33

- Đáp án: C (phu nhân)
- Giải thích: “Phu nhân” là từ Hán Việt, mang màu sắc phong cách trang trọng, phù hợp với “thủ tướng” trong câu.

Câu 47

- Đáp án: A
- Giọng điệu chủ đạo của toàn bộ đoạn trích là tự hào, kiêu hãnh. Có thể dễ dàng nhận ra sắc thái của giọng điệu này qua câu văn đầu tiên của đoạn trích: “Trong những dòng sông đẹp ở các nước mà tôi thường nghe nói đến, hình như chỉ sông Hương là thuộc về một thành phố duy nhất”. Hoàng Phủ Ngọc Tường đã đặt sông Hương ngang hàng với những dòng sông đẹp trên thế giới đồng thời khẳng định nét đặc biệt (“chỉ sông Hương là thuộc về một thành phố duy nhất”) của dòng Hương giang.

Câu 49

- Đáp án: A
- Mặc dù vẫn còn ý kiến tranh luận, nhưng đến nay cơ bản các ý kiến đều thống nhất hiểu đó là Triệu Đà

ĐỀ 3**A. Đáp án**

Câu hỏi	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	C	C	A	B	D	B	A	B	B	C
Câu hỏi	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	C	B	D	C	C	C	D	A	A	B
Câu hỏi	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
Đáp án	C	B	C	D	D	B	A	C	A	B
Câu hỏi	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
Đáp án	C	B	C	B	B	D	A	A	D	C
Câu hỏi	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50
Đáp án	D	B	B	C	B	D	A	B	B	C

B. Giải thích đáp án**Câu 4**

- Đáp án: B
- Trong đoạn trích có 2 từ láy là: “e ấp” và “đong đưa”

Câu 7

- Đáp án: A
- Tâm trạng của bà cụ Tứ trong đoạn trích trên là tâm trạng xót thương, ai oán. Để lí giải điều này có thể căn cứ vào câu văn thứ 3 của đoạn trích: “Lòng người mẹ nghèo khổ ấy còn hiểu ra biết bao nhiêu cơ sự, vừa ai oán vừa xót thương cho số kiếp đứa con mình”

Câu 10

- Đáp án: C
- Dấu ba chấm được tác giả sử dụng trong câu văn “Còn mình thì...” thể hiện sự ngừng lặng trong lời độc thoại nội tâm của nhân vật bà cụ Tứ khi bà so sánh hoàn cảnh gia đình mình và hoàn cảnh gia đình người ta. Để lí giải cho lựa chọn này có thể xuất phát từ một trong những chức năng của dấu ba chấm là dùng để thể hiện chỗ lời nói còn bỏ dở hay ngập ngừng, ngắt quãng

Câu 19

- Đáp án: A
- Quốc hội chính thức thông qua đề án mở rộng địa giới Thủ đô Hà Nội trên cơ sở diện tích thành phố Hà Nội (cũ) mở rộng thêm tỉnh Hà Tây, huyện Mê Linh (Vĩnh Phúc) và 4 xã thuộc huyện Lương Sơn (Hòa Bình) với diện tích tự nhiên 3.334,47km², dân số 6.232.940 người, có 29 đơn vị hành chính quận, huyện, thị xã từ 1/8/2008

Câu 21

- Đáp án: C (độc nhất)
- Giải thích: từ “độc nhất” dùng sai về ngữ nghĩa. Từ đúng là “duy nhất”.

Câu 23

- Đáp án: C (Truyện Kiều)
- Giải thích: “Truyện Kiều” là tên tác phẩm, không tương hợp với các tên riêng chỉ tác giả trong câu.

Câu 26

- Đáp án: B (tàu thuyền)
- Giải thích: “Tàu thuyền” chỉ các loại phương tiện giao thông đường thủy nói chung. Các từ còn lại chỉ các loại thuyền cụ thể.

Câu 28

- Đáp án: C (lèm nhèm)
- Giải thích: “Lèm nhèm” chỉ đặc điểm không được sạch sẽ, rõ ràng, minh bạch của hành động. Các từ còn lại chỉ lời nói của con người.

Câu 33

- Đáp án: C (bảo toàn)
- Giải thích: “Bảo toàn” là giữ cho nguyên vẹn, “bảo tồn” là giữ cho không bị mất đi, “bảo vệ” là chống lại mọi sự xâm phạm và bệnh vực bằng lí lẽ, “bảo đảm” là làm cho chắc chắn thực hiện được, chịu trách nhiệm về lời nói của mình. Từ thích hợp nhất với “mạng sống” là bảo toàn.

Câu 48

- Đáp án: B
- Thao tác lập luận chính của đoạn trích là chứng minh. Hoài Thanh đưa ra luận điểm trong câu văn đầu tiên: “Ngày thứ nhất – ai biết đích ngày nào – chữ tôi xuất hiện trên thi đàn Việt Nam, nó thực bờ ngỡ”. Sau đó, tác giả dùng các lí lẽ (“Nó như lạc loài nơi đất khách. Bởi nó mang theo một quan niệm chưa từng thấy ở xứ này: quan niệm cá nhân. Xã hội Việt Nam từ xưa không có cá nhân. Chỉ có đoàn thể: lớn thì quốc gia, nhỏ thì gia đình. Còn cá nhân, cái bản sắc của cá nhân chìm đắm trong gia đình, trong quốc gia như giọt nước trong biển cả”, ...) để chứng minh cho luận điểm đó.

Câu 50

- Đáp án: C
- Cả đoạn trích là nối tiếp những câu thơ không viết hoa các chữ cái đầu câu, có thể coi đó là những cảm nhận mơ hồ, những liên tưởng đột ngột, những ấn tượng bất chợt của phong cách thơ siêu thực, tượng trưng của cả bài thơ.

ĐỀ 4**A. Đáp án**

Câu hỏi	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	A	B	C	C	D	C	B	A	B	C
Câu hỏi	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	A	B	B	B	A	A	C	B	D	A
Câu hỏi	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
Đáp án	C	C	C	D	C	C	D	A	D	C
Câu hỏi	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
Đáp án	A	A	A	B	C	C	D	A	A	D
Câu hỏi	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50
Đáp án	C	C	B	C	B	B	C	A	B	D

B. Giải thích đáp án**Câu 5**

- Đáp án: D
- Tính từ “rải rác” được đảo lên đầu câu thơ
- Từ “mở” mang nét nghĩa ẩn dụ cho cái chết, cho sự mất mát, hi sinh trong chiến tranh

Câu 7

- Đáp án: B
- Thao tác lập luận chính trong đoạn văn thứ (2) của đoạn trích là bác bỏ. Cụ thể là tác giả đã bác bỏ quan điểm cho rằng “tiếng nước mình nghèo nàn”

Câu 10

- Đáp án: C
- Phép nối được sử dụng qua các từ nối: “Nếu”, “Vị thế”
- Phép lặp: cụm từ “tiếng nói” được lặp lại ở các câu văn (1), (2), (3) trong đoạn văn thứ (1)

Câu 20

- Đáp án: A
- Từ “chỗ đứng” trong đoạn trích gần nghĩa hơn cả với từ “vị trí” vì căn cứ vào ngữ cảnh của câu văn chứa cụm từ “chỗ đứng” trong đoạn trích có thể suy luận rằng những người dân nhập cư vào Hà Nội cần nhanh chóng xác lập cho mình một vị trí, vai trò khi rời làng đi cư ra thành phố tạo lập cuộc sống mới

Câu 21

- Đáp án: C (chế độ)
- Giải thích: Từ “chế độ” dùng sai về nghĩa. “Chế độ” là hệ thống tổ chức chính trị, kinh tế... của xã hội, không thể thực hiện hành động xâm lược. Từ đúng là “kẻ thù”, “thế lực”...

Câu 24

- Đáp án: D (béo bở)
- Giải thích: Từ “béo bở” dùng sai về nghĩa. “Béo bở” là có tác dụng tốt đối với sức khỏe con người. Từ đúng là “béo bờ”

Câu 28

- Đáp án: A (khẩn khoản)
- Giải thích: “Khẩn khoản” là tỏ ra tha thiết, nài nỉ để người khác chấp nhận đề nghị của mình. Các từ còn lại biểu thị sự cần thiết, cấp bách, phải giải quyết nhanh, không được chậm trễ.

Câu 29

- Đáp án: D (róc rách)

- Giải thích: “Róc rách” biểu thị âm thanh của nước chảy. Các từ còn lại biểu thị âm thanh của mưa rơi.

Câu 32

- Đáp án: A (bao che)

- Giải thích: “Bao che” là che giấu tội lỗi, khuyết điểm cho người nào đó. “Che chở” là bảo vệ người nào đó khỏi khó khăn, nguy hiểm. “Che chắn” là giúp đỡ, bảo vệ người nào đó khỏi sự tấn công. “Bao bọc” là giúp đỡ, yêu thương, gần bó với người khác. Từ thích hợp nhất kết hợp với “những tội lỗi, sai trái và tiêu cực” ở trong câu là từ “bao che”.

Câu 47

- Đáp án: C

- Đoạn trích tập trung khắc họa tình yêu thương con tha thiết của người đàn bà hàng chài. Dễ dàng nhận thấy điều này vì xuất phát từ tình yêu thương con mà người đàn bà hàng chài mới gửi thằng Phác – thằng con trai mà mẹ yêu thương nhất lên rừng sống với ông ngoại vì mẹ sợ rằng thằng bé có thể làm những việc lỗi đạo với bố nó.

Câu 48

- Đáp án: A

- Trong đoạn trích trên, nhân vật Huân Cao hiện lên với tấm lòng nhân hậu, trọng nhân cách, tình nghĩa điều này được thể hiện qua chi tiết Huân Cao đồng ý cho viên quản ngục (một người biết trân trọng cái tài và nâng niu cái đẹp) chữ.

ĐỀ 5**A. Đáp án**

Câu hỏi	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	C	D	D	C	B	A	C	C	B	B
Câu hỏi	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	D	C	C	D	B	B	D	B	D	C
Câu hỏi	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
Đáp án	A	A	A	B	C	C	A	D	B	D
Câu hỏi	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
Đáp án	B	B	A	C	A	C	B	C	D	D
Câu hỏi	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50
Đáp án	C	A	C	C	A	B	C	B	C	D

B. Giải thích đáp án**Câu 3**

- Đáp án: D

- Có 4 từ láy trong đoạn trích lần lượt là các từ: “rầm rập”, “điệp điệp”, “trùng trùng”, “thăm thẳm”

Câu 7

- Đáp án: C

- Hành động “băn khoăn ngồi bóp thái dương” của viên quản ngục khi hay tin ngày mai Huân Cao sẽ xuất hiện tại trại giam tỉnh Sơn cho thấy ông là người trân trọng những giá trị, tài năng của con người. Bởi lẽ, Huân Cao chưa đến nhà lao mà tên tuổi và danh tiếng của ông đã đến trước với sự ngưỡng mộ của ngục quan. Viên quan coi ngục thấy được gặp một người như Huân Cao là một cơ hội hãn hữu trong cuộc đời và ông ta trân trọng làm sao có thể khoản đãi Huân Cao trong những ngày cuối đời một cách tươm tất nhất.

Câu 9

- Đáp án: B

- Nhân hóa qua các từ ngữ: “kẻ”, “nâng đỡ”, ...

- Ẩn dụ: hai hình ảnh “một ngôi sao Hôm” và “một ngôi sao chính vị” ẩn dụ cho người tử tù Huân Cao

Câu 20

- Đáp án: C

- Thao tác lập luận chính của đoạn trích là thao tác phân tích vì tác giả đoạn trích đã chia hai đặc điểm của kinh tế làng nghề – phố nghề Hà Nội là đặc điểm về phương thức sản xuất và đặc điểm về phương thức buôn bán thành hai luận điểm, sau đó để triển khai làm sáng tỏ nội dung của từng đặc điểm.

Câu 21

- Đáp án: A (chỉ tiêu)

- Giải thích: Từ “chỉ tiêu” d sai về ngữ nghĩa và sự kết hợp. “Chỉ tiêu” là mức định ra để đạt tới, thường được biểu hiện bằng con số, không thể kết hợp với “nhiệm kì” và các từ trừu tượng như “công bằng”, “dân chủ”. Từ đúng là “mục tiêu”

Câu 24

- Đáp án: B (những cây xanh)

- Giải thích: Cụm từ “những cây xanh” sai về vị trí kết hợp trong câu. Vị trí đúng là đứng ở đầu câu.

Câu 25

- Đáp án: C (chuẩn đoán)

- Giải thích: Từ “chuẩn đoán” sai về âm thanh và hình thức cấu tạo. Từ đúng là “chẩn đoán”. “Chẩn đoán” là xác định bệnh dựa theo triệu chứng và kết quả xét nghiệm.

Câu 27

- Đáp án: A

- Từ *thân thế* không có cùng nhóm nghĩa với các từ còn lại. *Thân thế* là cuộc đời của một người (thường là người có danh tiếng). Ví dụ: thân thế sự nghiệp của một nhà văn. *Lai lịch* là chỉ nguồn gốc và bước đường đã trải qua. Ví dụ: Tìm hiểu lai lịch của đối phương. *Lí lịch* là lai lịch và những điều nói chung cần biết về một người hay một vật nào đó. Ví dụ: Thẩm tra lí lịch của chị Nguyễn Thị A. *Tiểu sử* là thân thế và sự nghiệp của một người được trình bày một cách tóm tắt. Ví dụ: Tiểu sử của Tô Hiệu.

Câu 28

- Đáp án: D (lép nhép)

- Giải thích: Các từ còn lại biểu thị âm thanh của tiếng động nhỏ, liên tiếp. “Lép nhép” biểu thị âm thanh của tiếng động của chất dính và ướt liên tiếp bám vào nhả ra khỏi vật cứng.

Câu 31

- Đáp án: B (bảo tồn)

- Giải thích: “Bảo tồn” là giữ cho không bị biến mất. Đây là từ thích hợp nhất về ngữ nghĩa đối với các cụm từ “động vật hoang dã”, “có nguy cơ tuyệt chủng”.

Câu 47

- Đáp án: C

- Giải thích: Sức mạnh thiên nhiên dữ dội nhất của nước, sóng, gió và đá sông Đà được miêu tả thông qua các câu văn có nhịp ngắt ngắn, nhanh, dồn dập với sự xuất hiện của những hình ảnh điệp nối tiếp: nước, đá, sóng, gió.

Câu 49

- Đáp án: C

- Giải thích: Trước cái chết của Mai và đứa con trai Tnú, trước cảnh Tnú bị bắt trời, bị tra tấn tàn bạo, cụ Mết đau đớn những vẫn rất sáng suốt không để tình cảm chi phối dẫn đến những hành động bột phát không có lợi cho dân làng. Đây cũng chính là lí do giải thích cho việc cụ Mết không xông ra cứu Tnú.

ĐỀ 6

A. Đáp án

Câu hỏi	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	D	A	A	B	B	A	D	B	C	A
Câu hỏi	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	C	A	B	D	C	A	D	B	C	D
Câu hỏi	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
Đáp án	B	B	C	A	D	C	D	C	C	A
Câu hỏi	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
Đáp án	C	C	A	A	C	C	A	B	A	A
Câu hỏi	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50
Đáp án	A	B	B	C	C	A	D	B	C	B

B. Giải thích đáp án

Câu 2

- Đáp án: A

- Biện pháp nhân hóa thể hiện qua các từ ngữ: “giăng”, “che”, “vây”

Câu 8

- Đáp án: B

- Bên cạnh những lời thoại của nhân vật, các chú thích nghệ thuật của tác giả (in nghiêng và đặt trong ngoặc đơn) trong đoạn kịch trên có ý nghĩa giúp người đọc, người nghe hình dung ra được bối cảnh của sự việc, thái độ và tâm trạng của nhân vật. Ví dụ: vẻ nhợt nhạt của Hồn Trương Ba

Câu 10

- Đáp án: A

- Lối sống “bên trong một đảng, bên ngoài một nẻo” là biểu hiện của lối sống giả tạo, không chân thật

Câu 17

- Đáp án: D

Bốn lần mở rộng địa giới hành chính lần lượt là:

- Năm 1961: nâng địa giới Hà Nội lên 584 km² và dân số 91,000 người

- Năm 1978: nâng diện tích tự nhiên lên 2,136 km²

- Năm 1999: sát nhập các làng vào khu vực thành phố đã làm dân số Hà Nội tăng lên đến hơn hai triệu người

- Năm 2008: mở rộng địa giới đã nâng dân số lên 6,4 triệu người

Câu 21

- Đáp án: B (kéo dài) – từ dùng sai logic
- Giải thích: từ “kéo dài” không phù hợp với từ “lượng mưa” trước đó (lượng mưa chỉ có thể là lớn hay nhỏ, nhiều hay ít chứ không thể “kéo dài”).

Câu 22

- Đáp án: B (nhỏ nhen)
- Giải thích: “nhỏ nhen” có nghĩa “hẹp hòi, hay chấp nhất, hay thù vặt”, nghĩa này của từ không phù hợp để nói về thân phận người phụ nữ trong xã hội phong kiến. Từ phù hợp trong câu này là “bé nhỏ” (cũng có thể là “nhỏ mọn”).

Câu 23

- Đáp án: C (Hồ Xuân Hương)
- Giải thích: Hồ Xuân Hương là tên tác giả, không tương thích với hệ thống tên tác phẩm được liệt kê trước đó (Tắt đèn, Truyện Kiều).

Câu 26

- Đáp án: C (mắt bồ câu)
- Giải thích: “mắt bồ câu” là “đôi mắt to tròn, đẹp và trong sáng như mắt chim bồ câu (mắt được dùng với nghĩa đen); các từ còn lại trong nhóm (mắt lưới, mắt bão, mắt na) đều được dùng với nghĩa chuyển đổi của “mắt”.

Câu 27

- Đáp án: D (bồi hồi)
- Giải thích: “bồi hồi” là từ chỉ trạng thái cảm xúc bên trong cơ thể; các từ còn lại trong nhóm (lảo đảo, ngộ nguậy, động đậy) là những hoạt động thể hiện ra bên ngoài, có thể nhìn thấy bằng mắt.

Câu 47

- Đáp án: D
- Đan Thiềm là người sẵn sàng hi sinh để bảo vệ cái tài, cái đẹp. Điều này được thể hiện rất rõ trong lời thoại của chính nhân vật này: “Bao nhiêu tội tôi xin chịu hết. Nhưng xin tướng quân tha cho ông Cả. Ông ấy là một người tài...”

Câu 49

- Đáp án: C
- Tính cách ngây thơ và đáng yêu của nhân vật Việt được thể hiện qua nỗi sợ hãi rất trẻ con của nhân vật này. Đó là nỗi sợ về “con ma cụt đầu vẫn ngồi trên cây xoài mỡ côi và thẳng chổng thụt lưỡi hay nhảy nhót trong những đêm mưa ngoài vòm sông”.

ĐỀ 7**A. Đáp án**

Câu hỏi	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	A	D	B	C	B	A	C	D	C	B
Câu hỏi	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	A	B	B	A	C	A	D	B	C	B
Câu hỏi	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
Đáp án	A	D	A	A	A	C	B	D	D	A
Câu hỏi	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
Đáp án	D	C	B	B	B	B	B	B	D	B
Câu hỏi	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50
Đáp án	C	B	B	B	B	B	A	B	A	D

B. Giải thích đáp án**Câu 2**

- Đáp án: D
- “Áo chàm” là loại áo đặc trưng của đồng bào, người dân Tây Bắc. Từ “Áo chàm” muốn nói đến tình cảm mà người dân Tây Bắc với các chiến sĩ bộ đội Việt Nam

Câu 8

- Đáp án: D
- Vẻ đẹp của con sông Đà được thể hiện qua việc sử dụng những câu văn rất dài và ít dấu ngắt câu. Ví dụ như các câu văn sau đây:
 - “Từ trên tàu bay mà nhìn xuống Sông Đà, không ai trong tàu bay nghĩ rằng cái dây thừng ngoằn ngoèo dưới chân mình kia lại chính là cái con sông hàng năm và đời đời kiếp kiếp làm mình làm mẩy với con người Tây Bắc và phản ứng giận dữ vô tội vạ với người lái đò Sông Đà.”
 - “Hình như khi mà ta đã quen đọc bản đồ sông núi, thì mỗi lúc ngồi tàu bay trên chiều cao mà nhìn xuống đất nước Tổ quốc bao la, càng thấy quen thuộc với từng nét sông tãi ra trên đại dương đá lở lở bóng mây dưới chân mình.”
 - “Chưa hề bao giờ tôi thấy dòng Sông Đà là đen như thực dân Pháp đã đề ngựa con sông ta ra đồ mực Tây vào mà gọi bằng một cái tên Tây láo lếu, rồi cứ thế mà phiết vào bản đồ lại chữ.”

Câu 10

- Đáp án: B
- Đoạn trích sử dụng điểm nhìn từ trên cao nhìn xuống căn cứ vào chi tiết: “Từ trên tàu bay mà nhìn xuống Sông Đà”.

Câu 12

- Đáp án: B

- Theo đoạn trích: Những biến đổi của các sinh vật là ở ngoài ý muốn của chúng

Câu 12

- Đáp án: B

- Đoạn trích không nhắc đến những điều kiện thuận lợi mà tổ tiên để lại

Câu 15

- Đáp án: C

- Vì “thích nghi” tức là trở nên quen dần hoặc có những biến đổi cho phù hợp với môi trường hoặc hoàn cảnh mới

Câu 19

- Đáp án: C

- Căn cứ vào câu văn: “Nhà giàu hơn một chút, thì giữa nhà ngoài và nhà trong, còn thêm một khoang nữa” trong đoạn văn thứ hai của đoạn trích.

Câu 21

- Đáp án: A (tuy)

- Giải thích: quan hệ từ “tuy” ở về câu 1 không tương thích với quan hệ từ “nên” ở về câu 2; nội dung của câu cũng không thể hiện quan hệ đối lập, tương phản mà thể hiện quan hệ nhân – quả; vì vậy, từ đúng trong câu này là “vì”.

Câu 24

- Đáp án: A (Tất cả)

- Giải thích: “tất cả” là từ dùng để chỉ số lượng toàn bộ, không trừ một ai, cái gì hay điều gì; trong câu này, nếu đã dùng “tất cả” ở về đầu câu, về sau không thể dùng từ “riêng” với nghĩa tách biệt sự vật khỏi cái chung; từ đúng trong câu này là “hầu hết”.

Câu 26

- Đáp án: C (chùa chiền)

- Giải thích: “chùa chiền” là từ ghép tổng hợp (từ ghép hợp nghĩa; chùa chiền là chùa nói chung); các từ còn lại trong nhóm (hoa hồng, cá rô, xe đạp) là các từ ghép phân loại (từ ghép phân nghĩa).

Câu 27

- Đáp án: B (xao xuyến)

- Giải thích: “xao xuyến” là từ chỉ trạng thái cảm xúc/tình cảm; các từ còn lại trong nhóm (vị tha, nhân hậu, trung thực) chỉ phẩm chất, tính cách của con người.

Câu 48

- Đáp án: B

Viên quan coi ngục cảm thấy mình “cách xa” ông Huân Cao ở phương diện tài năng. Điều này có thể được quan sát thấy qua các chi tiết sau đây:

- “Cái sở nguyện của viên quan coi ngục này là có một ngày kia được treo ở nhà riêng mình một đôi câu đối do tay ông Huân Cao viết.”

- “Chữ ông Huân Cao đẹp lắm, vuông lắm.”

- “Có được chữ ông Huân mà treo là có một vật báu trên đời.”

- “Y chỉ lo mai một đây, ông Huân bị hành hình mà không kịp xin được mấy chữ, thì ân hận suốt đời mất.”

Câu 50

- Đáp án: D

Nhịp ngắt 4/3 với những chữ “gió”, “mây” riêng rẽ ở từng vế câu đã tạo ra cảm giác có một sự ngăn cách, chia lìa rất quyết liệt. Điều này đối lập hoàn toàn với nhận thức thông thường vì gió mây là hai thực thể gắn kết bởi gió thổi, mây bay. Nhưng trong bức tranh thiên nhiên của Hàn Mặc Tử thì gió một đường, mây một nẻo.

ĐỀ 8**A. Đáp án**

Câu hỏi	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	D	B	B	B	B	C	A	B	D	B
Câu hỏi	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	D	A	D	B	A	B	C	D	B	D
Câu hỏi	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
Đáp án	C	D	B	D	C	C	B	C	C	D
Câu hỏi	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
Đáp án	D	B	B	D	C	B	C	A	B	C
Câu hỏi	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50
Đáp án	D	B	B	C	B	B	A	D	C	A

B. Giải thích đáp án**Câu 3**

- Đáp án: B

- Câu thơ thứ (1) có thể hiểu theo hai lớp nghĩa. Có thể hiểu đó là:

- Lời mời: có ai đó ở thôn Vĩ, ở xứ Huế mộng mơ đang mời thi nhân về thăm thôn Vĩ Dạ.

- Lời trách: vừa thoáng chút hờn dỗi, nũng nịu vì sự “không về” của một người có sự gắn bó sâu sắc với thôn Vĩ Dạ.

Câu 9

- Đáp án: D

- Bởi lẽ, câu chuyện của người đàn bà hàng chài tại tòa án huyện đã giúp cho Đẩu nhận ra rằng những giải pháp mà anh đưa đến cho người đàn bà hàng chài đúng là xuất phát từ ý muốn tốt cho chị song chưa thật sự phù hợp với hoàn cảnh sống của chị. Vô hình trung, những suy nghĩ của Đẩu là những suy nghĩ nông nổi, ngây thơ, phiến diện, một chiều trong cách nhìn nhận, đánh giá cuộc sống và con người.

Câu 11

- Đáp án: D

- Theo đoạn trích, chỉ “số khác” người cho rằng “có một cái gì đó trong hoạt động của bộ não khiến cho não người siêu việt hơn bất kỳ máy móc nào” chứ không phải mọi người.

Câu 12

- Đáp án: A

- Từ “kiểm điểm” có nét nghĩa “nêu ra, phê phán những sai lầm, khuyết điểm” mà 4 từ còn lại không có.

Câu 13

- Đáp án: D

- Theo đoạn trích, quan sát để dẫn đến vấn đề khoa học không chỉ phụ thuộc vào những gì cần nhìn thấy được tại một thời điểm mà còn là những gì được nhìn thấy trước đó.

Câu 17

- Đáp án: C

- Căn cứ vào nội dung hai câu văn cuối cùng trong đoạn văn thứ nhất của đoạn trích ta có thể đi đến kết luận “các mặt hàng do thợ thủ công sản xuất ở phía trong sân” được đem bán ở phố (chính là các cụm nhà bị đường chia cắt).

Câu 22

- Đáp án: D (của Bác Hồ)

- Giải thích: cụm từ “của Bác Hồ” dùng thiếu logic, làm cho câu trở nên tối nghĩa. Để rõ nghĩa, cần bổ sung thêm cụm “theo lời dạy của Bác Hồ”.

Câu 23

- Đáp án: B (bác bỏ)

- Giải thích: từ “bác bỏ” dùng sai phong cách; từ đúng trong câu này là “bãi bỏ”.

Câu 25

- Đáp án: C (y hệt)

- Giải thích: “y hệt” là từ thường dùng trong phong cách sinh hoạt – khẩu ngữ, không phù hợp trong phong cách khoa học; từ dùng đúng trong câu này là “giống”.

Câu 26

- Đáp án: C (kéo)

- Giải thích: “kéo” là động từ chỉ hoạt động tác động vào đối tượng, làm cho đối tượng dịch chuyển hướng vào chủ thể; các từ còn lại trong nhóm (xô, đẩy, hất) chỉ hoạt động tác động vào đối tượng, làm cho đối tượng dịch chuyển hướng ra xa chủ thể.

Câu 28

- Đáp án: C (chạy)

- Giải thích: “chạy” là động từ chỉ hoạt động dời chỗ; các từ còn lại trong nhóm (đứng, nằm, quỳ) chỉ tư thế.

Câu 46

- Đáp án: B

- Nhà thơ yêu đời vì cuộc đời quá đẹp đẽ, niềm yêu đời khiến nhà thơ sung sướng khi được hưởng thụ những hương sắc của cuộc đời. Nhưng niềm sung sướng chưa trọn vẹn thì dòng thơ đã đứt lạng giữa chừng bởi nỗi lo âu thời xuân, tuổi trẻ của con người ngắn ngủi.

Câu 49

- Đáp án: C

- Chất “thép” trong bài thơ là ẩn dụ cho tinh thần chiến đấu, ý chí, bản lĩnh cách mạng. Học sinh có thể liên hệ với tác phẩm “Thép đã tôi thế đấy” của nhà văn Nikolai A. Ostrovsky người Nga.

ĐỀ 9

A. Đáp án

Câu hỏi	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	A	C	B	D	C	B	C	A	C	D
Câu hỏi	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	D	C	D	A	A	B	A	B	A	B
Câu hỏi	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
Đáp án	C	B	A	C	A	C	C	D	B	C

Câu hỏi	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
Đáp án	A	B	C	B	C	D	D	B	B	A
Câu hỏi	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50
Đáp án	B	B	A	A	C	D	D	A	C	A

B. Giải thích đáp án

Câu 4

- Đáp án: D
- Công việc vất vả, cơ cực: “địu”, “lên”, “bẻ”, “nặng chày lưng”
- Thành quả lao động lại nhỏ nhoi, ít ỏi: “từng bắp ngô”

Câu 10

- Đáp án: D
- So sánh: “những cái hút nước giống như cái giếng bê tông thả xuống sông để chuẩn bị làm móng cầu”, “Nước ở đây thờ và kêu như cửa cống cái bị sặc”, “y như là ô tô sang số ần ga cho nhanh để vút qua một quãng đường mượn cạp ra ngoài bờ vực”, “những cái giếng sâu nước ặc ặc lên như vừa rót dầu sôi vào”, “như ghè lấy mép một chiếc lá rừng bị vút vào một cái cốc pha lê nước không lồ vừa rút lên cái gậy đánh phèn”
- Nhân hóa được thể hiện qua các từ ngữ: “thờ”, “kêu”, “lôi tuột xuống”, “tan xác”,...

Câu 11

- Đáp án: D
- Thụ tinh trong ống nghiệm không phải là sinh sản vô tính vì đó không phải là sự nhân bản gen

Câu 1

- Đáp án: C
- Theo John Harris, mỗi năm có khoảng 7,9 triệu trẻ em sinh ra với dị tật bẩm sinh, và điều đó có thể được cải thiện bằng cách “chọn lọc các bộ gen khỏe mạnh và sống thọ từ một người đang còn sống và nhân bản nó”

Câu 13

- Đáp án: D
- **Câu nói minh họa cho ý trước đó:** Trên thực tế, hai người sinh đôi cùng trứng (gen giống hệt nhau) chưa chắc trưởng thành giống nhau hoàn toàn. Bản sao của một nhà quý tộc hoàn toàn có thể trở thành gã giang hồ

Câu 18

- Đáp án: B

- Căn cứ vào ngữ cảnh của đoạn trích có thể thấy những người di cư ra thành phố phải đi lại giữa hai nơi đó là nguyên quán của mình ở làng quê và chốn thị thành

Câu 23

- Đáp án: A (mộng mị)
- Giải thích: “mộng mị” có nghĩa là chiêm bao (nói chung), không phù hợp về nghĩa và không tương thích với chủ ngữ “các cô nữ sinh” tuổi 18; từ dùng đúng trong câu này là “mộng mơ”.

Câu 24

- Đáp án: C (thỏ lộ)
- Giải thích: “thỏ lộ” có nghĩa là “nói ra với người khác những điều thầm kín của mình”. Nghĩa của từ này không phù hợp, không logic với cụm từ đi trước nó “trong lòng cô” và cụm từ đi sau nó “niềm vui sướng”. Từ phù hợp, có thể dùng trong câu này là: dâng lên, dấy lên, trào dâng...

Câu 26

- Đáp án: C (mát lạnh)
- Giải thích: “mát lạnh” chỉ mức độ của nhiệt độ (thấp); các từ còn lại được dùng với nghĩa chuyển đổi của yếu tố “mát”: cảm thấy dễ chịu, tự hào, hãnh diện...

Câu 28

- Đáp án: D (trọng vọng)
- Giải thích: “trọng vọng” có nghĩa “hết sức coi trọng và ngưỡng mộ”; các từ còn lại trong nhóm (trọng điểm, trọng yếu, trọng tâm) đều có nghĩa chung là: điểm quan trọng, chủ yếu, cần thiết...

Câu 47

- Đáp án: D
- Căn cứ vào câu văn thứ hai của đoạn trích: “Ta khuyên thầy Quản nên thay chốn ở đi”

Câu 50

- Đáp án: A
- Đó là hai câu thơ lấy vẻ đẹp của con người (“hàng mi”, “cặp môi gần”) làm chuẩn mực của vẻ đẹp. Điều này xuất hiện trong giai đoạn văn học hiện đại (trong trường hợp này là nhà thơ Xuân Diệu cùng phong trào Thơ Mới) chứ chưa từng có trong giai đoạn văn học trung đại trước đây vì văn học trung đại lấy thiên nhiên làm chuẩn mực của mọi vẻ đẹp.

ĐỀ 10

A. Đáp án

Câu hỏi	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	A	C	A	C	A	B	D	B	B	C
Câu hỏi	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	C	D	A	B	A	C	D	C	A	B
Câu hỏi	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
Đáp án	A	D	B	A	A	C	C	B	C	D
Câu hỏi	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
Đáp án	C	D	A	A	D	B	A	B	B	B
Câu hỏi	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50
Đáp án	A	C	D	D	D	C	B	D	B	C

B. Giải thích đáp án

Câu 2

- Đáp án: C

- “Hoa” là hình ảnh hoán dụ cho vẻ đẹp thiên nhiên, cảnh sắc núi rừng Tây Bắc

Câu 7

- Đáp án: D

- Đoạn trích trên được trần thuật từ điểm nhìn của nhà văn Kim Lân. Tác giả đóng vai trò là người quan sát và miêu tả lại tâm trạng của nhân vật Tràng vào buổi sáng hôm sau.

Câu 19

- Đáp án: A

- Có 1 thành ngữ trong đoạn trích là “giật gấu vá vai”

Câu 21

- Đáp án: A (vợ chồng son)

- Giải thích: Vợ chồng son là cách gọi dành cho những cặp vợ chồng trẻ mới cưới chưa có con; trong câu, cụm từ này không logic với “đứa con bé bỏng” đứng sau.

Câu 22

- Đáp án: D (lọt xuống)

- Giải thích: cụm từ “lọt xuống” dùng trong câu không phù hợp; trong bóng đá, việc thất bại trong các trận bóng sẽ đẩy đội bóng “tụt hạng”, còn thành công thì họ sẽ “lọt vào” các vòng trong. Từ dùng đúng trong câu này là “tụt xuống”.

Câu 24

- Đáp án: A (không phải)

- Giải thích: để biểu thị quan hệ tăng tiến, câu thường dùng cặp quan hệ từ: không chỉ - mà còn, hoặc không những - mà còn. Trong câu này, cặp quan hệ từ đúng là: không chỉ - mà còn.

Câu 26

- Đáp án: C (bất hủ)

- Giải thích: “bất hủ” có nghĩa là “Không bao giờ mất đi; có giá trị mãi mãi”; các từ còn lại trong nhóm (bất hảo, bất minh, bất kham) đều có nghĩa chung: chỉ con người (vật) hoặc việc làm không tốt.

Câu 27

- Đáp án: C (đánh)

- Giải thích: “đánh” là động từ chỉ hành động. Các từ còn lại trong nhóm (buồn, vui, sợ) là những động từ chỉ trạng thái/cảm xúc.

Câu 46

- Đáp án: C

- Gọi sự giàu có trong bữa tiệc trần gian sang trọng và cảm dỗ: trong ngữ pháp tiếng Việt, từ “và” thường chỉ xuất hiện ở vế cuối cùng. Trong câu thơ này, từ “và” xuất hiện tới 3 lần ở cả 3 vế câu đã gọi ra sự thừa thãi, giàu có trong bữa tiệc trần gian.

- Thể hiện niềm khát sống thêm yêu mãnh liệt của thi nhân hiện đại: cuộc đời đẹp đẽ, mùa xuân của đất trời thì vô hạn nên thi nhân có tận hưởng, chiếm lĩnh bao nhiêu vẫn thấy như ít ỏi, muốn nhận thêm, hưởng thêm.

Câu 48

- Đáp án: B

- “Cần” là động từ mạnh mẽ nhất, nó đưa thi nhân lên tới đỉnh điểm của hạnh phúc khiến cho sự tận hưởng cuộc đời của nhà thơ được bộc lộ mạnh mẽ, quyết liệt. Trong thơ Xuân Diệu, tình yêu đời, yêu cuộc sống tươi đẹp luôn hiện ra trong những câu thơ miêu tả cụ thể, mang đậm khát khao giao cảm và tận hưởng, chiếm lĩnh, luôn bao gồm cả sự đồng điệu, hòa nhập tâm hồn và thể xác.

A. Đáp án

ĐỀ 11

Câu hỏi	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	B	A	A	A	A	A	D	A	A	D
Câu hỏi	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20

Đáp án	B	D	D	C	D	B	C	B	A	D
Câu hỏi	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
Đáp án	C	D	B	C	D	B	D	D	D	C
Câu hỏi	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
Đáp án	B	B	C	B	C	B	C	B	B	D
Câu hỏi	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50
Đáp án	A	D	A	C	C	D	B	A	A	B

B. Giải thích đáp án

Câu 1

- Đáp án B

- Một trong những nội dung chủ yếu của bản Tuyên ngôn là lên án, tố cáo tội ác của thực dân Pháp và vạch trần dã tâm xâm lược của thực dân Pháp. Tuy nhiên ý nghĩa của việc trích dẫn hai bản Tuyên ngôn của tổ tiên người Pháp và người Mỹ thì lại không nhằm mục đích, ý nghĩa lên án, tố cáo.

Câu 5

- Đáp án: A

- Từ “thế mà” thể hiện quan hệ đối lập, tương phản giữa hai nội dung đứng trước và đứng sau. Nội dung đứng trước Bác trích lại lời hai bản Tuyên ngôn thể hiện quan điểm, lí tưởng tiến bộ của người Pháp, người Mỹ về quyền con người. Nội dung sau, Bác khẳng định những việc làm vô nhân đạo đi ngược lại với lí tưởng đấu tranh của tổ tiên mà thực dân Pháp đã thi hành ở nước ta.

Câu 6

- Đáp án A

- Đoạn trích chủ yếu thể hiện nỗi nhớ da diết của nhà văn với quê nhà, với Bắc Việt.

Câu 11

- Đáp án: B

- Trong đoạn trích, tác giả nhấn mạnh cuộc cách mạng sẽ thay đổi sâu sắc cách chúng ta sống, làm việc và liên hệ với nhau.

Câu 12

- Đáp án: D

- Thông tin từ đoạn trích cho thấy cách mạng công nghiệp lần thứ 4 không phải phát triển chỉ dựa vào thế giới số mà còn cả thế giới vật chất và thế giới sinh học

Câu 13

- Đáp án: D

- Đoạn trích chủ yếu giới thiệu, diễn giải về đặc điểm và sự xuất hiện của cách mạng công nghiệp lần thứ tư

Câu 16

- Đáp án: D

- Những nội dung được trình bày trong đoạn trích nhằm cung cấp cho độc giả các thông tin về phố phường Hà Nội xưa, cụ thể là sự vận động trong cách định nghĩa về “phố” và “phường” từ trước cho tới thời gian gần đây.

Câu 20

- Đáp án: D

- Đó là những câu văn như: “Trên thực tế khu vực buôn bán này gồm hàng trăm phố. Hơn nữa con số ba sáu là số đẹp (xuất hiện trong nhiều câu ngôn ngữ)”, “Phố là đề tài của nhiều bài ca dao, tục ngữ”,...

Câu 21

- Đáp án: C (đẹp đẽ)

- Giải thích: Từ “đẹp đẽ” dùng sai Ngữ pháp; “đẹp đẽ” là một tính từ, không kết hợp với phụ từ có ý nghĩa chỉ lượng “mọi”. Kết hợp sau “mọi” thường là một danh từ (ví dụ: vẻ đẹp, cái đẹp...)

Câu 22

- Đáp án: D (năng lực)

- Giải thích: “năng lực” là là một danh từ, danh từ này không đứng sau phụ từ chỉ mức độ (đứng sau “rất là” thường phải là một tính từ); kết hợp đúng: “...rất có năng lực”.

Câu 25

- Đáp án: D (thô bỉ)

- Giải thích: “thô bỉ” nghĩa là cục cằn, thô lỗ, xấu xa và đáng khinh bỉ, thường dùng để nói về lời nói, cách hành xử. Trong câu này “thô bỉ” không phù hợp về nghĩa với “hành động tàn phá của con người”. Từ đúng trong trường hợp này là: thô bạo.

Câu 26

- Đáp án: B (Chớp)

- Giải thích: “Chớp” là động từ chỉ hoạt động của “mắt”, các từ còn lại chỉ hoạt động của “mắt”.

Câu 27

- Đáp án: D (há)

- Giải thích: “há” là hành động của mồm, miệng; các từ còn lại chỉ hành động của cổ.

Câu 46

- Đáp án: D

- Những câu văn này là dòng suy nghĩ của nhân vật Việt khi anh tỉnh dậy lần thứ tư ở chiến trường

Câu 48

- Đáp án: A

- Đứng trước không gian bao la, rộn rөг không một bóng người, nhân vật trữ tình mang tâm trạng buồn man mác mà ẩn chứa một niềm khát khao giao cảm, gắn bó với con người, với cuộc đời.

Câu 50

- Đáp án: B

- Từ xa xưa thi sĩ đã từng than thở về sự ngắn ngủi của kiếp người, người ta gọi là kiếp phù vân hay bóng câu qua cửa sổ. Nhưng con người thời trung đại hình như yên trí bình tĩnh với quan niệm thời gian tuần hoàn với chu kì bốn mùa, cũng như chu kì 3 vạn 6 ngàn ngày của kiếp người. Họ cho rằng, người chết chưa hẳn là hư vô, có thể cùng trời đất tuần hoàn trở lại, hết một vòng, thời gian lại quay về điểm xuất phát ban đầu (Quan niệm về trời đất và con người nhất thể). Còn con người hiện đại sống bằng quan niệm thời gian tuyến tính. Thời gian như một dòng chảy vô thủy vô chung mà mỗi một khoảnh khắc đi qua là mất đi vĩnh viễn. Niềm tin xưa đã mất ở các nhà thơ khi ý thức cá nhân thức tỉnh. Thước đo thời gian của thi sĩ là tuổi trẻ. Tuổi trẻ đã một đi không trở lại thì làm chi có sự tuần hoàn.

A. Đáp án**ĐỀ 12**

Câu hỏi	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	C	D	B	A	C	B	C	C	B	D
Câu hỏi	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	D	B	D	B	C	C	B	A	C	D
Câu hỏi	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
Đáp án	B	B	C	D	C	A	C	D	C	A
Câu hỏi	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
Đáp án	A	D	B	B	D	A	D	B	C	B

Câu hỏi	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50
Đáp án	A	C	A	B	B	D	B	A	B	D

B. Giải thích đáp án**Câu 1**

- Đáp án: C

- Từ “tương lai” chỉ thời gian sẽ đến về sau này; phân biệt với hiện tại và quá khứ. Đây là từ chỉ có nghĩa gốc, không có nghĩa chuyển.

Câu 2

- Đáp án: D

- “Hôm nay” và “ngày mai” là cặp từ chỉ thời gian nối tiếp. Cặp từ ngày không mang nghĩa trái ngược.

Câu 8

- Đáp án: C

- Vũ Trọng Phụng không nổi bật ở lĩnh vực truyện ngắn nên nhận định ông là “cây bút truyện ngắn sắc sảo” không đúng.

Câu 9

- Đáp án: B

- Cụm từ “Đám cứ đi” là dụng ý nghệ thuật của tác giả nhằm nhấn mạnh “sự giả dối, lộ lợng cứ ngang nhiên diễn ra”.

Câu 11

- Đáp án D

- Đáp án D (Vì các chính trị gia làm ảnh hưởng đến việc xét nghiệm) sai vì đây không phải là nguyên nhân khiến việc xét nghiệm bị hạn chế. Đoạn trích chỉ cho biết những người nổi tiếng và chính trị gia không có triệu chứng đều được xét nghiệm.

Câu 12

- Đáp án: B

- Không phải người Mỹ chỉ tiêu cho chăm sóc sức của tất cả mọi người dân ở mức cao, gần bằng gấp đôi chi phí các nước khác mà chỉ người nổi tiếng, chính trị gia và người có tiền mới được chăm sóc tốt. Mức chi tiêu nói trên là mức chia trung bình.

Câu 13

- Đáp án: D

- Ý D được nói rõ ở cuối đoạn trích: Việc không xét nghiệm được số lượng lớn những người dễ bị tổn thương khiến mọi người không an toàn.

Câu 18

- Đáp án: A

- Căn cứ vào nội dung thông tin trong câu văn thứ (2) thuộc đoạn văn thứ (1) của đoạn trích.

Câu 19

- Đáp án: C

- Căn cứ vào nội dung thông tin trong câu văn thứ (3) và câu văn thứ (4) thuộc đoạn văn thứ (2) của đoạn trích.

Câu 21

- Đáp án: B (xâm nhập) – từ dùng sai về nghĩa

- Giải thích: “xâm nhập” có nghĩa là “đi vào một cách trái phép, thường gây ra tác hại”; từ đúng trong câu này là “thâm nhập” (đi sâu vào và cùng hoà mình trong một môi trường hoạt động nào đó).

Câu 22

- Đáp án: B (thâm thiết) – từ dùng sai về nghĩa

- Giải thích: “thâm thiết” có nghĩa “hết sức thương tâm, thâm, đau xót”, thường dùng với các động từ chỉ hành động như “kêu gào”, “khóc lóc”; từ đúng trong câu này là “thâm thương”.

Câu 23

- Đáp án: C (họ) – từ dùng sai logic

- Giải thích: “họ” là đại từ chỉ ngôi thứ 3 (số nhiều); trong câu này “họ” không thay thế cho “Nguyễn Du” (ngôi 1, số ít) đã xuất hiện trước đó; từ đúng trong câu này là “mình” hoặc “ông”.

Câu 26

- Đáp án: A (chau)

- Giải thích: “chau” là một động từ chỉ hoạt động của “mặt” hoặc “mày”; các từ còn lại trong nhóm (há, ngoác, nhoèn) là hành động của “miệng”.

Câu 28

- Đáp án: D (đã)

- Giải thích: “đã” là một phó từ (phụ từ) có ý nghĩa chỉ thời gian; các từ còn lại trong nhóm (rất, quá, lắm) có ý nghĩa chỉ mức độ (đi kèm với tính từ).

Câu 46

- Đáp án: D

- Được thể hiện qua các từ ngữ sau đây: “chẳng còn tôi mãi”, “bâng khuâng”, “tiếc”, “chia phôi”, “tiễn biệt”, “bay đi”, “đứt tiếng reo thì”, “phai tàn”.

Câu 48

- Đáp án: A

- Căn cứ vào hình thức của câu văn thứ (1) thuộc đoạn văn thứ (1) trong đoạn trích: “Trước khi về đến vùng châu thổ êm đềm, nó đã là một bản trường ca của rừng già, rầm rộ giữa bóng cây đại ngàn, mãnh liệt qua những ghềnh thác, cuộn xoáy như cơn lốc vào những đáy vực bí ẩn, và cũng có lúc nó trở nên dịu dàng và say đắm giữa những dặm dài chói lọi màu đỏ của hoa đỗ quyên rừng”. Đây là một câu văn dài với nhiều vế ngắt liên tiếp.

A. Đáp án**ĐỀ 13**

Câu hỏi	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	A	B	C	C	C	D	C	B	C	C
Câu hỏi	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	D	C	C	C	D	D	B	A	D	A
Câu hỏi	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
Đáp án	D	D	B	B	A	D	C	C	A	D
Câu hỏi	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
Đáp án	A	C	A	B	D	C	B	B	B	B
Câu hỏi	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50
Đáp án	C	B	C	A	C	D	D	C	C	D

B. Giải thích đáp án**Câu 1**

- Đáp án: A

- Nhân hóa: “sông Hương đã sống một nửa cuộc đời của mình; so sánh: “như một cô gái Digan phóng khoáng và man dại”

Câu 3

- Đáp án: C

- Đoạn trích thuộc phong cách nghệ thuật vì được trích từ một tác phẩm nghệ thuật - bút kí “Ai đã đặt tên cho dòng sông?”.

Câu 5

- Đáp án: D

- Đoạn trích miêu tả sông Hương ở thượng nguồn Trường Sơn. Đây là phần đặc điểm và vẻ đẹp của sông Hương ít được khám phá từ xưa đến nay. Vì

đoạn văn trong bút kí của Hoàng Phủ Ngọc Tường đã cho thấy sự khám phá mới lạ, độc đáo của tác giả.

Câu 11

- Đáp án: D

- Ý D không được nói đến trong đoạn trích vì đoạn trích cho biết trẻ em Mỹ có thể tự mình sửa chữa những món đồ chơi bị hỏng chứ không phải sửa chữa đồ đạc hư hỏng (nghĩa của từ “đồ đạc” rộng hơn từ “đồ chơi”)

Câu 13

- Đáp án: C

- Vì: Câu chủ đề đặt ở vị trí cuối đoạn trích: “Tất cả những điều nói trên là **hiện thân** cho phương pháp giáo dục độc đáo của người Mỹ.”

Câu 15

- Đáp án: D

- Vì “hiện thân” hiểu theo nghĩa văn chương thì là biểu hiện cụ thể của một cái gì đó.

Câu 16

- Đáp án: D

Đó là các lí do:

- Diện tích canh tác của các hộ dân ở miền Bắc rất nhỏ

- Lượng rau, củ quả trồng ra không thể cung cấp cho các cửa hàng hay siêu thị nên chỉ còn cách mang ra chợ

- Chăn nuôi cũng manh mún, nhà nuôi chục con gà cũng chỉ còn cách mang ra chợ

- Có thể phóng xe máy vào tận nơi, không phải gửi tiền, tốn thêm thời gian

- Tính tiện lợi và rẻ

- Một số mặt hàng siêu thị không có và chỉ chợ truyền thống mới đáp ứng được

Câu 17

- Đáp án: B

Căn cứ vào nội dung thông tin trong câu văn thứ (3) và câu văn thứ (4) thuộc đoạn văn thứ (3) của đoạn trích: “Chợ phản ánh sự phát triển kinh tế xã hội của một thành phố, một quốc gia đang ở mức nào. Chừng nào Hà Nội còn nhiều chợ truyền thống thì chừng đó kinh tế, xã hội vẫn còn ở mức thấp.”

Câu 21

- Đáp án: D (lần thứ III)

- Giải thích: cụm từ “lần thứ III” dùng sai trật tự ngữ pháp dẫn đến lỗi logic của câu; cụm từ này phải đứng sau cụm “Hội nghị thượng đỉnh”.

Câu 23

- Đáp án: B (gan dạ) – từ dùng sai về nghĩa

- Giải thích: “gan dạ” có nghĩa “có tinh thần không lùi bước trước nguy hiểm, không sợ nguy hiểm”, nghĩa này của từ không tương hợp với chủ ngữ “Bọn giặc” và cả hành động “nhất định không chịu hạ súng đầu hàng”; từ dùng trong câu này là “ngoan cố”.

Câu 24

- Đáp án: B (tranh cãi) – từ dùng sai về nghĩa

- Giải thích: “tranh cãi” có nghĩa “bàn cãi gay gắt để phân rõ phải trái”, nghĩa này của từ không phù hợp với cụm từ đi sau “về phương pháp học tập”; từ dùng trong câu này là “thảo luận”.

Câu 26

- Đáp án: D (hãy)

- Giải thích: “hãy” là một phó từ có ý nghĩa mệnh lệnh (kết hợp với động từ); các từ còn lại trong nhóm (sẽ, đang, từng) là các phụ từ có ý nghĩa chỉ thời gian.

Câu 27

- Đáp án: C (vừa rồi)

- Giải thích: “vừa rồi” có ý nghĩa chỉ thời gian; các từ còn lại trong nhóm (vừa mất, vừa ý, vừa lòng) chỉ sự ưng ý, hài lòng, vui thích...nói chung.

Câu 28

- Đáp án: C (dự thính)

- Giải thích: “dự thính” có nghĩa “tham dự vào để nghe chứ không có tư cách thành viên chính thức”; các từ còn lại trong nhóm (dự tính, dự báo, dự đoán) có nghĩa chung là: nhận định trước, đoán trước một sự việc trong tương lai.

Câu 46

- Đáp án: D

- Điệp từ: “tiếng ghi ta”, “tiếng đàn”

- Nhân hóa: “ròng ròng máu chảy”

- So sánh: “tiếng đàn như cỏ mọc hoang”

- Ẩn dụ ở các hình ảnh: “tiếng ghi ta nâu”, “tiếng ghi ta lá xanh”, “tiếng ghi ta tròn bọt nước vỡ tan”, “tiếng ghi ta ròng ròng máu chảy”, “giọt nước mắt vàng trắng”, “đáy giếng”

Câu 48

- Đáp án: C

- Nhà thơ Anh Thơ sinh ra và lớn lên ở Hải Dương – một tỉnh thuộc khu vực Đồng bằng Bắc bộ nên bài thơ “Chiều xuân” chính là cảnh sắc thiên nhiên của quê hương bà.

A. Đáp án**ĐỀ 14**

Câu hỏi	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	B	C	C	C	A	B	A	C	B	D
Câu hỏi	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	B	C	B	C	D	C	B	A	D	A
Câu hỏi	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
Đáp án	D	A	D	A	B	A	C	B	C	C
Câu hỏi	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
Đáp án	B	A	B	C	C	D	C	B	B	B
Câu hỏi	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50
Đáp án	D	A	D	D	D	D	B	A	C	D

B. Giải thích đáp án**Câu 2**

- Đáp án: C

- Sống trong không khí ngày xuân, đặc biệt là khi nghe thấy tiếng sáo gọi bạn tình, Mị thôn thức nhớ về quá khứ và để quên đi thực tại đau khổ, Mị đã tìm đến với rượu. Cách uống “ực” từng bát của Mị phần nào đã thể hiện điều đó.

Câu 4

- Đáp án: C

- Khi nghe tiếng sáo gọi bạn tình, trong một khoảnh khắc nhất định, Mị bỗng nhớ về quá khứ tươi đẹp và cô được sống với cảm giác vui sướng, hạnh phúc trong chốc lát.

Câu 7

- Đáp án: A

- Hình ảnh cánh bèo gọi liên tưởng đến những kiếp người trôi nổi, vô định. Hai từ “về đâu” càng tô đậm sắc thái trôi nổi, vô định đó.

Câu 8

- Đáp án: C

- Biện pháp liệt kê: sông dài, trời rộng, bến cô liêu. Biện pháp đối lập: hình ảnh “sông dài, trời rộng” gợi sự mênh mông, rộng lớn, đối lập với “bến cô liêu” gợi sự cô đơn, nhỏ nhoi, trơ trọi.

Câu 18

- Đáp án: A

- Hai cụm từ “tứ chiếng” và “tứ xứ” đều có nghĩa là ở khắp mọi nơi, đi khắp mọi nơi

Câu 20

- Đáp án: A

- Căn cứ vào nội dung thông tin trong ba câu văn cuối cùng của đoạn trích.

Câu 22

- Đáp án: A (muru trí) – từ dùng sai về nghĩa

- Giải thích: “muru trí” có nghĩa là “Muru kế và tài trí của người khôn ngoan, thao lược”, nghĩa này của từ không phù hợp với nhân vật Cám (bản chất độc ác, xảo quyệt); từ đúng trong câu này là “muru mô”.

Câu 23

- Đáp án: D (con số)

- Giải thích: từ “con số” bị dùng thừa trong câu này, vì trước nó đã có từ “số liệu”.

Câu 24

- Đáp án: A (hợp tác) – từ dùng sai nghĩa

- Giải thích: “hợp tác” có nghĩa là “cùng nhau chung tay làm việc, giúp đỡ, hỗ trợ lẫn nhau trong công việc để cùng hướng tới một mục tiêu tốt đẹp”, nghĩa này của từ không tương hợp với hành động của “lũ quan lại dưới triều đình phong kiến”; từ phù hợp hơn trong câu này là “câu kết”.

Câu 25

- Đáp án: B (dự đoán)

- Giải thích: “dự đoán” có nghĩa là “đoán trước một việc sẽ xảy ra trong tương lai”, nghĩa này của từ không phù hợp với nội dung của cả câu; từ đúng trong câu này: *phỏng đoán* (hoặc đoán)

Câu 26

- Đáp án: A (lạnh nhạt)

- Giải thích: “lạnh nhạt” có nghĩa “không có biểu hiện tình cảm thân mật, gần gũi trong sự tiếp xúc” (dùng trong phạm trù tình cảm/cảm xúc); các từ còn lại trong nhóm (lạnh giá, lạnh cóng, lạnh lạnh) là các tính từ chỉ các mức độ của nhiệt độ (nhiệt độ thấp).

Câu 28

- Đáp án: B (đề đóm)

- Giải thích: “đề đóm” là một danh từ mang tính khẩu ngữ để chỉ “đề và các trò cờ bạc khác (nói khái quát)”; các từ còn lại trong nhóm (đề xuất, đề cử, đề đạt) là các động từ.

Câu 46

- Đáp án: D

- “Cúi một cành khô”: một hình ảnh mang hơi thở của cuộc sống, không mang tính ước lệ, sáo mòn. “Cúi” không còn là một vật vô tri trôi nổi trên sông mà dường như mang trong nó cả một thân phận, gợi liên tưởng tới những kiếp người vô định, mất hướng. Phương thức cũ nhưng phương tiện lại mới, hiện đại. Đó chính là cách lựa chọn hình ảnh không mòn sáo, quen thuộc như trong thơ văn trung đại của nhà thơ Huy Cận.

Câu 47

- Đáp án: B

- Kết hợp từ ngữ độc đáo “sâu chót vót”: từ láy “chót vót” xưa nay thường được dùng để miêu tả độ cao. Nhưng trong câu thơ của Huy Cận cụm từ “sâu chót vót” không dừng lại trong việc miêu tả độ cao của bầu trời mà miêu tả cả độ sâu hun hút, không cùng của vũ trụ, góp phần làm tăng thêm cảm giác rợn ngợp cho con người.

A. Đáp án

ĐỀ 15

Câu hỏi	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	A	B	C	C	A	A	D	C	C	A
Câu hỏi	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	A	A	D	B	D	A	C	B	B	C
Câu hỏi	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
Đáp án	C	D	C	C	C	A	B	C	C	D
Câu hỏi	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
Đáp án	C	B	B	D	B	D	C	C	D	B
Câu hỏi	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50
Đáp án	B	A	C	C	D	B	B	A	D	D

B. Giải thích đáp án

Câu 1

- Đáp án: A

- Hai câu thơ: “Ôi con sóng ngày xưa/ Và ngày sau vẫn thế” khẳng định

sự vĩnh hằng bất biến, khẳng định quy luật muôn đời của những con sóng. Dù là “ngày xưa” (quá khứ) hay “ngày sau” (tương lai) thì con sóng “vẫn thế” (không thay đổi)

Câu 3

- Đáp án: C

- Ý nghĩa của trật tự từ “anh – em” trong câu thơ “Em nghĩ về anh, em” là Thể hiện người con gái luôn nghĩ cho người mình yêu trước. Trong suốt bài thơ, hình tượng “em” hiện lên với những trăn trở, suy tư cho “anh” và cho tình yêu của đôi lứa.

Câu 8

- Đáp án: C

- Lời nói của Đan Thiềm: “Ông đừng mơ mộng nữa. Dân chúng nông nổi, dễ sinh tàn ác. Họ không hiểu công việc của ông” đã làm nổi bật mâu thuẫn giữa nghệ thuật và đời sống. Dân chúng đói khổ, lầm than nên họ chỉ quan tâm đến miếng cơm, manh áo. Trong khi đó, Vũ Như Tô thì lại chỉ biết đến khát vọng nghệ thuật cao cả của mình.

Câu 13

- Đáp án: D

- Đáp án D (tạp âm khiến người nghe nổi nóng) không được nhắc đến trong đoạn trích. Đáp án C được diễn đạt khác đi trong đoạn trích (suy nghĩ khó khăn). Hai đáp án còn lại đều được nói đến trực tiếp trong đoạn trích.

Câu 15

- Đáp án: D

- Trong hai đáp án A và D thì đáp án D bao quát hơn cả. Mặc dù đoạn trích có nói đến việc con người đã dùng tạp âm như một hình thức tra tấn, nhưng ý bao quát hơn vẫn là tác động của tạp âm đến đời sống con người.

Câu 17

- Đáp án: C

- Căn cứ vào nội dung thông tin trong câu văn thứ (6) thuộc đoạn văn thứ (2) của đoạn trích.

Câu 20

- Đáp án: C

- Căn cứ vào nội dung thông tin trong câu văn cuối cùng thuộc đoạn văn thứ (2) của đoạn trích.

Câu 21

- Đáp án: C (sau khi)

- Giải thích: cụm từ “sau khi” là thừa trong câu này; sự có mặt của nó trong câu làm cho ý diễn đạt bị rối, không rõ nghĩa.

Câu 23

- Đáp án: C (pha phách) – từ dùng sai phong cách

- Giải thích: “pha phách” là từ dùng trong phong cách khẩu ngữ - sinh hoạt, không phù hợp trong câu này (thuộc phong cách báo chí – công luận).

Câu 24

- Đáp án: C (Trần Hưng Đạo) – từ dùng sai về nghĩa (không phản ánh đúng hiện thực).

- Giải thích: người lãnh đạo khởi nghĩa Lam Sơn là Lê Lợi chứ không phải Trần Hưng Đạo.

Câu 25

- Đáp án: C (tung bùng nhảy múa)

- Giải thích: trong câu tiếng Việt, sau từ “trở nên” thường là một tính từ hoặc một động từ chỉ trạng thái (trở nên xinh đẹp, trở nên chán nản...) chứ không kết hợp với (cụm) động từ chỉ hoạt động như “tung bùng nhảy múa”.

Câu 27

- Đáp án: B (giẫm)

- Giải thích: “giẫm” là hành động của chân; các từ còn lại trong nhóm (véo, nắn, bóp) là hoạt động của tay.

Câu 28

- Đáp án: C (đội)

- Giải thích: “đội” là hoạt động của “đầu” (đội mũ, đội nón); các từ còn lại trong nhóm (bung, bê, đỡ) là hoạt động của “tay”.

Câu 47

- Đáp án: B

- Câu văn: “Bờ Sông Đà, bãi Sông Đà, chuồn chuồn bươm bướm trên Sông Đà” chỉ bao gồm thành phần chủ ngữ mà không có thành phần vị ngữ.

Câu 49

- Đáp án: D

Những ý kiến được bác bỏ là:

- “Có người nghĩ rằng thơ là những lời đẹp”

- Cũng không phải thơ là những đề tài “đẹp”, phong hoa tuyết nguyệt của các cụ ngày xưa, hoặc những nhớ mong sâu lụy của các chàng và nàng một thời trước Cách mạng.”

